



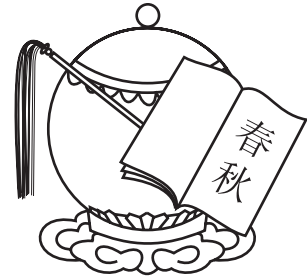
# CAO ĐÀI GIÁO LÝ



MỪNG XUÂN ĐẠO QUÝ TỶ 2013

**CHÀO ĐÓN MÙA XUÂN ĐẠO ĐỨC VĨNH CỬU  
CHỚ ĐÁNH MẮT MÙA XUÂN  
CỦA CHÍNH MÌNH  
NHỚ VỀ MỘT MÙA XUÂN CỦA TÍN  
HỮU CAO ĐÀI Ở MIỀN BẮC  
ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC CHÍ TÔN**

**117**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 117

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 117

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

## mục lục

QUAN ĐIỂM: CHỖ ĐÁNH MẮT MÙA XUÂN CỦA CHÍNH MÌNH	4
■ <i>Ban biên tập.</i>	
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO:	6
CHÀO ĐÓN MÙA XUÂN ĐẠO ĐỨC VĨNH CỬU	
■ <i>Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh Thất.</i>	
ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC CHÍ TÔN	9
■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>	
THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU	15
■ <i>Thiện Chí.</i>	
CAO ĐÀI - TÔN GIÁO TƯƠNG LAI - MÙA XUÂN CỦA NHÂN SINH	22
■ <i>Đạt Tường.</i>	
ĐỂ NẮM VỮNG CÁC YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO	28
■ <i>Thiện Quang.</i>	
THÁNH GIÁO ĐỨC LINH QUANG THỔ ĐỊA DẠY VÀO NĂM RẮN	36
■ <i>Đồng Tiến siêu tâm.</i>	
TÔN GIÁO CAO ĐÀI VỚI VẤN ĐỀ HỘI NHẬP THỜI ĐẠI	38
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
SỨ MẠNG GIEO GIỐNG	44
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
HỌC LỜI ĐỨC BÁC NHẢ THIÊN SƯ DẠY CHƯ TỊNH VIÊN:	51
TRỞ NGẠI TRONG TU TỊNH	
■ <i>Cao Triều Thiên Tâm.</i>	
XUÂN THÁI HÒA	55
■ <i>Lê Khanh.</i>	
BÀI HỌC TỪ SOÁN TRUYỆN QUÊ KIẾN VỀ CON NGƯỜI	58
■ <i>Thanh Long tổng hợp.</i>	
THÔNG CÔNG	62
■ <i>Đạt Tường.</i>	
XUÂN VỀ BIẾT LAI PHỤC CHÂN TÂM	66
■ <i>Xuân Mai.</i>	
VUI CẢNH RỪNG THIÊN	69
■ <i>Chí Thật.</i>	

NHỚ VỀ MỘT MÙA XUÂN CỦA TÍN HỮU CAO ĐÀI Ở MIỀN BẮC ■ <i>Cao Bạch Liên.</i>	73
KỶ NGUYÊN TÂM LINH THỜI ĐẠI MỚI ■ <i>Xuân Mai.</i>	77
TRANG TĐGS: GẶP GỠ GIAO LƯU VỚI NỮ TU KI TÔ GIÁO ■ <i>Tu sinh Ngô Thị Thảo.</i>	80
TÂM SỰ CÙNG CON ■ <i>Nguyễn Ngọc Chương.</i>	82
TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐỨC TIN ■ <i>Trần Văn Quyến.</i>	83
TỰ CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG HAY LÀ NHỮNG SUY NIỆM VỀ LỜI NGUYỆN HỨA HIẾN DÂNG ■ <i>Minh Trung.</i>	84
ĐÔI ĐIỀU VỀ BUỔI HỘI HỌC: “THANH THIẾU NIÊN ĐẠI ĐẠO - LÝ TƯỞNG VÀ HÀNH ĐỘNG” ■ <i>Cao Triều Thiện Tâm.</i>	86
XUÂN VỀ NHỚ NGƯỜI ANH HÙNG ÁO VÀI QUANG TRUNG KỶ NIỆM 260 NĂM NGÀY SINH (1753-2013) ■ <i>Ấu Việt Diệu.</i>	89
TỰ ĐỨC THÁNH CHẾ TỰ HỌC GIẢI NGHĨA CA ■ <i>Minh Trung.</i>	94
THƠ: GIAO CẢM ■ <i>Tu sinh Ngô Thị Thảo.</i>	95
TRANG THƠ: MỘT CHUYẾN THĂM ĐẤT BẮC ■ <i>Thiện Chí.</i>	96
XUÂN BÌNH AN ■ <i>Nguyễn Phong Hiếu.</i>	96
ĐỌC INTERNET: NĂM TỶ TẢN MẠN VỀ RẪN ■ <i>Việt Thu tổng hợp.</i>	97
SƯU TÂM CHUYỆN KỂ ■ <i>Chí Như &amp; Phong Hiếu sưu tầm.</i>	100
KIẾN THỨC DINH DƯỠNG: QUẢ ỒI THẬT SỰ LÀ MỘT KHO CHẤT DINH DƯỠNG ■ <i>Việt Thu sưu tầm.</i>	103
ĐỌC BÁO: CHUYỂN DỊCH VĂN HÓA ĐỌC TẮT YẾU CỦA LỊCH SỬ ■ <i>Thanh Long giới thiệu.</i>	105
QUANH CHUYỆN “LÌ XÌ” NGÀY TẾT BẰNG TIỀN VÀ BẰNG... CHỮ ■ <i>Văn Hạnh trích báo.</i>	108
VỌNG CỔ: ĐẠO VÀNG XUÂN ĐẾN MUÔN NƠI ■ <i>Chánh Tâm.</i>	111
THEO DÒNG ĐẠO SỰ ■ <i>Bạch Cúc.</i>	113
SỐ HÓA KINH SÁCH CAO ĐÀI TRONG THƯ VIỆN CQPTGL ■ <i>Giáo sĩ Thiện Tín.</i>	115

# *Chớ đánh mất mùa xuân của chính mình*

**T**rong thiên nhiên, mùa Xuân là cuộc lập lại chu trình sống, bởi vì đó là luật bảo tồn và tiến hóa của vũ trụ. Dù Hạ có nóng bức, Đông có giá lạnh, sức sống tiềm tàng của vạn vật vẫn duy trì để khởi phát vào Xuân.

Hoa cỏ vô tư, cứ theo sự luân chuyển của đất trời mà sinh sôi nảy nở, tô điểm sắc màu cho bốn mùa tám tiết của thiên nhiên. Đàn chim biết di trú nhờ bản năng sinh tồn tự hữu mỗi khi tiết đại hàn sắp đến.

Bản năng sinh tồn của con người cũng không khác, nhưng con người là sinh vật đã tiến hóa vượt bậc, vừa phải duy trì nấc thang làm người, tức nhân vị, vừa phải tiếp tục tiến hóa do đã thọ bẩm được Thiên tính từ thuở lọt lòng. Chính mùa Xuân luôn nhắc lại “sứ mạng” đương nhiên ấy của con người. Tuy nhiên, con người vẫn là một sinh vật, rất dễ bị bản năng lôi cuốn sống theo thú tánh.

Thú tánh trong con người, mỗi khi phát động còn ghê gớm hơn nơi thú vật nhiều, bởi trí khôn khiến nó trở nên rất xảo quyệt. Những tội ác xảy ra hằng ngày trong xã hội loài người như trước mắt chúng ta hiện nay đã chứng minh điều đó. Hãy tự hỏi nguyên nhân của những thảm trạng này.

Ởn Trên từng giải đáp:

*“Ôi! Trong bức màn vô minh có biết bao điểm linh quang chói sáng để phá tan cảnh tượng mờ ám hãi hùng. Điểm linh quang ấy không chi lạ, là chúng sanh, là chư hiền, là Thiên tánh của bản thể vũ trụ, chỉ tiếc rằng chư hiền không thiên hẳn về hằng tánh của Thượng Đế giáng sinh, nên mọi vật chất đối lập dễ dàng chiến thắng chư hiền trong khi chư hiền mang một hình thể gọi là Tiểu Thiên Địa.”<sup>1</sup>*

Con người sống bằng bản năng đơn thuần, dục vọng càng cao, càng trở nên điên loạn, mất tự chủ, bởi vì không bao giờ chịu thỏa mãn mọi dục vọng. Đã nói con người là một “Tiểu thiên địa” tức là một cấu thể hoàn hảo “âm dương chi giao, quỷ thần chi

---

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Huồn Cung Đàn, 01-8 Quý Mão, (17-7-1963).



hội”, thì làm thế nào chủ sử cái “máy trời” kỳ diệu này? Âm dương giao là thế quân bình của sự sống; quý thần hội thì lý trí và tâm linh phải dung hòa.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Hình hài thân thể này là tạm, chỉ tồn tại có mấy mươi năm rồi cũng trở về với cát bụi, mượn cái hữu thể này sống trong cảnh hữu vi. Hãy nuôi dưỡng nó, quý trọng nó và hy sinh nó cho lý tưởng cao cả, chớ đừng bắt nó phải hy sinh cho tư dục, cho ích kỷ, cho vật chất, mà phải hy sinh nó cho đại chúng, cho đạo lý, cho lẽ phải, cho mọi người. Vì nó mà ta được đời lưu niệm đúng với ý nghĩa – sống đời đáng sống – Vì nó mà ta hành tròn sứ mạng Thiên Liêng giao phó. Có như vậy ta mới không hổ thẹn với nguồn gốc truyền thống của nó.”*

Gần đây, báo chí và nhiều đoàn thể đã nêu lên một tấm gương biết tận dụng đời người trong hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt, cố vươn lên để phục vụ đại chúng. Người ta ngợi khen “hiệp sĩ Nguyễn Công Hùng”<sup>3</sup>, người bại liệt chỉ còn vận động một ngón tay, mà với ý chí và lòng

nhân ái của mình đã làm nên một sự nghiệp phi thường vì cộng đồng khuyết tật.

Ngài Đạt Lai Lạt Ma từng nói: “Chúng ta có thể sống không cần tôn giáo và thiền định, nhưng chúng ta không thể sinh tồn khi không có tình người” (“We can live without religion and meditation, but we cannot survive without human affection.” – 14th Dalai Lama, *The Wisdom of the Heart*).

Thật vậy, lòng nhân ái như khí Xuân của đất trời, cũng là lẽ sống của người có đủ lòng nhân. Nếu Công Hùng bi quan, luôn đau khổ với số phận của mình mà không có tấm lòng vị tha cao thượng thì không thể sống vui, sống hữu ích cho mọi người trong thời gian qua.

Ngược lại, những kẻ mang dục vọng chiếm đoạt sự sống, quyền sống của đồng loại là kẻ đánh mất mùa Xuân của chính mình, đồng thời cắt đứt chu trình tiến hóa của bản thân, không còn xứng đáng là chủ nhân của một “Tiểu thiên địa”.

Thế nên, ý nghĩa mùa Xuân phải là:

*Xuân là để canh tân thế đạo,  
Xuân là mầm sáng tạo tương lai,  
Thâu tàng sanh trưởng ngày ngày,  
Phục nguyên đức cả an bài vạn linh.*<sup>4</sup>■

2. Đức Đông Phương Lão Tổ, Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

3. <http://tuoitre.vn/Nhip-song-tre/528116/%E2%80%9CNgon-lua-cua-Hung-chay-mai.html>

4. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Nhâm Tuất (08-02-1982).



# Chào đón Mùa Xuân ĐẠO ĐỨC VĨNH CỬU

## ■ ĐỨC CHÍ TÔN

NAM THÀNH THÁNH THẤT, TUẤT THỜI 01—01 CANH TUẤT (06—02—1970)

THI

Sớm bể chiều non mỗi cánh dâu,  
Chẳng ham vui cũng chẳng đeo sầu,  
Thế nhân ai muốn cùng Ta đạo,  
Trong tiết xuân trời, tự tánh sâu.

**BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ.** Tiểu Thánh chào đảng đảng chư vị Thiên sắc đạo tâm lưỡng phái đàn tiên. Nhân dịp xuân về, Tiểu Thánh vâng lệnh giảng báo tin có Đức Chí Tôn giá ngự. Tiệm đây, Tiểu Thánh để một bài thơ chúc xuân mới trần gian cùng toàn Đạo.

THI

Xuân thế phò bày vạn ý thơ,  
Xuân tâm hiện tướng thuận Thiên cơ,  
Xuân hoa nở rộ vườn xuân đạo,  
Xuân cả toàn linh trọn hưởng nhờ.

Vậy chư vị thành tâm nghiêm lễ tiếp giá. Tiểu Thánh xuất ngoại ứng hầu. Thăng.

TIẾP ĐIỂN

Thầy linh hồn các con.

THI

Tâm sẵn NGỌC minh há kiếm ngoài,<sup>1</sup>  
Chuyển luân HOÀNG đạo<sup>2</sup> hiện Cao Đài,  
Chơn truyền THƯỢNG hạ<sup>3</sup> ban từ thử,<sup>4</sup>  
Sự nghiệp ĐẾ Thiên<sup>5</sup> đã định bày.  
Thầy mừng các con nam nữ hiện diện đàn tiên.<sup>6</sup>

Trong giờ xuân Canh Tuất, Thầy đến trần gian với các con, ban cho muôn loài, cho các con từ điển<sup>7</sup> để tiếp nhận một tuổi đời đầy kinh nghiệm và giác ngộ hơn. Thầy miễn lễ. Các con an tọa.

- (1) Ngọc minh: ngọc sáng, minh châu, ám chỉ chân như, Phật tính, Thượng đế tính. (2) Há: lẽ nào lại. (3) Câu thơ ý nói trong tâm sẵn ngọc sáng lẽ nào lại tìm kiếm ngọc quý ở ngoài thân. Tìm cầu chánh giác phải quay về nội tâm (bằng cách thực hành tâm pháp, nội tu, thiền, tịnh).
- Hoàng đạo: hoàng đố; con đường to tát, cao cả, tức là sứ mạng Tam kỳ Phổ độ.
- Chơn truyền thượng hạ: giáo pháp chân truyền ở mức thượng thừa và hạ thừa (cho phù hợp căn trí, trình độ chúng sanh), hiểu ngầm có cả trung thừa.
- Từ thử: từ ấy.
- Đế Thiên: Thiên đế, Vua cõi trời.
- Đàn tiên: ở trước đàn cơ.
- Từ điển: điển lành (với lòng thương yêu của Thầy).

Các con ôi! Mùa xuân, một mùa lập lại công cuộc sanh trưởng thâm tàng.<sup>8</sup> Các con hãy nghĩ lại cái gì nên bỏ và những gì nên đem theo cho cuộc hành trình sắp đến để bước đường trọn vẹn những tiến bộ và trong sạch.

Đời sống các con nơi cõi tạm<sup>9</sup> này, xét lại một kiếp người còn được những gì đó các con? Mỗi độ xuân về là mỗi lần các con tăng trưởng và cứ thế, trong khoảng thời gian này, các con làm thế nào để mang lại cho mình, cho mọi người một nghiệp dĩ khả quan, tinh tiến<sup>10</sup> để không uổng đi sự sống còn trước khi bước vào nẻo tử.

Phương pháp làm cho các con đủ năng lực và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa xuân, vì nó là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.

Vậy thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn, hầu nuôi nấng chơn tánh toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.

Không cứ phải một mùa xuân cách hạ thu đông, hai mùa xuân hoặc trăm vạn mùa xuân phát sinh vào thời gian ngắn ngủi, mà mùa nào chí những mùa nào, các con vẫn trau luyện tâm mình được tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng, thì các con tự khắc đã gần gũi với Thầy rồi đó. Nhưng Thầy là gì hồi các con?

---

8. *Sanh* (sinh) *trưởng thâm* (thu) *tàng*: thuật ngữ dưỡng sinh của Đạo gia, ứng với bốn mùa là xuân (sinh sôi), hạ (trưởng, phát triển), thu (gom bó, thâm tóm), đông (tàng bế, cất giữ).

9. Cao Đài quan niệm trần gian là *cõi tạm*, con người sinh ra ở trần gian cũng như du khách ghé qua, cho nên con người ở trần gian được Cao Đài gọi là *khách trần*. Chỗ quán người chết ở gần Tòa thánh Tây Ninh gọi là *khách đình* (nhà trạm, nhà khách cho kẻ thế tạm dừng chân khi từ già cõi trần đi sang cõi khác).

10. (1) *Nghiệp dĩ*: sự nghiệp đã gây tạo được. (2) *Khả quan*: coi được, tương đối tốt đẹp, có thể bằng lòng được. (3) *Tinh tiến* (tinh tấn): dũng mãnh và kiên trì, bền chí trong việc tu hành.

Thầy cũng dư hiểu mỗi con lớn nhỏ đều định nghĩa được Thầy và biết rõ đặc tính của Thầy. Tuy nhiên, lắm lúc sự hiểu biết bằng tri thức<sup>11</sup> ấy đã phai mờ vì phạm tâm vọng ý của các con rồi hóa ra chẳng hiểu gì hết.

Nếu các con thật hiểu được Thầy, thật hiểu với Thầy như hơi thở của các con không bao giờ quên, thì chừng ấy mới mong bắt chước theo Thầy mà hành động.

Lâu nay nhiều con đã lắm lời tán tụng<sup>12</sup> Thầy bằng bài thương yêu, rằng Thầy là Cha của sự thương yêu, bởi thương yêu mới dựng nên càn khôn thế giới. Nhưng có mấy con đi đúng lời ấy đâu!

Những sự kiện về Thầy được nêu ra như thế để các con thâm nhập vào lòng, thiết hành rất ráo chớ không phải để các con lấy nó làm tiêu ngữ<sup>13</sup> che mắt thế nhân.

Thật sự, lẽ cùng cực của Đạo là mức tuyệt đối. Hễ tuyệt đối thì không nói đến điều thương sự ghét. Song vì các con sống nơi thế gian là trường đối đãi,<sup>14</sup> thì sự từ bi bác ái được nêu lên là việc thường để răn lòng mỗi con mà thôi. Như vậy, các con được sống trong mùa xuân miên viễn,<sup>15</sup> không hạn định, không hủy bỏ theo thời gian. Ấy là xuân đạo đức. Ngày xuân năm nay, Thầy chỉ mong các con dọn sạch lòng mình để chào đón mùa xuân và phải nhớ là mùa xuân đạo đức vĩnh cửu nghe các con.

Đài khải xuân đời, cảnh vật có chi các con! Cảnh hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong

---

11. *Sự hiểu biết bằng tri thức*: sự hiểu biết do sách vở, nghe nhìn mà có (knowledge), là sự hiểu biết còn ở dạng bị phu (superficial understanding).

12. *Tán tụng*: khen ngợi.

13. *Tiêu ngữ*: lời nói ngắn gọn, dễ nhớ, dễ gây chú ý, nêu lên cho người khác biết mục đích, đường lối của một cơ sở, tổ chức, v.v... (slogan)

14. *Trường đối đãi*: cõi nhị nguyên, có âm dương, chánh tà, tốt xấu, thương ghét sướng khổ, sang hèn... đi kèm nhau thành từng cặp.

15. *Miên viễn*: lâu dài (*miên*) không dứt (*viễn*: xa xôi).



nhụy. Sao các con không vun tưới cội lành Đạo cả,<sup>16</sup> nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngồi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát?

Hỡi các con! (...) Các con là những người nối tiếp, nên hòa thuận thương yêu nhau, tiến triển trên sứ mạng Tam kỳ Phổ độ, vì quyền pháp đạo luật có nghiêm minh thì Đạo pháp mới hiển dương sáng tỏ. Ấy là con hiếu thảo của Thầy và đàn em có nghĩa với hàng Tiên bối.

Kìa, các con nhìn một gia đình nọ. Người chủ sử gia đình không phải những người trong đó tôn lên, mà chính là ông, là cha, là vị đầu não trong gia đình, thì đầu cho người đầu não ấy có khôn, có đại, có dờ, có hay đi nữa, cũng là người chủ chốt trong nhà. Bốn phận làm con, làm em trong đó phải được giữ gìn theo nề nếp mới trọn thủy trọn chung. Bởi trên thế gian này hầu hết sự vật mỗi mỗi đều có gốc, có ngọn của nó. Nếu lấy gốc bỏ ngọn thì chẳng kết quả chi, hay lấy ngọn bỏ gốc thì cũng không làm gì. Phải có đầu có đuôi, như bốn phận đạo đức của mỗi con, mỗi cấp đều phải có trước có sau đó vậy.

*Đêm xuân Thầy đến với con,  
Ít dòng tâm huyết ngòi son điểm truyền.  
Trải qua những tiết đông thiên,<sup>17</sup>  
Ngày xuân sắp đến chân liền bước sang.  
Những thoi trắng đỏ xanh vàng,  
Điểm tô thêm nét trùng hoan<sup>18</sup> cõi trần.  
Quên đi những nỗi não nằng,<sup>19</sup>  
Vai mang sứ mạng chuyên cần nghe con.  
Sơn hà bóng đã mỗi mòn,  
Bước chân Đại Đạo sắt son mỗi thời.  
Đem thân dâng hiến cho đời,  
Cứu người mê muội độ người đau thương,  
Là con biết rõ vai tuồng,  
Hiếu Thầy, trung Đạo làm gương sau này.*

16. Cả: to tát, lớn lao.

17. Đông thiên: trời mùa đông.

18. Trùng hoan: đã vui rồi (hoan) còn vui thêm nữa (trùng).

19. Não nằng: não nùng; buồn thảm, xót xa.

*Nắng mưa mỗi lúc vẫn xoay,<sup>20</sup>  
Tâm con mỗi lúc đủ đầy đức công.  
Rồi con thấy hội Hoa Long,  
Tự con đi đến đại đồng thường răn.  
Quản chi<sup>21</sup> thành bại nơi trần,  
Thăng trầm bĩ thối<sup>22</sup> tao tân<sup>23</sup> có hồi.  
Xuân lòng con đượm sắc tươi,  
Hoa lòng con nở tỏa ngời vị hương.  
Tủa bay chan khắp tình thương,  
Muôn loài vạn vật nơi trường thế gian.  
Nơi đây Thầy để ít hàng,  
Chuyển lời gửi đến trần gian con tường.<sup>24</sup>  
Từ nơi thành thị thôn hương,  
Sơn khê hà hải bốn phương hưởng cùng.  
Tuổi đời chông chất chập chùng,  
Con mau bước thẳng Đoàn cung<sup>25</sup> xế rôi.  
Mùa xuân đạo đức con ôi!*

Giờ lạnh đầu năm mới, Thầy đến với con chùng ấy thôi. Thầy ban ân chung mỗi con nam nữ lớn nhỏ đều thọ hưởng điển lành Thầy ban rải trên khắp trần gian, và Thầy cũng cho các con mỗi Thánh thất, Thánh tịnh chung quanh hay, là Thầy sẽ cho Hội đồng Tam Giáo, Tam Trấn hoạch định chương trình hành đạo để các con phát triển khả năng cứu thế độ đời.

#### THI

*Giản dị đôi lời gửi các con,  
Trần gian sứ mạng gắng lo tròn,  
Lao lung<sup>26</sup> nợ thế<sup>27</sup> vui lòng trả,  
Để rạng đạo Thầy, rạng nước non. ■*

20. Vẫn xoay: xoay vẫn, biến đổi theo lẽ tự nhiên.

21. Quản chi: sá chi, ngại chi.

22. Bĩ thối (thái): thời vận rủi ro, bế tắc, khốn khổ (bĩ) và lúc may mắn, thông suốt, sung sướng (thối).

23. Tao tân: buồn khổ (tao: buồn rầu; tân: khổ sở).

24. Tường: hiểu rõ.

25. Đoàn cung: cung Đoàn, phương tây, hướng mặt trời lặn. Câu thơ ngụ ý trời đã xế chiều, khách lữ hành phải mau chân về nhà cho khỏi lỡ bước; người tu cũng vậy, tuổi đời đã già, không thể chần chờ tìm về quê xưa vị cũ.

26. Lao lung: cảnh bó buộc về vật chất và tinh thần đến mức khổ sở.

27. Nợ thế: nợ đời.

# Đại nguyện CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO, NXB TÔN GIÁO, 2011, BÀI “CHỈ Ý THUYẾT MINH”

ĐÀN NGÀY 25—9 BÍNH TÝ, TRANG 31

## I. THÁNH GIÁO

THI

CAO thượng bốn nguyên đạo chí thành,

ĐÀI tiền chục rước đóm lương sanh;

GIÁO minh chơn lý truyền tâm pháp,

CHỦ ý vào lòng ráng luyện phan.

Thầy mừng các con. Thầy miễn lễ các con.

PHÚ

Đời cùng cuối, Phật Tiên giáng hạ, đem Đạo mẫu phổ hóa khắp Đông Tây.

Cuối hạ nguơn máy Tạo vẫn xây, nạn tiêu diệt họa tai không tránh khỏi.

Cơ dĩ định tang thương biến cải, ôi là đời sao quá đại chẳng thức lý tâm nguyên.

Phong tục đành loạn lạc giữa nghiêng, bỏ mất mối giếng của Đạo Trời là luân thường cang kỹ.

Sao mà đời không chịu gia tâm suy nghĩ, để

đặng tâm Thiên cơ cấu diệu lý mà luyện kỹ, hầu quày trở lại chỗ nguyên thủ cựu ngôi.

Để làm chi cứ mang lấy nạn khổ mãi luân hồi, Thầy dòm thấy luống chua xót đứng ngôi không yên dạ.

Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo mẫu phổ hóa độ tất cả đóm quần sanh.

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.

Dạy hết tiếng mà cơ chi con không lưu tâm kỹ chú, khươi tinh thần nghe những lời Từ Phụ nhủ khuyên con.

Dẫu méo kia Thầy nắn đúc cũng ra tròn, bởi thương trẻ nên chịu đòn mà diu dặt trẻ.

Thấy các con như gà kia lẻ mẹ, đường lúc còn bập bẹ, chít chiu nhau.

Thiệt là đời tai biến biết là bao! Lửa luyện tội thay hình đổi dạng.

Cuộc tiêu trường dinh hư bày trước mắt mà mấy ai tưởng hãn, giáo lý truyền làm lơ lảng, con cái vậy cũng đáng phạt trừng thay.

Thiệt là Thấy vì thương yêu mà chịu trăm đắng ngàn cay, chịu lòn thế hạ mình độ thế, đã nhũu mặt nhân mà biết bao là chua xót.

Đại ân xá tội tình thì các con nên trau giồi cạo gọt cho sạch lòng, lấy thuốc thần khử tiêu loài sâu mọt nó ăn ruồng trong cốt tủy ngoại bì phu.

Thấy dạy con, con giác ngộ tâm tu, tu luyện đạo, THẦY mới thể độ ra khỏi chốn âm phù về nơi Cực Lạc.

Tâm thanh tịnh thì tinh thần khai phát, nhờ chí cao thượng đạt mới cướp đặng Thiên cơ.

Sao các con ngáo ngáo ngờ ngờ, tâm trí vẫn mập mờ, làm như khờ như dại?

Lời đạo đức Thầy truyền là hoá thông chánh đại, làm thì không làm, mà canh cải cho thất lạc hồng hư đi.

Thấy thương con nên Thầy phải từ bi, chớ quyền thường phạt Thầy sợ gì không trừng trị.

Sao các con phụ phàng không biết nghĩ, lại đem Thầy nạp cho lũ quỷ ma mà chịu thiệt đổ máu rơi.

Nhưng quá lòng từ bi thương cả mọi nơi, nên phải chịu lãn lóc với đời mà dựng gậy đạo đức.

Thấy dòm thấy những hạng

người trí thức, lại toan lòng cướp giết mà hiệp bức kẻ hiền ngu.

Nếu như vậy thì đời phải chịu lờ lu, chuồng vật chất, mê tầu khí sắc tài, đành chôn nhốt trong ngục tù của ma quỷ.

Người hối hận lo tu hành mà bươn bả quày đẩu về nguyên thì, hiệp cùng Trời là đặc chí của bực thiện lương.

Trước mắt con trăm nẻo nghìn đường, chọn cho đặng một cái thẳng về chốn quê hương, khỏi lấm tà quái giáo.

Các con bị biết bao thành kiến bao quanh, những màn u minh che phủ, nào thấy tường pháp nhiệm mầu của cơ Tạo.

Bị thất tình lục dục làm mờ ám cho tinh thần lộn lạo, nên sa lục đạo chịu luân hồi.

Cả tiếng kêu bố các con ôi! Thấy là chúa tể bỏ vị ngôi xuống phạm cứu thế.

Công cực khổ, THẦY đâu có nệ, miễn sao con biết thấu cuộc giả trò đời là tẻ, nghe lời Thấy tu cho đoạt huệ mà siêu xuất cõi hư linh.

Chốn thế gian là trọng trước vật chất hữu hình, không bền vững; nó tan nát thành linh như đám mây đương nổi.

Cái xác thịt tạm thời trong một lúc thì cũng tiêu tan như áo ngoài con cõi, cõi cho rồi thiệt nông nổi vắn muôn.

THI

Muôn kiếp các con chịu lạc đường,

Thấy vậy THẦY luống động lòng thương;

Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật,

Lập đạo không thành chịu tội ương.

## II. HỌC TẬP

Trong bài này, chúng ta lần lượt triển khai học lời Đức Chí Tôn dạy.

### 1. TÌNH TRẠNG THỜI HẠ NGUƠN:

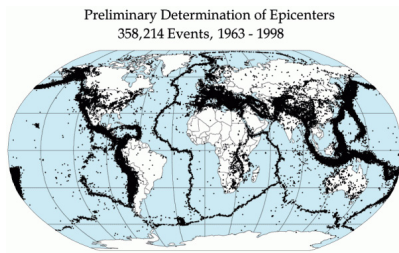
A. MÔI TRƯỜNG SỐNG (THIÊN NHIÊN) BỊ HỦY HOẠI:

“Cuối hạ nguơn máy Tạo vẫn xây, nạn tiêu diệt họa tai không tránh khỏi. Cơ dĩ định tang thương biến cải...” do con người phá hoại môi trường (phá rừng), nhiễm độc hóa chất (thuốc trừ sâu, rầy... thuốc diệt cỏ, thử nghiệm vũ khí nguyên tử...). Đây là một chu kỳ: thượng nguơn, trung nguơn, hạ nguơn. Thượng nguơn là nguơn Thánh Đức. Trung nguơn là nguơn thượng lực. Hạ nguơn là nguơn tiêu diệt, tẩy xú khai thanh để trở lại nguơn bảo tồn, lập lại đời thái bình với một chuẩn cao hơn.

1. Tang thương: tang điền là ruộng dâu; thương hải là biển sâu. “Thương hải biến vi tang điền” là thành ngữ chỉ biến hóa thành ruộng và ngược lại.



BÃO TRÊN BIỂN ĐÔNG: BÃO SƠN TINH TRÊN BIỂN ĐÔNG CHIÊU 26-10-2012. ẢNH: NEA.



BẢN ĐỒ CÓ THỂ ĐỘNG ĐẤT (1963-1998).



NÚI LỬA.



LỐC XOÁY.

## B. MÔI TRƯỜNG TÂM LINH BỊ XUỐNG CẤP

Do người hữu hình lẫn người vô hình hạ đẳng tác động hữu cơ. Thiếu các bậc chân tu hướng dẫn tinh thần cho nhân sanh. Con người không tự chịu trách nhiệm về hành động của mình. Con người xa Thượng Đế, mất nhân tính, mất nhân bản, không còn tự thương mình và thương tha nhân, thậm chí là chung một giọt máu (nạn hủy hoại mầm sống), một dòng họ, một dân tộc (nạn diệt chủng), một tôn giáo... “Phong tục đàn hờn loạn lạc giữa nghiêng, bỏ mất mối giềng của đạo Trời là luân thường cang kỷ.”

## C. HẬU QUẢ, NHÂN LOẠI BỊ Ở TRONG VÒNG XOÁY LUÂN HỒI:

Con người loanh quanh, như kiến bò miệng chậu không tìm đường ra để giải thoát “Thầy dòm thấy lưỡng chua xót đứng



DIỆT CHŨNG Ở RUANDA.

ngồi không yên dạ. Để làm chi cứ mang lấy khổ nạn mãi luân hồi.”

Hệ quả là chúng sanh tiếp tục bị ràng buộc chìm đắm trong khổ hải là luân hồi lục đạo. Điều tội nghiệp là chúng sanh ở trong nhà lửa nhưng lại thấy sung sướng nên kêu chạy ra chẳng chịu nghe. Đã không tỉnh giác mà có người lại còn mơ ngủ nữa. Ôn Trên dạy:

*Đời là mộng, mộng đi tìm mộng,*

*Sống đây là kiếp sống tri nhân;*

*Bình trần từ đây dứt lẩn,*

*Dứt luôn cái họa thế trần tranh phong.<sup>2</sup>*

## D. KHÓ TÌM NGƯỜI GIÁC NGỘ HỌC TU PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN

Sau hai kỳ Phổ Độ, còn lại chín mươi hai (92) ức nguyên

2. Lời Ôn Trên dạy tại Tâm Lý Mật Truyền.



DIỆT CHŨNG Ở KAMPUCHIA.

nhân nhưng thời nay tìm một vị giác ngộ học tu không phải dễ. “Sao mà đời không chịu gia tâm suy nghĩ, để đặng tâm Thiên cơ cầu diệu lý mà luyện kỹ, hầu quay trở lại chỗ nguyên thi cựu ngôi... Ôi là đời sao quá đại, chẳng thức lý tâm nguyên.”

## E. CÓ NGƯỜI KÊU CỨU

Các vị giác ngộ đầu tiên nhìn ra vấn đề, và khẩn nguyện đến Đức Chí Tôn: “Trần thế đầy với giọt lụy hồng, nghe than Thầy cũng động trong lòng. Nên đem chánh giáo đưa đường Phật. Độ dẫn nhân sanh đến cõi Bồng.”

## 2. ĐOẠN THỆ CỦA ĐỨC CHÍ TÔN:

### A. KÝ KẾT:

Văn bản pháp quy có công chúng:

Công khai các thoả ước là để ràng buộc các người ký cũng như đệ tam nhân:

“Nên Hội Tam giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoạn thệ.”

▪ Bên A, Đức Chí Tôn:

- *Đem đạo mẫu phổ hóa, độ tất cả đám quần sanh,*
- *(Đạo không thành) Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.*

▪ Bên B, chúng sanh:

- *Nếu các con không chịu tu hành,*

- Không bỏ dũ làm lành,
- Đạo không thành.

## 2.1. ĐẠI DIỆN NHÂN LOẠI KÝ CHUNG

Minh thệ chung giữa Đức Chí Tôn và đàn con (nhân loại) được chụp lại trong bức “Đệ tam Thiên nhân Hoà ước” – Tam Thánh ký hoà ước – do các vị: Nguyễn Bình Khiêm, Tôn Trung Sơn, Victor Hugo đại diện cho nhân loại với nội dung:

- Chủ thể của hoà ước: Thượng Đế và nhân loại.
- Nội dung hoà ước: Thương yêu và công chính.



## 2.2. KÝ RIÊNG, KÝ GIA NHẬP<sup>3</sup>

2.2.1 - NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU, VỊ ĐẤU TIÊN KÝ HOÀ ƯỚC GIA NHẬP.

Năm 1921, “Ngài đã quyết

3. Trong công pháp quốc tế, các nước lần đầu tiên ký một hiệp ước quy định về thành lập tổ chức mới, hoặc giải quyết vấn đề mới, các nước này là thành viên sáng lập. Sau đó các nước khác tiếp tục ký thêm trở thành thành viên gia nhập, để được hưởng quyền lợi và phải thi hành nghĩa vụ theo nội dung hiệp ước.

chí tu trì trường chay giới sát thì Ngài nguyện với Đức Cao Đài rằng nếu độ cho Ngài thành Đạo thì Ngài sẽ lo độ lại chúng sanh tùy theo phước đức của mỗi người.”<sup>4</sup>

Năm 1926, Đức Chí Tôn nhắc lại: “Chư đệ tử nghe: Chiêu buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mỗi đạo, diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trức. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.”<sup>5</sup>



2.2.2. CHƯ TIÊN KHAI ĐẠI ĐẠO: NGÀI LÊ VĂN TRUNG, NGÀI LÊ VĂN LỊCH...

Ngày 13-3. Bính Dần, hai Ngài Tiên Khai Đại Đạo lập minh thệ: “Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhựt và Lê Văn Lịch tự Thiên

4. “Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu (1878-1932)”, bản in lần thứ năm, 1962, tr.33.

5. “Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu (1878-1932)”, bản in lần thứ năm, 1962, tr.40.



NGÀI LÊ VĂN TRUNG.

ân là Ngọc Lịch Nguyệt thế<sup>6</sup> Hoàng Thiên Hậu thổ, trước bửu tháp Ngũ Lôì rằng làm trọn Thiên Đạo mà diu dắt cả mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế; nhứt nhứt do lệnh Thấy phân định, chẳng dám

6. Quyển Ngọc Lộ Kim Bàn dạy về lời nguyện: “Thệ nguyện là đặt làm cho tin chắc vì sợ người thành tâm chẳng bền, có trước không sau. Mới ban đầu khởi ý ra thời muốn tu chơn làm phải. Thọ lãnh cái khẩu khuyết của thầy rồi, tới chừng đôi ba năm, nếu có khổ trùng thời khởi theo việc cũ, cải bỏ đạo tâm, trở trong ý niệm, Đạo cũng chẳng tuân, Thấy cũng chẳng kể, lại trở phạm từu, sắc, tài, khí, gian dâm, trộm cướp hại người, phải đọa xuống địa ngục rất nhiều, nên phải lấy cái thệ nguyện làm tin, đặt khiến cho người vào đạo, đến sau chẳng dám nửa chừng mà thôi, có chỗ định chắc, làm thầy cũng có lòng tin mà chỉ dạy. Thì coi trước khi mấy vì Thần, Tiên cũng phải lấy chỗ nguyện làm tin mới đặt thành, nên thứ nhứt phải có thệ nguyện làm tin. Có bài kệ rằng:

Không nguyện chẳng thành Phật với Tiên,

Phật Tiên không nguyện chẳng điều hiển;

Kim lư quy lập xin cầu nguyện,

Nguyện lãnh đời chơn đến cứu Thiên.”



NGÀI LÊ VĂN LỊCH.

chuyên quyền mà lập thành tá đạo; như ngày sau có hữu tội thì thể có Ngũ Lô tru diệt.”

“Đến bàn Vi Hộ pháp thể: “Nhu ngày sau phạm Thiên điều, thể có Hộ Pháp đọa tam đồ bất năng thoát tục.””

Ngài Nguyễn Ngọc Tương và Nguyễn Ngọc Thơ là nhị vị đầu tiên thể ở tịch THANH, HƯƠNG. Đức Chí Tôn dạy:

“Con biểu Tương, Kim, Thơ thể y như buổi trước (hai vị Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch); chư môn đệ thể như buổi Thiên Phong. Con phải nhớ dặn chúng nó tịnh tâm mới đặng, vì có cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật chứng đàn.

Các con nghe tịch Đạo...

(...) Thanh là Tịch các con.

Vậy thì Tương là Thượng Tương Thanh,

Kim là Thượng Kim Thanh, Thơ là Thái Thơ Thanh. Phải dùng tên ấy mà thể.”<sup>7</sup>

7. Thánh ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.21.

8. Thánh ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.40.



NGÀI NGUYỄN NGỌC THƠ.

### 2.2.3. CHƯ MÔN ĐỆ CAO ĐÀI:

Đức Chí Tôn dạy: “Tới phiên các môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lô mà thể rằng: “Tên gì?... Họ gì?... Thể rằng: Từ đây biết một Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thời thiên tru địa lục. Tới trước bàn Hộ Pháp, cũng thể như vậy.”<sup>9</sup>

Khi hấp hối “Xét câu minh thể gởi mình cõi thặng”<sup>10</sup>, chúng ta tự kiểm lại việc tu học hành đạo suốt đời và Đức Chí Tôn

9. Thánh ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.22.

10. Kinh Thiên Đạo Thể Đạo, “Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối”.



NGÀI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG.

chấm công để ban Đạo quả tuý công quả, công trình, công phu.

### B. THỰC HIỆN

▪ Bèn A, Đức Chí Tôn:

Đức Đại Từ Phụ dùng mọi cách, mọi lúc để độ dẫn.

- Dạy hết tiếng mà cơ chi con không lưu tâm ký chú, khợi tinh thần nghe những lời Từ Phụ nhủ khuyên con.
- Dẫn méo kia Thầy nắn đức cũng ra tròn, bởi thương trẻ nên chịu đòn mà dịu dặt trẻ.

▪ Bèn B, chúng sanh:

Chúng sanh phải lo khử trừc lưu thanh, siêng năng hành pháp, làm hết sức mình rồi phần còn lại là của Đức Chí Tôn.

- Khử trừc lưu thanh: “Đại ân xá tội tình thì các con nên trau giồi cạo gọt cho sạch lòng.”
- Hành pháp: “Lấy thuốc thần khử tiêu loài sâu mọt nó ăn ruộng trong cốt tủy, ngoại bì phu.”
- Tự cứu rồi Thầy cứu:

“THẦY dạy con, con giác ngộ tâm tu, tu luyện đạo, THẦY mới thể độ ra khỏi chốn âm phù về nơi Cực Lạc.”

- Kết quả: “Tâm thanh tịnh thì tinh thần khai phát, nhờ chí cao thượng đạt mới cướp đặng Thiên cơ.”

### 3. NHÂN SANH TIẾP SỬ:

Đức Chí Tôn tiên tri về cách tiếp nhận và thực hiện của chúng sanh: giả khờ, canh cải, người cũ ăn hiệp người mới, cá không ăn muối cá ươn.

#### GIẢ KHỜ:

Biết đúng mà không chịu làm đúng là giả khờ, tu tạm thời là giả đại qua ải: “Sao các con ngáo ngáo ngơ ngơ, tâm trí vẫn mập mờ, làm như khờ như dại?” Đức Chí Tôn đã dạy:

*Tu tạm thời Phật Trời đâu chứng,  
Tu tận lực cảm ứng Thiêng Liêng.*

#### CANH CẢI:

Lời Tiên, tiếng Phật, nhứt là Thánh giáo của Đức Chí Tôn là những công thức, những quy luật khách quan tất yếu và xác định không thể thêm bớt, sửa đổi. “Lời đạo đức Thầy truyền là hoát thông chánh đại, làm thì không làm, mà canh cải cho thất lạc hỏng hư đi.”

#### NGƯỜI ĐI TRƯỚC RƯỚC KẸ THEO SAU:

Đức Chí Tôn dạy: “Thầy nhờ con đi trước rước kẻ theo sau”, chúng ta, có người không tuân theo mà còn làm ngược lại. “THẦY dòm thấy những hạng người trí thức, lại toan lòng cướp giật mà hiệp bức kẻ hiền ngu.”

#### XA THẦY, XA ĐẠO:

Đây là điều đáng buồn nhất là làm ngược lại câu “hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài”. “Sao các con phụ phàng không biết nghĩ, lại đem Thầy nạp cho lũ quỷ ma mà chịu thịt đổ máu rơi.”

#### CÁ KHÔNG ĂN MUỐI CÁ ƯƠN:

“THẦY thương con nên THẦY phải từ bi, chớ quyền thường phạt THẦY sợ gì không trừng trị.”

Hậu quả: đắm chìm khổ hải:

“Nếu như vậy thì đời phải chịu lơ lu, chuộng vật chất, mê tầu khí sắc tài, đành chôn nhốt trong ngục tù của ma quỷ.”

### 4. HỒI ĐẦU THỊ NGẠN:

#### A. CHÁNH KIẾN

Nhân sanh dùng chân trên thế lộ để hồi đầu thấy bến, khi ý thức được:

Ấn thiên: Nhập môn cầu được Đạo là một ân Thiên, tam sinh hữu hạnh, muôn kiếp khó tìm cầu “Cả tiếng kêu bớ các con ôi! THẦY là chúa tể bỏ vị ngôi xuống phàm cứu thế. Công cực khổ, THẦY đâu có nệ, miễn sao con biết thấu cuộc giả trò đời là tẻ, nghe lời THẦY tu cho đoạt huệ mà siêu xuất cõi hư linh.”

Thế gian là vô thường, nay còn mai mất nên đã nhập môn rồi thì tu mau kéo trễ “Chốn thế gian là trọng trước vật chất hữu hình, không bền vững; nó tan nát thành linh như đám mây đương nổi.”

Kiếp người là khổ: chúng ta khổ vì có cái thân, xả phú cầu bản, xả thân cầu Đạo là phương pháp thoát khổ. “Cái xác thịt tạm thời trong một lúc thì cũng tiêu tan như áo ngoài con cối, cối cho rồi thiệt nông nổi vòn muôn.”

#### B. CHỌN ĐƯỜNG ĐI

Đường về thiên đường không phải như ở thế gian “ngõ nào cũng về La Mã”, đường phải chọn là hướng thiện, hướng nội và hướng thượng mà thôi. “Trước mắt con trăm nẻo nghìn đường, chọn cho đặng một cái thẳng về chốn quê hương, khỏi lâm tà quái giáo.” “Người hối hận lo tu hành mà bươn bả quày đầu về nguyên thổ, hiệp cùng Trời là đắc chí của bực thiện lương.”

#### C. ĐỨC TIN

Tin là chấp nhận mà không cần chứng minh. Đặt trọn lòng tin nơi Đức Chí Tôn và Đại Đạo, chúng ta mới xoá được các vọng kiến do di truyền, do xã hội bao vây. “Các con bị biết bao thành kiến bao quanh, những màn u minh che phủ, nào thấy tường pháp nhiệm mầu của cơ Tạo.”

#### D. TỰ CHỦ

Chủ nhân ông quản lý được 13 gia nhân trong người và điều khiển chúng để giúp mình trên đường tu. “Bị thất tình lục dục làm mờ ám cho tinh thần lộn lạo, nên sa lục đạo chịu luân hồi.”

(XEM TIẾP TRANG 50)

# THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU<sup>(\*)</sup>

## ■ THIÊN CHÍ

Vào đệ nhất chu niên ngày khai mạc Văn phòng Phổ Thông Giáo Lý (Rằm tháng Giêng năm Bính Ngũ, (04-02-1966), Đức Chí Tôn có cho 4 câu Thánh ngôn như sau:

*Thầy mong con biết Thầy hiểu Đạo,  
Cho thế gian cải tạo thanh bình,  
Lòng Thầy thương cả chúng sanh,  
Trong tình Tạo Hóa trong tình thiên nhiên.<sup>1</sup>*

Muốn biết Thầy hiểu Đạo, chúng ta cần tìm hiểu Thầy là Đấng có những đặc tính gì, Thầy là ai? Và làm sao hiểu Đạo bên cạnh đức tin sự hiện hữu của Thượng Đế. Có biết Thầy, hiểu Đạo mới có quyết tâm góp phần phổ độ chúng sanh; hơn nữa mới biết con đường trở về với Bản thể thiêng liêng ta đã ra đi từ thuở nào...

## I. THÁNH TÔMA (THOMAS AQUINAS)<sup>2</sup> CHỨNG MINH THIÊN CHÚA HIỆN HỮU

Thánh Tôma dẫn chúng ta tới việc minh chứng sự tồn tại của Thiên Chúa qua năm cách thức (five ways) [TRONG PHÂN ĐOẠN 3 (ARTICLE 3)].

Đối với ngài (Thánh Tôma), việc Thiên Chúa tồn tại có thể được nhận ra theo năm cách thức:

1. Thiên Lý Đàn.

2. Thánh Thomas Aquinas (1224-1274) học tập tại tu viện Monte Cassino và đại học Naples. Vào năm 1244, ngài gia nhập dòng thánh Đa Minh. Thánh Thomas được coi là một trong những triết gia và thần học gia vĩ đại nhất của mọi thời đại, và được tặng tước hiệu 'Tiến Sĩ Thiên Thần.' Thánh nhân am tường khoa thần học kinh viện và có một đời sống thánh thiện sâu xa. Đức Lêô XIII đã nhận ngài làm bổn mạng các trường học Công giáo. Khi thánh nhân qua đời, bộ Tổng Luận Thần Học (Summa Theologiae) là tác phẩm bất hủ của ngài vẫn chưa hoàn tất.

(\*) Sự hiện hữu của Thượng Đế = God's omnipresence  
omnipresent adjective

/ɒm.nɪˈprez.ənt/ /,ɑːm-/ formal

Definition (Britain Dictionary): present or having an effect everywhere at the same time (Hiện hữu đồng thời khắp mọi nơi).

Thiên Chúa được thấy như “Động cơ đệ nhất”; “Nguyên nhân đệ nhất”; “Hữu thể tất yếu”; “Giá trị đệ nhất”; và “Nhà thiết kế vũ trụ”. Từ năm cách thức này, chúng ta có thể nhận thấy cách nào đó, những đặc tính (thuộc từ) mà chúng ta vẫn đang dùng để nói về Thiên Chúa như “Đấng Sáng tạo vạn vật” hay “Đấng Toàn thiện, Toàn mỹ”...<sup>3</sup>

## II. THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU THEO CAO ĐÀI ĐẠO ĐẠO

*(...) Còn bậc chơn tu tỉ như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hoá chơn thần; chơn thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoai. Ấy là Đạo. Bởi vậy một chơn thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giới; nên chi các con là Thầy, Thầy là các con.*

*Như kẻ bên Phật Giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chưởng Giáo; Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiền Viên Huỳnh Đế. Tam Hoàng Ngũ Đế (thời Cổ Đại).*

*Người gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhân biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương. Nhà Thương 1766-1122 TCN (thời Cổ Đại).*

*Người ta gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ. Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu. Nhà Chu 1122-256 TCN (thời Cổ Đại).*

*Người ta gọi Lão Tử là Tiên Tổ Giáo, thì Lão Tử cũng sanh ra đời nhà Châu. Nhà Chu 1122-256 TCN (thời Cổ Đại).*

3. Theo Học Viên Triết 2 Đa Minh Đỗ Hùng Dinh S.J  
(<http://dongten.net/noidung/14776>).



Người gọi Jésus là Thánh Đạo Chưởng Giáo, thì Jésus lại sinh nhằm đời nhà Hán. Nhà Hán 206 TCN–220 CN (thời Trung Đại, sau Xuân Thu Chiến Quốc).

Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy?

Khí Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giới này; mà nếu không có Hư vô chi khí thì không có Thầy.”<sup>4</sup>

Chúng ta suy nghiệm Thánh ngôn trên đây thấy rằng cách lập luận truy nguyên các “hiện hữu” đến một “HIỆN HỮU TẤT YẾU ĐẦU TIÊN” tương tự như lập luận của Thomas Aquinas.

### III. ĐỐI CHIẾU TỔNG HỢP

#### A. ĐỐI CHIẾU 5 CÁCH CHỨNG MINH CỦA THOMAS AQUINAS VÀ GIÁO LÝ CAO ĐÀI

(Bảng 1)

4. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, đàn ngày 13–6 Bình Dân.

### B. THƯỢNG ĐẾ HỮU NGÃ VÀ THƯỢNG ĐẾ VÔ NGÃ THEO CÁC TÔN GIÁO

(Bảng 2)

(\*) Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thái Cực là ngôi của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thầy giải thích như sau: “Khi chưa có chi trong càn khôn thế giới thì khí Hư vô sanh có một mình Thầy và ngôi của Thầy là ngôi Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương nghi, Lương nghi phân ra Tứ tượng, Tứ tượng biến Bát quái, Bát quái biến hóa vô cùng, mới lập ra càn khôn thế giới.”

(\*\*) Thái Thượng Nguơn Thi (Thánh ngôn Thầy, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn ngày 07–4–1926).

(\*\*\*) A Di Đà (zh. 阿彌陀) là danh từ phiên âm có gốc từ hai chữ trong tiếng Phạn: amitābha và amitāyus. Amitābha dịch nghĩa là “vô lượng quang” – “ánh sáng vô lượng”; amitāyus có nghĩa là “vô lượng thọ” – “thọ mệnh vô lượng”.

A Di Đà được thế gian hình tượng hóa thành vị Phật của thế giới Tây phương cực lạc, nơi chỉ có vui mà không có khổ.

Vô lượng quang biểu hiện ý nghĩa không gian vô tận, cùng khắp không gian. Vô lượng

05 CÁCH CHỨNG MINH	CÔNG NĂNG THIÊN CHÚA (Theo ThánhThomas)	CÔNG NĂNG THƯỢNG ĐẾ CAO ĐÀI
Vận động (Motion)	Động cơ đệ nhất	Thái Cực Thánh Hoàng Du hành bất tức–Oát triển vô biên
Nguyên nhân (Causation)	Nguyên nhân đệ nhất	Nãi nhựt, nguyệt, tinh, thần chi quân, Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi chủ.
Hữu thể (Existence)	Hữu thể tất yếu (Necessary existence)	Đại Linh Quang
Chí thiện (Goodness)	Giá trị đệ nhất	Đại thánh, đại nguyện, đại tạo, đại bi.
Thiết kế (Design or teleology)	Thiết kế vũ trụ	Thượng chưởng tam thập lục thiên, Tam thiên thế giới. Hạ ốc thất thập nhị địa, Tứ đại bộ châu

BẢNG 1

thọ biểu hiện thời gian vô cùng, thời gian không giới hạn. Các ý nghĩa này là muốn hiển thị Tâm linh bất nhị của Đạo Phật. Bất nhị cũng không phải là một, mà là không có số lượng. Cùng khắp không gian, cùng khắp thời gian và không có số lượng, đó mới là ý nghĩa thực sự của danh xưng A Di Đà tức là vô lượng quang, vô lượng thọ. Cùng khắp không gian, cùng khắp thời gian, không có số lượng cũng có nghĩa là không có không gian, không có thời gian, không có số lượng, đó là vì Tâm như hư không vô sở hữu hay Phật tánh bất nhị, bất biến, bất sinh bất diệt, cũng có nghĩa là Niết Bàn (Nirvana).<sup>5</sup>

(\*\*\*) Chân như (tathata) là gì? Định nghĩa tổng quát, Chân như là thực tại “bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm”, nghĩa là thực tại nguyên sơ và tối hậu, từ đó tất cả mọi thế giới hiện tượng sinh ra. Chỉ lấy một số từ ngữ trong Luận Đại Thừa Khởi Tín thì Chân như là: Tâm Chân như (đối lại với tâm sinh diệt), Pháp tánh Chân như, Như Lai tạng, Nhất tâm, Thể Đại tổng tướng của Nhất pháp giới, tánh Không, Pháp thân, Bản giác, Cứu cánh giác, cái gương như hư không, tánh giác, Tâm, Pháp giới tánh, Phật thể...<sup>6</sup>

5. (<http://duylucthien.wordpress.com/2011/02/19/d%E1%BB%A9c-ph%E1%BA%ADt-a-di-da-la-ai/>)

6. (<http://www.giacngo.vn/phathoc/luockhao/2009/04/21/5EC01B/>)

## TỔNG LUẬN

Qua những nội dung đối chiếu giáo thuyết các tôn giáo trên, người tín hữu Cao Đài có thể tự khẳng định THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU bằng những lập luận có tính hệ thống nhất quán từ hình nhi thượng đến hình nhi hạ và ngược lại.

### 1. TRƯỚC HẾT, VỀ BẢN THỂ LUẬN

Cao Đài nêu lên thực tại Hư Vô Chi Khí là Bản thể nguyên thủy: “*Khí Hư vô sanh có một Thầy (...). Nếu không có Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giới này; mà nếu không có Hư vô chi khí thì không có Thầy.*”

Ta có thể đối chiếu Bản thể Hư vô này với CHÂN NHƯ BẢN THỂ của Phật giáo:

“Suzuki, một thiền sư Nhật Bản viết: “KHÔNG là một trong những vấn đề quan trọng nhất của triết học Đại Thừa, và là chữ rắc rối nhất, khó hiểu nhất cho những người không phải là Phật Tử. “KHÔNG” không có nghĩa là tương đối, tương đãi hay là sắc tướng, hay là hư vô, hư không mà chính là Tuyệt Đối, Tuyệt Đãi, siêu việt, bất khả tư nghị. Đó chính là Chân Như Bản Thể.” (ĐT Suzuki, Manuel of Zen Buddhism, p.29. (Dẫn theo BS. Nguyễn Văn Thọ, Bản thể và hiện tượng luận [Phật giáo]).

“Như trên ta đã thấy NIẾT BÀN chính là CHÂN NHƯ BẢN THỂ, CHÂN TÂM, CĂN NGUYÊN sinh xuất

TÔN GIÁO	THƯỢNG ĐẾ HỮU NGÃ	THƯỢNG ĐẾ VÔ NGÃ
Nho giáo	Ngọc Hoàng Thượng Đế	Vô Cực – Thái Cực (*)
Lão giáo	Nguơn Thi Thiên Tôn (**)	Đạo
Phật giáo	Phật A Di Đà (***)	Chân Như Bản Thể (****)
Kitô giáo	Thiên Chúa, Chúa Cha	Ba Ngôi
Cao Đài giáo	Chí Tôn Cao Đài Ngọc Đế Thiên Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn Huyền Khung Cao Thượng Đế Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Thầy	Đại Linh Quang Chơn thần Tiên thiên hư vô chi khí

BẢNG 2

vũ trụ và cũng là CÙNG ĐÍCH cho muôn loài trở về, thì ta thấy ngay Niết Bàn chính là Chân Thể của chúng ta...” (Bs. Nguyễn Văn Thọ, SDD).

Như thế, nếu Phật giáo phủ nhận “Thượng Đế hiện hữu” mà xác tín “Chân như bản thể”, trong khi đó Cao Đài đồng hóa Bản thể “Hư vô chi khí” với “Bản thể Chân như” và Thượng Đế hiện hữu từ Hư vô chi khí, thì câu giải đáp cuối cùng có thể nói: “Chân như bản thể cũng chính là Thượng Đế.”

## 2. VỀ CƠ NGUYÊN SANH HÓA VŨ TRỤ

Từ khi vua Phục Hy (khoảng 2.800 TCN) phát minh ra Bát quái và sau đó kinh Dịch ra đời, các học giả, đạo gia đều dựa vào Dịch lý để diễn đạt cơ nguyên (mécanisme) sanh hóa vũ trụ. Ngày nay, kinh điển Cao Đài cũng dùng hệ thống Vô Cực–Thái Cực–Lưỡng nghi–Bát quái để diễn tả nguồn gốc vũ trụ vạn vật.<sup>7</sup>

Trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo, đoạn Đức Chí Tôn dạy về vũ trụ, ta thấy, từ “một khối Linh Quang” là một thực tại vô ngã, đến khi “trở thành” Thái Cực, đứng ra theo Dịch học, cũng là vô ngã. Nhưng trong đoạn kinh văn trên, trong ngữ cảnh giáo lý Đại Đạo, thực tại Thái Cực đã được hữu ngã hóa bằng những tính năng: “Chúa tể càn khôn vũ trụ”, “toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa... trọn quyền hành... hóa sanh muôn loài vạn vật”.

Trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, và

7. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo viết:

“*Đây Thấy giải về thiên: Vũ Trụ (Luận qua mấy cõi Hư Linh). Sao kêu là Vũ Trụ, các con biết chăng?*

*Khắp cả càn khôn thế giới là Vũ, cùng chỗ Vũ kêu là Trụ. Vũ nghĩa là trùm cả bốn phương và trên với dưới. Trụ cũng có nghĩa là xưa qua nay lại, nên trong chữ Vũ Trụ nó có gồm cái nghĩa cả không gian và thời gian.*

*Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông, vì đó là còn trong thời kỳ bốn nguyên vậy (...).*

*Vũ Trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành, trọn tốt, toàn tri, toàn năng, thiên biến, vạn hóa, vô tận, vô cùng, nắm trọn quyền hành, thống chưởng cả càn khôn vũ trụ, và lấy cơ thể âm dương mà phân thanh biện trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái Hư Vô đặng hóa sanh muôn loài vạn vật.”*

(ĐỨC CHÍ TÔN, ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO, ĐÀN NGÀY 23-9 BÍNH TÝ (1936) - VŨ TRỤ).

Đại Thừa Chơn Giáo, nhiều lần Ôn Trên đã khẳng định Thái Cực là nguồn gốc vạn vật với những “danh hiệu”:

THÁI CỰC ĐẠI LINH QUANG

THÁI CỰC CHỮA CHA

THÁI CỰC THÁNH HOÀNG

NGÔI THÁI CỰC

Các danh hiệu trên, đều ám chỉ NGUỒN GỐC vũ trụ vạn vật chính là Thực tại tuyệt đối, vừa hữu ngã, vừa vô ngã. mà nhiều tôn giáo độc thần gọi là THƯỢNG ĐẾ.

Như Thánh ngôn:

*Một Đức Huyền Thiên hóa vạn loài,*

*Thâu tàng, sanh trưởng, luật vẫn xoay,*

*Phật Tiên Thần Thánh đều do bởi,*

*Diệu hiệp thiên cơ ở cõi này.<sup>8</sup>*

Đó là cơ nguyên sanh hóa theo Dịch lý, nhưng theo Đạo pháp, thì Chơn thần Thượng Đế chính là nguyên thần hóa sanh từ nhân sinh đến các chủ thể thiêng liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật...:

Trong giáo lý Kitô giáo có danh từ “Thần khí Thiên Chúa”:

Theo kinh điển Kitô giáo, “Thần khí Thiên Chúa” là Chúa Thánh thần trong Thiên Chúa Ba Ngôi. Và Chúa Thánh thần vừa là chủ thể hữu ngã, vừa là vô ngã. Khái niệm này tương đồng với khái niệm Thượng Đế hữu ngã đồng thời vô ngã của giáo lý Cao Đài.

## 3. THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU THEO QUY LUẬT TIẾN HÓA

“(…) Thấy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua, Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thấy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thấy. Thấy là Hư vô chi khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.”<sup>9</sup>

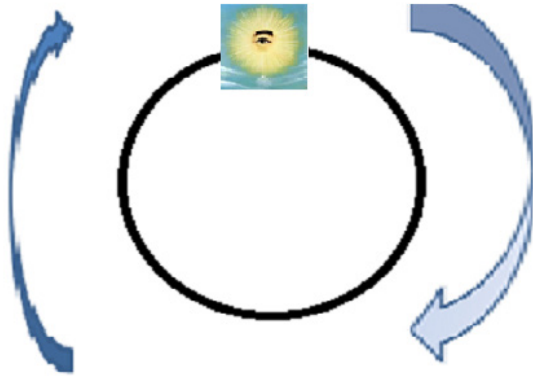
*Một sứ mạng Thấy dành hai ngõ,*

*Một ra đi, một trở lại Thấy,*

8. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 Quý Sửu (21–01–1974).

9. Đức Chí Tôn, Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

Dù cho Nam Bắc Đông Tây,  
Cổ kim nhưn vật do Thầy định phân.<sup>10</sup>



VÒNG TIẾN HÓA = MỘT RA ĐI - MỘT TRỞ VỀ.

“(...) Sự hành đạo trên trường đạo và trên  
quãng đường tiến hóa cũng thế. Từ cõi thượng  
thiên, chơn linh được xuống đến cõi hồng trần,  
trên quãng đường dài bao nhiêu lớp, nhưng cứ  
tuần tự phân bổn hoàn nguyên trên quãng đường  
ấy rồi một thời gian dài cũng sẽ đến.”<sup>11</sup>

#### CON ĐƯỜNG TIẾN HÓA THEO TRIẾT HỌC KI TÔ CỦA TEILHARD DE CHARDIN<sup>12</sup>

Alpha và Omega – Khởi đầu và tận cùng!

Thiên Chúa phán: “Ta là An-pha và Ô-mê-



LOGO ALPHA & OMEGA.

ga, là Đấng hiện có, đã có và đang đến, là Đấng  
Toàn năng.” (KH 1,8).

Alpha là mẫu tự đầu tiên trong bảng mẫu tự  
chữ cái của ngôn ngữ Hy Lạp. Còn Omega là  
mẫu tự sau cùng trong đó.

Chúa Giê su Ki tô được diễn tả là Alpha và  
Omega, có ý muốn nói lên niềm tin: Ngài là  
khởi thủy đầu tiên và cũng là sau cùng trong  
công trình tạo dựng của Thiên Chúa.

Teilhard de Chardin đã suy tư: Toàn thể  
công trình sáng tạo trong thiên nhiên tập

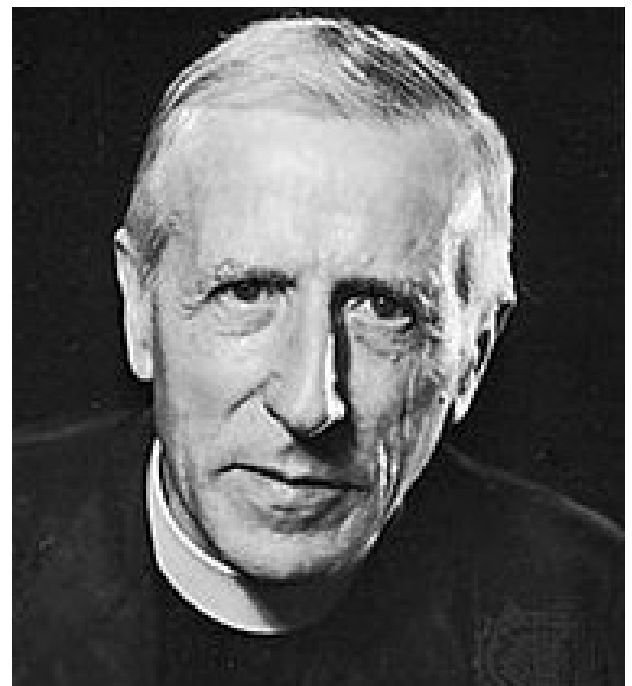
10. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12  
Quý Sửu (22-01-1974).

11. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 25-9  
Canh Tuất (04-10-1970).

12. Pierre Teilhard de Chardin SJ (tiếng Pháp: [pjɛʁ tejaʁ  
dɔ̃ ʃaʁdɛ], (01-5-1881 - 10-4-1955) là một nhà triết học  
Pháp và linh mục dòng Tên, người được đào tạo như  
một nhà cổ sinh vật học và địa chất học và đã tham gia  
vào việc phát hiện ra Piltdown Man và Bắc Kinh Man.  
Teilhard hình thành ý tưởng của các điểm Omega (tối  
đa mức độ phức tạp và ý thức hướng tới mà ông tin rằng  
vũ trụ đã tiến hóa) và phát triển khái niệm của Vladimir  
Vernadsky về Noosphere.

“Of the several sacred monograms of Christ, the Chi Rho  
is one of the most ancient. It is generally formed of the  
Greek letters chi (X) and rho (P). These are the first letters  
of the Greek word “ΧΡΙΣΤΟΣ” (pronounced Christos),  
which means “Christ”. The monogram has been styled  
in a variety of imaginative ways over the centuries. Other  
symbols are sometimes added to the monogram to call to  
mind a particular attribute of our Lord.”

Symbols In Ancient Christian Art & Architecture.



TEILHARD DE CHARDIN (1881-1955).

trung hướng đạt đến cao điểm tận cùng, và cao điểm tận cùng này không ai khác là chính Chúa Giêsu Kitô.

#### THIÊN CHÚA LÀ ALPHA VÀ OMEGA.<sup>13</sup>

Sách Khải Huyền đã từng nói: “Thiên Chúa là Alpha và là Omega, là khởi nguyên và là tận cùng.”

Trong Giáo lý Đại Đạo, hai nguyên lý “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” và “Nhất tán vạn, vạn quy nhất” bao hàm chu trình SANH HÓA và TIẾN HÓA của vũ trụ vạn vật, gọi là tuần hoàn “CHU NHI PHỤC THỈ”.

NHẤT hay MỘT là khởi đầu, là đầu tiên và là nguồn gốc của VẠN trên bán trình sanh hóa. NHẤT cũng là cứu cánh, là cùng đích trong bán trình kế tiếp để vạn vật tiến hóa trong quá trình hoàn thiện hóa, hoàn hảo hóa, đạt được các giá trị CHÂN THIÊN MỸ gọi là CON ĐƯỜNG PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN.

Vậy, NHẤT hay NGUYÊN chính là THƯỢNG ĐẾ vừa là ALPHA, vừa là OMEGA (theo Teilhard de Chardin).

#### 4. THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU QUA NGUYÊN LÝ “THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT” (TNHN)

Theo giáo lý Đại Đạo (nền tảng giáo lý Tam giáo), nguyên lý “Thiên nhân hiệp nhất” là hệ luận của nguyên lý “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế Cao Đài khai đạo bằng hệ thống Tam Đài. Trong đó Hiệp Thiên Đài là Cơ quan trung gian giữa Bát Quái Đài (Quyền thiêng liêng do Đức Chí Tôn chủ sử) và Cửu Trùng Đài (Quyền hữu hình giáo hóa chúng sanh do Hội Thánh điều hành). Tam Đài là bộ máy Thiên Nhơn hiệp nhất tối cao của Đại Đạo vậy.

• Để chỉ nhiệm vụ do Trời giao phó, Cao Đài thường dùng từ ngữ “sứ mạng (mệnh)”. Sứ = sai phái; mạng = mạng lệnh (mệnh lệnh), là chỉ thị phải làm. Trong ý nghĩa “Thiên

nhân hiệp nhất” của giáo lý Cao Đài, hai chữ “sứ mạng” thường đi đôi với 2 chữ “Thiên ân” (ân Trời).

• “Sứ mạng Thiên ân” là nhiệm vụ được Thượng Đế ban cho để thực hiện mục đích cứu độ chúng sanh. Thầy dạy:

*Ngoài ra sứ mạng vi nhân,*

*Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ.<sup>14</sup>*

Đối với Ki tô giáo, Kinh Thánh viết:

*“Thiên Chúa sai con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian nhờ con của Người mà được cứu độ.”* (GA 3, 17).

Điểm quan trọng nhất đó là Thiên Chúa làm người, để chúng ta được “*thông phần vào bản tính thần linh*” (2 Pr 1,4). Ngài làm người để con người có thể trở thành [con] Thiên Chúa. Ngài biến đổi “*sự sống tự nhiên*” của chúng ta thành “*sự sống siêu nhiên*”.<sup>15</sup>

Tóm lại:

*Thượng Đế từ trên cõi mịt mù,*

*Người đời thiên nguyên dốc lo tu,*

*Tạo cơ cảm ứng Thiên Nhơn hiệp,*

*Để có thông công, có tạc thù.<sup>16</sup>*

#### 5. THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU QUA CÁC “THÁNH THỂ CỦA NGÀI” TẠI THẾ GIAN

Cao Đài gọi các thánh thất là “Thánh thể của Thầy” vì nó bao hàm đầy đủ những cấu thể XÁC và HỒN của vũ trụ gồm Tam bửu TINH-KHÍ-THẦN (Tinh = Cửu Trùng Đài; Khí = Hiệp Thiên Đài; Thần = Bát Quái Đài).

Về phần hữu hình của nhiều tôn giáo, các nhà thờ, đền thánh, các chùa, các tượng thờ đều là biểu trưng sự hiện hữu của Đấng Tối Cao.

13. (<http://yume.vn/blt2011/article/thien-chua-la-alpha-va-omega.35D55CA2.html>)

14. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Giáp Dần (28-11-1974).

15. ([http://www.dccthaingoa.com/index.php?option=com\\_content&view=article&id=487:ti-sao-thien-chua-lam-ngi&catid=92:giao-ly-vn-ap&Itemid=233](http://www.dccthaingoa.com/index.php?option=com_content&view=article&id=487:ti-sao-thien-chua-lam-ngi&catid=92:giao-ly-vn-ap&Itemid=233))

16. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

## 6. ĐỨC TIN NƠI “THIÊN ĐẾ” (VUA TRỜI)

Thần vua của chư thần, vua của vũ trụ, của nhiều tôn giáo từ xưa của nhiều dân tộc thể hiện tín ngưỡng CÓ ĐÁNG TỐI CAO, ĐÁNG TUYỆT ĐỐI tiềm tàng trong tâm thức con người.

Thượng Đế là ai? Ngài đã được diễn tả như một nguồn sống vô ngã của muôn loài, hoặc là Đấng Tạo hóa toàn năng, hữu ngã, nhân từ. Ngài đã được gọi bằng nhiều tên, như là: Zeus, Jupiter, Brahma, Allah, Ra, Odin, Ashur, Izanagi, Viracocha, Ahura Mazda, và “Đại Tâm linh” (Great Spirit).

Một số người gọi Ngài là “Mẹ Thiên nhiên” (Mother Nature), những người khác gọi là “Cha Trời” (Father God).<sup>17</sup>

### KẾT LUẬN

*Con có thánh tâm sẽ có Thầy,  
Thầy là Cha cả của Đông Tây,  
Tây Đông dù biết hay không biết,  
Thì đức háo sanh cũng thế này.*<sup>18</sup>

Vâng, người tín hữu Cao Đài biết có Đức Thượng Đế, THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU từ khi Thiên nhân xuất hiện, từ khi Ngài gõ trên chiếc “xây bàn” ba chữ A Ằ Ầ, từ khi Ngài xưng danh “CAO ĐÀI TIÊN ÔNG”, rồi “CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT; NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT

CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG”; từ khi xưng là “THẦY” và thân nhận người môn đồ đầu tiên là Ngài Ngô Văn Chiêu tại Dương Đông Phú Quốc; từ khi được Thầy cho biết dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn để khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

*Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,  
Dụng Nam bang làm mức phóng khai,  
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,  
Năm châu, bốn bể hòa hài từ đây.*<sup>19</sup>

“Việt Nam là thời kỳ thứ ba mà cũng là thời kỳ chót Thượng Đế đến đây mở Đạo.

(...) Bao nhiêu sự nhiệm mầu cao siêu huyền bí, vì sự kiện trọng đại như vậy nên người tín đồ của Thượng Đế không phân chấp ngã nhĩ, chẳng luận sắc tóc màu da, không chia chi rẽ phái, không nhìn nhận sự chia rẽ giữa các hình thức tôn giáo, vì chỉ có một bàn tay của Thượng Đế, tùy thời kỳ, tùy trình độ địa phương, tùy duyên nghiệp, đến mở Đạo cứu đời. Người tín đồ Cao Đài luôn luôn tôn trọng các xu hướng tín ngưỡng, đem tình thương hòa đồng khắp cả mọi giới, đem thiện cảm gieo rắc mọi nơi, để người người đều nhìn nhận cái Lý duy nhất là cứu thế qua khỏi cơ tận diệt, hầu xây dựng hòa bình hạnh phúc nhân loại dưới ngưỡng cửa Đài Cao.”<sup>20</sup> ■

17. Nguồn: <http://www.allaboutgod.com/who-is-god-c.htm>.

18. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Định Tỳ (04-3-1977).

19. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Hợi (29-02-1983).

20. Đức Ngô Minh Chiêu, Nam Thành Thánh thất, 13-02 Bình Ngọc (04-3-1966).



Con ôi! Mỗi độ xuân về, lòng Mẹ như băng khuâng lo ngại. Xuân về, xuân lại đi. Con rước lấy của xuân thêm một tuổi đời chống chọi và sắp vượt qua khoảng thời gian trên đường Thiên luân trong cõi tạm. Mẹ ngại rằng, [liệu] các con có biết thời gian ấy là quý báu không, để chú trọng đến thời gian qua không bao giờ trở lại. Nếu các con không kịp ghi vào lịch sử đời hoặc đạo một điểm son nào, thì cũng chỉ là triển miên sanh trưởng thân tàng theo định luật của mọi loài trong vạn vật.

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN, THÁNH THẤT TÂN ĐỊNH, 06-01 BÌNH NGŨ (26-01-1966). ■



■ ĐẠT TƯỜNG

# CAO ĐÀI

## tôn giáo tương lai

### Mùa xuân của nhân sinh

Mùa xuân Bính Dần 1926, Đức Chí Tôn lập Đạo: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là tên gọi chính thức của Cao Đài giáo. Tên gọi đã nói lên những tính chất nhân bản và hiện đại của tôn giáo Cao Đài.

Tính nhân bản thể hiện ở hai yếu tố Đại Đạo và Phổ Độ, còn tính hiện đại thể hiện qua yếu tố Tam Kỳ trong danh xưng. Văn minh đạo đức là tính chất nhân bản hiện đại của Cao Đài giáo.

Theo dòng lịch sử nhân loại, Cao Đài giáo là một tôn giáo non trẻ chỉ vừa xuất hiện vào đầu thế kỷ 20 của thiên niên kỷ vừa qua, ở vào thời điểm khoa học kỹ thuật bắt đầu phát triển mạnh mẽ ảnh hưởng sâu rộng vào mọi nếp sinh hoạt của đời sống nhân sinh. Nhưng cũng vào giai đoạn này những mâu thuẫn giữa tâm

và vật bắt đầu lên đến cao trào tạo ra khủng hoảng mịt mờ không lối thoát mà hai cuộc thế giới đại chiến là điển hình minh chứng và tiếp theo sau đó là giai đoạn chiến tranh lạnh giữa hai khối ý thức hệ, còn hiện tại là cuộc chiến khủng bố trên toàn cầu!

Vào thời điểm đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đức Chí Tôn Thượng Đế qua linh điển đã giảng phạm đến thế gian này để thị hiện những lời tiên tri năm xưa qua các sứ giả của mình như: Thích Ca giáo và Kỳ Tô Giáo, v.v... hầu thực hiện Cơ cứu độ Kỳ Ba.

Gần 90 năm qua đi, một khoảng thời gian không dài đối với lịch sử nhân loại nhưng đây lại là khoảng thời gian có nhiều thay đổi với tốc độ chóng mặt của khoa học kỹ thuật và tiến bộ dân chủ xã hội của nhân loại. Nhưng đồng thời

thiên tai cũng dồn dập xuất hiện bởi hậu quả của việc tiêu thụ và công nghệ sản xuất trong đời sống văn minh vật chất đã tác động mạnh mẽ gây tổn hại thiên nhiên làm mất cân bằng của môi trường sinh thái đến mức số lượng chủng loài sinh vật biến mất đi trên địa cầu của chúng ta với tốc độ không ngờ! Nhiều loài động vật cách đây 50 năm số lượng trên thế giới còn hàng trăm ngàn thì ngày nay chỉ còn lại vài ngàn thậm chí vài chục cá thể trong danh sách báo động đỏ của thế giới, biết bao nhiêu loài sinh vật đã trở thành ký ức lịch sử chứ hoàn toàn không còn hiện diện trên quả đất này!

Giờ đây, trong bối cảnh xã hội với nhiều biến động to lớn như thế, chuẩn bị cho thời điểm kỷ niệm 100 năm Cao Đài giáo xuất hiện nơi địa cầu 68 này, chúng ta hãy thử nhìn lại những giá trị căn bản của nền tôn giáo mà Thượng Đế đã lựa chọn mảnh đất chữ S nơi miền Đông Nam Á này gieo trồng và ban trao sứ mạng quyền pháp cứu độ và tận độ nhân loại cho “dân Nam sứ mạng tiên phong”.

Qua giáo lý Cao Đài, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã chỉ ra:

## 1. TÍNH HIỆN ĐẠI

Tất cả các chủng tộc sắc dân đầu khác biệt về màu da sắc tóc đều là anh em với nhau, đồng là con chung của Đấng Tạo Hóa. Và tất cả các tôn giáo đầu Đông hay Tây đều xuất phát từ Thượng Đế.

*Chín Trời, mười Phật cũng là Ta,  
Truyền đạo chia ra nhánh nhóc ba;  
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,  
Thánh Tiên Phật Đạo vốn như nhà.<sup>1</sup>*

– Tính nhân bản thể hiện qua luận điểm “chúng sanh bình đẳng vì đồng bản thể linh quang với Tạo Hóa” và dung hòa tư tưởng Đông Tây kim cổ, tôn trọng mọi xu hướng tín ngưỡng tôn giáo.

*“Bởi vậy, một Chơn Thần Thầy mà sanh hóa*

1. Đức Chí Tôn, Tờ Phổ Cáo Chúng Sanh 1926, đàn Biên Hòa (23-01-1926).

*chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong Càn khôn Thế giới, nên chi, các con là Thầy, Thầy là các con.”<sup>2</sup>*

Trong xu hướng đa văn hóa của thế giới, đầu thế kỷ xx vừa qua, khi văn minh nhân loại đã dần tiến đến trình độ năm châu chung chợ, phương tiện đi lại đã được cơ khí hóa có những tiến bộ vượt bậc khiến khoảng cách không gian không còn là trở ngại cho giao lưu kinh tế, văn hóa. Và sau 100 năm phát triển khoa học kỹ thuật của thế kỷ xx vừa qua, kinh tế thế giới đã có bước tiến khá dài đủ sức đáp ứng việc đi du lịch khám phá những nền văn hóa cũ hay mới và trở thành nhu cầu của người dân ở khắp mọi miền.

Trong buổi bình minh của tiến bộ văn minh xã hội ấy của nhân loại, Cao Đài giáo ngay từ lúc mới xuất hiện đã nêu lên tư tưởng tôn trọng mọi tín ngưỡng qua nguyên lý “*Vạn Giáo Đồng Nhất Lý*”. Hành động cụ thể của người tín hữu Cao Đài là không e dè, sẵn sàng lễ bái tại bất cứ đền thờ nào với tâm tưởng kính thành và thái độ thật sự tôn trọng các Đấng Thượng đấng Thiêng Liêng qua cách ăn mặc nghiêm trang khi bước vào chỗ tôn nghiêm. Điều này chắc chắn sẽ làm cho chủ nhà tại nơi thờ phượng đó có nhiều cảm tình sâu đậm. Đức Ngô, người đệ tử Cao Đài đầu tiên đã dạy:

*“Người tín đồ Cao Đài luôn luôn tôn trọng các xu hướng tín ngưỡng, đem tình thương hòa đồng khắp cả mọi giới, đem thiện cảm gieo rắc mọi nơi, để người người đều nhìn nhận cái lý duy nhất là cứu thế qua khỏi cơ tận diệt, hầu xây dựng hòa bình hạnh phúc nhân loại dưới ngưỡng cửa Đài Cao.”<sup>3</sup>*

## 2. NHÂN BẢN ĐẠM NÉT KHI CAO ĐÀI GIÁO CỔ XÚY TƯ TƯỞNG THIÊN NHÂN HIỆP NHỨT QUA TÍN NGƯỠNG THỜ TRỜI CÙNG VỚI VIỆC THỜ CÚNG TỔ TIÊN

– Thờ cúng tổ tiên là một hình thức thể hiện nhân bản, “cây có cội, nước có nguồn”.

2. Đức Chí Tôn, Tờ Phổ Cáo Chúng Sanh 1926, đàn ngày 13-6 Bình Dân (1926).

3. Đức Ngô Đại Tiên, Nam Thành Thánh thất, 13-02 Bình Ngọc (04-3-1966).



Mỗi ngày cùng lúc với việc thắp nhang lễ bái trước Thiên bàn Đức Chí Tôn, người tín hữu Cao Đài cũng thắp nhang khấn vái trước bàn thờ tổ tiên. Đây là một hành động giáo dục nhẹ nhàng cho con cháu về nguồn cội tâm linh của mỗi người và cội nguồn của gia đình dòng tộc: nếu chưa làm sáng danh thì cũng không bao giờ làm mất danh dự của dòng họ.

– Văn hóa Cao Đài đồng thời cũng ủng hộ tín ngưỡng thờ cúng Quốc Tổ Hùng Vương.

Hàng năm, vào ngày giỗ Tổ Hùng Vương, Cao Đài giáo đều có xếp lịch cúng với kinh kệ trang trọng. Thí dụ:

*Kinh Tế Lạc Long tổ miếu:  
Lạy cầu Việt quốc Minh Vương,  
Mong ơn Thánh chỉ chiến trường tiên gia.  
Hồng Bàng tạo cảnh san hà,  
Mấy ngàn năm lệ châu sa giọt hồng...  
Hay Kinh Cúng Chư Thần Việt Nam:  
Trời Nam đất Việt cao dày,  
Hồng Bàng mở nước đến nay năm ngàn.  
(...) Từ Hồng Lạc đến trào Trần,  
Biết bao liệt sĩ Chơn nhưn độ người...*

Ngày 06-12-2012 mới đây, Hội đồng UNESCO đã chính thức công nhận “Tín ngưỡng thờ Hùng Vương” là di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam để khuyến khích các quốc gia và dân tộc noi gương truyền thống văn hóa tốt đẹp này.

Truyền thống nhân bản của tín ngưỡng Cao Đài giúp cho mỗi người ý thức về nguồn cội tâm linh của mình, của dòng họ và dân tộc. Truyền thống đạo đức này hài hòa giữa văn minh đạo đức và văn minh vật chất, vun bồi gốc rễ vững chắc cho mỗi dân tộc và đất nước.

### **3. TÂM VẬT BÌNH HÀNH, VĂN MINH ĐẠO ĐỨC SONG HÀNH CÙNG VĂN MINH KHOA HỌC**

Nhân bản trong xu hướng “*Tâm Vật bình hành*”, văn minh khoa học kỹ thuật được khuyến khích phát triển theo định hướng phục vụ cho đời sống nhân sinh.

Hiện đại vì chủ trương văn minh đạo đức

song hành cùng văn minh vật chất để tạo cân bằng cho cuộc sống con người và xã hội.

Cao Đài giáo xuất hiện vào thời điểm nhân loại vừa trải qua cuộc Đại chiến Thế giới lần thứ nhứt, mầm mống của chiến tranh Thế giới lần thứ hai đang nảy nở. Nguyên nhân căn bản là do mâu thuẫn đối kháng giữa hai nền tư tưởng dị biệt thông qua đấu tranh kinh tế giữa chủ nghĩa Tư Bản và chủ nghĩa Xã Hội. Chiến tranh là phương tiện để hai khối dục vọng va chạm và bùng nổ hầu tranh giành phần thắng về phe mình. Dầu thắng hay thua nhưng hậu quả đau thương vẫn thuộc về đa số nhân dân quần chúng!

Cao Đài với tư tưởng:

*Duy tâm, duy vật cũng con Trời,  
Hai lẽ song song để dựng đời;  
Duy vật đắp xây nền hữu tướng,  
Duy tâm thánh thiện giúp con người.<sup>4</sup>*

Tư tưởng dung hòa này sẽ chủ đạo hướng dẫn nhân loại hướng đến một cuộc sống tươi sáng hơn, loại trừ nguy cơ chiến tranh dù núp dưới bất cứ hình thức nào hay định hướng cho đời sống văn minh vật chất song hành cùng đời sống đạo đức tinh thần. Quốc gia văn minh thịnh vượng sẽ chia sẻ nâng đỡ giúp các nước kém phát triển sớm vươn lên để cùng chung sống chứ không phải cảnh đế quốc thống trị thuộc địa hay tư tưởng bá quyền, nước lớn chèn ép nước nhỏ bên cạnh. Đây là những nguyên nhân tạo ra mầm mống của chiến tranh giành độc lập về chủ quyền và lãnh thổ hay cuộc chiến tranh khùng bố đã vừa hình thành từ đầu thiên niên kỷ này, đã đánh dấu sự hiện diện phát triển của nó hơn 10 năm qua!

### **4. NHÂN BẢN VÌ LÀ TÔN GIÁO ĐẦU TIÊN ĐÃ MẠNH DẠN NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG MỌI LÃNH VỰC SINH HOẠT TÔN GIÁO**

Vượt qua định kiến hàng ngàn năm của xã

4. Đức Linh Quang Thổ Địa, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

hội phong kiến dù Đông hay Tây đối với người phụ nữ (qua việc nữ phái được phong chức sắc, quyền và nghĩa vụ giảng đạo, v.v...).

Hiện đại vì đây là cuộc cách mạng dân chủ xã hội đưa người phụ nữ đến vị trí tương đồng cùng nam giới, làm gương điển hình tiên tiến cho xã hội trông vào.

Năm 1927, khi Cao Đài giáo là tôn giáo đầu tiên trên thế giới nâng nữ phái lên hàng chức sắc trong bối cảnh đất nước đang là thuộc địa đồng thời cũng đang còn bị cai trị của vương quyền phong kiến thì đây là cuộc cách mạng về tư tưởng rất sâu sắc, đồng thời cũng là cuộc cách mạng về văn hóa đạo đức. Phụ nữ sánh vai cùng nam giới trong sứ mạng độ tận vạn linh mà trước tiên ở khía cạnh Nho tông chuyển thế, người phụ nữ sẽ góp phần giáo dục nền tảng đạo đức, nhân cách cho con em của mình trước khi các em đến tuổi được bước vào đời để học chữ cùng tri thức khoa học. Đức Mẹ có dạy:

*“(...) Hỡi các con! Điều Mẹ giải dẫn hôm nay là để các con tự xét mình hay nhìn lại bản thân và tâm trí của mình để làm một tấm gương cho mai hậu của đoàn măng non mà chính các con đã gây tạo ra... Mẹ khuyên các con phải tự giác và độ dẫn đoàn sau cũng như các con đã từng lãnh trách nhiệm trong Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Sớm biết lo thân độ lấy thân,  
Oan khiên nghiệp chướng cõi lần lần;  
Gieo mầm đạo đức cho mai hậu,  
Hột giống nguyên nhân được trồn phần.”<sup>5</sup>*

Yếu tố bình đẳng giới này được khai sinh vào giữa nửa đầu thế kỷ 20 là một tiếng sấm vang dội giữa đêm đen của tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ. Đây không chỉ là cuộc cách mạng không tiền khoáng hậu trong lòng xã hội Việt Nam mà còn là cuộc cách mạng dân chủ xã hội về tổ chức cho mọi chế độ chính trị đương đại!

---

5. Đức Mẹ; Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-10 Bính Ngọ (26-11-1966).

## **5. HIỆN ĐẠI VÀ NHÂN BẢN TRONG NGHI LỄ THỜ KÍNH THIÊN LIÊNG**

Cao Đài giáo là tôn giáo đi tiên phong trong lãnh vực bài trừ mê tín và bảo vệ môi trường.

Theo truyền thống văn hóa Á Đông, chúng ta thấy trong các lễ hội dân gian ở các đền miếu hay các lễ hội tôn giáo tại những đền chùa với không khí ngọt ngào bởi khói nhang, đèn nghi ngút. Khách hành hương ăn mặc chững chạc lắm lúc hở hang, kẻ lấn tới người xô lui trong việc dâng hiến lễ phẩm xô bồ hầu như cốt yếu để khoe sự giàu sang của cá nhân nhưng lại không thể hiện được sự thành kính trang nghiêm cần phải có nơi chốn thiêng liêng!

Còn tại các Thánh thất Cao Đài tuy cũng lễ hội, rất đông đảo người tham dự nhưng khung cảnh hoàn toàn trái ngược. Nghi lễ được tổ chức rất chặt chẽ, chỉ có người có phận sự mới được lui tới thực hiện phần nhiệm vụ, còn lại tất cả trang nghiêm nhịp nhàng lễ bái theo hiệu lệnh xướng vang của các lễ sĩ và tiếng nhịp chuông.

Cũng âm thanh đàn trống rộn ràng khi thì du dương lúc lại nhộn nhịp của nhạc lễ truyền thống dân tộc, cũng sắc tướng tam thanh với đạo phục của các chức sắc qua áo mào cân đai vàng, xanh hay đỏ trên nền trắng tinh của tập thể tín hữu, nhưng lời kinh trầm bổng theo tiếng đàn cổ nhạc dâng lên như lời Thánh ca hiến dâng Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Tất cả thể hiện một không khí trang nghiêm, trật tự đầy màu sắc văn hóa nhưng lại hết sức hiện đại về mặt tổ chức.

Người tín hữu khi bước vào Thánh thất để lễ bái, như trong những ngày Tết trở về Thánh thất lễ Thầy Mẹ, không được tự tiện thắp nhang vì Ban Cai quản đã sắp đặt người lo phần việc ấy cũng như hầu chuông cho đạo hữu lễ bái.

Về mặt môi trường, tại Thánh thất tuy vẫn có trầm hương nghi ngút để tạo ra không khí trang nghiêm cần thiết cho nghi lễ tôn giáo nhưng lại không có việc đốt giấy tiền vàng bạc vừa lãng

phí vật chất của cải xã hội vừa gây ô nhiễm môi trường trầm trọng gây tổn hại sức khỏe cộng đồng. Tất cả những ưu điểm này đã có ngay từ khi tôn giáo Cao Đài xuất hiện vào năm 1926 và được nghiêm chỉnh tự giác thực hiện, phải chăng đó cũng là một khía cạnh nhân bản nhưng không kém phần tiến bộ cho môi trường văn hóa tâm linh?

## **6. NHÂN BẢN VÀ HIỆN ĐẠI TRONG CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG MANG LẠI ÍCH LỢI CHO SỨC KHỎE CON NGƯỜI VÀ CHO MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA HÀNH TINH**

Nếp sống của các tín hữu Cao Đài dẫn dắt thời đại đi vào đời sống văn minh tôn trọng sự đa dạng sinh học, bảo vệ và tôn trọng môi trường sống của mọi sinh vật từ động vật đến thực vật. Ngày nay trước những biến đổi của khí hậu đe dọa sự phát triển bền vững của các dân tộc và quốc gia, các chính phủ trước đòi hỏi chánh đáng của nhân dân cùng quan tâm đến hậu quả của việc suy thoái môi trường sống đã phải hành động tích cực hơn trong việc bảo vệ môi trường. Các khoa học gia đã khuyến cáo mọi người cần hạn chế việc ăn thịt động vật nhút là những loại thịt đỏ như thịt bò, trâu, cừu, v.v...

Cuối thế kỷ xx, chế độ ăn uống được xem là hợp lý cho mọi người đã được các nhà dinh dưỡng khuyến cáo là nên ăn theo chế độ thực vật từ 6 cho đến 10 ngày mỗi tháng.

Khi độ dẫn người môn đệ đầu tiên là Ngài Ngô Văn Chiêu, Cao Đài Tiên Ông đã ra lệnh cho ông phải ăn chay 10 ngày mỗi tháng. Và sau đó giữa những năm của thập niên 20 thế kỷ vừa qua, các tín đồ bên phổ độ cũng được Đức Cao Đài khuyên nhủ hãy ăn chay 6 hoặc 10 ngày để lui trừ bệnh tật!

Trong bối cảnh các tín đồ Phật giáo lúc đó chỉ ăn chay từ 2 cho đến 4 ngày trong một tháng, việc luật Cao Đài buộc người tín đồ phải ăn chay tối thiểu 6 ngày mỗi tháng là một yêu cầu khá cao! Và để đúng chuẩn với Tân pháp Cao Đài, người nhập môn vào Cao

Đài giáo phải nhanh chóng thích ứng với chuẩn cấp bậc 10 ngày chay trong mỗi tháng nếu chưa có khả năng tiến lên cấp bậc 16 ngày hoặc trường chay!

Thật là kỳ lạ khi ngày nay, chúng ta thấy các nhà khoa học sau những nghiên cứu lâu dài đã đi đến kết luận khuyến khích mọi người thực hiện chế độ dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe cá nhân và có lợi cho môi trường sống lại trùng khớp với chế độ trai kỳ theo luật định của Cao Đài giáo đã nêu lên từ đầu thập niên 20 của thế kỷ trước!

Chúng ta thấy, ngày nay ở những nước tuy nghiêng về duy vật nhưng không còn phê phán người ăn chay là lạc hậu nữa!

Chế độ chay lạt của Cao Đài đã thể hiện được tính nhân bản và hiện đại dẫn dắt thời đại thật rõ nét. Trước nhu cầu sống còn của quả đất và của chính mình, việc ăn theo chế độ chay lạt của Cao Đài sẽ là xu hướng tất yếu của những con người tự nhận mình là thành phần tiên tiến của thời đại!

## **7. HIỆN ĐẠI CHO NẾP SỐNG TINH THẦN GIẢI TỎA STRESS CỦA NHỊP SỐNG CÔNG NGHIỆP**

Theo Tân Luật Cao Đài quy định từ đầu năm 1927, người tín hữu Cao Đài nào ăn chay từ 10 ngày mỗi tháng trở lên khi có nhu cầu sẽ được hướng dẫn thực hành pháp môn thiền định.

Vào đầu thế kỷ xx, đây là quy định rất thoáng của một tôn giáo Đông phương về mặt tâm pháp. Tính thân thiện với quần chúng đã thể hiện rõ khi Tân Pháp Cao Đài được đưa về gần với người tín đồ hơn, điều này đồng nghĩa với số lượng người được tiếp cận với tâm pháp để tập lần việc làm chủ bản thân, bản tâm của mình.

Ngày nay khi nếp sống công nghiệp với nhịp độ hối hả tạo nên tình trạng stress nghiêm trọng ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe thể chất của con người ở những nước đã kỹ nghệ hóa cao độ, nhịp sống của con người bị buộc phải bắt kịp theo nhịp độ vận hành của máy móc. Điều này đã gây nên

những hậu quả không ngờ như tỷ lệ người bị trầm cảm rất cao dẫn đến số người tự tử gia tăng! Như tại các nước của Cộng Đồng Âu Châu hay Nhật Bản, Hàn Quốc ở Á châu mỗi năm có mấy chục ngàn người tự tử và con số càng lúc càng gia tăng chứ chưa có dấu hiệu dừng lại!

Trong khi đó từ hơn 10 năm trước, tại những công ty của Ấn Độ hay Nhật Bản, v.v... đã thiết lập phòng tĩnh tâm thực hành Yoga hay thiền cho các kỹ sư để tạo điều kiện phục hồi năng lực sáng tạo cho các chuyên gia của mình!

Trong ngành hàng không vũ trụ, từ thập niên 80 của thế kỷ trước Liên Xô đã cử những đoàn chuyên gia sang Ấn Độ để nghiên cứu Yoga cùng phương pháp thiền định để giúp cho các phi hành gia có thể điều khiển cơ thể đi vào trạng thái “quy túc”<sup>6</sup> hầu kéo dài thời gian tồn tại với mức tiêu thụ oxy thấp nhất có thể được trong khi chờ đợi tiếp cứu nếu không may tai nạn xảy ra trong không gian!

Như vậy với những điều kiện để được thọ nhận phần Tâm Pháp Cao Đài đã được hạ xuống phù hợp với nếp sống văn minh của con người (ăn chay 10 ngày mỗi tháng) đã thể hiện tính đại ân xá trong Tam Kỳ Phổ Độ. Điều này có phản ảnh được phần nào tính thân thiện, nhân bản và hiện đại của Cao Đài giáo cách nay gần 100 năm và cũng như trong tương lai hay không? Hồi túc là đã trả lời!



Xã hội văn minh kỹ thuật cực kỳ diệu ảo hôm nay đi kèm những thách thức gay gắt với sự phát triển bền vững, đòi hỏi sự cân bằng giữa văn minh khoa học hiện đại và truyền thống văn minh đạo đức. Sự suy thoái của môi trường thiên nhiên cùng sự xuống cấp đạo đức xã hội luôn song hành cùng với lợi ích cá nhân hay lợi ích nhóm. Sự thờ ơ ích kỷ của con người với đồng loại hay đồng

bào của mình cũng như sự lạnh lùng của con người trước tình trạng kiệt quệ của môi trường sống và suy giảm yếu tố đa dạng sinh học gây nên mùa đông lạnh buốt vô cảm giữa con người với con người và giữa con người với môi trường thiên nhiên. Trong bối cảnh ấy, những tiến bộ vật chất của xã hội đi ngược lại với sự suy thoái tinh thần và đạo đức của một bộ phận nhân loại đã diễn ra từ giữa thế kỷ trước, những tư tưởng nhân bản của Cao Đài giáo đã tỏ ra rất hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hiện nay của nhân loại. Phải chăng đây là ánh sáng của ngọn đuốc soi đường cho nhân sinh trong đêm tối âm u lạnh buốt?

Mùa xuân gắn liền với đức Nguyên của Đạo Kiền mà Nguyên là đầu là lớn. Cao Đài giáo xuất hiện đã gần một thế kỷ qua từ năm Bính Dần (1926), một số điểm vừa nêu trên đã lần lượt được giới thiệu trong ba tháng đại lễ Khai Minh Đại Đạo kết tinh qua Tân Luật, được đặt trên nền tảng của Pháp Chánh Truyền, đã hoàn thành vào mùa Xuân Đinh Mão 1927. Ngày nay trước những yêu cầu bức thiết cho sự phát triển bền vững của đời sống nhân sinh và cho sự tồn sinh của con cháu mai sau, chúng ta không khỏi giật mình nhận ra từ lâu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã có những tư tưởng hiện đại và nhân bản đến như vậy! Sự xuất hiện của tư tưởng Cao Đài đã lèo lái, dẫn dắt thời đại cho cuộc sống nhân sinh đạt đến trạng thái cân bằng giữa tâm và vật đem những điều đạo đức lại gần, thân thiện với đời sống văn minh kỹ thuật. Vì thế, phải chăng Cao Đài chính là tôn giáo tương lai, là mùa Xuân của văn minh nhân loại cho hôm nay và mai sau.

*Mùa Xuân ấy Trời dành vạn vật,  
Mùa xuân là tánh chất nước non;  
Chuỗi đời trăm hạt xoay tròn,  
Xuân về xoa dịu hàn ôn chuỗi đời.*<sup>7</sup> ■

6. Quy túc: thờ như rùa, chậm tối đa khi cơ thể ở trạng thái “biến dưỡng căn bản”.

7. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

# ĐỂ NẮM VỮNG

## *các yếu điểm giáo lý Đại Đạo*

### ■ THIÊN QUANG

**H**ệ thống yếu điểm giáo lý Đại Đạo, được trình bày trong quyển sách có cùng tên [1], là kết quả của trí tuệ tập thể Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trong một nỗ lực kéo dài hai mươi năm, từ Bính Dần 1986 đến Bính Tuất 2006, nhằm xác lập nền tảng cơ bản, phổ quát và trường cửu cho toàn bộ giáo lý Đại Đạo.

Về hình thức, hệ thống yếu điểm giáo lý Đại Đạo bao gồm mười lăm “cụm nội dung” then chốt của giáo lý; mỗi cụm nội dung như vậy được “dán nhãn” bằng một tựa đề, ví dụ: tựa đề “Cao Đài”, tựa đề “Thiên Nhân”, tựa đề “Quyền Pháp”... Mỗi tựa đề như vậy được đồng nhất với một yếu điểm giáo lý. Do sự đồng nhất này, chúng ta gọi “Cao Đài”, “Thiên Nhân”, “Quyền Pháp”... là các yếu điểm giáo lý.

Thật ra, mỗi yếu điểm giáo lý Đại Đạo là một tập hợp của một số nguyên lý và khái niệm; các nguyên lý và khái niệm này không-phụ-thuộc-vào-ngôn-từ mà ta dùng để đặt tên cho chúng hoặc diễn đạt nội dung của chúng. Do đó, để nắm vững các yếu điểm giáo lý, chúng ta cần đi tìm các nguyên lý và khái niệm không-phụ-thuộc-vào-ngôn-từ.

Dĩ nhiên, ban đầu chúng ta phải tạm mượn ngôn từ. Nhưng sau đó, chúng ta sẽ bỏ đi những ngôn từ đã mượn. Mục đích của chúng ta là **NẮM VỮNG MƯỜI LĂM CỤM NỘI DUNG GIÁO LÝ KHÔNG-CÓ-NGÔN-TỪ**. Việc thoát khỏi ngôn từ sẽ không mấy khó khăn đối với bạn nếu như bạn đã từng quen sử dụng những phần mềm khác nhau trên máy vi tính

hay trên điện thoại di động; trong các phần mềm này, người ta xem ngôn từ (chẳng hạn: “File”, “Insert”, “Format”,...) chỉ là phương tiện để điều khiển hoạt động của phần mềm. Lối tư duy thoát ra khỏi ngôn từ đã trở nên phổ biến trong công nghệ thông tin, và chúng ta chỉ cần áp dụng nó một cách thích hợp vào lĩnh vực giáo lý.

### **NĂM MỨC ĐỘ “NẮM VỮNG”**

Có thể chia ra năm mức độ đối với việc nắm vững các yếu điểm giáo lý, như sau:

- Mức độ 1: Nắm tổng thể hệ thống yếu điểm giáo lý.
- Mức độ 2: Rút gọn nội dung của các yếu điểm giáo lý.
- Mức độ 3: Đào sâu vào nội dung của từng yếu điểm giáo lý.
- Mức độ 4: Vận dụng các yếu điểm giáo lý để nghiên cứu kinh điển Cao Đài.
- Mức độ 5: Vận dụng các yếu điểm giáo lý để nghiên cứu tư tưởng Đông Tây kim cổ.

Chúng ta cần đi qua ít nhất hai mức độ đầu tiên, và ở mỗi mức độ, chúng ta chỉ cần “nắm vững” các yếu điểm giáo lý đến một giới hạn nào đó mà thôi. Càng đi qua được nhiều mức độ, bạn sẽ càng nắm được các yếu điểm giáo lý một cách vững vàng và dễ dàng hơn.

### **MỨC ĐỘ 1: NẮM TỔNG THỂ HỆ THỐNG**

#### **YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ**

Ở mức độ này, tất cả những gì bạn cần nắm vững đều được ghi rõ trong bảng 1. Bảng này

thể hiện toàn bộ hệ thống yếu điểm giáo lý Đại Đạo.

Bảng này có bốn cột đứng và năm hàng ngang. Cột đầu tiên, bên trái, liệt kê tên của các phân hệ của hệ thống yếu điểm giáo lý. Bạn hãy nhìn vào cột này: từ trên xuống dưới, có tất cả năm phân hệ. Năm phân hệ đó là:

1. “Cao Đài và Đại Đạo”: giáo lý về mối liên hệ giữa đạo Cao Đài (tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) với Đại Đạo (bao gồm mọi tôn giáo thuộc mọi thời kỳ cứu độ khác);

2. “Vũ trụ”: giáo lý về vũ trụ;

3. “Con người”: giáo lý về con người<sup>1</sup>;

4. “Nhân sinh”: giáo lý về xã hội<sup>2</sup>.

5. “Phản bốn hoàn nguyên”: giáo lý về cách tu thân và hành đạo để trở về với Thượng Đế.

Bây giờ, bạn hãy xét từng phân hệ. Mỗi phân hệ đều có chứa đúng ba yếu điểm giáo lý. Các yếu điểm này được liệt kê phía bên phải và nằm trên cùng hàng với tên phân hệ.

Phân hệ “Cao Đài và Đại Đạo” có ba yếu điểm giáo lý là “Cao Đài”, “Thiên Nhân”, và “Quyền pháp”. Toàn bộ giáo lý về mối liên hệ giữa đạo Cao Đài với Đại Đạo được rút gọn về thành ba yếu điểm giáo lý này.

Phân hệ “Vũ trụ” có ba yếu điểm giáo lý là “Đạo – Thượng Đế”, “Nguyên lý Thiên Địa vạn vật nhất thể” (hay gọn hơn, “nguyên lý nhất thể”), và “Nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy

Nhất” (hay gọn hơn, “nguyên lý tán tụ”). Đây là ba nội dung giáo lý cơ bản, phổ quát và trường cửu đối với toàn bộ giáo lý về vũ trụ.

Phân hệ “Con người” có ba yếu điểm giáo lý là “Tam Tài đồng đẳng”, “Sứ mạng vi nhân”, và “Thiên Nhân hiệp nhất”. Đây là ba nội dung giáo lý cơ bản, phổ quát và trường cửu đối với toàn bộ giáo lý về cá thể con người.

Phân hệ “Nhân sinh” có ba yếu điểm giáo lý là “Nhân bản”, “Nhân hòa”, và “Đại đồng”. Đây là ba nội dung giáo lý cơ bản, phổ quát và trường cửu đối với toàn bộ giáo lý về xã hội con người, về tập thể con người, về cộng đồng con người.

Phân hệ “Phản bốn hoàn nguyên” có ba yếu điểm giáo lý là “Sứ mạng đại thừa”, “Tánh mạng song tu”, và “Đạo pháp tổng quát”. Đây là ba nội dung giáo lý cơ bản, phổ quát và trường cửu đối với toàn bộ giáo lý về cách thức tu thân và hành đạo để trở về với Thượng Đế.

Hệ thống này chứa tổng cộng mười lăm yếu điểm giáo lý. Chúng chứa đựng các nguyên lý và khái niệm cơ bản, phổ quát và trường cửu của toàn bộ giáo lý Đại Đạo.

Vậy là xong. Bây giờ, bạn hãy tự vẽ lại bảng 1 trên một tờ giấy trắng. Nếu bạn có thể điền đúng tên các phân hệ và tựa đề các yếu điểm giáo lý, thì bạn đã nắm vững toàn hệ thống yếu điểm giáo lý ở mức độ 1.

1. Chữ “con người” ở đây chủ yếu có nghĩa là “cá thể người” (hay “cá nhân”) hơn là “tập thể người” (hay “xã hội”).

2. Chữ “nhân sinh” ở đây có nghĩa là “xã hội” hơn là “cá nhân”.

## MỨC ĐỘ 2: TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA CÁC YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ

Ở mức độ 2, chúng ta sẽ tóm tắt nội dung của

Cao Đài và Đại Đạo	Cao Đài	Thiên Nhân	Quyền pháp
Vũ trụ	Đạo – Thượng Đế	Nguyên lý Thiên Địa vạn vật nhất thể	Nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất
Con người	Tam tài đồng đẳng	Sứ mạng vi nhân	Thiên nhân hiệp nhất
Nhân sinh	Nhân bản	Nhân hòa	Đại đồng
Phản bốn hoàn nguyên	Sứ mạng đại thừa	Tánh mạng song tu	Đạo pháp tổng quát

BẢNG 1: HỆ THỐNG YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.

mỗi yếu điểm giáo lý thành một câu hoặc một cụm từ. Để thực hiện được điều này, bạn cần đọc hết nội dung của từng yếu điểm giáo lý. Nếu gặp những từ, ngữ, câu, đoạn,... khó hiểu, bạn hãy tạm thời chưa quan tâm đến. Thay vào đó, bạn nên tập trung sự chú ý đến phần mở đầu, phần kết luận và dàn bài của mỗi yếu điểm giáo lý, vì chúng chứa đựng khá nhiều thông tin về nội dung chính.

Mỗi người có thể viết ra một câu văn hoặc một cụm từ khác nhau. Đó là chuyện bình thường. Điều quan trọng là các cụm từ hoặc câu văn mà bạn dùng để tóm tắt một yếu điểm giáo lý phải chứa đựng được ít nhất một nội dung then chốt của yếu điểm giáo lý ấy. Chúng ta không cần cố gắng tạo ra cái gọi là “sự tóm tắt thật đầy đủ” bằng cách ôm đồm quá nhiều chi tiết; các chi tiết luôn có khuynh hướng che mất nội dung then chốt.

Xin bạn chú ý rằng chúng ta tóm tắt nội dung chứ không tóm tắt những từ ngữ. Vì vậy, bạn không nhất thiết phải sử dụng lại các thuật ngữ như trong quyển “Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo”. Bạn hãy tự do trong việc diễn đạt lại nội dung thu gọn của từng yếu điểm giáo lý theo cách hiểu và cách nói của mình.

Bảng 2 là một ví dụ cho việc tóm tắt nội dung của các yếu điểm giáo lý. Theo thứ tự từ trên xuống dưới, mười làm yếu điểm giáo lý được sắp

xếp theo phân hệ của chúng, và bên cạnh mỗi yếu điểm giáo lý là nội dung đã được tóm tắt.

Theo bảng này, chẳng hạn, toàn bộ nội dung của yếu điểm giáo lý “Cao Đài” nói về “Đấng cứu độ mà mỗi người và mỗi vật đều tự có và luôn có trong chính mình”, còn toàn bộ nội dung của yếu điểm giáo lý “Sứ mạng đại thừa” nói về “Sứ mạng tự độ và độ tha (tức là tự cứu độ lấy mình và cứu độ người khác) trên cả phương diện nhân sinh lẫn phương diện tâm linh.”

Nếu vì lý do nào đó, bạn chưa thể tự tóm tắt nội dung của các yếu điểm giáo lý, hãy tạm sử dụng bảng 2 cho đến khi nào bạn xây dựng được một bảng giống như vậy cho mình.

Khi đọc nội dung tóm tắt của mỗi yếu điểm giáo lý, phần đông người đọc có thể thắc mắc về lý do dẫn đến cụm từ hoặc câu văn được dùng để tóm tắt. Trong bảng 2, ví dụ, tại sao yếu điểm “Cao Đài” lại được tóm tắt là “Đấng cứu độ mà mỗi người và mỗi vật đều tự có và luôn có trong chính mình”? Câu trả lời sẽ được đưa ra ở mức độ 3. Còn hiện giờ, mức độ 2 chỉ đòi hỏi đưa ra cho được nội dung tóm tắt mà chưa cần đưa ra lời giải thích.

Cách làm này giúp bạn tự nắm được những nội dung vừa quan trọng vừa dễ hiểu đối với chính bạn. Chỉ cần bạn nắm thật vững điều mà bạn cho là dễ hiểu nhất, chẳng bao lâu, bạn sẽ thấy mình “bỗng nhiên” hiểu thêm được rất nhiều điều khác có liên quan.

PHÂN HỆ	YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ	NỘI DUNG TÓM TẮT
CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO	Cao Đài	Cao Đài là Đấng cứu độ mà mỗi người và mỗi vật đều tự có và luôn có trong chính mình.
	Thiên Nhân	Thiên nhân là Trời mà tự Ta thực chứng được bằng những nỗ lực để đạt đến chí chân, chí thiện, chí mỹ.
	Quyền pháp	Quyền pháp là cách thức để mỗi người, mỗi vật phát huy mọi tiềm năng (mà mình đã được Thượng Đế phó thác cho) nhằm cách tân bản thân và thế giới.

<b>VŨ TRỤ</b>	Đạo – Thượng Đế	Đạo là cái “chính mình”; Thượng Đế là Đấng ngự trong tâm mình.
	Nguyên lý Thiên Địa vạn vật nhất thể	Mọi cái Có đều có cùng một bản thể là Đạo.
	Nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất	Cái Một sáng tạo ra cái Nhiều; cái Nhiều tiến hóa thành cái Một.
<b>CON NGƯỜI</b>	Tam tài đồng đẳng	Ba ngôi của Thượng Đế – Trời, Đất, Người – đóng vai trò quan trọng như nhau trong mọi quá trình tạo hóa và tiến hóa.
	Sứ mạng vi nhân	Mỗi người được sinh ra trong cõi đời này đều có một sứ mạng xây dựng cõi đời.
	Thiên nhân hiệp nhất	Sự kết hợp giữa người với Trời tạo thành một quyền năng cho phép thực hiện mọi sứ mạng trong cõi đời này.
<b>NHÂN SINH</b>	Nhân bản	Nhân bản là bản tánh của một cá nhân, được thể hiện thành tinh thần và hành động vong kỷ vị tha trong xã hội.
	Nhân hòa	Nhân hòa là sự phát huy nhân bản trong một xã hội đến mức cùng cực, nhằm đem lại an lạc và tiến bộ cho xã hội ấy.
	Đại đồng	Đại đồng là nhân hòa ở phạm vi toàn nhân loại, sao cho mọi cá nhân và xã hội đều được thụ hưởng bình đẳng tất cả những gì Tạo Hóa đã ban cho nhân loại.
<b>PHẢN BỔN HOÀN NGUYÊN</b>	Sứ mạng đại thừa	Sứ mạng đại thừa là tự độ và độ tha (tự cứu độ lấy mình và cứu độ người khác) trên cả phương diện nhân sinh lẫn phương diện tâm linh.
	Tánh mạng song tu	Tánh mạng song tu là pháp môn vừa tu tánh (luyện thần) vừa tu mạng (luyện khí và luyện tinh, mà chủ yếu là luyện khí).
	Đạo pháp tổng quát	Nguyên lý tổng quát của đạo pháp là: hướng vào nội tâm, chủ sử tình thức, bảo dưỡng thân tâm, tô bồi đức hạnh.

**BẢNG 2: NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.**



**MỨC ĐỘ 3: ĐÀO SÂU HƠN VÀO NỘI DUNG CỦA TỪNG YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ**

Từ nội dung đã tóm tắt ở mức độ 2, bước sang mức độ này, bạn sẽ đào sâu hơn vào mỗi yếu tố điểm giáo lý. Hãy bắt đầu việc đào sâu bằng cách trả lời cho câu hỏi: dựa vào đâu mà bạn tóm tắt nội dung yếu tố điểm giáo lý như đã làm ở mức độ 2?

Ví dụ, với yếu tố điểm “Cao Đài”, ở mức độ 2 chúng ta đã tóm tắt như sau: “Cao Đài là Đấng cứu độ mà mỗi người và mỗi vật đều tự có và luôn có trong chính mình.” Bây giờ, bước sang mức độ 3, chúng ta cần trả lời cho câu hỏi: dựa vào đâu mà tóm tắt như vậy. Bảng 3 trình bày câu trả lời tương ứng của ví dụ này ở phần “nội dung đào sâu”.

Có nhiều cách để đào sâu vào nội dung của các yếu tố điểm giáo lý. Đào sâu bằng cách trả lời cho câu hỏi về lý do của những gì đã được tóm tắt ở mức độ 2 chỉ là một cách làm. Bạn có thể

thực hiện những cách khác. Điều quan trọng là khi đào sâu, chúng ta phải tìm các nguyên lý chứ không tìm những từ ngữ. Các nguyên lý này phải độc lập với mọi khả năng diễn đạt của từ ngữ; có nghĩa là, dù bạn diễn đạt các nguyên lý bằng những ngôn từ nào đi nữa, nội dung của các nguyên lý về cơ bản vẫn không thay đổi.

Kết thúc mức độ 3, chúng ta cần nắm được các nguyên lý của giáo lý Đại Đạo. Khi đó, chúng ta có thể bước qua mức độ kế tiếp.

**MỨC ĐỘ 4: VẬN DỤNG CÁC YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐỂ NGHIÊN CỨU KINH ĐIỂN CAO ĐÀI**

Sức mạnh chủ yếu của hệ thống yếu tố điểm giáo lý nằm ở tính hệ thống, tính cơ bản, tính phổ quát và tính trường cửu của các yếu tố điểm giáo lý. Việc nắm vững các yếu tố điểm giáo lý ở ba mức độ vừa nêu sẽ giúp bạn khai thác được sức mạnh này, và do đó, đem đến cho bạn rất nhiều thuận lợi khi nghiên cứu kinh điển Cao Đài.

<b>YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ</b>	Cao Đài
<b>NỘI DUNG TÓM TẮT</b>	Cao Đài là Đấng cứu độ mà mỗi người và mỗi vật đều tự có và luôn có trong chính mình.
<b>NỘI DUNG ĐÀO SÂU</b>	<p>Cao Đài là cái đài cao. Đó là một hình ảnh được dùng để ẩn dụ cho cấu tạo chung của mọi vật trong vũ trụ: bất cứ vật nào cũng đều được cấu tạo từ trời đất, tức là từ tâm linh (trời) và vật chất (đất). Phần vật chất của mỗi vật được xây dựng theo một cấu trúc phân tầng<sup>+</sup>, còn phần tâm linh của mỗi vật chứa đựng một nguyên lý thúc đẩy vật đó tự phát huy chính mình và vượt lên trên mọi trở ngại để tiến hóa. Như vậy, Cao Đài là trời đất trong mỗi vật. Và nhờ có Cao Đài, tức là có trời đất, mà chúng sanh có thể vươn lên để dần dần đạt đến sự cao cả tuyệt đối trong vũ trụ: trở thành Phật, thành Trời.</p> <p>Với nghĩa đó, Cao Đài là một Đấng cứu độ mà mỗi người và mỗi vật đều tự có và luôn có trong chính mình. Trong thời kỳ phổ độ lần thứ ba này, Đức Thượng Đế xưng danh là “Cao Đài” và nên đạo mà Ngài lập nên cũng mang tên “Cao Đài”; đó chính là để đánh thức Đấng cứu độ vốn có trong mỗi con người. Con người muốn thoát ra khỏi biển khổ và trở về cõi thiêng liêng hằng sống thì phải tìm đến Đấng cứu độ ấy nơi bản thân.</p>

**BẢNG 3: ĐÀO SÂU VÀO YẾU ĐIỂM “CAO ĐÀI”.**

<sup>+</sup> Ví dụ về cấu trúc phân tầng: cơ thể sinh vật được cấu tạo từ các cơ quan sinh học; cơ quan sinh học được cấu tạo từ các mô; mô được cấu tạo từ tế bào; tế bào được cấu tạo từ phân tử; phân tử được cấu tạo từ nguyên tử; nguyên tử được cấu tạo từ các hạt cơ bản.

Ở mức độ 4, chúng ta sẽ chủ động vận dụng hệ thống yếu điểm giáo lý để nghiên cứu kinh điển Cao Đài, đặc biệt là nghiên cứu thánh ngôn thánh giáo và giải quyết những thắc mắc về đạo lý mà bản thân chúng ta hoặc nhân sanh có thể gặp phải.

Có những vấn đề mà chúng ta sẽ không thể giải quyết được nếu không vận dụng được các yếu điểm giáo lý. Ví dụ, có ý kiến cho rằng: “toàn bộ giáo lý Cao Đài nằm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển”. Chung quanh ý kiến này, số người đồng ý cũng nhiều như số người không đồng ý. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là: dựa trên cơ sở khách quan nào để đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến đó?

Ví dụ trên đây nêu ra một (trong những) vấn đề đã từng gây ra những cuộc tranh luận bất tận; và cả hai phía trong mọi cuộc tranh luận như vậy đều thiếu những cơ sở khách quan. Nếu không có hệ thống yếu điểm giáo lý, người đạo Cao Đài khó có thể giải quyết được những vấn đề như vậy.

Một khi đã nắm vững hệ thống yếu điểm giáo lý ở các mức độ 1, 2 và 3, bạn chỉ việc nghiên cứu từng bài một trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển [2] và tìm sự hiện diện của các yếu điểm giáo lý trong mỗi bài. Chẳng hạn như bài thánh ngôn dạy về “thủ cơ – chấp bút”:

*“Nhu chấp cơ mà mê, thì Chơn Thần ra trọn vẹn khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo; Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra ngoài (...) Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho Thần con bất định một lát, cho Thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt, mới thấu đáo càn khôn, tinh thông vạn vật đặng.”*<sup>3</sup>

Bài Thánh ngôn này chứa đựng các yếu điểm giáo lý về con người, trong đó có yếu điểm “Thiên Nhân hiệp nhất”, qua lời dạy “ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp

nhứt, mới thấu đáo càn khôn, tinh thông vạn vật đặng.”

Lần lượt thực hiện như vậy cho tất cả các bài trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, bạn có thể tự rút ra một kết luận có cơ sở khách quan và vững chắc. Nếu cả mười lăm yếu điểm giáo lý đều có mặt trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, thì ý kiến “toàn bộ giáo lý Cao Đài nằm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển” là đúng.

Cách làm này vừa đơn giản, vừa có hiệu quả cao. Với cùng một cách làm như thế này, bạn có thể giải quyết bài toán tổng quát hơn: xem xét tính đúng đắn của mệnh đề “toàn bộ giáo lý Cao Đài nằm trong quyển x”, trong đó, x là tên bất kỳ quyển kinh, sách nào của đạo Cao Đài.

Hệ thống yếu điểm giáo lý Đại Đạo có một ưu thế rất lớn trong việc giải quyết những vấn đề thuộc về nền tảng của giáo lý Cao Đài. Không những thế, những nguyên lý của hệ thống này cũng giúp chúng ta rất nhiều trong việc tìm hiểu và nghiên cứu các hệ tư tưởng khác. Chúng ta có thể thấy rõ được điều này khi chuyển sang mức độ tiếp theo.

## **MỨC ĐỘ 5: VẬN DỤNG CÁC YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐỂ NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG ĐÔNG TÂY KIM CỔ**

Những nội dung giáo lý cơ bản, phổ quát và trường cửu trong hệ thống yếu điểm giáo lý Đại Đạo thật sự là bộ “chìa khóa” vạn năng giúp bạn mở được nhiều cánh cửa của kho tàng kinh điển Đông Tây kim cổ. Để làm ví dụ, chúng ta hãy vận dụng các yếu điểm giáo lý để nghiên cứu một tư tưởng nổi tiếng của triết gia Nietzsche [3]: tư tưởng về “Ý chí Hùng tráng”<sup>4</sup>.

Theo Nietzsche, vũ trụ và vạn vật đều có Ý chí Hùng tráng bên trong mình, ý chí đó thúc đẩy mỗi vật tự vươn lên để trở thành một chủ nhân ông có quyền lực trong mọi phạm vi mà

3. Tòa Thánh Tây Ninh, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.1), tr.6.

4. Nguyên văn tiếng Đức: “Der Wille zur Macht”. Bản dịch tiếng Anh: “The Will to Power”. Bản dịch tiếng Pháp: “La Volonté de Puissance”.

mình có thể ảnh hưởng đến. Nhìn từ bên trong – Nietzsche nói – vũ trụ được quy định bởi một đặc tính trí tuệ của nó, và đặc tính ấy không phải là cái gì khác hơn Ý Chí Hùng Tráng<sup>5</sup>. Do Ý chí Hùng tráng, mọi vật đều khao khát làm chủ, cố gắng chiến thắng những gì kháng cự lại sự phát triển của nó. Khuynh hướng này đặc biệt được thể hiện ở những tạo vật có sự sống. “Bất cứ nơi nào ta tìm thấy một sinh vật, nơi đó ta tìm thấy Ý chí Hùng tráng.”<sup>6</sup> Nhờ đó, vạn vật mới vượt qua được những nguy cơ diệt vong để tồn tại và phát triển.

Theo mạch tư tưởng đó của Nietzsche, con người chỉ hơn vạn vật ở khả năng phát huy Ý chí Hùng tráng. Dưới hình thức này hay hình thức khác, mỗi cá nhân và tập thể đều có một cách bộc lộ Ý chí Hùng tráng của riêng mình. Sự bộc lộ Ý chí Hùng tráng ở những mức độ khác nhau tạo nên những giá trị khác nhau trong đời sống<sup>7</sup>.

Khi sử dụng hệ thống yếu điểm giáo lý Đại Đạo để nghiên cứu tư tưởng về “Ý chí Hùng tráng” của Nietzsche, chúng tôi nhận ra rằng tư tưởng này là một triển khai triết học của yếu điểm giáo lý “Quyền Pháp”. Nếu bỏ qua những ngôn từ cực đoan của Nietzsche, khái niệm “Ý chí Hùng tráng” không những là một phần quan trọng mà còn là một hòa điệu của khái niệm “Quyền Pháp”.

Khi đưa ra khái niệm Quyền Pháp, đức Lý Giáo Tông dạy [4]:

*“Hãy nhìn xem quả trứng gà, chú hiền đệ muội sẽ thấy những gì?”*

*(...) Điểm quyền pháp ở đây là cái ngòi của quả trứng. Những cái ngoại thức, nội tại có đủ, nếu cái ngòi thật tốt thì quả trứng gà sẽ biến thành con gà sau một thời gian nào đó. Trái lại, nếu không có điểm quyền pháp của Thượng Đế ban, dầu có đủ điều kiện, quả trứng vẫn hư hoại.*

5. F. Challaye, Nietzsche – Cuộc Đời và Triết Lý, tr.128.

6. Nietzsche, Thus Spake Zarathustra, XXXIV, Self-Surpassing.

7. F. Challaye, Nietzsche – Cuộc Đời và Triết Lý, tr.139.

*(...) Đó là một thí dụ nhỏ của quả trứng.*

*(...) Một thí dụ khác: một tòa lâu đài to tát; đó là một sở vật thực tại đẹp đẽ. Vì không có quyền pháp, cũng như cái quả trứng không ngòi, do đó, trứng sẽ hư hoại, lâu đài sẽ sụp đổ trong thời gian, dầu có muốn hay dầu không có muốn.”<sup>8</sup>*

Đức Lý Giáo Tông, trong đoạn Thánh giáo trên đây, đã giải thích khái niệm “Quyền Pháp” bằng một khả năng tự vươn lên, vượt qua khỏi tình trạng thụ động để trở nên ngày càng chủ động. Những vật không có khả năng đó, như tòa lâu đài, dù có đồ sộ đến đâu cũng sẽ bị hủy diệt theo thời gian. Ngược lại, nếu có khả năng đó, dù một vật rất nhỏ cũng có khả năng sinh tồn và phát triển.

Khả năng đó của vạn vật, tức là “quyền pháp”, đã được Nietzsche gọi là “Der Wille zur Macht”; danh từ này được các học giả Việt Nam dịch là “Ý chí Hùng tráng”, “Ý chí Hùng cường”, “Ý chí Hùng dũng”... Ý chí đó thúc đẩy từ trong mỗi vật, buộc mỗi vật vươn không ngừng đến sự chủ động, nhằm đạt đến trạng thái tinh thần mà Nietzsche gọi là “chủ nhân”. Bằng thuật ngữ này, Nietzsche bảo, con người phải vươn lên để trở thành chủ nhân của thế giới tự nhiên, chủ nhân của những dự vọng và những bản năng nơi chính mình.

Điều mà Nietzsche đã nói được, đó là quyền pháp hiện diện trong mỗi vật như một sức mạnh thôi thúc vật ấy vượt qua mọi trở ngại, tiến hóa theo chiều hướng bộc lộ chủ thể tính, bộc lộ quyền năng và sự sống càng lúc càng rõ rệt. Còn điều mà Nietzsche chưa nói được là vai trò của quyền pháp trong sự cứu độ.

Chúng tôi vừa nêu một ví dụ để minh họa cho việc vận dụng các yếu điểm giáo lý để nghiên cứu tư tưởng Đông Tây kim cổ. Các nghiên cứu như vậy có thể đem đến nhiều lợi ích khác nhau, mà trong số đó, có thể kể đến các lợi ích: (1) đối

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thánh Giáo Sư Tập năm Mậu Thân – Kỷ Dậu (1968–1969), tr.108–109.

chiếu giữa giáo lý Cao Đài và các hệ tư tưởng khác để tạo sự hiểu biết và cảm thông lẫn nhau, (2) mượn các hệ tư tưởng khác để phổ thông giáo lý Cao Đài vào các nền văn hóa mà các hệ tư tưởng ấy đang thịnh hành, (3) dùng giáo lý Cao Đài để soi sáng hoặc giải quyết các vấn đề của các hệ tư tưởng khác.

## KẾT LUẬN

Bài viết này đã chia sẻ với bạn những kinh nghiệm giúp chúng ta nắm vững các yếu điểm giáo lý Đại Đạo theo từng mức độ. Ngay từ mức độ 1, chúng ta cần nắm tổng thể của hệ thống yếu điểm giáo lý thông qua những tựa đề như “Cao Đài”, “Thiên Nhân”, “Quyển Pháp”...; và càng lên những mức độ cao hơn, chúng ta càng phải rời bỏ những ngôn từ để đi sâu vào nội dung. Nhờ đó, đến mức độ 5, chúng ta có thể nhận ra được các yếu điểm giáo lý Đại Đạo ngay cả khi chúng hiện diện bằng những thuật ngữ lạ kỳ trong những luận thuyết không mấy quen thuộc đối với chúng ta. Việc vận dụng thường xuyên các yếu điểm giáo lý ở những mức độ khác nhau sẽ giúp bạn có được một điểm tựa vững chắc về mặt trí năng để tiến xa hơn trong việc nghiên cứu giáo lý Cao Đài, giáo lý các tôn giáo bạn, và thậm chí, bất kỳ hệ tư tưởng nào trong nhân loại. ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo. NXB Tôn giáo, 2006. Sách in (lần thứ nhất).

[2]. Tòa Thánh Tây Ninh. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Quyển 1). Sách in (ấn bản Kỷ Dậu 1969).

[3]. Friedrich Nietzsche. Thus Spake Zarathustra. Bản dịch tiếng Anh của Thomas Common. The Project Gutenberg eBook, 2008. Sách điện tử.

[4]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Thánh Giáo Sư Tập năm Mậu Thân – Kỷ Dậu (1968–1969). NXB Tôn giáo, 2009. Sách in (lần thứ hai). ■



Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát,  
Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên,  
Vui xuân vui với tâm điền,  
Tiết thời hòa dịu người yên vật lành.

ĐỨC CHÍ TÔN, CQPTGL, 30-12 GIÁP DẦN (10-02-1975). ■

Nhấp chén trà sen vị ngọt ngào,  
Hương xuân nồng ấm thú tiêu dao,  
Kìa hoa hoa nở vì ai đó,  
Theo luật sinh tồn Đấng tối cao.  
Cao vợi kiển khôn thì tới chung,  
Quyển năng Tạo Hóa đã vô cùng,  
Tình thương vạn đại hòa chan khắp,  
Lai tảo lai trì vẫn một khung.  
Khung cửa rèm che án gió xuân,  
Người ơi! Hãy cuốn tấm phong trần,  
Cho lòng hứng lấy nguồn sinh lực,  
Cho chí vươn lên ngọn đuốc thần.  
Thần đạo còn chẳng với núi sông,  
Sông nghiêng núi ngựa xót xa lòng,  
Lòng dân những cắt chung dòng máu,  
Máu chảy ruột kia cũng não nùng.

Não nùng chi bấy nữ nam ôi!  
Thế sự xuống lên có mấy hồi,  
Thấy lở thì bồi, dơ cứ rửa,  
Bồi cho dẻ đất, rửa cho tươi.  
Tươi đẹp làm sao đóa hương dương,  
Thế Thiên hành hóa kịp lên đường,  
Cối đi lớp áo phàm phu cũ,  
Tàn nhựt nhựt tàn Đạo tỏ tường.

ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ, TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN, 07-01 NHÂM TÝ (22-02-1972). ■

Xuân là cảnh thiên thời địa lợi,  
Có nhân hòa, xuân mới thành xuân,  
Năm qua tháng lại vô ngần,  
Biết xuân, thưởng được ngày xuân huy hoàng.

ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG, CQPTGL, 29-12 MẬU NGỌ (27-01-1979). ■


# Thánh giáo ĐỨC LINH QUANG THỔ ĐỊA DẠY VÀO NĂM RẪN

THIÊN LÝ ĐÀN, TUẤT THỜI 30 THÁNG CHẬP GIÁP THÌN  
01—02—1965 • TẾT NGUYÊN ĐÁN ẤT TỴ

■ ĐÔNG TIẾN S.T.

Ngã danh THỔ ĐỊA  
Trấn tại Hoà Hưng  
Nhân tiết đêm xuân  
Tuần du khắp chốn  
Hả hả, hà hà  
ĐỊA chào Thiên Mạng  
Các chị, các anh  
Gặp phải giờ lành  
Phật Tiên chưa tới  
Thì giờ chờ đợi  
ĐỊA tấp vào đây  
Tâm sự tỏ bày  
Giải khuây đôi chút  
Mãng mừng hạnh phúc  
Tiên tục đầu năm  
Liến thoắng nơi tâm  
Đành cam thất lễ  
Quên mời huynh đệ  
Phải bận quỳ lâu

Nhớ lại phát râu  
Sợ anh chị méc  
Vậy xin mời hết  
Các chị, các anh  
Đẳng đẳng bình bình  
Tự do an tọa  
ĐỊA cũng hối hả  
Bày tỏ việc đời  
Anh chị nghe chơi  
Để làm kỷ niệm  
Các chị hơi hiếm  
Tết nhứt đến rồi  
Dầu chẳng chè xôi  
Cũng còn bánh mứt  
Trà Tàu thơm phức  
Ngoài quán ê hề  
Đãi ĐỊA no nê  
Cho nghe câu chuyện  
À, à bởi liến



Hỏi nầy để quỳ  
Muốn chuộc lỗi ni  
ĐỊA xin kể chuyện  
Không đòi điều kiện  
Chè bánh lời thối  
Kể luôn một hồi  
Chẳng phân dài vắn  
Câu chuyện năm Rắn  
Cay đắng muôn phần  
Chốn chốn nhân dân  
Tấm thân khó ổn  
Rắn bò khắp chốn  
Đủ giống đủ dòng  
Rắn Hồ, Rắn Rồng  
Ri, Voi, Rắn Lát  
Thân hình tuy khác  
Hồ Lửa, Hồ Mang  
Rắn Lục, Rắn Vàng  
Rắn Râu, Rắn Ráo  
Đền, Cờm, lão đảo  
Ở tận sông sâu  
Ri, Cóc, Rắn Râu  
Hồ Mang, Bông Súng  
Khác dòng, khác giống  
Thứ dữ thứ hiền  
Gặp người chẳng kiêng  
Đụng ai cần nấy  
Nhưng mà vô hại  
Bởi có thuốc hay  
Thầy Tàu, thầy Tây

Thầy Ta, thầy Thổ  
Đủ phương cứu độ  
Mạng số chưa cùng  
Ngặt thứ Rắn Trung  
Hai đầu đều độc  
Loài nầy lóc thóc  
Nguy hiểm vô cùng  
Bò chậm như trùn  
Thật là độc địa  
Đông Tây bốn phía  
Nam Bắc hai phương  
Cuối ngõ đầu đường  
Coi chừng có hấn  
Tánh tuy dùn thẳng  
Khi ẩn, lúc bày  
Mà độc cả hai  
Đầu nào cũng vậy  
Chị anh xem đây  
Gìn lấy bản thân  
Đến hội Phong Thần  
Đủ loài, đủ giống  
Muốn còn mạng sống

Phải chọn đường đi  
Chớ khá diên trì  
Dùng dằng thủng thẳng  
Coi chừng nó cắn  
Chẳng biết ngày nào  
Lòng ĐỊA ước ao  
Mong sao đừng có  
Ngoài đời vậy đó  
Trong đạo xin đừng  
Chớ bước hai chân  
Có ngày sơ sẩy  
Thấy sao hay vậy  
Đừng làm phẩm bình  
Miệng hại thân mình  
Ích chi nhiều chuyện  
Kìa kìa linh điển  
Sắp đến đàn trung  
ĐỊA xin cúc cung  
Chào chung đông tuốt.  
(XIN KIẾU).■

# TÔN GIÁO CAO ĐÀI

## *với vấn đề hội nhập thời đại*

■ HỒNG PHÚC • BÀI ĐÚC KẾT HỘI THẢO NĂM NHÂM THÌN

**T**hế giới nhân loại đang sống biến đổi hàng ngày, hàng giờ trong tất cả mọi lĩnh vực. Con người đang có xu hướng tiến lại gần nhau, bởi vì những vấn đề tác động đến sự tồn tại của con người không còn là vấn đề riêng của từng quốc gia mà đã khoác vào chiếc áo toàn cầu hoá. Sự hội nhập đã trở nên cần thiết, dù muốn dù không, đất nước nào, dân tộc nào cũng phải chấp nhận nếu muốn hiện hữu và phát triển trong cộng đồng nhân loại.

Sự hội nhập thế giới không chỉ đòi hỏi về phương diện nhân sinh, trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội mà còn tác động mạnh mẽ về mặt tinh thần, đối với lĩnh vực văn hoá. Người ta cho rằng, hiện nay sự đảo lộn về giá trị, chuẩn mực đạo đức, diễn ra rất phổ biến trong giới trẻ là một hệ quả của sự hội nhập văn hoá, và nếu không sớm thay đổi, đó sẽ là một nguy cơ rất lớn đối với văn hóa Việt Nam về lâu dài. Vì thế, điều mà nhiều người lo ngại đối với văn hóa khi hội nhập là làm sao giữ gìn được bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình chúng ta mở cửa, khi văn hoá nước ngoài tham gia vào văn hoá chung của Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng có mặt tích cực, nhờ xu thế hội nhập toàn cầu, văn hoá Việt Nam đã hoà vào dòng chảy văn hoá thế giới, điển hình như việc tổ chức UNESCO công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” là di sản phi vật thể tiêu biểu của nhân loại, như một sự mặc nhiên của thế giới đã thừa nhận dân tộc Việt Nam đã có đời sống tâm linh từ hàng ngàn năm trước.

Sự ra đời của tôn giáo Cao Đài là nhằm để

cứu độ nhân loại thoát khỏi cơ sàng sây của nguơn Tận diệt, nhưng đó lại chính vào thời kỳ rực sáng đỉnh cao tiến bộ của nền văn minh nhân loại. Do vậy, để tiếp cận được con người thời đại, đạo Cao Đài không chỉ phải phá bỏ những rào cản của hình thức tôn giáo mang tính thần quyền mà còn phải đến với loài người bằng tư tưởng và ngôn ngữ của thời đại. Hay nói một cách ngắn gọn, tôn giáo Cao Đài cần phải hội nhập thời đại để có cơ hội dung hoà giữa khế lý và khế cơ. Khế lý có nghĩa là phải phù hợp với chân lý của Đại Đạo, không đi ngược lại kinh điển luật lệ và giáo lý Đạo; còn khế cơ là phù hợp với trình độ, căn trí, hoàn cảnh, tâm lý, phong tục, tập quán của nhân sanh trong kỷ nguyên mới.

Trên tinh thần đó, vấn đề “Hội nhập” sẽ không còn xa lạ với người tín đồ Cao Đài, mặc dù trong Thánh ngôn Thánh giáo Cao Đài, không hề đề cập hai chữ “Hội nhập”. Vậy chúng ta phải hiểu như thế nào về ý nghĩa của hai chữ “Hội nhập”?

### **I. THẾ NÀO LÀ “HỘI NHẬP”?**

Hai chữ Hội nhập là một khái niệm mang tính thời thượng, xuất phát từ thuật ngữ “Hội nhập quốc tế”, có nguồn gốc dịch từ tiếng nước ngoài (tiếng Anh là “international integration”, tiếng Pháp là “intégration internationale”). Đây là một khái niệm được sử dụng chủ yếu trong các lĩnh vực chính trị học quốc tế và kinh tế quốc tế, ra đời từ khoảng giữa thế kỷ trước ở châu Âu, trong bối cảnh những người theo trường phái thể chế, chủ trương thúc đẩy sự hợp tác và liên kết giữa các cựu thù (Đức-Pháp) nhằm tránh

nguy cơ tái diễn chiến tranh thế giới thông qua việc xây dựng Cộng đồng châu Âu.<sup>1</sup>

Vì vậy mà trong hầu hết tự điển Việt Nam đều không có từ “Hội nhập”. Ngay cả trong các tự điển tiếng Anh, chữ “integration” cũng có những định nghĩa tương đối không giống nhau. Do bởi cho đến nay, vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm “hội nhập quốc tế”.

Theo các nhà nghiên cứu, ở Việt Nam, thuật ngữ ‘hội nhập kinh tế quốc tế’ bắt đầu được sử dụng từ khoảng giữa thập niên 1990 cùng với quá trình Việt Nam gia nhập ASEAN, tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và các thể chế kinh tế quốc tế khác. Những năm gần đây, cụm từ “hội nhập quốc tế” (thậm chí nói ngắn gọn là “hội nhập”) được sử dụng ngày càng phổ biến hơn và với hàm nghĩa rộng hơn hội nhập kinh tế quốc tế, là quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế.<sup>2</sup>

Như vậy, “Hội nhập quốc tế” không chỉ là sự hợp tác thông thường giữa các quốc gia, mà đòi hỏi sự chia sẻ và tính kỷ luật cao của các chủ thể tham gia. Hội nhập quốc tế có thể diễn ra trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hóa, giáo dục, xã hội, v.v...), đặc biệt trong đó, sự hội nhập về văn hóa – xã hội có ý nghĩa rất quan trọng, thực sự gắn kết các nước với nhau bằng chất keo bền vững hơn cả, vì đó là quá trình mở cửa, trao đổi văn hóa với các nước khác; chia sẻ các giá trị văn hóa, tinh thần với thế giới; tiếp thu các giá trị văn hóa tiến bộ của thế giới để bổ sung và làm giàu nền văn hóa dân tộc.

Do đó, hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu

lớn của thế giới ngày nay, không một quốc gia nào có thể phát triển trong sự biệt lập với thế giới bên ngoài; ngược lại, sự tùy thuộc lẫn nhau (Interdependance) ngày càng có chiều hướng gia tăng và tác động trực tiếp đến từng quốc gia, từng khu vực và toàn thế giới.

Qua lịch sử và thời gian hình thành khái niệm “Hội nhập quốc tế” mà ngày nay đã phổ biến với hai từ “Hội nhập” cho thấy Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay tôn giáo Cao Đài từ năm Bính Dần 1926, cách đây 87 năm, tức là vào thời điểm mà khái niệm “Hội nhập” chưa hình thành trên thế giới. Xuyên suốt từ đó đến nay, Thánh giáo Cao Đài cũng không dùng từ ngữ “hội nhập”, nhưng xét về cách hiểu của hai từ này, khái niệm “Hội nhập” đã bàng bạc trong toàn bộ giáo lý Cao Đài.

Với phương tu vừa xuất thế, vừa nhập thế trên tinh thần dung hoà vạn giáo qua tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục Nhứt”, đạo Cao Đài hướng đến xây dựng một nền văn minh đạo đức phù hợp với mọi cá tính nhân loại để kiến tạo một xã hội đại đồng, trong đó vẫn bảo tồn những bản sắc riêng của từng dân tộc nhưng không còn tồn tại những sự kỳ thị, mâu thuẫn, phân chia do bởi những dị biệt, điều đó có nghĩa mỗi người đều được sống với bản sắc văn hóa dân tộc mình, vừa được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác.

Đây chính là ý nghĩa mà cũng là mục tiêu của sự “hội nhập” theo giáo lý Cao Đài. Sự khác biệt của mỗi dân tộc vẫn được duy trì, theo lẽ tự nhiên, nhưng nhân loại vẫn chung sống hoà bình nhờ vào ý thức về mối liên hệ và sự bình đẳng giữa những con người có cùng chung cội nguồn Thượng Đế.

Như vậy, người Cao Đài sẽ đơn giản hiểu rằng Hội là gặp gỡ; Nhập là vào. Hội nhập là cùng bước vào để gặp gỡ nhau, để thông cảm nhau, để nhận ra mối dây liên hệ có cùng bản thể là tình thương khởi phát từ đức hào sanh của Tạo Hoá, để quên đi những dị biệt, xua tan hận thù, kỳ thị, cùng chung tay tạo

1. TS. Phạm Quốc Trụ – Học viện Ngoại giao.

2. TS. Phạm Quốc Trụ – Học viện Ngoại giao.



dựng thế Nhân hoà theo phương thức Thiêng Liêng đã chỉ dạy “ứng hoá theo lòng chúng sanh”, trên nền tảng “Nhân bản – An lạc – Tiến bộ”.

Trong ý nghĩa đó, “Hội nhập” chính là điều kiện cần cho những người con áo trắng của Đức Cao Đài thực hiện sứ mạng thiêng liêng của một dân tộc được chọn là thắp lên ngọn đuốc soi đường, thực thi sứ mạng tận độ nhân loại trong buổi cuối cùng của chu kỳ vũ trụ, là tiến hành giai đoạn Đại Đồng Chủ nghĩa, tuyên truyền lý thuyết vào đời sống nhân sinh thế giới trên nền tảng những việc đã và đang thực hiện sau 2 bước Đại Đồng Lý thuyết và Đại Đồng Công dụng trong nội bộ Cao Đài. Đây chính là thực hiện “ĐỒNG NHÂN” trước khi đạt đến Đại Đồng Thành lập.

## **II. TẠI SAO TÔN GIÁO CAO ĐÀI CẦN PHẢI HỘI NHẬP THỜI ĐẠI?**

Nhân loại đang ở trong một thời đại vô cùng nghịch lý. Khoa học kỹ thuật phát triển vượt bậc, những phát minh cung ứng cho đời sống vật chất ngày càng nhiều, bên cạnh niềm kiêu hãnh về những thành tựu đỉnh cao của nền văn minh vật chất, con người lại phải đương đầu với nỗi lo sợ triển miên về một tương lai đầy thảm hoạ thiên nhiên mà con người chỉ biết chờ đợi trong sự bất lực. Trong lúc đó, con người vẫn tiếp tục từng giờ, từng phút tính toán giành giật, tranh chấp, khùng bố, giết chóc lẫn nhau từ cá nhân cho đến quy mô toàn thế giới.

Cách đây hơn nửa thế kỷ, trong chuyến đi thăm nước Mỹ (1949), Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nerhu đã đến Princeton thăm Albert Einstein. Trong cuộc trao đổi mang tính lịch sử này, Nerhu phàn nàn: “Nền văn hóa toàn cầu ngày nay tạo ra nhiều của cải vật chất nhưng vô trách nhiệm đối với việc chăm sóc đạo đức con người!”. Einstein đã trả lời: “Vâng, nền văn hóa chăm lo đến đạo đức chính là nền văn hóa phương Đông cổ truyền của các ông.”

Cũng như trong quyển sách “The World’s Living Religions” (“Các Tôn Giáo Hiện Sinh Trên Thế Giới”) xuất bản năm 1964 tại New York, giáo sư Archie J. Bahm phát biểu: “(...) các tôn giáo trên thế giới sẽ có xu thế hướng về một nền tôn giáo toàn cầu.” “(...) Tuy nhiên nhân loại đang thiếu một nền tôn giáo toàn cầu theo ý nghĩa rằng thực chất nền tôn giáo đó là nền đạo duy nhất và theo ý nghĩa rằng tôn giáo đó vượt lên hẳn các tôn giáo khác chỉ vì bản thân tôn giáo đó chứa đựng tinh hoa của tất cả các tôn giáo khác.”

Như vậy, rõ ràng thế giới nhân loại đang khao khát một nền tôn giáo khác với các nền tôn giáo đã có, có khả năng giúp loài người lấy lại thế quân bình giữa sự tiến bộ của khoa học vật chất và đời sống đạo đức tinh thần, để thế giới nhân loại thoát khỏi những bế tắc trong đời sống nhân sinh lẫn tâm linh. Và Đức Thượng Đế đã lâm phạm mang đến cho nhân loại một nền tôn giáo chứa đựng tinh hoa của tất cả tôn giáo khác, phù hợp với trình độ của nhân loại khả dĩ hội nhập thế giới để trở thành một thực thể Đạo cứu thế, vì không bị bó hẹp trong những định kiến tôn giáo mà vươn lên tầm vóc Đại Đạo. Và nền tôn giáo đó đã được Đức Cao Đài trao cho dân tộc Việt Nam sứ mạng xiển dương khắp cùng thế giới.

Nói khác đi, tôn giáo Cao Đài cần phải hội nhập thời đại là để thực hiện sứ mạng truyền trao thông điệp Đại Ân Xá cứu độ của Đức Thượng Đế đến với chúng sanh nhân loại, để con người nhận ra cội nguồn chân lý, thức tỉnh tìm đường phản bản hoàn nguyên tức là đồng nghĩa với sự vượt thoát khỏi trường sát kiếp của thời mạt pháp.

Mặt khác, tôn giáo Cao Đài cần phải hội nhập thời đại để những những môn đồ của Đức Thượng Đế có cơ hội tạo điều kiện đem Đạo vào đời, để chuyển thế đời từ loạn thành trị làm tiền đề cho nhân loại bước sang kỷ nguyên Thánh đức.

### III. ĐẠO CAO ĐÀI HỘI NHẬP VỚI AI?

#### 1. HỘI NHẬP VỚI CÁC TÔN GIÁO

Trước hết Cao Đài sẽ hội nhập với các tôn giáo bằng tinh thần Tam giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất. Quy nguyên là trở về với cái gốc ban đầu, là Đại Đạo. Phục nhất là trở về với cái Một, cũng chính là Đại Đạo. Đức Thượng Đế khai mở tôn giáo Cao Đài với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên” chính là mở ra cánh cửa ãnã tôn giáo Cao Đài bước vào sự hội nhập các nền tôn giáo trên cái Lý đồng nhất của Đại Đạo là điểm xuất phát của vạn giáo, để làm sống lại chơn truyền của các vị Giáo tổ khai sáng, đưa tôn giáo trở về vai trò khởi thi là chiếc thuyền đưa khách vượt khỏi sông mê sang bờ giác, để xã hội tôn giáo không còn những trạng huống đau lòng phân chia, kỳ thị kết mầm khổ đau mà sẽ thay bằng ánh sáng cảm thông của lòng từ bi, trí tuệ chiếu rọi tâm linh con người, cùng dẫn dắt con người tìm đến sự giải thoát tâm linh. Tinh thần hội nhập tôn giáo của đạo Cao Đài đã được thể hiện qua lời Thánh giáo: “Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi thiên quốc, niết bàn.”<sup>3</sup>

#### 2. HỘI NHẬP VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

Con đường cứu độ Kỳ Ba của tôn giáo Cao Đài đã được Đức Thượng Đế xác định tiến đến mục tiêu: “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo Giải thoát.” “Thế Đạo Đại đồng” là điểm nhắm tạo dựng một xã hội đại đồng là “một xã hội không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ, là một cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian”<sup>4</sup>, mà muốn xây dựng xã hội đại đồng, tôn giáo Cao Đài phải có những con người dẫn thân hội nhập với đồng

loại, với cộng đồng, từ quốc gia dân tộc, đến nhân loại năm châu như lời dạy của Đức Cao Triều Phát: “Đạo Cao Đài chủ trương hiệp nhứt tinh thần nhân loại, cùng tầm chung ánh nắng của Trời, cùng thở chung hơi thở của Hóa Công, cùng sống chung sức sống vô tận của Tọa Đoan Thượng Đế, thì chúng ta không có một lý do nào tách rời những sự kiện ấy bằng lối sống riêng tư, mặc dù riêng tư về tinh thần vị kỷ.”<sup>5</sup>

Như vậy, Thế đạo Đại đồng chính là đỉnh cao của sự hội nhập toàn nhân loại mà tôn giáo Cao Đài phải vươn tới, và hội nhập thời đại là cơ hội để người tín đồ Cao Đài bước tới xây dựng xã hội đại đồng cho nhân loại sống đời Thánh đức an lạc. Tuy nhiên, để đạt được mục đích này, tôn giáo Cao Đài sẽ hội nhập thời đại như thế nào?

### IV. TÔN GIÁO CAO ĐÀI HỘI NHẬP THỜI ĐẠI NHƯ THẾ NÀO?

Câu trả lời dứt khoát là đạo Cao Đài phải hội nhập thời đại với tư cách một chủ thể cứu thế, dùng vốn liếng giáo lý của Thiêng Liêng để đầu tư vào sự cải tạo thế giới, chuyển hoá tâm linh con người trở về với bản chất nguyên sơ của Trời ban phát. Điều này tự nó có nghĩa rằng: hoặc là đạo Cao Đài phải có đủ khả năng để dẫn dắt cả thế giới, hoặc là đạo Cao Đài chẳng làm được gì khác hơn các tôn giáo của quá khứ.

Nói như thế không có nghĩa chỉ đơn thuần phổ truyền giáo lý Cao Đài, mời gọi người đến với Đạo, mà người tín đồ Cao Đài phải nỗ lực thâm nhập thời đại bằng cách của người thời đại, phải đến với người bằng trí tuệ như người, phải nói được với người bằng ngôn ngữ của người, bởi vì chúng ta nên nhớ lời dạy của Đức Giáo Tông: “Giá trị trí năng phải luôn tiến kịp với thời đại thì mới dẫn dắt và lèo lái thời đại được.”<sup>6</sup>

3. Đạo Học Chi Nam, chương 2, tiết 4.

4. Đức Cao Triều Phát.

5. Thánh thất Lộc Ninh, 14-5 Tân Hợi (09-6-1971).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Mão (26-3-1975).

Hội nhập thời đại, tôn giáo Cao Đài thực hiện lời dạy trong Kinh Dịch quẻ Thiên Hoả Đồng Nhân, phần Soán từ: “Đồng Nhơn vu dã” có nghĩa Ra đồng trống, thiết rộng lớn mệnh mông, không bờ bến được mà Đức Gia Tô nhắc lại trong Tam Kỳ Phổ Độ: “Đâu phải ra khỏi cửa (Đồng Nhơn vu môn) hay ở trong tông phái mình (Đồng Nhơn vu tông) mà thôi, còn kết thân tình huynh đệ đại đồng khắp chỗ, đồng hoang hẻo lánh, đâu còn lựa chọn so cân.”<sup>7</sup> Có nghĩa sự hội nhập của tôn giáo Cao Đài thích ứng với xu thế toàn cầu hoá ngày nay, mở rộng đến tầm vóc nhân loại.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy rằng: “Chữ hiển cần làm sáng tỏ, sưu tập kinh điển và văn hóa dân tộc cũng như văn hóa đông tây để kế hợp giữa cơ đạo và văn minh nhân loại”<sup>8</sup> chính là Ngài muốn chúng ta hướng về cộng đồng nhân loại bằng phương tiện “văn hóa dân tộc, văn hóa đạo đức” để chỉ cho họ thấy rằng trên tinh dân tộc, trên nghĩa nước non còn có một đấng Cao Đài Thượng Đế với một tình thương vô cùng và đức háo sanh vô tận để mỗi dân tộc tự mình sẽ đổi tình dân tộc ra tình nhân loại và nghĩa nước non thành nghĩa đại đồng.

Đây là điểm thuận lợi cho sự hội nhập thời đại của tôn giáo Cao Đài, vì văn hoá là lĩnh vực mà Việt Nam có những giá trị tinh thần đã được cộng đồng thế giới nhìn nhận là di sản thế giới, đồng thời tôn giáo Cao Đài đã hội tụ kết tinh đầy đủ bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc có chiều dài mấy ngàn năm cùng với tinh hoa của các nền tôn giáo. Có thể nói Đức Thượng Đế đã chuẩn bị chu đáo cho một sự hội nhập thời đại của tôn giáo Cao Đài. Cái còn lại là người tín đồ Cao Đài phải biết vận dụng cơ hội để đến với mọi người không giới hạn trong hay ngoài lãnh thổ.

Câu chuyện của Giáo sư Tiến sĩ Janet

7. Đức Gia Tô, Hườn Cung Đàn 15-11 Bính Ngọ (25-12-1966).

8. 19-02 Bính Dần.

Hoskin là một minh hoạ rõ nét cho sự hội nhập thời đại của tôn giáo Cao Đài. Bà Hoskin đã kể rằng cách sống Đạo của những người tín hữu Cao Đài tại Thánh thất ở thành phố Clement, bang California – Hoa Kỳ, đã thuyết phục bà đi tìm hiểu về tôn giáo Cao Đài, một tôn giáo thuần túy của người Việt Nam. Hội nhập không chỉ có ý nghĩa một chiều là tôn giáo Cao Đài tiếp cận, hoà nhập với người mà bao hàm cả ý nghĩa tiếp theo của chiều trở lại là Cao Đài mở cửa đón nhận người tìm đến Cao Đài. Nói một cách đơn giản, sự hội nhập thời đại của tôn giáo Cao Đài chỉ trọn vẹn khi tiếng nói của đạo Cao Đài được mọi người tiếp nhận và con đường của Cao Đài được mọi người đi theo.

## V. LÀM CÁCH NÀO ĐỂ TÔN GIÁO CAO ĐÀI HỘI NHẬP THỜI ĐẠI?

Thế giới trong thời mạt kiếp đang thay đổi không ngừng, làm cho tinh thần và tư tưởng của con người cũng thay đổi theo một cách nhanh chóng. Nếu đạo Cao Đài không theo dõi kịp những thay đổi đó cũng như không chuẩn bị kịp để thích ứng với những thay đổi đó, thì Đạo sẽ nhanh chóng bị rơi vào tình trạng tự cô lập mình với thế giới, không tạo được thế nhân hòa, tức là sẽ không đạt được mục đích “Thế đạo Đại đồng”.

Vấn đề đặt ra là làm cách nào để tôn giáo Cao Đài hội nhập thời đại?

Đây chính là trọng tâm của vấn đề quyết định tôn giáo Cao Đài có hoàn thành sứ mạng hay không, mục đích của tôn giáo Cao Đài có đạt được hay không... Tất cả tùy thuộc vào những con người Cao Đài đang khoác vào mình trọng trách thiêng liêng mà mỗi người với đức tin của mình đã mặc nhiên thọ nhận trước Đức Chí Tôn.

Nhiều ý kiến đã được đưa ra tại buổi Hội thảo được ghi nhận như là cách thức giải quyết vấn đề ở cả hai phạm vi toàn Đạo và Cơ Quan.

## 1. PHẠM VI TOÀN ĐẠO:

- Tôn giáo Cao Đài ngày nay phải có được các học viện để đào tạo nhân sự cho công cuộc cứu độ.

- Hàng chức sắc lãnh đạo, Tu sĩ Giáo sĩ nói riêng và hàng môn đệ Cao Đài nói chung phải không ngừng nâng cao trình độ giáo lý và kiến thức khoa học hiện đại cho tương xứng với sứ mạng được nhận lãnh, đồng thời cần phải tu chứng hay thực chứng tâm linh, thể hiện ra bên ngoài bằng tác phong đạo hạnh và nếp sống đạo đức thuần thành để minh chứng cho nhân thế thấy rõ được giá trị cứu độ và chuyển hóa tâm linh của giáo lý Cao Đài, đồng thời truyền bá giáo lý cho thế nhân cùng áp dụng trong cuộc sống sinh hoạt đối nhân xử thế hằng ngày. Đó cũng chính là thực hành lời Thầy dạy: *“Các con hãy ăn bánh thật và đem bánh thật cho mọi người cùng ăn.”* Hay nói một cách khác, người tín hữu Cao Đài phải luôn trau dồi Tâm, Hạnh, Đức, Tài.

- Phải dùng ngôn từ của người và thấu hiểu được tâm tư, suy nghĩ của người khi đến với người như lời dạy của Đức Lê Đại Tiên: *“Muốn thực hiện thế nhân hòa mà không dùng ngôn từ của người đời nay, không dùng tâm tư của người đời nay thì mong gì người đời hiểu được ta mà phổ độ.”*

- Cần phải hiểu biết văn hóa mỗi khu vực và đất nước trên thế giới qua sự tìm hiểu nghiên cứu sách báo, internet...

- Cần bắt kịp phương tiện giao lưu văn hóa (Facebook, Twitter...)

- Phải hội nhập trước tiên với những vấn đề nóng bỏng của nhân loại như đề tài “biến đổi khí hậu” v.v...

- Phải thống nhất các chi phái.

## 2. PHẠM VI CƠ QUAN:

- Củng cố nội bộ theo đúng quyền pháp kỷ cương.

- Xây dựng đội ngũ thông dịch viên tiếng Anh bằng cách tổ chức thuyết minh giáo lý, Đạo đàm, Hội thảo chuyên đề bằng tiếng Anh.

- Biên soạn tài liệu Cao Đài bằng tiếng Anh

để giới thiệu giáo lý Đại Đạo nói chung và hoạt động của Cơ Quan nói riêng.

- Phổ biến giáo lý bằng hình thức brochure, qua các trang mạng xã hội trên Internet...

## VI. KẾT LUẬN

Sự hội nhập thời đại của tôn giáo Cao Đài đã được phác họa tổng thể về mặt lý luận, vấn đề còn lại là sự quyết tâm của người tín đồ Cao Đài nói chung, nhân viên Cơ Quan nói riêng để tìm thấy con đường thực hành cho bản thân mình nói riêng và sự hợp tác với Đạo hay Cơ Quan nói chung.

Chỉ nói riêng về ngôn từ để truyền đạo, chúng ta không thể truyền đạo ra khắp thế giới chỉ bằng cách phát biểu lại những nguyên văn của năm 1926, hay của những năm 1936, 1945, 1975... *“Không dùng ngôn từ của người đời nay thì mong gì người hiểu được ta mà phổ độ”*, Đức Cao Triều đã nhắc nhở vào năm 1985. Xét về phương diện kỹ thuật truyền giáo, sự hội nhập trong ngôn từ là một yếu tố quan trọng hàng đầu. Mặc dù, khi dạy đạo mỗi thời điểm Ôn Trên thường dùng những ngôn từ tân tiến nhất ở thời điểm đó; tuy nhiên, đã từ lâu Ôn Trên không còn giảng cơ và sự tân tiến của ngôn từ đến từ phía các Đấng cũng kết thúc đối với hầu hết các Hội Thánh. Thế thì tự chúng ta phải sáng tạo ra những ngôn từ mới phù hợp với thế giới chung quanh ta ở năm 2013, 2016, hay 2026.

Tôn giáo Cao Đài được Đức Thượng Đế giao phó sứ mạng trọng đại là tận độ nhân loại thoát khỏi cơ tận diệt của buổi Hạ nguơn, với mục tiêu tối hậu là “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo Giải thoát”, mà suy cho cùng, “Thế Đạo Đại Đồng” chính là đỉnh cao của sự hội nhập toàn nhân loại và “Thiên Đạo Giải thoát” chính là con đường tiến đến sự hội nhập cùng Trời.

Hội nhập với ai? Hội nhập như thế nào? Và làm cách nào để hội nhập?■

---

9. Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận, Ất Sửu (31-03-1985).



■ THIỆN HẠNH

# SỨ MẠNG GIEO GIỐNG

Con người nơi thế gian đã ghi nhận một sự kiện trọng đại và hy hữu xảy ra vào thập niên 20 của thế kỷ trước: Đức Thượng Đế chính thức khai mở đại cuộc cứu độ toàn nhân loại trên quả địa cầu này, tạm mượn hình thức của một tôn giáo với tên gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài. Đức Thượng Đế cũng tạm xưng danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Ngài chọn đất nước Việt Nam làm thánh địa để hoàng khai Đại Đạo và chọn dân tộc Việt Nam ban trao sứ mạng gieo giống để cứu độ vạn linh.

Đức Thượng Đế khai Đạo tại thế gian vào cuối thời kỳ mạt kiếp nhằm thực hiện mục tiêu cứu độ toàn nhân loại và xây dựng đời Thượng ngươn Thánh đức. Đây cũng chính là cứu cánh của đạo Cao Đài nhằm đến hai phương diện nhân sinh và tâm linh là “Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát”. Nằm trong lẽ

sinh trưởng thâm tàng của vũ trụ vạn vật, lẽ tất nhiên, quả địa cầu này sẽ hoại diệt theo quy luật để tiến hóa lên quả địa cầu 67, là thế giới nhẹ nhàng thanh thoát hơn. Thế giới ngày nay hay quả địa cầu 68 hiện đang trong giai đoạn cuối của chu kỳ tuần hoàn tam ngươn phục thì là Hạ ngươn mạt kiếp chuyển sang Thượng ngươn Thánh đức. Trong cuộc đại sàng sảy này, con người tại thế gian nếu biết thuận theo Thiên cơ, sống đạo đức nhân nghĩa sẽ được tiến hóa sang đời Thánh đức, hưởng cảnh trời Nghiêu đất Thuấn, an lạc thái hòa để có cơ hội tu tiến ngõ hầu hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Đức Thượng Đế vì lòng đại từ đại bi không nỡ điểm nhiên tọa thị nhìn con cái của Ngài phải chịu khổ nạn đọa lạc trước khi chu kỳ của quả địa cầu này kết thúc, nên đã cùng chư Phật Tiên Thánh Thần mở cơ tận độ và đại ân xá để

đưa chúng sanh thoát khỏi trầm luân nơi dục hải và lập lại đời Thượng ngươn Thánh đức sau hội Long Hoa.

### **CỘNG ĐỒNG TRÁCH NHIỆM**

Đặc điểm nổi bật trong Tam Kỳ Phổ Độ là con người thực hiện sứ mạng đạo Cao Đài đồng hành cùng các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Do đối tượng cứu độ trong Tam Kỳ Phổ Độ là toàn thể nhân loại với gần 8 tỉ người (tính đến cuối năm 2012), nên nếu chỉ có những hàng Thiên ân, Thiên sứ nơi thế gian chắc hẳn sẽ không thể đảm đương sứ mạng cứu độ và tận độ được viên mãn, thành tựu. Vì thế, trong thời kỳ này, Đức Thượng Đế đã hội đồng chư Phật Tiên Thánh Thần nơi Thượng giới đồng loạt giáng trần dùng huyền diệu cơ bút độ rỗi chúng sanh.

Do đặc điểm của đạo Cao Đài là “Đạo vô vi, Sư vô vi”, nên khả năng giáo hóa của các Đấng Thiêng Liêng bằng phương tiện cơ bút là vô hạn, nhanh chóng, rộng khắp. Vì thế, tuy đạo Cao Đài trong khoảng thời gian chưa đến 50 năm (1926–1975) mà số lượng kinh sách, Thánh ngôn thật là đồ sộ.

Như vậy, sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được điều hành và thực thi bởi hai năng lực: vô hình nơi cõi Trời và hữu hình nơi thế gian. Hai tác năng này tạo ra sợi dây liên kết chặt chẽ thiêng liêng vô cùng mẫu nhiệm giữa con người và các Đấng Thiêng Liêng theo nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất. Song, điều mẫu nhiệm này chỉ đạt được khi hai năng lực vô hình và hữu hình cùng song hành điều hòa, đối ứng nhịp nhàng với nhau. Các Đấng Thiêng Liêng thuộc về phần Thiên nắm giữ quyền pháp của Trời, luôn soi sáng hộ trì cho con người nơi thế gian. Mặt khác, các hàng Thiên ân tại chốn này thuộc về phần nhơn nắm giữ quyền pháp của người, vận hành gieo rải mối đạo và tình thương của Thượng Đế đến nhân sanh. Vì thế, nếu vì một lý do nào đó mà con người thực thi sứ mạng không

theo kịp guồng máy thiên cơ do các hạn chế bởi: nội tu chưa tinh tấn, tình thương chưa chan hòa, quyền pháp chưa nghiêm minh, đạo sự chưa thành tựu, đức tin chưa kiên định, v.v... tất yếu dẫn đến hậu quả là sứ mạng của Đại Đạo, dòng cam lộ, cơ cứu độ bị ngưng trệ, chậm phát triển. Trở ngại này do bởi sự không đồng nhịp giữa hữu hình và vô hình, sự bất đối xứng giữa kết quả hoằng pháp và kế hoạch Thiên cơ.

Song, năng lực vô hình của các Đấng Thiêng Liêng chỉ có thể âm phù mặc trợ cho đoàn người sứ mạng nơi cõi thế gian, chứ không thể thay thế con người trực tiếp điều hành Hội thánh, phổ độ chúng sanh, liên giao đối ngoại, chấn tế phước thiện, huấn luyện mầm non, cúng kính lễ nghi, quan hôn tang tế, v.v... Như vậy, chỉ có con người mới có thể phụng sự, tác động đến phần hữu hình nơi cõi hữu hình. Các Đấng Thiêng Liêng sở cậy con người thực hiện Thánh ý theo kịp với tiến trình của Thiên cơ, thể hiện qua sự ban ơn hộ trì, hướng dẫn chỉ dạy, đôn đốc nhắc nhở, khích lệ khen thưởng. Về phần mình, con người rất cần sự hiệp thông với cõi vô hình để được tiếp sức, củng cố đức tin, trực nhận thần lực nhằm giúp cho việc tu học, hành đạo đạt kết quả. Đây chính là thực hiện phương châm: “Việc Trời Trời liệu, việc người người lo.” Như vậy, sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bao gồm hai phần Thiên và nhân, tác động hỗ tương đồng nhịp với nhau.

Sự tương quan sứ mạng vô cùng chặt chẽ này tất yếu sẽ ảnh hưởng qua lại theo quy luật cảm ứng. Thật vậy, nhứt cử nhứt động của con người nơi thế gian đều chi phối và ảnh hưởng đến guồng máy Thiên cơ, vì con người là Tiểu Thiên Địa có cùng bản thể với Đức Thượng Đế là Đại Thiên Địa. Vì vậy, các Đấng Thiêng Liêng chia sẻ niềm hoan hỷ trước những thành tựu trong việc hoằng pháp lợi sanh của con người nơi thế gian và đồng thời chịu phần nào trách nhiệm đối với những sơ thất, khiếm khuyết

của hàng Thiên ân sứ mạng nơi cõi tạm. Do nhận thức được sự cộng thông sứ mạng và luật Cảm ứng chi phối giữa hai cõi sắc không, con người lẽ nào không khắc kỷ bản thân, nghiêm minh quyền pháp, tận lực hy sinh để quay bánh xe đại thừa, xứng đáng vai trò Thiên ân được ban trao, đền đáp trong muôn một đại ân cứu độ sẵn dành.

### **SỨ MẠNG GIEO GIỐNG (ĐỘ THA)**

Đức Thượng Đế chọn dân tộc Việt Nam để ban trao sứ mạng gieo giống vào cuối thời Hạ nguơn mặt kiếp. Ngay từ khi khai mở đạo Cao Đài vào năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn dạy mỗi người tín đồ Cao Đài phải độ dẫn chí ít là 12 người. Đây là phương pháp phát triển tín đồ thật nhanh chóng và hiệu quả. Do đó, mỗi người tín hữu Cao Đài đều có trách nhiệm gieo giống, mà kết quả hiển thị bằng việc độ dẫn được nhân sanh nhập môn vào Đạo. Mỗi Thánh thất là cánh đồng thu nhỏ, mỗi Hội thánh là cánh đồng Đại Đạo lớn hơn. Các cánh đồng Đại Đạo tại các quốc gia hợp nhứt thành cánh đồng Đại Đạo duy nhứt trên quả địa cầu này.

### **GIEO GIỐNG**

Quá trình gieo giống gồm hai công đoạn là chọn giống và chọn địa điểm gieo giống. Chọn giống tốt nhằm bảo đảm khả năng phát triển của cây trồng để có thể đơm bông kết trái sau một chu kỳ canh tác; còn chọn địa điểm gieo trồng là để xác định môi trường tương thích cho hạt giống có thể phát triển trong suốt quá trình sanh trưởng.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn trong một lần giảng diễn tại Vĩnh Nguyên Tự cũng đã lặp lại câu chuyện gieo giống mà Đức Chúa Giêsu Kitô kể cho các hàng môn đồ về các tình huống có thể xảy ra trong quá trình gieo giống như sau: hạt giống có thể rơi ở mé đường hiu quạnh cô liêu, nơi bờ đá khô khan nóng bỏng, tại đám gai rậm rạp um tùm hoặc trên đất đai

phì nhiêu màu mỡ. Tuy nhiên, nếu người nông phu quá thận trọng không biết gieo giống tốt vào nơi đâu thì hạt giống ấy tuy sẵn có mà cũng như vô dụng. Mặt khác, nếu gieo giống vào nơi đã có người gieo giống rồi thì cũng lãng phí hạt giống tốt mà thôi.

Đức Thượng Đế khai Đạo trong thời mặt kiếp nhằm tái tạo dinh hoàn lập đời Thượng nguơn Thánh đức và cứu độ nguyên nhân khỏi vòng đọa lạc để trở về ngôi xưa vị cũ. Như vậy, hạt giống đạo đức gồm có hai loại là Đại đồng và Giải thoát. Hạt giống Đại đồng nhằm xây dựng xã hội thánh đức dựa trên tiêu chuẩn ngũ đức gồm: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Hạt giống Đại đồng cũng có thể gọi là hạt giống Nhân hòa dựa trên ba tiêu chuẩn là nhân bản, an lạc và tiến bộ. Hạt giống giải thoát đặt nền tảng trên tánh mạng song tu hay tu tánh luyện mạng. Tu tánh nhằm chuyển hóa tánh hậu thiên của con người sang tánh tiên thiên của Trời bằng cách hóa giải thất tình lục dục. Tu tánh bao hàm các phương pháp như: nghiêm trì giới luật (ngũ giới cấm dành cho bậc tiểu thừa và tứ đại điều quy dành cho bậc thượng thừa) và thực hành chánh niệm (cúng tứ thời, niệm danh Thầy, nghe kinh trì chú, công phu tham thiền, v.v...). Luyện mạng là chuyển hóa mạng hậu thiên sang mạng tiên thiên hay chuyển hóa phàm thân (do tứ đại giả hiệp gồm có: đất, nước, gió, lửa) sang kim thân (để hằng sống nơi cõi vô sanh bất diệt) bằng phương tu luyện tam bửu (Tinh – Khí – Thần).

Người thực hiện sứ mạng truyền Đạo là người đi gieo giống, phải biết rằng chúng sanh căn trí vô lượng, nhưng tựu trung chia ra làm ba loại là thượng, trung và hạ trí. Do đó, người thuyết giảng cần hướng về nhu cầu và trình độ của đại chúng để trình bày chủ đề và nội dung giáo lý thích hợp, chứ không nhứt thiết nói những gì bản thân tâm đắc. Điều này cũng giống như khi giảng viên được yêu cầu nói chuyện tại thánh thất miền thôn dã mà đa số bôn đạo là nông dân, bài nói chuyện không thể giống như nội dung

trình bày tại chốn thị thành được. Đây chính là việc uyển chuyển trong việc thuyết giảng nhằm đạt được hiệu quả theo phương châm “tùy duyên hóa độ”.

### **CHĂM SÓC**

Hạt giống tốt được gieo trồng vào cánh đồng màu mỡ sẽ không tự nó sinh trưởng để đơm hoa kết trái được mà cần có người nông phu một nắng hai sương thường xuyên chăm sóc, nhổ cỏ tỉa cành, vun phân tưới nước. Thật vậy, nông dân thường lưu truyền kinh nghiệm thành công trong việc trồng trọt gồm bốn yếu tố: “Nhứt nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.” Theo thứ tự này, yếu tố hạt giống tuy giữ vai trò quan trọng nhưng rất cần các yếu tố khác như: tưới nước, vun phân và siêng năng.

Mỗi người tín đồ Cao Đài là một Thiên ân có trách nhiệm độ dẫn ít nhất là 12 người tân môn đồ. Công việc gieo hạt giống đạo đức gồm hai loại là Đại đồng và Giải thoát, muốn đâm chồi nảy tược, sanh sôi cần phải được mỗi tín đồ Cao Đài với vai trò của người gieo giống cần siêng năng lân mẫn giúp đỡ, chia ngọt sẻ bùi, thương yêu hòa ái, nung nấu đức tin, để lời khuyến nhủ, trao đổi giáo lý, v.v... đối với những đạo hữu mới nói riêng và Thánh thất nói chung.

Khi nào người nông phu lo lắng và chăm sóc cánh đồng như chính bản thân mình thì kết quả thu hoạch trên cánh đồng sẽ không phụ lòng người đã bỏ bao công sức trên cánh đồng đó vậy. Tương tự, mỗi người tín đồ Cao Đài có trách nhiệm đóng góp vào việc xây dựng và phát triển cho Thánh thất nói riêng và Hội thánh nói chung. Song, người tín đồ lại rất cần nương tựa vào khối đức tin kiên định của tập thể ngũ hầu giúp cho bản thân vượt qua những lúc chùn chân do bệnh tật, nghịch cảnh, nghiệp quả hay khảo thí chi phối. Thật vậy, việc tu học hành đạo vô cùng sinh động hàng ngày của bốn đạo thể hiện qua việc cúng kính, học tập, công quả, nội tu, ngoại tu của các đạo hữu kết tụ thành một khối công đức vô lượng, tạo thành một từ

trường cứu độ, có thể trợ giúp các đạo hữu nơi Thánh thất sở tại tăng trưởng đức tin và tinh tấn tu hành.

### **TỰ GIEO GIỐNG VÀO TÂM ĐIỂN (TỰ ĐỘ)**

Ngoài trách nhiệm độ dẫn tha nhân hay còn gọi là gieo giống trên cánh đồng nơi thế gian, người tín đồ Cao Đài cần gieo giống lên chính cánh đồng nội tâm của mình hay còn gọi là tâm điển. Sở dĩ người ta gọi đó là tâm điển vì nó cũng cần phải hội đủ các điều kiện thành công như đã nêu: “Nhứt nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.” Do đó, tâm điển cũng cần được gieo giống đạo đức vào đó để đạo tâm thêm sáng tỏ, đức tin thêm kiên định; tâm điển cũng cần được tưới nước vun phân để bồi đắp tâm luôn tăng trưởng, trí huệ luôn khai mở; tâm điển cũng cần được chăm sóc thường xuyên để sớm loại trừ sâu bọ cắn phá, cỏ dại xâm hại. Thật vậy, khi ánh sáng đạo đức soi rọi vào bên trong nội tâm đến đâu thì bóng tối của màn vô minh bị đẩy lùi đến đó. Tương tự, khi hạt giống đạo đức tăng trưởng bên trong tâm điển bao nhiêu, những mầm mống tội lỗi bị triệt tiêu tương ứng. Việc quán chiếu nội tâm hay hồi quang phản chiếu để tâm được thanh tịnh ngộ hầu hóa giải và diệt trừ những chướng ma tham, sân, si, phiền não ẩn nấp nơi tâm điển của hành giả. Đây cũng chính là pháp môn nội tu nhằm thanh lọc thân tâm của người tu vậy.

Việc hành giả tự gieo giống và chăm sóc tâm điển của chính mình một cách liên tục bất thoái chuyển không ngoài mục đích làm cho lộ diện được chơn tâm thường hằng, vốn dĩ đã bị bức màn vô minh (gồm: tham sân si, thất tình lục dục, v.v...) che phủ trong hiện kiếp, cũng như từ vô lượng kiếp. Khi chơn tâm bừng sáng, cũng chính là lúc Thượng Đế đã ngự trị bên trong tâm khảm của hành giả rồi vậy. Lúc bấy giờ, các phiền não, chướng ngại bị đẩy lùi khỏi tâm thanh tịnh, vô dục, vô niệm của hành giả. Có thể nói, việc chăm sóc tâm điển của hành giả sẽ



tác động rất tích cực đến quá trình độ dẫn chúng sanh, bởi lẽ trí huệ của hành giả do nghiêm trì giới luật và tinh tấn tu hành sẽ mang lại nhiều lợi lạc cho chúng sanh. Quá trình tự độ tác động đến độ tha và ngược lại.

Mặt khác, khi con người làm sáng tỏ cái Đạo tự hữu bên trong qua việc tu thân luyện kỹ, tất sẽ thể hiện ra bên ngoài dáng vẻ thuần hậu dễ mến dễ thương của người chơn tu đức hạnh, sẽ nêu tấm gương cho mọi người chung quanh. Việc độ dẫn tha nhân bằng cách này được gọi là “chánh kỹ hóa nhân”. Tấm gương sống đạo gương mẫu của hành giả vẫn luôn có giá trị bất biến, thiết thực và sống động trong việc cứu độ chúng sanh. Mặt khác, khi hành giả xiển dương cái Đạo nhiệm mầu bằng việc liên tục thực hành chánh niệm, tất sẽ đạt đến chánh định và trí huệ. Nhờ năng lực của định và huệ, hành giả sẽ mang lại sự an lạc thanh bình cho mọi người, khêu tỏ ánh sáng giải thoát cho chúng sanh.

Hành giả luôn nhận thức kết quả sau cùng của quá trình tự gieo giống vào tâm điển chính là sự giác ngộ và giải thoát nơi thế gian, được biểu thị bằng việc tu chúng. Thật vậy, tuy con người đang sống tại cõi ta bà mà đạt được trạng thái thanh tịnh của cõi tịnh độ, không bị tham sân si lôi cuốn kéo tri, thất tình lục dục ảnh hưởng chi phối, tất nhiên sẽ thông dong tự tại, tâm hồn thư thái an vui mặc dù đang sống nơi cõi trần la khổ ải. Phạm nhân có thể trì hành chánh niệm, thực tập thiền quán để đạt được trạng thái thanh tịnh giống như Thánh nhân. Tuy nhiên, con người có thể giữ được hư tâm trong một phút, một giờ, một ngày, thậm chí một tháng; nhưng lại không thể nào duy trì trạng thái hư tâm thời gian vô hạn định như các bậc Thánh nhân. Tu chúng có nhiều mức độ từ thấp đến cao: tác phong đạo hạnh nêu gương tốt cho mọi người, trí huệ phát sanh giải thoát cho tự thân và tha nhân, chúng đắc lục thông (thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông, thần túc

thông, lậu tận thông) đầy đủ công hạnh cứu độ chúng sanh. Khi hành giả đạt được trạng thái chánh định bao nhiêu, tất sẽ khai sáng được trí huệ tương ứng bấy nhiêu. Tu chúng rốt ráo là đạt được trạng thái tâm thanh tịnh thường hằng, bất biến, vượt ra ngoài không gian và thời gian. Khi người Thiên ân chúng đắc được lục thông, khả năng cứu độ chúng sanh vô cùng lớn lao, sứ mạng gieo giống viên thành vô lượng công đức.

## LỜI KẾT

Thật là diễm phúc cho đất nước Việt Nam được Đức Thượng Đế chọn làm thánh địa khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài vào cuối thời Hạ nguơn mặt kiếp để phổ truyền chánh pháp. Thật là vinh hạnh cho dân tộc Việt Nam được Đức Chí Tôn chọn ban trao sứ mạng gieo giống để thực hiện mục đích của Đại Đạo là Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát. Nhất là các hàng Thiên ân ngày nay lại có được ơn phúc vô cùng lớn lao là cùng cộng thông sứ mạng với các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi trời, tạo thành thế Thiên nhân hiệp nhất hết sức mật thiết, gắn bó, sâu đậm.

Thánh thể Đức Chí Tôn tại thế gian có phát huy được sự mầu nhiệm trong công cuộc tận độ Kỳ Ba và công cuộc xây dựng cõi đời thánh đức tùy thuộc phần lớn vào việc mỗi người tín hữu Cao Đài có làm sáng danh Thầy danh Đạo hay không. Cánh đồng Đại Đạo bên ngoài càng màu mỡ, phì nhiêu bao nhiêu thì cánh đồng nội tâm hay tâm điển của mỗi người con tin Đức Cao Đài cũng phải rực rỡ, chói sáng bấy nhiêu.

Mỗi người tín hữu Cao Đài đều có trách nhiệm gieo giống nhằm độ dẫn ít nhất là 12 người. Muốn thực hành sứ mạng độ tha, người thiên ân cần phải tự độ bằng cách trì hành giới luật, tu thân luyện kỹ, công quả giúp đời, hồi quang phản chiếu, công phu tịnh luyện, chuyên cần tinh tấn nhằm sáng tỏ điểm Đạo, lộ diện chơn tâm, viên dung đạo hạnh, hoát khai trí huệ,

đạt Đạo giải thoát. Quá trình này chính là tự gieo giống vào tâm điền của hành giả. Có như vậy, mỗi người tín đồ Cao Đài mới hoàn thành sứ mạng Thiên ân, sứ mạng gieo giống trên cả hai phương diện tự độ và độ tha.■

### TRÍCH LỤC THÁNH NGÔN

1) Sứ mạng gieo giống là chọn giống lành đem gieo để cống hiến hoa quả, thảo mộc, mẽ cốc xinh tươi phục vụ cho đời. Gặp lúc thuận tiết thuận thời, tĩa trồng rần rộ, gặp khi nắng hạn bão bùng, cất giống vào kho rồi tiếp tục chọn giống lành giống tốt chớ nào phải ngồi khoanh tay than dài nắng hạn, thở vắn bão bùng rồi chùn chân phế phận. Vì hạt giống tốt giúp ích cho đời đều có giá trị của nó. Giá trị ấy bất biến muôn đời. Hạt giống ấy là từ bi, bác ái, công bình, là tình thương, là phục vụ, là đạo đức vì nhơn sanh.<sup>1</sup>

2) Khi Đức Chúa Jêsus cùng chư môn đồ giảng đạo trước quần chúng, Chúa dùng lời thí dụ chuyện gieo giống. Các hạt giống được đem gieo, những hạt bị rơi ở mé đường cũng không khỏi bị chim chóc nó nuốt đi. Những hạt rơi trên tảng đá, sống tạm vào chút ít cát bụi mà lên, cũng không khỏi bị úa tàn vì rễ không chắm sâu được. Những hạt rơi vào lùm bụi gai góc cũng lên, nhưng bị nghẹt vì gai góc. Còn những hạt rơi vào đất tốt sẽ nảy tược đâm chồi và kết quả.

Môn đồ hỏi Chúa: Thí dụ như thế có ý gì? Chúa bảo rằng: Hạt giống là Đạo Thiên Chúa ban cho, còn những hạt rơi trên mé đường là những kẻ nghe đạo nhưng ma quỷ sợ họ tin rồi được cứu rồi đi nên chực rước đạo ra khỏi lòng họ. Những hạt rơi trên đá là những kẻ nghe đạo bèn vui mừng nhận lấy, nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi, khi gặp sự cám dỗ thì họ sẽ ngã. Những hạt rơi vào gai góc là những kẻ nghe đạo rồi bị sự lo lắng giàu có vui thú của đời sống làm nghẹt đi mà không sanh được trái

chín. Còn những hạt rơi vào đất tốt là những kẻ nghe đạo rồi lấy lòng thành thật lương thiện mà gìn giữ, nhẫn nại mà kết quả.

Chư hiền đệ hiền muội! Chính hôm nay Lão muốn nói lại lời Chúa Jêsus với chư hiền, vì chư hiền là môn đồ của Chí Tôn Thượng Đế. Chư hiền sẽ lãnh hội và đem nói với con cái Đức Chí Tôn về ý đạo ấy. Lão muốn hạt giống đạo được gieo vào đất tốt để đơm hoa kết quả.<sup>2</sup>

3) Chư hiền là những sứ mạng kế tiếp gieo giống Đại Đạo, tái tạo dinh hoàn, lập Thượng nguơn thánh đức. Nhạc trùng dương vẫn tiếp nối, kiếp nhân sinh đâu phải là vô nghĩa ở trần gian. Chỉ có là giác ngộ hoặc hay không giác ngộ mà thôi.<sup>3</sup>

4) Trái 50 mùa Khai Minh Đại Đạo, Việt Nam trên mảnh đất quê hương nhỏ bé này đã được ân, dân tộc này được tiên phong lãnh sứ mạng gieo giống cho công cuộc tái tạo dinh hoàn, nên chi tay thợ cày lo sát cỏ xới đất lượm nhặt gốc gai, lấp hố hầm cho vườn nên trật tự. Còn những người lãnh giống có bốn phận gieo trồng tưới nước vun phân, mỗi người mỗi việc, tuy có khác nhau, kỳ thật đào thải hay bảo tồn đều trong sứ mạng xây dựng Nam bang trở thành thánh địa nói riêng, và cảnh đời Thánh đức cho thế giới nhân loại nói chung.<sup>4</sup>

5) Hỡi chư hiền của dân tộc được chọn! Sứ mạng mà chư hiền được Chí Tôn giao phó, không phải là người vun phân, mà là người gieo giống. Sự quan trọng không phải những điều kiện khởi phát mà là mầm khởi phát.<sup>5</sup>

6) Thượng Đế đã gieo mầm giống quy nguyên hầu cứu vớt vạn loài trong cơn tang thương biến đổi, nhưng con đã tự chiếm lấy một phần đất

1. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (14-4-1976).

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 02-12 Quý Sửu (25-12-1973).

3. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-3 Quý Sửu (02-5-1973).

4. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977).

5. Đức Gia Tô Giáo Chủ, Thánh thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

quy nguyên, những mầm giống riêng cho con. Con nên gieo, đừng ích kỷ con ôi! Con hãy gieo giống quy nguyên cho đầy những lộc rồi con đem phân phát cho những con trong miếng đất của con, để được cùng nhau thấm nhuần tình yêu thương nhân loại, để cùng nhau hiểu rõ lý nhiệm của Hóa công.<sup>6</sup>

7) Sự tiến hóa vẫn bị chi phối trong nhân duyên để tiến bước đi về kết quả. Những hạt thóc sau mùa gặt chỉ chờ đợi để thanh lọc và biến đổi thành khối bột tinh vi trong trắng. Những hạt thóc khởi xuất từ kho thóc được gieo trồng trong mảnh ruộng và lại được đưa về kho thóc. Song những hạt thóc ấy không phải trở về với chính nó mà bắt buộc song hành với trăm ngàn hạt thóc khác đã điếm tô trong mùa màng gặt hái. Các tiểu linh quang trong vũ trụ tự nhận mang lấy một sứ mạng của đại chủ tế linh quang là tiến hóa, là cải thiện, là hoàn hảo hóa trong tự bản thể cũng như đồng hành sanh hóa với các tiểu thể linh quang.<sup>7</sup>

8) Biết rằng một người chủ huê viên đã có tâm hồn thi sĩ thơ mộng thích trồng bách thảo vào huê viên ấy, nhưng nếu chỉ biết thích mà không biết kỹ thuật gieo trồng bố trí cho vườn hoa thì vườn hoa ấy chẳng những không có hàng lối trật tự ngoạn mục cho người thưởng hoa mà lại còn làm cho vườn hoa ấy lẫn hời sẽ tàn rụi hết, chỉ còn một số ít cây cỏ thụ ô để cản cối cô độc đứng giữa huê viên.

Còn như con (D.M.), đã biết gieo giống bồ đề trên mảnh đất phiền não, cũng phải biết phương pháp gieo trồng kỹ thuật chăm sóc tưới nước vun phân, nếu không thì cội bồ đề ấy sẽ là cây da hoặc cây lâm vô to tướng, chẳng thích hợp với phong cảnh tôn nghiêm nơi vùng Thánh địa đó con.<sup>8</sup> ■

6. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Huân Cung Đàn, 15-8 Tân Sửu (23-9-1961).

7. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08-10 Mậu Thân (27-11-1968).

8. Đức Ni Sư Diệu Lộc, Vạn Quốc Tự, 15-9 Kỷ Dậu (25-10-1969).

# ĐẠI NGUYÊN...

(TIẾP THEO TRANG 14)

## III. KẾT

1. Từ lịch kiếp, chúng ta lần quần loanh quanh miệng chậu, lên xuống trong ba nẻo sáu đường không có lối ra. Những đấng Tiên Khai giác ngộ, hiểu đời vô thường, kiếp người đau khổ, vang lời nguyện cầu, thấu đến chín tầng mây, thời điểm cũng là tròn một chu kỳ vũ trụ, trước cảnh khổ nạn của đàn con, Đức Chí Tôn lâm phạm Khai Minh Đại Đạo để cứu độ chúng ta.

2. Tính công khai, ràng buộc với sứ mạng tận độ Tam Kỳ được Đức Chí Tôn thực hiện “ĐẠI THỆ” trước các Đấng Tam Giáo Công Đồng, một hòa ước giữa THIÊN VÀ NHÂN. Đại diện nhân loại, Tam vị Thánh nhân ký phổ quát, chư Tiên Khai Đại Đạo tiếp ký và mỗi chúng ta phải tự ký qua lời minh thệ khi nhập môn để nhận được ân Thiên và phấn đấu làm tròn nhiệm vụ trò ngoan, tinh tấn tu hành để tự cứu và diu dẫn người đi sau.

3. “Đạo gốc bởi lòng thành ...”, chí thành thì chăm siêng, khổ luyện theo lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Chí thành thông Thánh, hành giả hiệp thông được với Ôn Trên. Thuyền bát nhã cập bờ, chúng ta bước xuống đừng chần chờ mà lơ chuyển chót rồi hối hận không kịp.

4. Tam Kỳ Phổ Độ, xả thân cầu Đạo, không phải vào rừng lên núi, mà tự dừng lại ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để đi vào trong, nhận cho đủ thần lực Đức Chí Tôn ban trong bốn thời Tý, Ngọ, Ngọ, Dậu mà nấu thuốc trường sanh để thiên niên bất hoại.

5. Ngay khi nhập môn là chúng ta nhận ân Thiên, câu minh thệ đi theo chúng ta suốt đạo trình, là tiêu chuẩn để kiểm điểm khi về cõi thiêng liêng hằng sống, “Xét câu minh thệ gởi mình cõi thẳng.” Có minh thệ mới lo phấn đấu học tu, có minh thệ mới nhận được sự phò hộ của Ôn Trên. ■

# HỌC LỜI ĐỨC BÁC NHÃ THIÊN SƯ DẠY CHƯ TỊNH VIÊN

## TRỞ NGẠI TRONG TU TỊNH

### ■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM

Chuẩn bị bước vào mùa tu Đông Chí Nhâm Thìn, chúng ta học lời Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy về “Trở ngại trong tu tịnh”. Đây là những khó khăn chủ quan, tự thân tâm của hành giả.

*Biết tiềm thức còn chôn đủ nghiệp,  
Khi móng lên mau kịp ngăn phòng,  
Ma ngoài hiệp với ma trong,  
Ngờ đi chớ tưởng lặng lòng quên thân.  
Còn bóng dáng, ma thân mới khảo,  
Còn thức duyên, ma đạo<sup>1</sup> mới sanh,  
Trống trơn, bật dứt dữ lành,  
Cắt đường ma quỷ lưu hành vào ra.  
Cứ lì lợm ngời già chớ nản,  
Ngày ngày y thiên quán đừng lơ,  
Ngoài thân không dạng đất trời,  
Trong tâm động đây tâm hơi chẳng còn.  
Công phu được vẹn tròn thanh tịnh,  
Thì lậu duyên chướng bịnh tiêu trừ,  
Ngưng thần nhập cảnh huần hư,  
Sinh cơ báo triệu, ngộ từ giờ đây.*

#### 1. BIẾT TIỀM THỨC CÒN CHÔN ĐỦ NGHIỆP,

#### 2. KHI MÓNG LÊN MAU KỊP NGĂN PHÒNG.

– Ý thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chúng ta biết và có thể kiểm soát được.

1. Ma đạo (thuật ngữ). Chỉ thế giới của tà quỷ thiên ma. Đạo ở đây cũng như chữ đạo trong Nga quỷ đạo, Súc sinh đạo, chỉ con đường mà bọn chúng qua lại. Kinh Lăng Nghiêm quyển 6: “Dù có đa trí thiên định hiện tiền, nếu chẳng đoạn trừ thói dâm dục, ắt bị sa vào Ma đạo; thượng phẩm là Ma vương; trung phẩm là Ma dân; hạ phẩm là Ma nữ. [Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học, “Từ điển Phật học Hán Việt”, nxb Khoa Học Xã Hội, 2008, tr.708.]

– Nghiệp là hành động của thân, khẩu, ý (tác ý), đó là vòng nhân quả.

– Tiềm thức: Chôn là giấu dưới mặt đất, tiềm là lặn sâu trong nước. Đây là trở ngại tự thân, cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ, chiến thắng chính mình. Tiềm thức: nghiệp còn ẩn, hiện ra bất ngờ nên không kịp kiểm soát, vì chưa tới ngày đáo hạn, vì bản năng thiên nhiên, vì tập quán, như đảo nổi lên giữa biển lúc nào không hay. Cho nên phải cảnh giác (khi vào tịnh chăm chăm tai mắt... ). Tiềm thức là nghiệp quá khứ, người ta dùng thời miên để người bệnh nói lên các nghiệp thân, khẩu, ý trong tiền kiếp.

- Nghiệp di truyền: từ ông bà, cha mẹ (mỗi lần tái kiếp lại tăng thêm).
- Nghiệp tập truyền: thực vật, động vật ăn vào,
- Nghiệp lưu truyền: từ bao nhiêu kiếp của chính cá nhân.

Muốn chấm dứt nhân quả, dứt nghiệp thì:

- Phải “vô tác thi công”.
- Phải xoá bộ nhớ = vô niệm (ghi cái vô).

Móng: tác ý, vừa khởi động bằng niệm (chưa kịp đến tác khẩu, tác thân) là đã bắt đầu gây nhân quả, luyện kỹ là luyện vô niệm. Kịp tức thì ở địa điểm, thời điểm mà nếu không kịp thì sẽ gây tai hại. Lúc ở mầm niệm, chúng ta triệt liễn, càng chậm thì sẽ di căn như bệnh ung thư, trở thành rừng cây rất khó cứu được nữa. Cổ đức dạy “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác tri.”

### 3. MA NGOÀI HIỆP VỚI MA TRONG,

### 4. NGƠ ĐI CHỚ TƯƠNG LẶNG LÒNG QUÊN THÂN.

Ma ngoài: lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ma ngoài tức là cảnh, cổ đức dạy “đối cảnh vô tâm, mặc vấn thiên”. Không cho ma ngoài vào trong bằng cách đóng cửa thành (bế căn) tức hành theo lời Ôn trên dạy:

*Đóng sáu cửa cho bền cho chặt,  
Thì thất tình lục tặc khó xâm.*

Ma ngoài còn là những chủ nợ đáo hạn mà lúc nhập môn đã “bôi tên Địa phủ, liên đài hoá thân” nên 10 cửa ngục mở cửa cho lên đòi. Ma bày đủ thứ, Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy:

*Bày đủ thứ thích ứng cảm dỗ,  
Khiến cho lòng ái ố loạn tâm,  
Hoặc cho muỗi, kiến tương xâm,  
Thịt da nhức ngứa, bụng râm tê chồn.*

Ma trong: hiện lên theo tạp niệm, vọng niệm. Trừ ma trong bằng chỉ niệm (chỉ: dùng lại) “Bế căn, chỉ niệm tâm tình hoàn hư.” Phải tu vô vi = tu giải thoát. Dưỡng Chơn Tập dạy: “Niệm là bệnh, vô niệm là thuốc.”

- Vô niệm là thị chi bất kiến, thính chi bất văn, thực bất tri kỳ vị.
- Chết chưa chôn, khen không biết cảm ơn, chê không biết sân si.
- Thân vô thân, tâm vô tâm, vật vô vật, không vô sở không, vô vô diệu vô.

Ngơ đi tức là tu ẩn, tu dốt như Đức Chí Tôn dạy:

*Người tu giả đại, giả câm,  
Giả đui, giả điếc lo tâm Đạo cao,  
Thủ thường phận giữ thanh cao,  
Nhứt tâm, đại chí anh hào vượt qua,  
Khử trừ muôn quỷ, ngàn ma,  
Thất tình lục dục nên xa lánh chùng.<sup>2</sup>*

### 5. CÒN BÓNG DÁNG, MA THÂN MỚI KHẢO,

### 6. CÒN THỨC DUYÊN, MA ĐẠO MỚI SANH.

Bóng dáng là thanh, sắc. Nếu hành giả còn

quan tâm đến thanh sắc: muốn thấy quần là áo lụa, muốn nghe lời êm dịu, là tạo điều kiện cho ma thân khảo mình. Vậy thì phải cẩn thận. Thức ở trong thân tâm ta. Duyên là môi trường ở ngoài ta.

*“Sắc tâm chưa dứt, thấy sắc động lòng tà dâm thì bị sắc ma thừa cơ làm hại.*

*Tính nộ chưa dứt, một khi phát nộ nghiêng rặng trợn mắt, đó là hiện thân của ma quỷ. Phật độ người có duyên phẫn, ma tìm người háo kỳ (thích tìm việc lạ lùng) cho nên giáo phái đạo môn nhiều hơn bao giờ hết. Về pháp thuật, khi chỉ trời, trời mờ, chỉ đất, đất lở, tàng hình, độn thổ, hiểu biết quá khứ, tiên tri vị lai... ngoài ra có loại thiên ma nhập vào xác người tự xưng là Phật Tiên, dùng thần thông biến hoá để mê hoặc lòng người. Nếu không chú ý, vì động lòng háo kỳ hay nổi lòng ham muốn mà đi theo thì dễ rời khỏi chánh đạo mà vào bàng môn.”<sup>3</sup>*

Mỗi người đều có nhược điểm, ma tấn công vào đó. Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy:

*Ma hiện thứ ta ưa, phỉnh gạt,  
Dụ không xong, doạ nạt cướp thân,  
Của tiền, sắc đẹp, lỏa thân,  
Phật Tiên giá vũ đảng vờ đến mừng.*

*“Cổ đức nói với các đệ tử mình khi ngói: Ma đến chém ma, Phật đến chém Phật” vì đó là các pháp hữu vi làm cản bước tiến của người tu thiên.*

*Khảo do nơi mình không ngoài 4 chữ: hỷ, nộ, ái, tăng (ganh ghét) phát ra không trúng thời, đều dễ dẫn hành giả đi vào ma đạo. Ma không hình tướng, tùy tâm người mà hiện.”<sup>4</sup>*

### 7. TRỐNG TRON, BẬT DỨT DỮ LÀNH,

### 8. CẮT ĐƯỜNG MA QUỶ LƯU HÀNH VÀO RA.

Do đó tu đạo phải tu tâm, tâm không nhiễm trần, không sinh niệm thì mọi sự khảo nghiệm đều như hư không, có mà không thiệt.<sup>5</sup>

2. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Cao Đài xuất thế, Đại Đạo hưng truyền”, đàn ngày 15-8 Bính Tý.

3. Tường Định, “Từ điển danh từ Đạo Học”, Minh Lý Đạo, Tam Tông Miếu, tr.235.

4. Tường Định, “Từ điển danh từ Đạo Học”, Minh Lý Đạo, Tam Tông Miếu, tr.235.

5. Tường Định, “Từ điển danh từ Đạo Học”, Minh Lý Đạo, Tam Tông Miếu, tr.235.

Mình có phát sóng thì ma mới len vào sóng đó để gây nhiễu hoặc điều khiển ngược lại. Ngừng sóng (vô niệm) thì giặc bên trong không có (chỉ niệm), đóng cửa thành thì giặc bên ngoài không vào.

Đức Linh Bửu Thiên Tôn dạy:

*“Cõi trần ai là nơi chung chạ, ngọc trắng cát lấm, vàng thau lộn lạo, chánh hưng tà dấy, phàm thánh lẫn nhau, chưa phân bạch hắc. Phật Tiên giáng thế, thì ma quỷ cũng ra đời. Trời độ rồi chúng sanh, quỷ giựt giành nhưn loại. Đó là thời kỳ bá đạo cạnh tranh, kẻ hữu phước Trời giành, người vô phần quỷ giựt.”*<sup>6</sup>

Phật tức tâm, ma cũng tức tâm. Chủ được tâm là theo Phật, còn vọng tâm thì ma dẫn.

Đức Chí Tôn dạy:

*Tâm giác làm nên Phật, Thánh, Tiên,  
Người tu noi đấy đoạ nhưn duyên,  
Tâm mê dẫn dắt làm ma quỷ,  
Lộn kiếp lông sừng chịu đao điên.*<sup>7</sup>

### **9. CỨ LÌ LỘM NGÔI GIÀ CHỚ NẢN,**

### **10. NGÀY NGÀY Y THIÊN QUÁN ĐỪNG LƠI.**

Li: li đây là li với ma khảo. Ma bày đủ thú, Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

*Bày đủ thú thích ưng cảm dỗ,  
Khiến cho lòng ái ố loạn tâm,  
Hoặc cho muỗi, kiến tương xâm,  
Thịt da nhức ngứa, bụng râm tê chôn.*

Tiếp tục thiền cho đến khi có kết quả. Công phu là việc khổ luyện, không phải một sớm chiều thành công. Không được trễ nải, bỏ bê...

Đức Chí Tôn dạy:

*Siêng cần dậy sớm thức khuya,  
Đạo tâm một khắc đừng lìa nó ra.  
Người mà để đạo đức xa,  
Nội trong giây lát quỷ ma xen vào.*<sup>8</sup>

6. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Khai Kinh”, đàn ngày 30-7 Bính Tý.

7. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”, đàn ngày 01-9 Bính Tý.

8. Ibid.

### **11. NGOÀI THÂN KHÔNG DẠNG ĐẤT TRỜI,**

### **12. TRONG TÂM ĐỘNG ĐẬY TÂM HƠI CHẮNG CÒN.**

Ồn Trên dạy: “*Ngoại quán thân vô thân, Nội quán tâm vô tâm, Viễn quán vật vô vật*”, đạt đến đây là đã “*xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo*” rồi sẽ tiếp tục tiến lên “*không vô sở không, vô vô diệu vô.*”

Không còn thân, không còn tâm, không còn dạng đất trời nữa, khi chúng ta đạt đến Tiên Thiên như Đức Khổng Tử dạy “*Tiên thiên nhi thiên phát vi, thiên thả phát vi, huống ư nhưn hồ, ư quỷ thần hồ.*”

Làm sao đạt được? – Hết sức phấn đấu, rồi phần còn lại,Ồn Trên quyết định. Đức Chí Tôn dạy:

*Miễn sao tâm chí vững bền,  
Đài cao trăm trượng biết lên kiếm tìm.  
Sắt cục mài trở nên kim,  
Dày công mới đặng đừng hiểm khó khăn.*<sup>9</sup>

### **13. CÔNG PHU ĐƯỢC VẸN TRÒN THANH TỊNH,**

### **14. THÌ LẬU DUYÊN CHƯỚNG BỆNH TIÊU TRỪ.**

Thanh tịnh là kết quả. Thân tâm không còn gây trở ngại nữa.

Lậu duyên: các chướng duyên hiện ra. (chướng là bờ đê, cản trở đường đạo; chướng đạo: là đắp mô).

Chướng bệnh: bệnh gây trở ngại trên đường tu. (thân bệnh, nghiệp bệnh, tâm bệnh). Đức Lý Lão Tử dạy:

*Đạo truyền im ẩn sâu xa,  
Chỉ phương tu luyện thoát ra biển trần.  
An vui mùi Đạo Thánh nhân,  
Song tu tánh mạng diệt hẳn nghiệp duyên.*<sup>10</sup>

### **15. NGUNG THÂN NHẬP CẢNH HUỒN HƯ,**

### **16. SINH CƠ BÁO TRIỆU, NGỘ TỪ GIỜ ĐÂY.**

Mỗi ngày chúng ta đọc kinh “(...) *Phá nhứt khiếu chi huyền quan.*” Huồn hư là con đường tiến đến phá nhứt khiếu chi huyền quan. Đức Chí Tôn dạy:

9. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Quân tử và tiểu nhưn”, đàn ngày 02-9 Bính Tý.

10. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Tam Giáo Thánh Nhưn”, đàn ngày 15-8 Bính Tý.

“Người tu hành chùng nào luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thân, luyện thần huồn hư, luyện hư huồn vô thì Huyền Quan nhứt khiểu ấy mở hoá ra.”<sup>11</sup>

Thanh tịnh là luyện kỹ, tụ khí ngưng thần là hành công. Đúc Chí Tôn dạy:

*Tu chẳng luận sơn xuyên am cốc,  
Tu cũng đừng tịch cốc hành thân,  
Tu là tụ khí ngưng thần,  
Tu cho tráng kiện mười phần nhân thanh.*<sup>12</sup>

Sinh cơ: mầm máy động trong thân tâm khi ngồi thiền.

Sinh cơ báo triệu: mầm mống báo hiệu – đã ngộ đạo. Chỗ này hỏi các vị đi trước thì câu trả lời là “Của ai nấy biết vì được mà nói là mất.”

Học lời Đúc Bác Nhã Thiên Sư dạy về trở ngại trong việc tu tịnh, chúng ta có thể tô đậm đôi nét. Hành giả bước vào học tâm pháp là đã xử tròn nhân đạo, nên những trở ngại trong hành công hầu hết là các khó khăn của chính thân tâm.

1. Bệnh cay đắng là nghiệp bệnh, không có toa thuốc vật chất nào chữa được. Cổ đức đã dạy:

*Linh dược khôn trừ oan trái bệnh,*

11. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Đại Đạo phục hưng, Cao Đài xuất thế, Cách thức thờ phượng”, đàn ngày 20-9 Bính Tý.

12. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Hậu thiên cơ ngẫu”, đàn ngày 05-8 Bính Tý.

*Thần đờn bất trị nghiệp ma tâm.*

Oan trái bệnh là nghiệp huân tập từ nhiều kiếp, chất chứa trong tiềm thức, phải kiên tâm, chuyên tâm lập đức bồi công để giải lần.

2. Thứ hai là cảnh bệnh. Đây là bệnh ngoại tà xâm nhập qua nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

– Một là chúng ta phải bế căn (đóng các cửa thành).

– Hai là phải dụng “Thần chú” của Ôn Trên ban để yểm chúng (lục yểm).

3. “Sanh tử sự đại, tấn tốc vô thường”. Biết đời là vô thường, kiếp người là khổ thì phải tu mau kéo trễ vì thời gian không đợi chờ chúng ta, việc chuyển nghiệp không thể thực hiện trong một sớm một chiều. Đúc Chí Tôn dạy:

*Cha đã già nhờ con sai cậy,  
Cậy đến con, con lại bơ thờ.  
Con ơi! Máy Tạo đâu chờ,  
Mà lần lựa mãi trễ giờ đó con.*

4. Nói rất dễ mà làm rất khó, cầu xin cho chúng ta thực hành được như lời Đúc Chí Tôn dạy:

*Tịnh, tịnh, tịnh, tịnh, tịnh,  
Tịnh là vô nhứt vật.*<sup>13</sup> ...

Có được thành quả để dâng trình lên Ôn Trên và thêm tiềm lực quang năng để gánh vác trách nhiệm.■

13. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, Thi văn dạy Đạo.



Cứ mỗi độ xuân về, cỏ cây đã cởi bỏ lớp lá vàng rơi rụng, mang lên một màu tươi nhuận thắm xanh. Cỏ cây hoa quả tuy rằng là vật vô tri vô giác, nhưng [với] tiềm năng linh ứng Tạo Hóa đã ban, cũng chuyển mình trong tiềm thức đón lấy tiết xuân sang để hòa đồng cùng vạn vật.

(...) Mỗi độ đông tàn xuân đến, là con người – đã mang một thể xác vi nhơn, chứa đựng những tâm tư thâm kín, một khối óc tinh khôn, sự hiểu biết phải trái, dở hay, chánh tà cùng khôn đại – dẫu cho từ hạng cùng đinh dân thứ đến hàng trí sĩ đạo đức uyên thâm, dẫu muốn dẫu không, tâm tư cũng dao động với tiết xuân về. Người vinh hoa phú túc vật chất thừa thừa đua đòi thụ hưởng đành rồi, nhưng đối với hạng cơ bản thiếu thốn, sớm có chiều không, dẫu lòng có muốn quên đi hoặc phôi pha cho mau qua những ngày Xuân đến, cũng cảm thấy nơi tâm tư có những gì rộn rục.

ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO, MINH LÝ THÁNH HỘI, 03-01 CANH TUẤT (08-02-1970).■



# XUÂN THÁI HÒA

■ LÊ KHANH

**M**ùa Xuân ứng với quẻ Địa Thiên Thái ☰ Trong Thánh giáo, Ôn Trên thường hay dùng cụm từ “tam dương khai Thái” để nói về mùa Xuân, cũng là để cập tới quẻ Thái.

Điểm đặc biệt quan trọng của quẻ Thái chính là sự cân phân hòa hợp. Điều kiện để hòa là phải cân bằng và sự tương hợp hài hòa. Xem tượng quẻ, Thái đạt được điều đó: ba hào dương và ba hào âm; tuy nhiên không như quẻ Bỉ, ở quẻ Thái, khí dương giáng xuống, khí âm thăng lên, chỗ giao nhau chính là hòa, hay khí thái hòa. Vạn vật hấp thụ khí thái hòa đó mới sinh trưởng và tiến hóa trong định luật của Trời Đất như Soán truyện đã đề cập:

*“Thiên địa giao nhi vạn vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã.”*

Đó là phần Tiên thiên. Thời Thái, ứng vào mùa Xuân; vạn vật, cây cối đâm chồi nảy lộc, thời tiết mát mẻ. Nhờ hấp thụ cái khí đó mà vạn vật hanh thông, có điều kiện trưởng dưỡng và tiến hóa. Cái khí ấy chính là khí thái hòa, tuy vô hình nhưng có năng lực mạnh mẽ, mà nhờ đó “vạn vật thông” và “kỳ chí đồng”, hanh thông,

đồng điệu, nhịp nhàng trong cơ tiến hóa của Trời Đất với đích điểm chung và duy nhất, đó chính là Đạo. Khi hấp thụ được cái khí thái hòa ấy, tức là cũng thừa hưởng những đức của Kiên và Khôn: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, nhu thuận, chính bền. Chính những đức này thúc đẩy vạn vật (trong đó có con người) đi đúng và trọn vẹn con đường tiến hóa theo nguyên lý phóng phát – phản phục.

Còn đối với con người:

*“Nội dương nhi ngoại âm, nội kiện nhi ngoại thuận, nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân, quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu.”<sup>1</sup>*

Đây chính là hòa trong nội thân con người. Người quân tử lấy đạo lý làm chủ sử cho mọi hành vi để ứng hợp với hoàn cảnh bên ngoài. Bên trong cương kiện mạnh mẽ, bên ngoài nhu thuận, khiêm hạ. Trong tâm phải là nội quái, thấm nhuần đạo lý của Trời Đất, hiểu được cơ sanh hóa; bên ngoài là ngoại quái, thị hiện cái Đạo ra bên ngoài bằng đức khiêm hạ, nhu thuận,

1. Soán truyện quẻ Thái.



luôn cầu tiến học hỏi và ứng hợp với lòng người theo ánh sáng soi đường của Kiến đạo. Trong, ngoài tương giao, hòa hiệp, người quân tử mới Thánh hóa được bản thân và đem lại hòa bình thịnh trị cho xã hội.

Trời Đất có âm dương thì xã hội loài người cũng có bậc quân tử và kẻ tiểu nhân; nhưng muốn được thời Thái, tạo lập một xã hội Thánh đức, người quân tử đóng vai trò chủ động, soi đường, thuyết phục độ dẫn tiểu nhân trở về chánh đạo vì đây là thời “quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu”.

Vì thế, trách nhiệm người quân tử trong thời này là:

*“Thiên địa giao, Thái. Hậu dĩ tài thành Thiên địa chi đạo, phụ tướng Thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân.”*<sup>2</sup>

“Hậu” là vua. Ngày nay, “hậu” có thể được xem người đứng đầu một nước, người lãnh đạo trong tôn giáo hay cũng có thể hiểu “hậu” là chính mình làm chủ lấy bản thân mình.

Người như thế phải có trách nhiệm hướng dẫn, dìu dắt nhân sanh sống theo Trung đạo vì chỉ có con đường Trung đạo mới giúp con người có cuộc sống hài hòa, bình hành tâm vật.

Đạo lý là quy luật bất biến, mà người muốn được trưởng dưỡng và tiến hóa phải sống hòa hợp với Đạo. Ý nghĩa chữ “tài thành” và “phụ tướng” suy cho cùng cũng là hành theo Trung đạo mà thôi.

Với bản thân, mình phải là chủ như ông của chính mình. Nội quái là Kiến tức là mình đã thấm nhuần đạo lý Trời Đất, ngoại quái là Khôn nghĩa là phải nhu thuận, khiêm nhường đức độ, thị hiện cái Đạo ra ngoài bằng tác phong đạo hạnh; dụng vật chất làm phương tiện phục vụ mục đích cao cả, gặp hoàn cảnh khó khăn hay cám dỗ cũng không ngã lòng.

Đêm giao thừa năm Bính Thìn, Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn phân tích rõ Đại tượng truyện quẻ Thái như sau:

2. Đại tượng truyện quẻ Thái.

*“Dịch có câu: “Thiên địa giao, Thái. Hậu dĩ tài thành Thiên địa chi đạo, phụ tướng Thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân”. Các bậc Thánh nhân ngày xưa thuận theo thời Trời mà phát sinh Thánh đức, giáo tử muôn dân noi theo lòng Trời mà xem dân như con đẻ, không thương riêng, không ghét riêng, dẫu đời có thăng trầm bĩ thời, người có đại khôn, đất có thấp cao, nhưng các Đấng đem Đạo tài thành của Thiên Địa để dưỡng nuôi bồi bổ, dụng phụ tướng Thiên Địa chi nghi mà mở mang thiên hạ, không tranh, không chấp, không tham giận thù hằn, nhà an nước trị, dân chúng vô bụng ngâm cơm. Ngày nay, chư hiền Thiên ân sứ mạng dẫu chưa đặt mình vào nhiệm vụ người xưa nhưng với sứ mạng Thiên ân bảo trì quyền pháp, phụng Thiên sự dân trong thời mạt kiếp này, sự quan trọng ấy nào có khác chi đâu.”*<sup>3</sup>

“Tài thành” có nghĩa là cắt xén, giảm bớt những gì quá mức, “phụ tướng” là thêm vào, tô bồi cho đầy đủ. Nhưng Đạo lại là tuyệt đối và hoàn hảo, có gì thiếu sót hay dư thừa đâu mà cắt xén hay tô bồi? Không phải là như vậy, ý kinh văn dạy người quân tử sống theo Trung đạo, không thái quá hay bất cập, mà đoạn Thánh giáo vừa nêu, Đức Bảo Pháp diễn giải “tài thành” và “phụ tướng” chính là “dưỡng nuôi bồi bổ” và “mở mang thiên hạ”; dĩ nhiên là trên cả hai mặt tâm và vật. Người có trách nhiệm trong thời Thái hành theo khuôn mẫu đạo lý, phụ với Trời tạo lập cho con người một xã hội đại đồng và tâm linh thăng hoa.

*Xuân là đức của Chí Tôn,*

*Thuở Xuân vui với tâm hồn thiên nhiên.*<sup>4</sup>

Câu Thánh giáo ý nói mùa Xuân là đức Nguyên của Đạo Kiến. Cái đức ấy rộng lớn bao trùm, không thể dùng từ ngữ nào diễn tả cho trọn vẹn được. Nhờ đó, vạn vật được dưỡng nuôi trong đức hạo sanh của Thượng Đế. Riêng với con người, cái đức ấy giúp hành giả đi trọn

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01-Bính Thìn (30-01-1976)

4. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).

con đường tiến hóa tâm linh vì Nguyên là nguồn cội tối cao của mỗi con người.

*“Xuân là đức Nguyên, là gốc. Gốc hấp thụ nhựa sống của đất trời mà bủa sung cành lá để kết quả đơm hoa, cũng như không có con người nào mà không có Thượng Đế tính. Thế thì người giác ngộ, bậc Thiên ân hướng đạo đang trôi bước trên đường Đại Đạo, muốn thưởng Xuân, phải biết ý Xuân. Xuân là Đạo, là tâm. Xuân cũng là luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh đến khi phản bốn.”*<sup>5</sup>

Xuân là đức Nguyên của Đạo Kiển, là đầu của cơ sanh trường thâm tàng. Đạo Kiển có bốn đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh thì mùa Xuân ứng vào đức Nguyên ấy. Cái đức ấy tồn tại mãi, ẩn sâu trong vạn vật, giúp vạn vật được tiến hóa.

Đức Vạn Hạnh Thiển Sư dạy:

*“Đức Nguyên vốn là độc nhất. Cái lý này là căn cơ của Trời, là chủ nhơn ông của người, không bao giờ hư mất”*<sup>6</sup>

Dịch Kinh huyền nghĩa nói về đức Nguyên:

*“Nguyên là đầu. Nói về tứ thời, Nguyên là mùa Xuân đầu hết, phát sanh ra vạn vật. Theo đạo người là đức nhân. Nhân là cội rễ của lòng người, sở dĩ đạo Trời sinh sinh bất cùng. Người theo đó mà hành động đúng với đạo Trời, mỗi ngày siêng năng nuôi dưỡng cái lòng háo đức lạc thiện, cái chí thanh cao giải thoát, để đạt đến lẽ mẫu nhiệm của Tạo hóa “thiện chi trường dã.”*

Dẫn ra những đoạn Thánh giáo vừa nêu để thấy rằng đức Nguyên là vô cùng vô tận và không phải chờ hết Hạ, Thu, Đông mới đến Xuân mà Xuân vẫn tồn tại mãi trong tâm con người, cái Xuân đó chính là “thiên địa giao”, “thượng hạ giao” trong chính mỗi con người với điều kiện mình là “hậu” của chính mình, hay nói khác hơn mùa Xuân đó chính là mùa Xuân thái hòa, là “luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh đến khi phản bốn.”

Còn với thời tiết, Trời vẫn xoay vần bốn mùa

Xuân, Hạ, Thu, Đông. Khi Xuân về, người viết luôn nhớ đến bốn câu thơ Đức Chí Tôn đã ban:

*Xuân phúc tải Kiển nguyên chi đức,  
Xuân Thái hòa vạn vật chi cơ,  
Xuân sang trước đã định giờ,  
Xuân về cho trẻ phục sơ tánh lành.”*<sup>7</sup>

Bốn câu thơ ẩn chứa nhiều lý Đạo cao sâu mà quá trình tu học, mỗi năm cách hiểu và sự thâm thấu mỗi khác theo chiều hướng thượng. Khi nói đến mùa Xuân tức là đề cập đến quẻ Địa Thiên Thái, rồi khi đã được học quẻ Thái, lại thấy có một chi tiết: Trong quẻ Thái, kinh văn không đề cập tới hai chữ “thái hòa”; tuy nhiên bài thơ của Đức Chí Tôn thì, “Xuân Thái hòa vạn vật chi cơ” và Soán truyện quẻ Kiển: “Kiển đạo biến hóa, các chánh tánh mạng bảo hợp thái hòa, nãi lợi trinh”.

Ba quẻ được đề cập trong đoạn thơ Xuân của Đức Chí Tôn: Kiển ☵☳, Thái ☱☲ và Phục ☰☷. Phải chăng, muốn hưởng một mùa Xuân trường cửu, mùa Xuân thái hòa, phải vận dụng, kết hợp và thực hành ba quẻ ấy. Bắt đầu từ Phục, “kiến Thiên Địa chi tâm”, cố gắng tu học hành đạo để nội tâm đạt được “thiên địa giao”, nhiếp thấu cái khí thái hòa, tạo lập thể nhơn hòa trong chính mình và cho xã hội nhân loại. Tuy nhiên, để được hưởng một mùa Xuân trường cửu, con người phải tu học, hành đạo với tinh thần “tự cường bất túc”.

Trời ban cho vạn vật, phần vô hình là tánh, phần hữu hình thể chất là mạng. Tánh và mạng kết hợp hài hòa, vạn vật mới có thể tồn tại và tiến hóa. Với con người, lúc ban sơ tánh và mạng “bảo hợp thái hòa”, nhưng lúc vào đời lại khác, do nghiệp lực, do dục vọng, gây ra nhiều tội lỗi, sống trái đạo lý nên sự thái hòa đó không còn nữa; hệ quả là con người lúc nào cũng cảm thấy bất an, bệnh tật, còn thế giới thì chiến tranh, bạo lực, một bộ phận không nhỏ trong cộng đồng nhân loại đánh mất nhân bản. Phản

5. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983).

6. Trúc Lâm Thiển Điện, 07-01 Nhâm Tý (22-02-1972).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Nhâm Tý (02-02-1973)

(XEM TIẾP TRANG 107)

# Bài học từ SOÁN TRUYỆN QUẾ KIÊN VỀ CON NGƯỜI

*Hay những đức tính mà con người học được từ đạo Kiền*

■ THANH LONG TỔNG HỢP

Nội dung của soán truyện quẻ Bát Thuần Kiền dường như không có phần việc của con người. Đọc qua tưởng chừng như đó chỉ là phần việc của Trời. Soán truyện viết: “Đại tai Kiền Nguyên, vạn vật tứ thi, nãi thống thiên; vân hành vũ thí, phẩm vật lưu hình; đại minh chung thi, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngụ thiên; Kiền đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trinh; thủ xuất thứ vật, vạn quốc hàm ninh”. Điều duy nhất có bóng dáng con người nằm ở chỗ “vạn quốc hàm ninh”, nghĩa là mọi quốc gia đều có được an ninh nếu có được nhân tố xuất chúng, vượt lên trên nhờ tài và đức (“thủ xuất thứ vật”) làm điểm phát khởi, huyền hoạt và hằng cửu<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, trong bài viết này<sup>2</sup>, chúng ta hãy thử nhìn nội dung soán truyện qua lăng kính của Đại Tượng truyện Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức. Nghĩa là, ta thử học cách nhìn vào vận động của Trời Đất, để thấy được người

tu cần thiết phải học và hiểu ra những vấn đề tối hậu cũng như vận dụng cái hiểu đó vào đời sống tu học của cá nhân.

## 1. TÍNH TIÊN PHONG VÀ TÍN LÝ CỦA ĐỜI SỐNG TU HỌC Ở THẾ GIAN

Trước hết, khi bàn về đức Nguyên của Kiền, chúng ta có lẽ học được một đức tính quan trọng nhất khi đặt bản thân ở vào vị thế Kiền<sup>3</sup>: tiên phong. Soán truyện viết: Đại tai Kiền Nguyên, vạn vật tứ thi, nãi thống thiên. Đức Nguyên của Kiền là nguồn đầu của muôn vật, thì con người nên thấy được sắc thái tiên phong, dẫn thân và đi đầu trong sự nghiệp tu học của bản thân là điều thiết yếu và cơ bản nhất. Hẳn khó mà không nói đến tính tự chủ, tự thân mình trong việc nhận thức được vai tuồng, trọng trách mà dẫn thân trên con đường tu học trong tinh thần tiên phong như thế vậy. Chính nhờ sự tự chủ, tự thân như thế mà con người mới có được sức bật mạnh mẽ, có quyết tâm để làm nên những bước chân đi trước. Con người tiên phong và dẫn thân thực hiện những đạo sự trong tầm tay của mình thì đã là cốt cán, trụ cột cho công việc đó. Đương

1. Nói về những tính chất của Kiền, có lẽ tạm gán vào 3 đặc tính nổi bật nhất. Đó là phát khởi tức là nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ; huyền hoạt tức là bí ẩn, huyền nhiệm và linh hoạt vận hành không ngừng nghỉ; và hằng cửu tức là luôn luôn ở trong một trạng thái như lúc đầu, không hề thay đổi.

2. Bài viết được tổng hợp ý kiến từ buổi học ngày 11-10-2012 của lớp Kinh Dịch Căn Bản tại Cơ Quan phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

3. Khi nói ở vào vị thế Kiền tức muốn nói rằng vị thế của người lãnh đạo, người đứng đầu hay người có trách nhiệm đối với một đạo sự, hay một công việc nào đó.

nhiên, khi đó người tiên phong sẽ là người nắm bắt được công việc để điều hành nó cho đến kết quả sau cùng. Một khi đã nắm bắt được việc, điều hành được sự thì con người đã đạt được vai trò thống trị, điều quản được công việc đó.

Một trong những biểu hiện trong đời sống tu học của đức tính tiên phong này chính là đức tin về chân lý và sự cứu rỗi của Đức Chí Tôn trong kỳ ba tận độ. Đức tin là yếu tố đầu tiên mà cũng là yếu tố cuối cùng để hoàn tất viên mãn cho bản tâm của mỗi người. Không ai có thể nhào nặn, tạo dựng nên cái gọi là đức tin để giữ gìn và ban phát như thể đó là một vật thể. Tự mỗi con người phải xây dựng nó ngay từ thuở đầu và nuôi dưỡng nó đến tận ngày sau, cho đến khi Đức Chí Tôn thân trở về cùng khối Linh Quang đại thể. Không có nó, thì không có người tu học, cũng sẽ không có sứ mạng làm người trong thế gian, cũng không có cái Thiện. Thành tựu của sự nuôi dưỡng đức tin một cách đúng đắn được hiện bày trong lý tưởng đạo đức, mà nhờ đó con người mới đạt đến đức tính tiên phong như đạo Kiền. Nói một cách khác hơn, khi đức tin chuyển thành thực thể lý tưởng, hình thành ý thức về cái đại thể, về đạo lý, là lúc con người có được công năng tiên phong lãnh trọng trách được ban trao.

Trên con đường thực hiện sứ mạng, vì thế, người tu học phải học cách nhìn nhận vai trò tiên phong, khơi mở đức tin của một người thừa hành, thừa ủy nhiệm Thiêng Liêng để đem đạo vào đời. Tùy thời điểm của tâm đạo, hiểu biết đạo lý để thực hành đời sống trách nhiệm được giao phó. Nếu mất đi vai trò tiên phong, cũng tức là tinh thần hăng hái với công việc, với đạo sự thì hẳn con người đã rời xa tự thể Kiền Nguyên trong tâm thức người tu học vậy! Giữ được Kiền Nguyên là việc khó hơn rất nhiều so với nhận thấy một cách đúng đắn tự thể Kiền Nguyên trong đời sống tu học của cá nhân.

*Trước liệu lượng, sau toan hứa hẹn,  
Lãnh lĩnh Thấy, đừng then với Thấy;  
Thủy triều vận tải đồng tây,  
Danh con được rạng, đạo Thấy hoàng dương.<sup>4</sup>*

Vậy nên có thể nói rằng xây dựng đức tính tiên phong của con người là bài tập thực hành theo Kiền Nguyên.

## **2. ĐỨC TRÍ VÀ NĂNG LỰC KHẢ DĨ CỦA CON NGƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG TU HỌC**

Đức tính thứ hai mà con người học được từ đạo của Trời Đất chính là Trí. Con người có thể có nhiệt tâm hay cao hơn nữa là đạo tâm, nhưng đối với mỗi việc, mỗi sự vốn đều chứa đựng những đạo lý uyên thâm đòi hỏi phải có sự hiểu biết chính chắn để giữ được mực thước và quy củ. Bởi lẽ, Kiền đạo lưu hành vốn trước hay sau đều nằm lòng, thông suốt, nên sáu thời đều có thể thành tựu. Nếu không được như thế, lẽ ra sự sinh tồn của vạn vật đã không còn đến hôm nay. Và có thể, bài viết này đã không được viết ra như thế này, cũng như những tư tưởng vĩ đại của Thánh nhân cũng khó mà truyền tới hôm nay. Soán truyện quẻ Kiền viết: “đại minh chung thi, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngự thiên” cho chúng ta cảm nhận được sự thông đạt hoàn mỹ của đạo Trời trong cả bầu vũ trụ. Ở con người, biểu hiện của sự thông đạt đó bày hiện ở đức Trí, hay sự hiểu biết có được nhờ mọi phương thức nhận thức địa giới vật chất cũng như cõi giới tâm linh của con người. Không có tri thức thì nhiệt tâm và đạo tâm của con người có thể nằm mãi mãi ở trạng thái khả dĩ, tức có chỉ có khả năng, nhưng lại thiếu hoàn toàn động năng để trở thành thực tại. Không có tâm đức thì đời sống con người chỉ đơn thuần là cảnh trần gian hỗn biến, vô lối và tùy tiện.

Con người muốn ngự trị trong cõi giới của mình cần có cái trí hậu thiên – thông suốt thực tại; muốn đạt đến cõi giới của trời cần có cái trí

4. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

tiên thiên – trực giác được lý huyền vi. Hay nói một cách tổng quát, đức Trí cao trọng này là tổng hợp năng lực của trí lực và Huệ lực, vốn do sự tu và học của con người mà thành. Cái trí hay trí lực của con người sẽ phát huy diệu dụng trong thế gian. Nhưng phải chờ đến khi Huệ lực phát huy khả năng làm chiếc cầu nối để con người nhận biết được tính thâm diệu của đạo lý thì con người mới có thể đạt được đức của Trí. Và nhờ có đức Trí, con người mới thông hiểu được thời khắc vận hành của sự và của lý để chuyển khả năng thành thực tại, biến đạo tâm thành đạo pháp một cách hợp lý, hợp thời mà không cần sự biện minh, tranh cãi quá đáng nào.

Một trong những biểu hiện cụ thể của đức Trí chính là minh triết. Minh triết là cái Trí ở cấp độ cao của sự hiểu biết toàn diện. Có minh triết, con người mới có thể bảo thân, mới có được luận lý để chiến thắng cái sai quấy, càn dỡ... Trong thực tế của việc tu học, Đức Quan Thế Âm dạy về cái trí cho người tu học phải được vận dụng vì sự thiết yếu và tối quan trọng của Trí, hay sự hiểu biết sâu sắc: *“Chư hiền đệ, hiền muội phải hiểu con đường của mình đang đi phải đi về đâu, đi đến chỗ nào duy nhất, rồi sẽ định việc làm. Trước khi làm phải hiểu việc làm thế nào cho hợp tình hợp lý có nghĩa có nhân. Được như vậy, mới dám hy sinh mọi mặt, mới có can đảm để vượt qua mọi chướng ngại.”*<sup>5</sup> Đức Trí là nguồn đầu cho mọi hành vi và tư tưởng sau đó. Nếu Trí có phần khuyết do sự thiên lệch hoặc quá thiên về trí lực bỏ quên huệ lực; hoặc quá thiên về huệ lực mà bỏ quên trí lực, hoặc ngay cả khi tạo dựng huệ lực thì lại thiên về sự tĩnh tọa bỏ qua ý nghĩa thâm sâu và linh hoạt của việc “tham thiền”<sup>6</sup>, thì kết quả mà sự tu học có thể gặp lại là khảo đảo và khó khăn như lời đức Giáo Tông đã dạy:

---

5. Đức Quan Âm Bồ Tát, Liên Hoa Cửu Cung, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

6. Xem thêm ý nghĩa của “tham thiền” trong Đại Thừa Chơn Giáo, Bài Tham Thiền Nhập Định, đàn cơ ngày 22-9 Bính Tuất (1936).

*Học mà chẳng biết hành cho đúng,  
Tu mà không tâm trúng đường đi;  
Mù lòa đêm tối khác gì,  
Loanh quanh trong kiếp hữu vi muôn đời.*<sup>7</sup>

### 3. ĐỨC HÒA VÀ NỀN TẢNG CỦA CON NGƯỜI THẾ GIỚI

Đức tính quan trọng thứ ba được rút ra từ soán truyện quẻ Kiền chính là Hòa. Tính chất huyền hoạt ẩn vi của đạo Kiền khiến vạn vật có được khả năng vận động tự thân trong quá trình sinh trưởng. Nhờ vậy mà thế giới vạn hữu đều có sự chuyển hóa. Tuy có sự thay đổi liên tục nhưng lại không có sự lệch lạc nào khiến cho vũ trụ dừng lại hay suy tàn đột ngột. Cái nguyên lý phổ quát do đạo Kiền quy định tính và mệnh của từng mỗi hữu thể và tổng thể vạn hữu đã khiến cho mọi vận động đều nằm trong một trật tự, mà sự hỗn loạn nào đó đều là hỗn loạn trong một nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất của sự sống. Sự sống, hiểu như là năng lực tồn tại lâu dài là biểu hiện của đức hạo sanh của Thượng Đế, là biểu trưng cụ thể của đức Hòa, của trạng thái thái hòa. Đó cũng là ý nghĩa của lời soán “Kiền đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trinh.” Từ đây, con người học được đức Hòa cao trọng của kiếp người trong cuộc trần sinh nhiều hỗn loạn, làm căn nền cho sự hiệp thông với đạo lý của Trời Đất, với con người trên con đường tu học. Nói cách khác, vì Hòa là tự thể của Trời Đất, nên con người phải học đó mà xây dựng đức Hòa trong thân, với vạn hữu và hơn hết, trên con đường tu học và hành đạo, người tu phải tạo dựng được hòa hợp giữa tính và mệnh thông suốt từ ý niệm cho đến thực hành. Có như vậy, mới là thực hiện sứ mạng vi nhân được Thiêng Liêng ban trao trong cõi trần.

*Con hãy giữ dĩ hòa vi quý,  
Hòa mới tường đạo lý cao siêu,  
Mới không phạm luật Thiên điều,*

---

7. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 05-01 Ất Tỵ (06-02-1965).

*Mới mong anh dắt, em dìu sớm hôm.*<sup>8</sup>

Tuy nói rằng thế giới con người luôn vận động và đa đoan nhưng cũng phải thấy rằng, dù biến chuyển đến đâu đi nữa thì mọi sự, mọi vật vẫn trong sự chi phối của nguyên tắc các chính tính mệnh, mỗi sự, mỗi việc và mỗi vật đều là một hữu thể có đường lối vận động nhất quán trong trạng thái thái hòa của một mối liên kết to lớn. Việc của con người là nhận thức và đánh thức được khả năng tự thân để kết thông với vạn hữu như một thể thống nhất. Muốn được một sự kết thông tròn vẹn, con người không thể không tự xây dựng cho mình thực tại hòa ái từ nội thân đến ngoại cảnh. Đó cũng chính là cái lợi và vấn đề cốt cán khi phải sống với những biến thiên của trần cảnh.

Một trong những biểu hiện của đức Hòa trong đời sống tu học là tâm thanh tịnh. Thanh tịnh là nguồn đầu cho sự hòa hợp, là khả năng an hòa bên trong bản tâm, dung hòa với vạn hữu bên ngoài con người. Tâm thanh tịnh, nếu xét trên nghĩa phổ quát, chính là sự kết hợp hai yếu tố “tham thiên” – động và “tĩnh tọa” – tịnh. Cho đến mức độ đó, thì là thái hòa, là nguyên thủ tạo nhân<sup>9</sup>. Trong mối liên hệ với tha nhân và

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

9. Xem thêm Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, NXB VHHT, 1996, tr. 41.

xã hội, biểu hiện của đức Hòa nằm ở việc thực hành đức Lễ của giáo lý Nho gia.

Nói tóm lại, từ việc học tập và tìm hiểu soạn truyện của quẻ Bát Thuần Kiến, người tu học có thể rút ra được ba đức tính căn bản trong ý nghĩa mà Đại Tượng truyện quẻ Kiến đặt để: tự cường bất túc. Ba đức tính quan trọng, hay ba điều mà người tu học phải hiểu, xây dựng và khả dĩ vận dụng cho đời sống tu học chính là: tiên phong, trí và hòa. Cả ba điều này được đặt trên nền tảng của tự thân, xuất phát từ bên trong mà hiển lộ ra ngoài. Vì lẽ, không ai ép được một người phải ở vị thế khởi xướng đúng nghĩa, trừ phi chính người đó tự đặt mình ở tâm thể tiên phong. Không ai ban phát cái trí chân thật cho một người một cách đúng đắn, trừ phi người đó tự mình học hỏi và gặt hái sự hiểu biết. Cũng như không ai có thể xây dựng được thể nhân hòa nếu mỗi cá nhân không tự mình cảm nhận, thấu hiểu và thực hành được đức hòa ngay trong mỗi hành vi và suy nghĩ của bản thân. Cả ba điều trên là điều kiện tiên khởi và cần thiết mà mỗi người tu học phải trang bị cho hành trang sứ mạng của bản thân. ■

PHIÊN BẢN 1: 15/11/2012

PHIÊN BẢN 2: 02/01/2013 – CẬP NHẬT: THÁNH GIÁO CAO ĐÀI

PHIÊN BẢN 3: 08/01/2013 – CẬP NHẬT: NHỮNG BIỂU HIỆN CỤ

THỂ ĐỐI VỚI MỖI VẤN ĐỀ: TIÊN PHONG, TRÍ VÀ HÒA. GỬI

CĐGL 117, ĐẠO ĐÀM. ■



Đã biết rằng Xuân là ấm áp, đẹp đẽ, hy vọng, canh tân, nhưng nếu chỉ có Xuân thì Xuân cũng không thấy quý.

Sở dĩ thấy quý vì có Hạ, có Thu, có Đông. Vì Hạ là diệu năng của Xuân. Xuân sinh thì Hạ trưởng.

Thu là tiềm lực của Xuân. Có sinh có trưởng phải có thâu kết.

Đông là đức tiềm phục của Xuân để tiếp tục phát sinh.

Như vậy có mùa nào là không có Xuân.

Xuân là đức Nguyên, là gốc. Gốc hấp thụ nhựa sống của đất trời mà bủa sung cành lá để kết quả đơm hoa, cũng như không có con người nào mà không có Thượng Đế tính.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ, CQPTGL, 01-01 QUỶ HỘI (13-01-1983). ■

## ■ ĐẠT TƯƠNG

### CHƯƠNG 2

#### TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

Muốn tổ chức lập đàn cơ, điều kiện đầu tiên là phải có:

##### 1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN

Khi mới bắt đầu dạy Đạo cho những môn đệ đầu tiên về việc thủ cơ chấp bút, Đức Chí Tôn đã dạy:

*“Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường... Vậy khi nào chấp cơ phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành.”*<sup>1</sup>

Về sau, trước khi tổ chức một buổi cầu cơ, Bộ phận Thông công phải được nhận sắc lệnh cho phép của Thiêng Liêng. Sắc lệnh này có nhiều loại:

A. Là một sắc lệnh tổng quát cho phép lập đàn thường kỳ tại một thánh sở tùy theo nhu cầu đạo sự. Có thể mỗi tháng hoặc mỗi quý (tam cá nguyệt) hay mỗi năm. Vài đoạn Thánh giáo sau sẽ cho chúng ta thấy rõ điều này:

• *“Từ nay, mỗi nguyệt, nơi Trung ương được đặc ân thêm kỳ đàn lệ ngày 30 trong 2 ngày sóc vọng, chư hiền được phép dâng cơ đúng Hội thời.”*<sup>2</sup>

• *“Về phần đàn cơ, từ nay về sau, cứ mỗi tam cá nguyệt sẽ một kỳ đàn lệ, ngoại trừ khi có lệnh hành sự những nơi khác. Lấy ngày Rằm tháng giêng là ngày khai mạc Văn Phòng làm đầu cho mỗi Tam cá nguyệt. Hiền đệ an tọa.”*<sup>3</sup>

• *“Riêng phần Hiệp Thiên Đài hãy nghe sắc*

*lệnh: Đàn lệ thập tứ tại Huồn Cung, kể từ đây sẽ thiết lập vào giờ Tuất. Riêng đàn thập tứ, Kim Quang thủ cơ, Huệ Chơn độc giả.”*<sup>4</sup>

B. Là một ân ban cho một thánh sở do nhu cầu giáo đạo hoặc sự tha thiết nguyện cầu của đạo hữu một địa phương. Thí dụ:

• *“Kim Quang Đồng Tử – Tiểu Thánh lai đàn, chào chư Thiên mạng, chư liệt vị đẳng đẳng. Tiểu Thánh vâng lệnh Đức Đông Phương Chưởng Quân đến đây trao tận chư phận sự Hiệp Thiên Đài Sắc Lệnh sau đây:*

#### THI BÀI

*Đông Phương Chưởng Quân sắc truyền,  
Phổ Thông Giáo Lý Hiệp Thiên thi hành.*

*Đúng giờ Tuất sơ canh Thập Ngũ,*

*Lục ngoạt này quy tụ điển quang;*

*Vạn Quốc Tự – Chơn Lý Đàn,*

*Dâng cơ thỉnh giáo đạo tràng nơi đây.*

*Nữ Đồng tử Hoàng Mai mẫn triết,*

*Độc giả phần Bạch Tuyết thừa vâng;*

*Pháp đàn hiển đệ Huỳnh Chơn,*

*Hộ đàn, Diển ký mọi phần đừng sai.*

*Đây Sắc Lệnh thứ hai đáp nguyện,*

*Cho môn sanh Ngọc Điện Huỳnh Hà;*

*Ngọc thời Nhị Tứ hiệp hòa,*

*Đương niên Lục ngoạt để mà dâng cơ.*

*Huỳnh Chơn đến trước giờ bày sấp,*

*Lệnh Hoàng Mai thủ chấp cơ Tiên;*

*Phần Độc giả, truyền Ngọc Liên,*

*Các tư kỳ phận khuôn viên thi hành.”*<sup>5</sup>

• *“Mẹ sẽ dụng Chơn Lý Đàn để lập đàn hành hóa phổ độ thay vì Thiên Lý Đàn, và đại diện*

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1, đàn ngày 03 Janvier 1926.

2. Huồn Cung Đàn, Tý thời, 01-02 Tân Sửu (17-3-1961).

3. Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

4. Đức Lý Giáo Tông, Huồn Cung Đàn, 01-6 Ất Tỵ (27-6-1965).

5. Huồn Cung Đàn, Tuất thời, 14-6 Ất Tỵ (12-7-1965).

cho đàn Cơ Quan, nhưng không đặt đàn lệ như định, mà chỉ do Thánh lệnh bất thường thôi. Mẹ sẽ cho phép các con đưa đến những con nào hoài tâm mộ đạo đến hầu đàn, nếu đúng cơ duyên sẽ được Thiêng Liêng điểm hóa, và nơi Thiên Lý Đàn chỉ còn đàn lệ Tam cá nguyệt và trở thành Mật Đàn khi nào các con được lệnh tâm truyền đạo pháp. Vậy Mẹ truyền cho Huỳnh Chơn, Diệu Lý từ nay hãy hy sinh nhiều thêm một phần nữa là tư gia con phải để riêng biệt một nơi thiết đàn. Khi được đàn tâm truyền đạo pháp thì các con chưa trường trai giới sát hay không lệnh điểm truyền không được phép nhập đàn nghe con.”<sup>6</sup>

Tuy nhiên không phải cứ nguyện cầu là được Ôn Trên ban ơn cho phép lập đàn. Đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta thấy:

• “Tuổi, nơi Liên Hoa Cửu Cung cũng như đa số đạo tâm hằng đêm nguyện cầu xin được lập đàn cơ nơi địa phương. Những lời nguyện cầu đó đã động điểm đến Thiêng Liêng, nhưng chưa được toại nguyện, bởi nhiều lý do mà ý phạm không sao hiểu được. Một đàn khác là hiền đệ T. cũng như bốn đạo nơi Thánh thất Bàu Sen cũng đồng với ý nguyện như trên. Vậy đây là lời dạy mà đạo tâm nơi này nên ghi lòng: Hãy giữ theo đường lối đã vạch sẵn trung dung hành đạo, khá dọn mình cảnh tỉnh những ý nghĩ thiếu sáng suốt như thời gian qua, từ đây cho đến đầu xuân sẽ được tin lành.”<sup>7</sup>

Đến đây chúng ta hãy xem một Sắc lệnh được Ôn Trên ban một cách hết sức bất ngờ lý thú:

Trong đàn cơ đầu tháng chạp Quý Mão, Đức Quan Thánh dạy:

“Về đàn khai Xuân, Hiệp Thiên Đài xem lại khoán thủ thi bài đàn Trung Thu của Diêu Trì Kim Mẫu mà hành sự cho đúng.”<sup>8</sup>

6. Đức Mẹ, Vạn Quốc Tự – Chơn Lý Đàn, 01–10 Ất Tỵ (24–10–1965).

7. Đức Lý Giáo Tông, Nam Thành Thánh thất, 15–10 Giáp Thìn (18–11–1964).

8. Đức Quan Thánh Đế Quân, Huồn Cung Đàn, 01–12 Quý Mão (14–01–1964).

Đến khi đó quý vị mới xem lại thi bài đã được Đức Mẹ dạy như sau:

#### BÀI

Ngọc bút để đêm thu man mác,  
Hư không lừng khúc nhạc tiêu dao;  
Cung sơn liễu múa hoa chào,  
Thiên vân khoác bức màn treo lời vàng.  
Ân phúc tải ngập tràn nhưn loại,  
Sắc hương thu trang trái non sông;  
Tứ phương hưởng phúc đại đồng,  
Lệnh Trời ban phát luật công trị vì.  
Hoàng đô đã đến kỳ chuyển hướng,  
Mai này đây phúc hưởng tội trừng;  
Ái nhi con hồi cân phân,  
Nữ hiền con hồi! lo lần nghe con.  
Khâm sứ mạng lo tròn sứ mạng,  
Tuân lệnh Thầy sao rạng danh Thầy,  
Thủ trì kiên nhẫn chuyển xây,  
Cơ quan giáo lý Đông Tây thực hành.  
Tam Kỳ mở độ sanh cứu tử,  
Nhật nguyệt soi trừ dữ trợ lành;  
Đàn gà chiu chít vây quanh,  
Xuân sang ấp ủ, đông tàng chở che.  
Phò trợ con vẹn bề đạo đức,  
Loan ánh hồng chói rực bóng hồng;  
Tiếp tay nam nữ lo xong,  
Điểm Thiên Mẹ bố phúc hồng con ôi!  
Thượng trí chớ sợ đời chi phối,  
Từng mây xanh đã rọi bóng hồng;  
Độ đời tránh cảnh diệt vong,  
Nhơn sanh cộng hưởng đại đồng âu ca.

#### CHIẾT KHOẢN THỦ

Ngọc Hư Cung Thiên ân sắc tú,  
Lệnh Hoàng Mai ái nữ khâm tuân;  
Thủ cơ tam nhật đàn Xuân,  
Phò Loan tiếp điểm thượng từng độ nhưn.<sup>9</sup>

Sau ba tháng rưỡi, đến khi đó quý vị mới hiểu đã có sắc lệnh này vừa là lệnh lập đàn xuân trong 3 ngày, đồng thời cũng ban ân

9. Đức Mẹ, Huồn Cung Đàn, Tý thời, 15–8 Quý Mão (01–10–1963).



hành sự nhiệm vụ phò loan cho nữ Đồng tử Hoàng Mai.

C. Sắc lệnh lập đàn cũng có thể do sự cầu nguyện đạo sự của cá nhân trong hàng lãnh đạo. Thí dụ:

*“Thừa Thánh Linh Tam Giáo Tòa chuẩn phê, vì sự nguyện cầu của Huỳnh Liên, Tư, Thông. Vậy đúng Tý thời Nhị thập lục được lệnh dâng cơ tại tư dinh của Tư cùng Thông.*

*Bộ phận Trấn Tinh Tử, Sơn Hồng Đăng cùng Minh Tinh họp lại chung lo cơ phổ độ.”*<sup>10</sup>

D. Sắc lệnh này có khi được chuyển đến từ một Bộ phận Thông công khác.<sup>11</sup>

Thí dụ: Sắc lệnh từ Hiệp Thiên Đài trường Chơn Đạo Tam Thanh – Cao Minh Quang chuyển lệnh hành sự đến Minh Lý Thánh Hội dạy Đồng tử Liên Hoa.

BÀI

*Sắc lệnh đến Tam Tông Miếu tự,  
Chuyển Liên Hoa Đồng Tử<sup>12</sup> hội tràng;  
Tịnh trường đồng chí Minh Quang,  
Khai để chơn pháp phân hoàn huồn vô.  
Chư hành giả sứ đồ tâm lý,  
Để giúp vào chánh vị Địa Lô;  
Địa Lô Phục chí Đông hồi,  
Thượng Tôn chiếu chỉ trước ngôi Cao Đài.  
Rạng minh nhứt điểm ngay lãnh mạng,  
Thành Tâm dâng trước án Tam Tông;  
Hội Thánh Minh Lý chung đồng,  
Trước ngôi đánh lễ ân hồng đồng dùng.  
Vậy giờ Thượng Tôn chuyển qua sắc lệnh môn  
đồ đồng tuân hành lệnh phán. Giờ Thượng Tôn  
chiếu sắc đàn Thập ngũ nơi Tam Thanh dạy về  
phần Chơn Đạo...”*<sup>13</sup>

E. Một số trường hợp, Ôn Trên cho Đồng tử ứng cơ tâm trong giờ tịnh tập thể, xuất

khẩu truyền sắc lệnh lập đàn. Trường hợp này, chỉ có ở những Đồng tử hạng nhất đã tịnh luyện rất nhiều, đã từng thủ cơ trong những đàn dạy đạo lý thâm sâu chân lý gây được đức tin mạnh mẽ với Bộ phận Thông công cũng như tín đồ.

Cũng có khi, đọc một số kinh sách xưa, chúng ta cũng thấy nhiều trường hợp Đồng tử được ứng tâm hoặc nằm mộng nhận sắc lệnh “chấp bút” để Ôn Trên tả kinh.<sup>14</sup>

Thí dụ: các quyển kinh Huyền Diệu Đàn ở Bạc Liêu của Hội Thánh Minh Chơn Đạo...

F. Về giờ giấc lập đàn. Tùy theo sắc lệnh của Ôn Trên quy định mà Bộ phận Thông công thi hành. Chúng ta thấy bất kể giờ giấc nào trong ngày, Thiêng Liêng cũng đều có thể giảng cơ dạy Đạo nhưng một khi Sắc lệnh đã ban cho giờ giấc nào thì Bộ phận Thông công phải nghiêm chỉnh thi hành đúng với lệnh đã ban. Thí dụ:

*“Địa Châu Tinh, hiền đã than phiền vì Thiêng Liêng không trả lời theo nguyện cầu của hiền. Giờ đây, Bản Đạo hỏi hiền điều mà hiền cũng như toàn thể đạo tâm có thi hành đúng theo nguyên tắc trong kỳ đàn nơi Huỳnh Quang không?*

*Hắn nhiên chư hiền đã hành sự sai thời giờ, Đồng Tử tán thân, thì trách nhiệm đó lẽ ra chư hiền phải thọ nhận. Kể từ nay, giờ phút Thiêng Liêng chỉ định thì phải hành đúng, không nên lập đàn quá trễ hay quá sớm.”*<sup>15</sup>

Đoạn Thánh giáo sau cho ta thấy thời lượng lập đàn đã được Thiêng Liêng ấn định:

*“(…) Các em phận sự lập đàn cơ như vậy quá trễ lắm à! Sao vậy?*

*Mỗi khi có đàn thì chẳng nên nhóm việc gì mà làm cho trễ thì giờ, còn nhóm thì cơ đàn phải trễ lại.*

*Thôi đã có lệnh rồi. Các em khá thành tâm sắp trật tự tiếp giá Mẫu Hoàng. Vì thì giờ gấp quá,*

10. Đức Đại Đồng Tổng Lý, Huồn Cung Đàn, 15-10 Tân Sửu (22-11-1961).

11. (Như trường hợp trong Trung Du hành đạo).

12. Người đã được ân ban thủ cơ năm 1936 tả Kinh Đại Thừa Chơn Giáo.

13. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đạo Lý 98, tr.19, Tam Thanh, 01-11 Quý Sửu (25-11-1973).

14. Xin xem tiếp về “chấp bút” ở mục II.3B.

15. Đức Đông Phương Chương Quân, Huồn Cung Đàn, 14-11 Canh Tý (31-12-1960).

chị không thể cùng các em trò chuyện, đó là bởi nơi các em vậy.”<sup>16</sup>

Qua đây chúng ta có thêm một thí dụ để hiểu vì sao Bộ phận Thông công phải nghiêm túc tuân thủ giờ giấc lập đàn. Như trường hợp vừa nêu, đã đến lúc Đức Mẹ giảng cơ thì Đức Thể Liên Tiên Nữ không còn thời gian vì đàn cơ đã không được lập đúng theo giờ giấc đã được sắc lệnh.

Khác với việc cầu hồn ma, với phương tiện làm bằng ván hòm lấy được khi cải táng, cần thiết phải cầu vào đêm khuya nơi thanh vắng mới có thể. Chúng ta thấy nhiều đàn cơ trong Cao Đài giáo được thực hiện vào giờ Ngọ, tức là lúc khí dương thịnh nhất.

G. Về địa điểm lập đàn:

Tùy theo sắc lệnh đã dạy mà thi hành. Ở Trên có thể giảng đàn bất cứ nơi nào cần thiết cho việc độ dẫn. Đã có lúc Ở Trên giảng đàn ngay ngục tù ở Côn Đảo trong thời kỳ kháng Pháp.<sup>17</sup>

“Đối với Thiêng Liêng, đâu nơi nào cũng có thể giảng dạy được, rất dỗi từ nơi lao xá hoặc Côn Đảo.

Không vì chỗ ô trước đó mà xao lãng tình thương dưỡng nhiên của Tạo Hóa đối với vấn đề đem đạo cứu đời.”<sup>18</sup>

Thông thường trong sắc lệnh, Ở Trên dạy đầy đủ các chi tiết về địa điểm, ngày giờ, thành phần của Bộ phận Thông công, thành phần được dự hầu đàn cũng như những việc cần chuẩn bị trước nếu có. Tuy nhiên, ngay trong buổi lập đàn cũng có thể được thay đổi bằng một sắc lệnh mới nhằm đạt được tốt nhất mục đích giáo đạo. Thí dụ:

16. Đức Thể Liên Tiên Nữ, Thánh Tịnh Thanh Quang, 24-5 Mậu Dần (21-6-1938).

17. Ngài Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài và một số Đạo trưởng khác như Trần Văn Quế, v.v... đã cầu cơ. Ở Trên đã độ được một số đại nguyên căn như Ông Phan Khắc Sửu, sau là Chương Pháp phái Tiên Thiên, về sau đặc vị Nguyệt Đức Thiên Tiên...

18. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

“Kim Quang Đồng Tử, Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, Thiên ân hướng đạo. Tiểu Thánh vâng lệnh Đức Đông Phương Chương Quân chuyển đệ Thánh ý đến Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Quân Chơn Tâm rằng:

Vì điều kiện sức khỏe của Hoàng Mai Đồng tử không thể cung ứng cho đàn cơ hôm nay. Hoàng Mai được phép an dưỡng qua kỳ Đại Lễ Trung Thu này, để đủ sức hành sự đàn pháp.

Vậy truyền lệnh cho Kim Quang Đồng Tử Hội Thánh Hậu Giang chuẩn bị ngay để kịp giờ Đức Từ Tôn giảng ban ân cho con cái của Ngài.

Phụ Tá Bảo Pháp cũng như toàn bộ Bộ phận Hiệp Thiên Đài hiện hữu vẫn giữ nguyên vị trí hành sự. Nhiệm vụ Tiểu Thánh đã xong xin chào chung tất cả. Tiểu Thánh lui điễn. Thăng.

TÁI CẦU

Vân Hương Thánh Mẫu, chào chư Thiên ân hướng đạo. Chị mừng các em nam nữ.

Giờ này Chị cùng Cửu Nương đến trước để quan sát đàn tiên. Từ Tôn Kim Mẫu sẽ đến trong giây phút. Vậy các em từ trong đến ngoài cân y tế chỉnh tư tưởng trống không, thành tâm như như để thọ hưởng lời huấn dụ.

Bàn cơ cần được tẩy trần thật kỹ.

Đức Từ Tôn Kim Mẫu vừa tới, các em hãy thủ lễ, Chị và Cửu Nương xuất ngoại ứng hầu. Thăng.”<sup>19</sup>

H. Trường hợp không có Sắc lệnh mà tự ý lập đàn theo vọng cầu sẽ phải mắc tội với Ở Trên.

Vài đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta thấy:

H1. Trường hợp từ một buổi đàn trong thời gian Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo.

“Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

Mừng chư Đạo hữu, chư Đạo muội. Cầu cơ việc gì?

Đại hội nơi Bạch Ngọc Kinh để sửa luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đại Tiên Lý Thái Bạch có trách nhiệm rất quan trọng, hỏi đáp Chơn lý Tam Kỳ cứu độ hết cả chúng sanh, ngày ngày thường ở nơi đó, không được

19. Thánh thất Bình Hòa, 14- 8 Nhâm Tý (21-9-1972).

(XEM TIẾP TRANG 72)

# Xuân về

## BIẾT LAI PHỤC CHÂN TÂM

■ XUÂN MAI

**K**hi mùa xuân tới, trăm hoa đua nở, muôn vật trong vũ trụ đều thay hình đổi dạng, nhưng có những cái bất diệt không thay đổi, đó là tấm lòng thương yêu chân thành, đạo pháp thường hành, đạo tâm chuyên nhứt, và tình huynh nghĩa đệ cùng góp sức hiệp tâm vì sứ mạng Kỳ ba.

Thật vậy, những thứ ấy chúng ta có đủ thì muôn việc gì chúng ta cũng làm được, thiếu những thứ ấy ắt chúng ta không dễ thành tựu trong mọi lĩnh vực cuộc sống của chúng ta. Tấm lòng thương yêu chân thành, tình huynh nghĩa đệ cùng chung sức hiệp hòa sẽ là phương thức diệu công, là động lực mạnh mẽ làm triển nở đức hy sinh, đem lại nguồn sống an hòa cho sanh chúng. Đức hòa hiệp được chan rải khắp nơi, nhân loại sẽ hậu hưởng an lạc thái bình.

Cũng như Âm Dương có giao hoà, thì cây cối mới đâm chồi, nảy lộc. Trong xã hội, trên dưới có hiệp sức nhau, thì tài năng, đức độ mới triển dương được.

*Âm dương hiệp tiết thì minh hiện,  
Phong vũ hòa khai triển vạn linh.<sup>1</sup>*

Trên hành trình giác ngộ và giải thoát tâm linh, mỗi chúng ta biết cách vun xới và tưới tắm những hạt giống tươi mát ấy, thì mùa xuân trong chúng ta nở rộ khắp muôn phương – *Tâm xuân vũ trụ đều xuân<sup>2</sup>*. Và dẫu mùa xuân sẽ thêm cho ta một tuổi mới hay có nghĩa rằng con người chúng ta không thể chế ngự được tuổi thanh xuân của mình nhưng tuổi xuân trong tâm hồn của mỗi người luôn luôn tươi trẻ và không bao giờ bị già cỗi.

Mùa xuân, tiết lập xuân – lúc mà dương khí trong lòng đất đang hưng thịnh, ngùn ngụt bốc lên, làm cho muôn loài bừng tỉnh, vạn vật hồi xuân, cây cối nảy mầm, nảy mộng, đem xuân sắc về cho nhân quần, hoàn vũ. Đó là những ngày con người có thể giao cảm với Đất Trời nếu khéo biết quay về với cái gọi là Bản lai diện mục của chính mình. Con người biết nhân tiết xuân về mà tĩnh lặng nghỉ ngơi, thưởng vị hương xuân thiên sẽ giúp con người thanh thân an vui mà lai phục chơn tâm (đạo tâm trở lại). Bởi vì thường nhứt tâm con người luôn dao động do bị tác động trực tiếp bởi cuộc sống đa dạng, biến chuyển theo thường tình ngã chấp, do đó mà đạo tâm xa dần. Người tu cần phải quay về nội tâm để học đức của đạo Kiến và đạo Khôn, tức thừa thuận theo chơn lý Đạo

1. Đức Quảng Hiệp Đạo Nhơn Phan Chu Trinh, Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, phẩm Trung thừa, bài 12: “Tinh thần hòa hiệp”, 01-5 Nhâm Dần (02-6-1962).

2. Tư tưởng Kinh Di Ma Cật.

một cách chính bền, “Chung nhật kiên kiên để tự cường bất tức”, nhưng lúc nào cũng giữ đúng đạo Trung. Muốn vậy con người phải sáng suốt tâm linh, tức phải biết tu tâm dưỡng tánh, có nghĩa là đã giác ngộ, bước vào con đường tâm pháp, sẵn sàng tận hiến vì đại cuộc cứu độ Kỳ Ba. Như thế là đã căng buồm Bát Nhã thẳng tiến đến bến giác, là đã bước vào trường ánh sáng của thời Thái hanh thông an lạc, là gần Đạo, như lời Đức Quan Thánh Đế Quân đã nhận xét:

*“Khí tiết dương sanh, chuyển phục sức sống cho muôn loài, do đó ảnh hưởng đến tâm thần con người được lắng dịu yên tĩnh, nghỉ ngơi không xáo trộn mà chân tâm lai phục. Người tu cần giữ cái tâm lai phục này thường xuyên là gần Đạo vậy.*

*(...) Đạo truyền nay chuyển sang nguyên mới Thoang thoảng hương trời tâm tự lai.”<sup>3</sup>*

Khi con người ý thức được mình đang ở vào thời Thái tức là cảm nhận được ơn gọi thiêng liêng, phải biết tận dụng trong mạnh mà ngoài thuận để tận lực phát huy khả năng giúp đời, thực hiện sứ mạng vi nhân. Vì thời Thái là giai đoạn tâm Trời và tâm người có sự cảm ứng tương liên, Thiên khí giáng, Địa khí thăng, Âm Dương giao cảm, Trời – Đất giao hòa, Tâm – Thân tương hòa, Tam Dương khai thái (quẻ Thái kết hợp bởi: Nội quái là Càn hay Trời, Ngoại quái là Khôn hay Đất ☷, khí dương ở dưới có tính cách thăng mà giao tiếp với khí âm, khí âm ở trên có tính cách giáng mà giao tiếp với khí dương, hai khí giao hòa mà mọi vật được yên ổn). Nếu con người thường hành đạo đức theo đúng luật Trời – Lòng hằng giữ Đạo, ý không đổi dời sẽ cảm thụ được tinh thần Thiên nhân hiệp nhất.

Thực hiện sứ mạng vi nhân, giúp đời là giúp con người hiểu biết để truy tìm cội nguồn và lý do hiện hữu của mình, con người nhận ra cái

phẩm giá cao trọng của mình để rồi hiểu sứ mạng của mình là phải góp tay hoán cải những ai còn đang mê lầm, còn đang làm nô lệ cho những đam mê hư hèn, trở thành con người mới, con người được giải thoát khỏi sự kềm chế của dục vọng mà điển hình đang phát triển trong giới trẻ hiện nay. Khuynh hướng hưởng thụ, sống thực dụng nơi giới trẻ đang lan rộng trở thành nếp sống mới. Họ đòi hỏi yêu thương và thông cảm từ gia đình, từ người xung quanh, nhưng lại quá gay gắt và phê phán khắc nghiệt với thế hệ đi trước. Họ thường hiếu thắng, hăm hở lao mình vào cuộc chạy đua của cuộc sống kinh tế thị trường và khoa học kỹ thuật, nhưng cũng rất dễ chao đảo trước những khó khăn của đời sống, những thất bại trong nghề nghiệp hay tình duyên không như ý. Không thiếu những người trẻ đã nản chí, buông xuôi và tìm cách giải quyết vấn đề bằng ma túy, trộm cướp, băng đảng hay bằng chính cái chết tiêu cực. Hiện tượng giới trẻ sống buông thả, bung phá thác loạn đang có mặt khắp mọi nơi, từ các góc ngách đường phố cho đến bên trong trường học, và đang len lỏi vào tận mỗi gia đình, là vấn nạn đang làm những người có trách nhiệm, bậc phụ huynh... ưu tư, trần trờ.

Là tín hữu Đại Đạo, để có thể góp tay hoán cải con người mang đầy tham vọng vô minh, chúng ta cần ý thức lời Đức Quan Thánh Đế Quân đã dạy: phải noi theo đường đạo đức, khép mình theo mẫu mực tu thân; học thông suốt chân lý Đại Đạo để thực hành đúng với chân truyền.

– Trước hết, chúng ta phải luôn kiểm điểm lại thân tâm xem đã thực sự biết việc, đã làm được gì để dung hóa với đạo lý.

*“Biết việc xét mình dung dị hóa”: Biết việc, theo Khổng Giáo gọi là cách vật, tức là học hỏi cho đến chỗ tận cùng của mỗi sự vật, không còn nghi ngờ lầm lẫn. Biết việc đến chỗ tận cùng gọi là chân trí. Có chân trí mới có chân ý. Chân ý là vị chân sư trong người. Xét mình dung dị hóa: Kiểm điểm lại mình đã làm được gì tương ứng với sự hiểu biết để dung hóa với đạo lý, với tâm hồn, với bản thân, tạo thành một thể thuần thể hồn nhiên của nội*

3. Đức Quan Thánh Đế Quân, Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, phẩm Thượng thừa, bài 1: “Khai xuân”, 30-12 Nhâm Tý (02-02-1973).

tâm. Được như vậy thì một cử chỉ, một lời nói, một việc làm đều thuận lẽ tốt đẹp.”<sup>4</sup>

– Có học thông chánh lý, để hành thâm chân truyền chưa?

“Học cho thông suốt chân lý Đại Đạo để thực hành đúng với chân truyền.

Chánh lý là lý âm dương (...) Tu hành là phải Tánh Mạng song tu. Chân truyền là “đĩ Thần ngự Khí nhi thành Đạo.”<sup>5</sup>

– Có ngôn hành tương ứng, lập trường chánh trung không?

“Lời nói ứng hiệp với việc làm. Lời nói việc làm đi đôi đó là đức hạnh cần thiết của người tu.

Lập trường chánh trung là không thiên lệch vào một đối tượng nào của thế giới hậu thiên mà nhất là không còn ngã chấp”<sup>6</sup>, mà phải làm một chúng sanh hiểu biết, làm một vị Minh sư khai ngộ, làm một Thiên ân nhận thức được trí huệ thâm sâu để hiểu biết thâm tình của chúng sanh. Phải biết tất cả những gì mình có đều là ân điển của Đấng Chí Tôn Thượng Phụ nên phải biết chia sẻ, yêu thương và phụng sự chúng sanh.

Như vậy, mỗi tín hữu của Đại Đạo – mỗi Thiên ân phải thực hiện sứ mạng của mình để góp phần vào sứ mạng chung, đó chính là phải phổ độ chúng sanh, lấy đạo lý tình thương giúp chúng sanh giác ngộ. Bởi cuộc đời có lắm khổ đau vì mê lầm, chấp ngã nên luôn cần đến những con người sứ mạng có trách nhiệm lớn lao, nặng nề khổ nhọc, đó là giác ngộ và giải khổ cho chúng sanh để giúp cho chúng sanh bớt mê lầm đau khổ, hướng đến con đường an lạc giải thoát. Đây là trách nhiệm lớn lao của người Thiên ân trong ý nghĩa nỗ lực hành trì và thực chứng lời Đức Tôn Sư dạy vì mục đích tự lợi và lợi tha.

Để góp phần vào cơ cứu độ Kỳ Ba, cần phải tận dụng nhân lực, phát huy nội lực và tài năng của mỗi cá nhân trong cộng đoàn trên cơ sở lấy đạo lý tình thương làm căn bản – Tình thương

có trang trải thấm nhuần, quyền pháp mới nghiêm minh<sup>7</sup>. Muốn tận dụng tài năng của bạn đồng hành, của cộng sự, người hướng đạo phải có phương pháp để cải sửa khuyết tật, chấp nhận sự bất toàn, không phải là dung túng mà để từng bước giúp cải hóa, giúp tiến bộ, phát triển trên nguyên tắc chân thành, thương yêu để mỗi cá nhân ý thức: kỷ luật thuận hành; khiêm tốn kiểm tu; nhận phê sửa lỗi, bởi việc thấy được lỗi sai của mình, có dũng khí để công khai thừa nhận và quyết tâm sửa chữa những sai lỗi đó là dấu chỉ của một con người chân chính, trung thực đáng cho mọi người tin cậy và kính trọng.

“(…) Trải qua những bước đường trần thế, người lữ hành đã từng trải biết bao thác ghềnh, rừng núi, gian lao khổ cực, cái nóng bỏng, cái thê lương, cái giá rét của năm tiếng, năm mùi, người khách khoác lên mình chiếc áo tứ đại bao bọc mảnh tâm đơn để hòa nhịp cùng thiên nhiên tạo vật, dầu nóng bỏng hay thê lương, lạnh lùng hay băng giá, khách vẫn huyênh đông trôi bước. Khách đó là ai? Có phải người Thiên ân trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đang sóng bước trên đường sứ mạng hoằng pháp giúp đời hay không?”<sup>8</sup>

## LỜI KẾT

Mùa xuân về không chỉ mang đến hơi ấm, mang đến sức sống mới cho cỏ cây, hoa lá mà sức xuân cũng đang tiếp thêm nghị lực, niềm tin, tạo nên tâm thế mới cho người Thiên ân trong ý nghĩa khiêm tốn kiểm tu rồi nỗ lực hành trì vì mục đích tự lợi và lợi tha.

Được như thế thì người người cùng được thưởng xuân – một mùa xuân thái hòa an lạc mà lai phục chơn tâm.

*Nay xuân chan rười tình muôn loại,*

*Đạo dẫn hồn xuân bước viễn du.*<sup>9</sup>■

4. Ibid.

5. Ibid.

6. Ibid.

7. Đức Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

8. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, đàn Giao thừa Bính Thìn – Đinh Tỵ (1977).

9. Đức Quan Thánh Đế Quân, Tam Thừa Chơn Giáo, 30-12 Nhâm Tý (02-02-1973).



# Vui cảnh RỪNG THIÊN

■ CHÍ THẬT

**M**ùa xuân là mùa của lễ hội với nhiều cuộc vui chơi thỏa thích, để bù đắp lại suốt một năm dài lao nhọc trong đời sống mưu sinh, phải đương kham nhiều mặt trong nhiều lãnh vực, lo toan đủ thứ, nào là cơm áo gạo tiền, tạc thù vãng lai, giao lưu thân hữu...

Tết đến xuân về là dịp để người trần thế làm tròn bốn phận vi nhân, tỏ lòng tôn kính đối với các bậc sinh thành, với những người đã có công dạy dỗ chúng ta nên danh nên phận, và tri ân sâu sắc đến những vị ân nhân đã giúp chúng ta vượt qua những lúc khó khăn, những hồi hoạn nạn...

Đối với thế nhân, đó là việc bình thường mà tất cả mọi người hầu hết ai cũng phải làm như thế. Nhưng đối với người tu, ngoài các bốn phận vi nhân vừa nêu trên, chúng ta còn có bốn phận với nhân sanh, với đạo giáo.

Thú vui của người tu là an bản lạc đạo, có nhiều công quả để chúng ta tham gia như: trực tết tại Cơ Quan đạo, ở các tịnh – thất, đi chúc xuân đồng đạo ở các Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh trong toàn Đạo, các tôn giáo bạn, các ban ngành đoàn thể trong khối giao lưu đạo đời tương đắc. Từ đó, làm động năng thúc đẩy

cho sự tiến hóa trong tiến trình phát triển nhân sinh và tâm linh, cũng lấy đó làm đà tiến trên đường tu học hành đạo lập đức bồi công.

Như thế, chúng ta đã vui xuân, thường xuân đúng với cương vị của người tu thuận theo lý Đạo cơ thiên, hòa mình với thiên nhiên với vạn hữu.

Trong Thánh ngôn Thánh giáo, các Đấng Tiên Tiên Liêng hằng dạy bảo hàng môn đệ Cao Đài, phải lo tạo lập công quả cho dày, bởi đó là móng nền kiên cố giúp cho hành giả vững bước trên nấc thang Đại thừa, giảm bớt lần hồi sự khảo đảo do oan khiên nghiệp lực của mỗi cá thể tự tạo trong tiền kiếp hoặc hiện kiếp, và làm ảnh hưởng đến tập thể. Chính vì lẽ đó, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn mới dạy:

*“Muốn độ đời cần vong kỷ, bố thí, trợ nghèo giúp khó là phương pháp bảo toàn tự thân.”<sup>1</sup>*

Thế theo lời dạy của Đức Như Ý, ngoài việc tham gia các công quả trong đạo, nên giảm bớt một phần chi tiêu để giúp những người không đủ điều kiện vui xuân đón tết. Những nghĩa cử cao đẹp mang đậm nét văn hóa truyền thống đạo

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10–11 Kỷ Mùi (28–12–1979).

đức chính đáng đó, là thiện duyên, là phương pháp giúp chúng ta tồn tại để phát huy đạo sự ở hiện tại và kiến tạo đạo nghiệp trong tương lai.

Trong sử Đạo còn lưu lại hình ảnh cao quý của Ngài Ngô Minh Chiêu, người môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài, một tấm gương tu hành giàu lòng nhân ái của bậc chơn tu, mặc dầu bận rộn trăm công ngàn việc chốn quan trường, cứ vào buổi chiều ngày 30 tết, Ngài thường đi vào các phiên chợ, quan sát xem coi những tiểu thương còn ế ẩm hàng bông, rau củ quả... Ngài đều mua hết đem về nhà và sau đó đem biếu cho những người không đủ điều kiện đón tết. Ngài làm như thế để giúp cho những người bán hàng về nhà cúng kính rước ông bà và ăn tết với gia đình.

Muốn thực hiện các công quả theo lời dạy của Đức Như Ý, và noi theo việc hành thiện của Đức Ngô vừa nêu trên, chúng ta phải dám hy sinh tư hữu, xem danh lợi như bọt nước đầu gành, như sương trên ngọn cỏ, sớm nhóm trưa tan, thoát đến thoát đi, thoát có thoát không.

*Ví dầu được có đừng mơ có,*

*Thì lúc lìa không cũng ngộ không.<sup>2</sup>*

Huân tập được như lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, hành giả đã vượt lên chính mình, có như không, không như có, như thế đâu còn chi vướng bận nơi lòng, biển cho lặng minh châu mới hiện, đó là kết quả ẩn chứng của người tu thiện, mà thiện là gì?

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: *“Thiên là tâm vô niệm; Định là dừng lại tất cả. Chỗ công phu này đòi hỏi hành giả phải ngày đêm tu tập.”<sup>3</sup>*

Quả đúng như thế, cuộc sống mưu sinh với tốc độ phát triển cao độ như hiện nay, đã khiến cho con người phải đương kham nhiều mặt với nhiều áp lực. Vì vậy, từ tinh thần đến thể xác đều phải làm việc với tốc độ chóng mặt mới theo kịp thời đại. Thế thì còn thì giờ đâu để nghỉ ngơi, để an dưỡng, để tu tập...

Các Đấng vì thương những hàng giác ngộ biết tìm về cửa Đạo, mới dạy bảo nhủ khuyên, chỉ dẫn cho chúng ta phương pháp cách thức, hầu nương tựa vào lời Tiên tiếng Phật, để tâm hồn được tĩnh lặng, thể xác được nghỉ ngơi.

Muốn cảm nhận và thọ hưởng được những thời khắc quý báu này, hành giả phải tự chiến thắng chính mình, phải làm chủ thời gian, sắp xếp công việc, giờ nào việc đó, đặt để công phu lên hàng đầu trong mọi sinh hoạt thường nhật, luôn luôn tự cường bất tức, hành giả mới đạt tới đỉnh điểm của công phu, mới nhận chân được giá trị siêu việt, huyền vi mầu nhiệm của sự thiền định. Và Đức Lê Đại Tiên đã xác tín với chúng ta vấn đề then chốt này:

*“Lão khuyên chư hiền đệ hiền muội ráng lo tu học và an định nội tâm, dầu hoàn cảnh sanh sống có bận rộn cũng nên để chút thì giờ hành đạo lập công hoặc tham thiền tịnh dưỡng để tìm thấy ánh sáng của ngọn nhiên đặng trong lòng người và tự khêu thắp cho tỏ rạng mà đi.”<sup>4</sup>*

Lịch sử đạo Cao Đài có ghi lại một sự kiện hy hữu, để khích lệ người môn đệ đầu tiên đắc thành sở nguyện, Đức Cao Đài đã cho Ngài Ngô Minh Chiêu thấy cảnh bồng lai.

Vào khoảng tháng Giêng năm Giáp Tý (tháng 02-1924) Tiên Ông ban ân để khích lệ, có hỏi Ngài Ngô muốn điều chi, Tiên Ông sẽ thuận cho. Ngài bạch đại ý xin Thầy cho Ngài thấy cảnh bồng lai. Tiên Ông không trả lời.

Vài ngày sau, vào một buổi chiều, Ngài Ngô đang ngồi trên một mỏm đá ngoài Dinh Cậu... Ngài hóng mát, mắt nhìn ra biển:

*“Bỗng chốc, Ngài trông thấy lần lần chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh chẳng biết là cảnh nào mà thiệt là xinh đẹp. Cảnh ấy vừa khuất lại lộ ra cảnh khác. Chót hết, Ngài thấy trên có Thiên Nhân sở ngay xuống một hàng có Nhật-Nguyệt-Tinh cũng đẹp đẽ vô cùng. Ngài ngồi mê mẩn quên lửng rằng thân còn ở chốn phàm trần. Được chừng lối 15 phút đồng hồ thì cảnh ấy lu dần rồi biến mất.”*

2. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Hợi (09-5-1971).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-11 Kỷ Mùi (28-12-1979).

4. Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

Sau đó, đến dịp hầu đàn, Tiên Ông cho Ngài biết đó là cảnh bồng lai mà Ngài ước nguyện được thấy.<sup>5</sup>

Suy gẫm sự kiện hy hữu này mới thấy rằng, vị đại đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài với nhiều lần ước nguyện, mới mục kích cảnh bồng lai và chỉ có một lần duy nhất trong suốt quãng đời tu hành.

Như vậy, đây là phần thưởng cao quý, một ân sủng cao trọng của Đức Cao Đài ban cho để khuyến khích Ngài trên bước đường tu học.

Ngài Ngô được khuyến khích tu, cho thấy cảnh bồng lai, còn chúng ta ngày nay được tận hưởng cảnh bồng lai mỗi năm bốn lần, trong bốn mùa tu, theo lời dạy của Đức Như Ý: “Mỗi kỳ vào khóa tu là chư đệ muội được vào thế giới bồng lai.”<sup>6</sup>

Lời dạy hết sức ý nghĩa và sâu sắc của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn làm cho chúng ta phải suy tư. Tại sao Ngài lại dạy như thế? Thiết nghĩ, được vào thế giới bồng lai trong các khóa tu, với điều kiện chúng ta tuân hành theo lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, nghĩa là phải sắp xếp gia sự, thế sự cho ổn định, hể vào nhập tịnh trường là nội bất xuất, ngoại bất nhập. Chỉ chuyên tâm hành công cho viên mãn, mọi sinh hoạt khác không phải bận lòng, giờ nào việc đó, được như thế là chúng ta tận hưởng bồng lai tiên cảnh tại chốn hồng trần nầy, như lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, mà chẳng phải nhọc công tìm kiếm phí ngày giờ cùng năm tháng.

Trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo có câu: “Bồng lai vốn thiệt quê nhà.”

Như vậy, được vào thế giới bồng lai, chính là được trở về ngôi xưa vị cũ, người tu thường nói là phản hồi cựu vị, và nơi đó mới thật là quê hương, là bến khởi nguyên của chúng ta, một khi biết được chỗ khởi nguyên là biết được chỗ quy nguyên, và nơi ấy là cõi trường tồn vĩnh cửu bất sanh bất diệt, thường tại hằng hữu.

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy: “Trong hàng

đạo hữu thường khi nghe nói đến lãnh vực thiên định công phu tu luyện thì đã nghĩ ngay đến vấn đề tạo Phật tác Tiên, thoát thai thân hóa. Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng chỉ mới đúng có phần nửa mà thôi, còn phần nửa kia phải hiểu rằng đó là yếu tố căn bản để giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhưng rẻ tiền, chỉ dụng nhiệt tâm trì chí là đạt thành tu chứng.

Thứ nữa là nhờ pháp môn ấy để làm phương tiện chuyển hóa tâm hồn được thuần thành khả ái do không chấp, không cầu, không nê, không lự. Hể lòng người không chấp, cầu, nê, lự sẽ được phóng khoáng thuần thành thơ thới vui tươi, khoan dung từ ái, ôn hòa, phúc hậu. Đó là diện mạo của Thánh nhơn tại tiền.”<sup>7</sup>

Như vậy, pháp môn thiên định giúp cho con người ít bệnh lâu già, có điều kiện và thời gian phụng sự nhân sanh, cống hiến cho xã hội nhân loại, xứng đáng đứng vào hàng tam tài đồng đẳng.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Thế nên cần đến các thời cầu nguyện hay tịnh tập thể để các dòng tư tưởng trọn lành phát xuất tự tâm linh của mỗi tịnh viên hướng lên để cảm hóa cùng Thiên Địa, ứng hiệp với các Đấng Thiêng Liêng như linh quang, như vân vũ để biến tỏa thành trận mưa ban phát rưới chan mát mẽ khi con người đang sống trong bầu lửa dục của trần gian.”<sup>8</sup>

Lời dạy trên của Đức Như Ý cho thấy sự mầu nhiệm của các thời cầu nguyện hay tịnh tập thể, nguyện lực của chúng ta sẽ hoà quyện cùng Thiên điển của các Đấng Thiêng Liêng, dệt thành một tấm lưới thiêng, tạo thành những trận mưa lớn, để chan hòa cho càn khôn vũ trụ được ổn định, và chan rưới cho bầu lửa dục trần gian được mát mẽ, lòng người được lắng dịu, những diệu dụng nêu trên của thiên định, đúng với ý nghĩa câu kệ hồi hướng “Công đức tạo thiên lớn biết bao.”

Kết quả của công phu, ấn chứng của thiên định là tiên đơn, là diệu dược chữa được bệnh

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Lịch Sử Đạo Cao Đài, Q.I, tr. 91.

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-11 Kỳ Mùi (28-12-1979).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

8. Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Ất Mão (26-4-1975).



trần, cứu an nhân loại, thế giới ổn định, càn khôn an tịnh. Tầm quan trọng của thiên thật lớn lao, công đức thiên trải rộng khắp muôn phương: “Phước lành hồi hướng đến nơi nao.” Chính vì lẽ huyền vi mầu nhiệm của thiên lớn lao như thế, Đức Lý Giáo Tông đã để lời gởi gắm đến các bậc tu hành chơn chánh: “Nhắc khách chơn tu một chữ thiên.”

### KẾT LUẬN:

Thiền là một phương pháp hữu hiệu, một công năng hữu ích giúp cho hành giả được an định nội tâm. Một khi nội tâm đã an định, hành giả an nhiên làm chủ lấy mình, biết chế ngự lục dục kịp thời, dừng lại thất tình đúng lúc, và ngăn ngừa tam độc đúng nơi.

Thiền là công đức vô lượng, năng lực vô biên hóa giải ân oán của người trần tục, làm vơi nhẹ nỗi đau của nhân thế, giảm lẫn cộng nghiệp của chúng sanh. Như thế, hành giả đã góp một phần công đức khiêm tốn vào công cuộc cứu độ chung cho toàn cả chúng sanh.

Đức Cao Triều Tiên Bối đã từng khuyên bảo: “Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân.”<sup>9</sup>

Được dự phần vào sứ mạng Tận Độ Kỳ Ba là niềm vui vô tận của người tu, là phần thưởng vô giá của thiên nhân, hành giả quyết tâm cầu tu giải thoát, phải gác bỏ danh lợi, đoạn dứt trần duyên, chặt đứt não phiền, thẳng một đường theo các Đấng Thiêng Liêng, cảm nhận ân Thiên để tu, để học, để hành cho rốt ráo tâm pháp Cao Đài, để giúp đời độ chúng, để chứng quả vô sanh nơi non Bồng nước Nhược.

Chư Tiên Khai Đại Đạo dạy:  
*Gác danh lợi, buồm xuôi biển Thánh,  
Đoạn trần duyên, vui cảnh rừng thiên,  
Dốc lòng học Phật tâm Tiên,  
Cứu mang chi chuyện não phiền trần ai.*<sup>10</sup> ■

9. Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14–02 Giáp Dần (07–3–1974).

# THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO TRANG 65)

*hạ trần giáng cơ dạy bảo. Chư Đạo hữu chớ khi mạng lịnh.*

*Đến ngày mừng 4 Tân niên Đinh Mão, Lý Đại Tiên sẽ tái hiệp. Kính lễ.*<sup>20</sup>

H2. Một trường hợp khác:

*“Nay Bản Đạo có đôi lời đại khái.*

*Nơi nào Ôn Trên đã ra lệnh bẻ đàn hay trong thời gian đàn lỵ, mặc dù có điều cần xin hiểu thêm nhưng Thiêng Liêng đã nhận thấy từ lâu, chi chi nào qua luật Hóa Công hầu hỏi thêm bận lại có tội.*

*Nên những đạo tâm cần phải suy sâu, tìm tòi chơn lý chớ chẳng nên lập đàn mãi mà chẳng y hành thì ôi hoài công vô tận! Bản Đạo lắm lời phiền cảnh thế nhiều phen.*

*Chư hiền nghĩ lại coi, Thánh giáo chông chất chẳng biết bao nhiêu hầu kể mà những phận sự hưởng đạo thượng cấp cho đến đoàn em ai hành được đúng?*

*Bản Đạo lắm thương cho!*

*Đây chư hiền trước sau nghe rõ,*

*Vững đức tin đừng có buông à!*

*Những khi có việc xảy ra,*

*Xin keo này nọ, đừng đà cãi canh.*

*Bản chỉ rõ ngọn ngành chơn lý,*

*Xét cùng suy, ráng nghĩ cho sâu;*

*Nếu không Thánh lệnh mà cầu,*

*Đàn cơ ấy có nhiệm mầu cùng chẳng?*

*Kém tinh thần trực thăng thượng giới,*

*Bản chỉ đây, ít lợi hại nhiều;*

*Làm cho đức tính mục phiêu,*

*Khó mà giữ vững luật điều Thầy ban.*<sup>21</sup> ■

(CÒN TIẾP).

20. Đạo Sứ II.204, Hương Hiếu, thứ hai, 31–01–1927 (28–12 Bính Dần). Thánh Ngôn Sư Tập 1, số 58.

21. Đức Quan Thánh Đế Quân, Chơn Lý Hiệp Tuyển ĐÔI, Q.2, tr.58.

# Nhớ về một mùa xuân CỬA TÍN HỮU CAO ĐÀI Ở MIỀN BẮC

Thời kỳ Pháp đô hộ, nước ta chia làm ba kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Mỗi kỳ có một hình thức cai trị khác nhau. Nam kỳ là thuộc địa chịu sự cai trị hoàn toàn của người Pháp. Bắc kỳ là chế độ bảo hộ nhưng Pháp trực tiếp điều khiển. Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng, là đất nhượng địa. Trung kỳ là đất bảo hộ, duy trì chế độ Nam triều, quyền lực hạn chế trong phạm vi Trung kỳ. Theo hòa ước Harmand (1883) giữa đại diện của Pháp là François Jules Harman và đại diện của triều đình Huế là Trần Đình Túc (Hiệp Biện Đại Học Sĩ, Chánh Sứ) và Nguyễn Trọng Hợp (Thượng Thư Bộ Lại, Phó Sứ). Hòa ước có 27 điều khoản, trong đó xác lập quyền bảo hộ lâu dài của thực dân Pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Đạo Cao Đài ra đời ở Nam Kỳ 1926, ngày 07-10-1926 lập tờ khai tịch đạo có 28 vị tiêu biểu ký tên, gửi cho Quyền Thống đốc Nam Kỳ thông báo một tôn giáo mới là đạo Cao Đài công khai hóa hoạt động. Nửa tháng sau khi có tờ khai tịch đạo, trong đàn cơ tại nhà ông Hồ Quang Châu và bà Phan Thị Lân, Đức Cao Đài có dạy:

*Từ nay nòi giống chẳng chia ba,  
Thầy hiệp các con lại một nhà,  
Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,  
Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.<sup>1</sup>*

Vâng lời Ổn Trên dạy lúc khai đạo, các vị tiên bối đã mở rộng hoạt động ra Trung, Bắc để phổ truyền mỗi đạo Thầy.

Những năm đầu thế kỷ 20 ở Trung kỳ, nhiều phong trào yêu nước nổi dậy chống thực dân

Pháp và Nam triều. Như phong trào Duy Tân, phong trào Cần Vương, phong trào nông dân tự phát... Trong tình hình rối loạn này, triều Nguyễn và thực dân Pháp thấy cần thiết ngăn cấm những tôn giáo mới như Tin Lành, Cao Đài lan tràn tới Trung kỳ. Ngoại trừ đạo Thiên Chúa, do có bản hòa ước 1884, mới được truyền giáo mà thôi. Triều Nguyễn ra nghị định, Đạo dụ, nhất là Đạo dụ số 10: Không cho đem sách báo đạo Cao Đài truyền bá, phát tán và tàng trữ trong hạt xứ Trung kỳ; cấm truyền bá đạo Cao Đài trong dân chúng; cấm theo đạo Cao Đài.

Từ năm 1929, các vị Tiên bối ra miền Trung truyền đạo đều bị ngăn cấm trực xuất khỏi Trung kỳ.

Nhiều vị Tiên khai của Đạo đã lần lượt đặt chân đến Bắc kỳ xem xét tình hình để mở mang cơ đạo.

Năm 1933, Tòa Thánh Tây Ninh bổ nhiệm chức sắc ra truyền giáo tại Bắc Kỳ.

Người đầu tiên được Tòa Thánh Tây Ninh bổ nhiệm là Giáo hữu Thượng Tuất Thanh. Sau thời gian hành đạo ngắn ngủi tại miền Bắc, ông đã quy vị. Kế tiếp là Giáo hữu Thượng Chử Thanh được cử ra Bắc kỳ thay thế. Ông tạm lập Thánh thất tại phố Ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Một thời gian ngắn sau đó, ông Chử xin trở về Tòa thánh. Đầu năm 1934, Tòa thánh cử tiếp đoàn truyền giáo Bắc Việt gồm bốn vị chức sắc: Giáo hữu Thượng Ngoạn Thanh, Lễ sanh Thượng Điểm Thanh, Chánh trị sự Thạch, Phó trị sự Phong ra Hà Nội. Quý vị nhờ Hội Nam Kỳ Tương Tế chỉ dẫn thuê được một ngôi nhà rất khang trang ở phố Harmand (sau này đổi tên là phố Phù Đổng Thiên Vương, gần nhà máy rượu).

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 15-9 Bính Dần (24-10-1926).

Ngôi Thánh thất đầu tiên (của Toà thánh Tây Ninh) khai đạo Cao Đài tại Hà Nội ngày mồng 1 tháng 3 năm Giáp Tuất (14-4-1934). Sau nhiều lần thay đổi địa điểm Thánh thất, đến năm 1954 Thánh thất Thăng Long thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh ở Hà Nội, tọa lạc tại số 29 đường Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thái Giáo hữu Nguyễn Văn Thái, Đầu họ Đạo Thánh thất Thăng Long, Giáo hữu Đoàn Thị Dư, Đầu họ Đạo phái nữ.

Năm 1937, Ngài Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ghé thăm cố đô Huế, rồi ra thăm Hà Nội. Chuyến đi này có đem theo thanh đồng Tô Văn Pho (18 tuổi, sau này giữ vững cơ đạo ở miền Bắc cho đến năm 1954 miền Bắc được giải phóng và tiếp tục về sau này). Khoảng đầu năm 1939, Hội Thánh Ban Chính Đạo cử hai chức sắc là Bảo Đức Chơn Quân Nguyễn Văn Cui và Thượng Lễ Sanh Huỳnh Minh Chư cùng ông Tô Văn Pho ra Hà Nội truyền Đạo và tạo lập Thánh thất. Quý vị mượn nhà số 12 ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai. Tạm thời lập Thiên bàn nhưng chưa có tên Thánh thất. Tuy vậy, nghi lễ cúng kính hàng ngày thu hút sự chú ý của đồng bào chung quanh, nhứt là những công chức hưu trí, sau ba tháng số người nhập môn gần một trăm. Như vậy, đầu năm 1939, ở Miền Bắc đã manh nha hình thành Thánh thất Cao Đài thuộc phái Ban Chính Đạo. Sau nhiều lần dời chỗ, tới năm 1948, Thánh thất mới có địa điểm chính thức (số 48 phố Hòa Mã, quận Hai Bà Trưng, thủ đô Hà Nội) và tồn tại cho tới ngày nay.

Hàng ngũ chức sắc ban đầu có quý vị: ông Đốc phủ Lê Tụng, Thượng Giáo sư; ông Phạm Đồng Hưng, Ngọc Giáo sư; Bà Vương Thị Tổng, Giáo sư; Bà Bé Tý, Giáo sư và ba vị Giáo hữu.... Năm 1954, Thượng Giáo hữu Tô Văn Pho được Hội Thánh bổ nhiệm Quyền Đầu họ đạo Thánh thất Hà Nội, thay cho Thượng Giáo sư Lê Tụng, Đầu họ Đạo di cư vào Nam.

Nền Đạo truyền ra Bắc Việt trước tiên ở Hà Nội, sau đó lan truyền đến Hải Phòng, Quảng Ninh, Cẩm Phả, Hoàn Kiếm, Tây Tựu, Đặng Giang, Phúc Đức.

Quá trình truyền đạo ra Bắc Hà gặp nhiều khó khăn, phần do thực dân Pháp nghi ngờ theo dõi tra hỏi, phần do tài chính eo hẹp, nên việc phát triển không được nhanh chóng như ý nguyện của người đi truyền đạo.

Năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết chấm dứt chiến tranh Việt-Pháp ở Việt Nam. Sau đình chiến, hai bên thực hiện điều khoản hiệp định, tập kết chuyển quân. Phía Pháp rút quân vào miền Nam, phía Việt Nam kháng chiến rút quân về miền Bắc trong thời hạn 300 ngày. Lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, sau hai năm Việt Nam sẽ tổng tuyển cử thống nhứt đất nước.

Bộ đội và cán bộ chủ chốt của kháng chiến tập kết ra Bắc, chuyến cuối cùng rời cửa sông Ông Đốc trong một buổi chiều buồn, bụi ngùi lưu luyến giữa kẻ ở lại, người ra đi, hai ngón tay giơ lên trước lúc chia ly hẹn hai năm sẽ tái ngộ.

Quân viễn chinh Pháp lục tục kéo nhau lên tàu vào Nam. Theo sau đội quân viễn chinh Pháp rút vào Nam là hơn một triệu dân di cư, phần lớn là người theo đạo Thiên Chúa vì họ tin là Chúa đã vào Nam, hơn nữa họ là đối tượng thứ nhất được ưu tiên trước những thường dân khác. Đối tượng thứ hai di cư nữa là những người đã làm việc cho Pháp, thân Pháp và gia đình bà con thân thuộc của họ. Đối tượng thứ ba là một số thường dân. Cuộc di cư rầm rộ kéo dài, làm cho người dân rất hoang mang lo sợ.

Cũng có một số tín hữu Cao Đài di cư, còn phần lớn là những người lao động chơn chất, tuy ở lại nhưng cũng rất hoang mang lo sợ. Thấy người ta di cư, còn mình ở lại không biết sẽ sống ra sao đây với chính quyền mới.

Ngày 10-10-1954, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chính thức vào tiếp quản thủ đô Hà Nội.

Trong những người dân đi dự cuộc minh tinh đón mừng các vị lãnh đạo chính phủ hôm ấy có những tín đồ Cao Đài ở thủ đô, họ kịp nhận ra trên khán đài có một vị đại biểu mặc áo dài trắng đầu đội khăn đóng, đứng cạnh mấy vị sư mặc áo vàng và mấy linh mục mặc áo dài đen. Ôi niềm vui

nào hơn cuộc hội ngộ bất ngờ này. Người mặc áo dài trắng là Cụ Cao Triều Phát, Anh Cả Chương Quân Cứu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vừa từ miền Nam tập kết ra Bắc. Tin này lan khá nhanh trong các tín hữu Cao Đài ở Hà Nội, lần lần những nơi khác cũng biết tin vui này. Sau đó đại diện Thánh thất Hà Nội (thuộc Phái Ban chính Đạo) do Thượng Giáo hữu quyền Đầu họ Đạo Tô Văn Pho và cô Ngô Thị Bình cùng với Thái Giáo hữu Nguyễn Văn Thái, Đầu họ Đạo và Giáo hữu Đoàn Thị Du, Đầu họ Đạo phái nữ Thánh thất Thăng Long (thuộc phái Tây Ninh) cùng đến vấn an Anh Cả và báo cáo tình hình hành đạo của hai Thánh thất. Anh Cả thông báo: “Vì trong điều kiện chiến tranh, sự thông tin giữa hai miền có hạn chế nay thông báo cho chư đạo hữu miền Bắc biết: Từ năm 1947, trong Nam đã thành lập Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đoàn kết thống nhất 12 chi phái tham gia cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, nay cuộc kháng chiến đã thắng lợi, miền Bắc đã được giải phóng, nhưng còn một nửa nước chưa hoàn toàn giải phóng. Nhiệm vụ của chúng ta là những công dân Việt Nam, cần phải đoàn kết xây dựng miền Bắc để làm hậu thuẫn cho đồng bào miền Nam, sau hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất non sông về một dải. Phương hướng hành đạo sắp tới, tôi có gợi ý, hai Thánh thất thuộc hai phái Ban Chính Đạo và Tây Ninh, quý vị nên về họp với đạo hữu của mình, thảo luận xem có nên tham gia vào Hội Thánh Duy Nhất, thống nhất danh xưng là Thánh thất của Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không? Điều này do quý vị và đạo hữu của hai Thánh thất tự quyết định. Đây chỉ là gợi ý của cá nhân tôi, không ép buộc gì cả. Từ nay đến trước tết dương lịch xin cho biết ý kiến.”

Anh Cả cũng nói thêm: “Các vị chức sắc của đạo tập kết ra Bắc có: Đầu sư Nguyễn Hiến Ngô; Phối sư Nguyễn Văn Khoan; Thượng Giáo sư Nguyễn Văn Khảm, Phó Chương Quân Cứu Trùng Đài Hội Thánh Duy nhất; Giáo sư Hoàng Minh Viễn. Trước mắt, tôi xin cử Đầu sư Nguyễn Hiến Ngô

trực tiếp cùng làm việc với họ đạo Thánh thất Thăng Long. Phối sư Nguyễn Văn Khoan cùng làm việc trực tiếp với họ đạo Thánh thất Hà Nội. Ban cai quản và họ Đạo của mỗi Thánh thất họp bốn đạo bàn bạc cùng nhau có thống nhất từng theo sự lãnh đạo của Hội Thánh Duy Nhất hay không.”

Sau khi hai Thánh thất Hà nội và Thăng Long cùng xin đứng vào hàng ngũ của Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày 01-01-1955 (08-12 Giáp Ngọ), tại Thánh thất Hà Nội (48 phố Hòa Mã, quận Hai Bà Trưng, thủ đô Hà Nội), Anh Cả Cao Triều Phát tổ chức Hội nghị thống nhất nền đạo ở miền Bắc, chính thức giới thiệu đạo Cao Đài với danh xưng Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với chính quyền và nhân dân thủ đô. Tín đồ Cao Đài được hưởng quyền tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ hiến pháp quy định. Người tín hữu Cao Đài ở miền Bắc có đại diện chính thức của mình trong Quốc Hội và Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất.

Ngày 06-02-1955 (14-01 Ất Mùi), dưới danh xưng Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Anh Cả Cao Triều Phát ra Đạo lệnh số 02 như sau:

**ĐẠO LỆNH**  
**HỘI THÁNH DUY NHẤT ĐẠI ĐẠO**  
**TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
*(Cao Đài cứu quốc 12 phái thống nhất)*



HÀ NỘI 01-01-1955 HỘI NGHỊ THỐNG NHẤT CAO ĐÀI Ở MIỀN BẮC. ANH CẢ CAO TRIỀU PHÁT KÝ TÊN VÀO NGHỊ QUYẾT.

*Chiếu y Tân luật và Pháp chánh truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,*

*Xét vì đại hội nhơn sanh mười hai phái đạo họp ngày 14-10-1948 ở Đồng Tháp Mười đã bầu lên Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhứt để đảm nhận những quyền tối cao của vị Giáo Tông quy định trong Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,*

*Xét vì Thượng Hội dưới quyền chủ tọa của Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhứt có thẩm quyền phong thưởng chức sắc cho mười hai phái Đạo trong hàng ngũ Cao Đài Cứu Quốc đã giữ vững chơn truyền của Đại Đạo và đã tham gia cứu nước và kiến thiết nước nhà.*

*Chiếu y chương trình hành đạo được Khoáng đại Hội nghị Cao Đài Cứu Quốc Nam Bộ thông qua ngày 14-10-1948.*

## ĐẠO LỆNH

### ĐIỀU THỨ NHỨT

a. Hiền hữu Đầu họ Đạo, hiền hữu Chánh hội trưởng Ban cai quản Thánh thất Trung ương Hà Nội thuộc phái Ban Chính Đạo và các Ban trị sự trực thuộc,

b. Hiền hữu Đầu tộc Đạo, hiền hữu Chánh hội trưởng Ban cai quản Thánh thất Thăng Long thuộc phái Tòa thánh Tây Ninh và các Ban trị sự trực thuộc,

Đoàn kết hợp tác với nhau đi các nơi cùng cố hàng ngũ tín đồ, trấn tĩnh tinh thần bốn đạo ở Thủ đô và các tỉnh.

### ĐIỀU THỨ HAI

Quý vị Thượng Pho Thanh và Thái Thái Thanh, mỗi người tùy theo phận sự, chiếu Đạo lệnh thi hành.

Thủ đô Hà Nội, ngày 14 tháng Giêng âm lịch năm Ất Mùi. (06-02-1955).

ANH CẢ

CHƯƠNG QUẢN CỬU TRÙNG ĐÀI

HỘI THÁNH DUY NHỨT ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(CAO ĐÀI CỨU QUỐC 12 PHÁI THỐNG NHỨT)

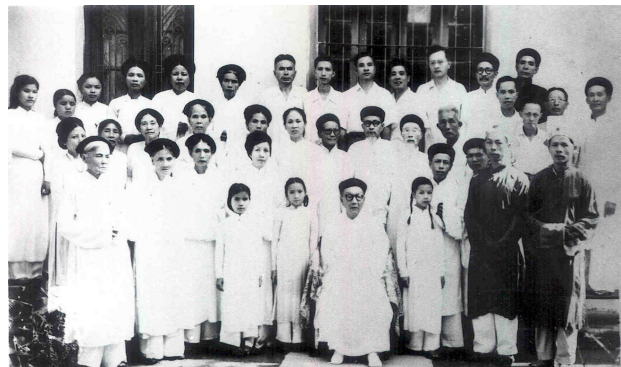
CAO TRIỀU PHÁT

(CHỮ KÝ VÀ CON DẤU)

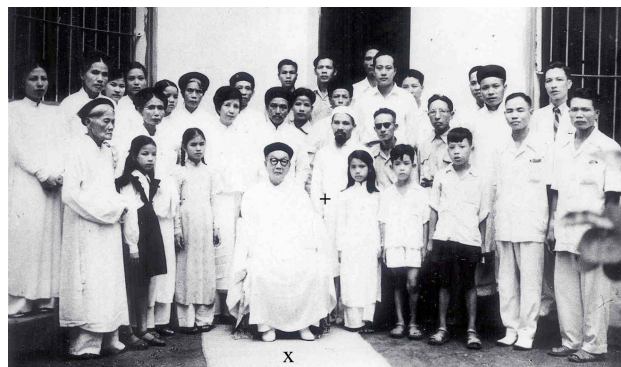
Tiếp theo là Anh Cả cùng quý chức sắc miền Nam vừa tập kết ra Bắc, đi thăm hỏi bốn đạo ở các nơi như Hải Phòng, Quảng Ninh, Cẩm Phả, Tây Tựu, Đặng Giang, Phúc Đức. Sự tiếp xúc giữa những người đồng đạo của hai miền thân thiện và cởi mở, trong tình đồng đạo, đồng Thầy.

Được sự hướng dẫn tận tình về đường hướng hành đạo, sự mở đường dẫn lối của các vị hướng đạo miền Nam, các đạo hữu miền Bắc rất vui mừng, gạt bỏ mọi lo lắng ban đầu, tham gia công cuộc xây dựng đất nước, yên tâm hành đạo trong hoàn cảnh mới.

Một mùa xuân độc lập đến với nhân dân miền Bắc, đặc biệt đối với người tín hữu Cao Đài thực sự đón một mùa xuân với tinh thần đoàn kết, xây dựng và hành đạo, mùa xuân năm Ất Mùi đầy ý nghĩa. ■



THÁNH THẤT HÀ NỘI, 48 HÒA MÃ, QUẬN HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI (1955). TIỀN BỐI CAO TRIỀU PHÁT VÀ BỐN ĐẠO.



THÁNH THẤT HÀ NỘI: TIỀN BỐI CAO TRIỀU PHÁT (X) VÀ TIỀN BỐI TÔ VĂN PHO (+) VÀ BỐN ĐẠO.

# KỶ NGUYÊN TÂM LINH THỜI ĐẠI MỚI

■ XUÂN MAI

**H**iện nay, nước ta đang trên đường hội nhập với cộng đồng thế giới. Thế giới ngày càng biết nhiều đến Việt Nam hơn, một quốc gia không chỉ độc lập, đổi mới mà còn có một nền văn hóa truyền thống đạo đức dân tộc thấm nhuần tinh thần tôn sùng Tổ phụ theo tục lệ cổ truyền. Văn hóa dân tộc Việt Nam đã hấp thụ được đầy đủ những tinh hoa của các nền văn hóa từ đông sang tây trên thế giới để có thể xây dựng một nền văn minh phù hợp với mọi cá tính của nhân loại.

Các tôn giáo du nhập vào Việt Nam như Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo, đạo Tin Lành từng bước hội nhập với văn hóa xã hội Việt Nam, đã tạo ra sự phong phú cho văn hóa Việt Nam, mặt khác góp phần phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam. Đặc biệt, đạo Cao Đài – một tôn giáo mới đã minh xác sứ mạng lịch sử của mình trước thế giới nhân loại qua mục đích lập trường của mình.

Để hội nhập thế giới trong kỷ nguyên tâm linh này – kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ, tín hữu Cao Đài phải khai thác mọi nguồn tư tưởng mà văn hóa dân tộc đã hấp thụ được, và phải thấm nhuần ý thức phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc theo đường lối Tam Giáo quy nguyên, vạn giáo nhứt lý và Thiên Nhân hiệp nhứt, tích cực xây dựng tâm linh và nhân sinh trên nền tảng xã hội ngày mai cho đại đồng nhân loại. Điều này hoàn toàn là phù hợp với mục đích Thế Đạo đại đồng của Đại Đạo và người Cao Đài sẽ hội nhập, tức là sẽ tham dự một cách chủ động, có mục đích vào những lãnh vực nhất định: Khoa học, xã hội, truyền thông, văn hóa, nghệ thuật... Nhưng đích điểm vẫn là giác ngộ tâm linh. Bởi, Thiên niên kỷ thứ ba sẽ có nhiều

biến động, thiên tai địch họa, sự nổi loạn của lòng người: tham lam, sân hận, si mê... Đó là điều tất yếu khi đứng trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên Thánh Đức. Giai đoạn chuyển tiếp này là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử loài người. Nhân loại phải trải qua những cơn thử thách dữ dội, tàn khốc. Trong khi khoa học đang bế tắc trước những hiện tượng bất thường của thiên nhiên, y học đang lúng túng trước những căn bệnh mới... Chỉ có giác ngộ tâm linh, con người mới có thể giúp được con người. Người này sống bên người kia để biết cách thương yêu nhau, học bài học lẫn nhau, dẫn dắt nhau trên con đường tiến hóa, phát huy tâm đức.

*“(...) Có gì bằng sự tranh đấu tư tưởng. Vì tư tưởng tốt là hành động tốt; hành động tốt là nhờ tư tưởng làm cho con người thuận nhận cái Đạo làm Người, biết đối nhơn, xử thế, tiếp vật, nghĩa là biết làm người cùng sống với người trong đạo đức, hơn là [trong] sức mạnh.*

*Chư hiền cũng hiểu câu: khôn sống đại chết, mạnh được yếu thua. Xuyên qua câu này, nếu chư hiền thấy cái khôn quý, cái mạnh bạo, thì cũng không sống được lâu dài, mà cái khôn và mạnh bằng đạo đức tinh thần thì mới là sống còn mãi mãi.*

*Như vậy, con người muốn sống, thì phải biết cái sống của ta và người, ta và nhơn loại. Đó là chư hiền biết sử dụng ánh sáng vị tha, dẫn dắt nhau đi, tạo nên chất men đạo, doanh dưỡng lẽ sống được sinh tồn, xây dựng nên một ngôi nhà chân, lạc.”<sup>1</sup>*

Con đường tâm linh không hẳn phải là con

1. Đức Hạnh Chiếu Đạo Tiên, Giác Thế Hồi Minh – Q.1, Siêu Pháp Đài, Mùi thời, 11–8, (02–10–1968).

đường tôn giáo. Khái niệm tâm linh rộng hơn tôn giáo, là sinh hoạt tinh thần kể cả của những người không có tôn giáo. Con đường tâm linh thường là con đường của những người hướng về sự giác ngộ.

*“(…) Những người giác ngộ chính là những sứ giả hòa bình của Thượng Đế cho xuống thế gian ở cùng nơi khắp chốn trong các giai tầng xã hội thế nhân, các tôn giáo để mưu cuộc hòa bình cho thế giới hơn loại.”*

Trong quá trình tiến hóa, sẽ đến một ngày nào đó, con người chợt nhận ra sự bé nhỏ, hữu hạn và phù du của mình trước vũ trụ bao la, vô hạn và vĩnh hằng. Khát vọng vượt qua cái thân phận nhỏ nhoi, vô thường chính là động lực đưa con người đến tiến hóa tâm linh. Xác định phải đổi mới, là con người mới, hướng tới chân thiện mỹ, hướng tới chân lý như không khí hơi thở của chúng ta chính là định hướng được con đường tiến hóa của mình, là lúc con người giác ngộ. Giác ngộ tâm linh là sự hiểu biết của trực giác, sự hiểu biết của chân ngã, không qua cái trí suy tưởng của phàm nhân.

Sinh ra với nghiệp chướng khác nhau, từng cá thể có sự phát triển và mức độ phát triển tâm linh hoàn toàn khác nhau. Sự phát triển tâm linh qua tiến hóa xảy ra không đồng bộ giữa những con người sống trong cùng một thời đại. Do vậy, tôn giáo kỷ nguyên tâm linh thời đại mới phải giúp con người hiểu được sự quan trọng trong mối liên hệ giữa con người với nhau; giữa con người với vũ trụ thiên nhiên. Con người của tôn giáo phải làm chủ cuộc sống của chính mình, làm chủ cuộc hành trình thiên lý của mình và nhân loại, đóng góp vào sự tiến hóa chung của đại vũ trụ.

## **1. LIÊN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VỚI VŨ TRỤ THIÊN NHIÊN**

Con người là tiểu vũ trụ, ở đó con người là

một bộ phận hữu cơ của vũ trụ, sánh ngang với Trời Đất, đối xứng với Trời Đất, đồng nhất với vũ trụ, có cùng bản thể – bản thể vật lý – tâm linh, tương đồng, liên thông, hoà điệu với vũ trụ. Con người muốn sống lành mạnh, bền vững, hạnh phúc thì phải sống phù hợp với các quy luật sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội, quy luật của thế giới nội tâm, phát triển được mọi tiềm năng, tiềm lực của mình phục vụ cuộc sống của mình và xã hội. Ngày nay, khoa sinh thái học, di truyền hiện đại và khoa học hiện đại về môi trường với triết lý Kinh Dịch phương Đông cổ và khoa học phương Tây hiện đại gặp nhau, bổ sung cho nhau, đã khẳng định rằng con người phải sống hài hòa với thiên nhiên, hoà điệu với bản thể vật lý – sinh học – tâm linh vũ trụ, nếu không con người sẽ bị huỷ diệt.

## **2. ĐÓNG GÓP VÀO SỰ TIẾN HÓA CHUNG CỦA ĐẠI VŨ TRỤ**

Mặc dù chỉ là những sinh linh trên một quả địa cầu có trình độ tiến hóa còn thấp trong Càn Khôn vũ trụ, nhưng con người bằng những nỗ lực tiến hóa của mình vẫn có khả năng đóng góp vào sự tiến hóa chung của đại vũ trụ. Bởi vì:

*“Vũ trụ con người là một cái móc nối trong đại vũ trụ. Mọi sự chuyển luân tiến hóa của từng tiểu vi thể vũ trụ sẽ tăng tiến đến đại vũ trụ.”*

## **3. LIÊN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VỚI NHAU**

Con người chỉ hơn nhau ở đức hạnh, ở những phẩm chất tốt đẹp chứ không phải hơn nhau ở vật chất. Do vậy, hãy biết chia sẻ tình cảm của mình cho những người quanh mình. Những người khư khư giữ lấy mọi thứ cho riêng mình là những người sai lầm. Một khi chúng ta xem mọi người trong thế giới này đều là huynh đệ, đều là anh em dưới một mái nhà thì cũng dễ dàng từ bỏ những động cơ cao ngạo, chia rẽ và

---

2. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Đức Tu Viện, Ngọ thời, 13-01 Ất Mão (23-02-1975).

---

3. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 16-11 Mậu Thân (04-01-1969).

ta cũng dễ dàng lánh xa sự lừa dối và lạm dụng giữa người với nhau, mà biết quay về phục hồi nhân bản, phụng sự nhơn sanh. Hiện tại cõi đời nhị nguyên đang bị phủ mờ nhiều lớp tham dục của nhân tâm, vô minh của bản ngã, cho nên đời hóa ra ly loạn, con người lại tàn sát lẫn nhau, quên mất vốn tự hữu của Thượng Đế phát ban, vừa phá sản, vừa đưa mình vào cơ hủy diệt.

Chìa khoá giải mã đối với một thế giới yên bình và hạnh phúc là sự lớn mạnh của lòng từ bi. Con người ngày nay, hơn bao giờ hết đang cần đến lòng từ bi. Chỉ có từ bi mới là chiếc xe lớn chở con người tới bờ giải thoát. Từ bi là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác, là nguồn suối mát xoa dịu lòng đau khổ của con người.

#### **4. CON NGƯỜI TỰ GIÁC NGỘ CHO CHÍNH MÌNH**

Kỷ nguyên thời đại mới này, con người hiện đại làm tâm và thân con người bị khổ sở, mâu thuẫn và không còn thích ứng với sinh hoạt xã hội hiện đại, do trình độ tiến hóa của khoa học kỹ thuật mang đến. Chỉ khi con người tìm cho mình một sự giác ngộ tâm linh phù hợp với sự tiến hóa của khoa học xã hội hiện đại, thì lúc đó con người mới có thể sống hoà hợp tâm và thân mình trong thời đại tâm linh của thế kỷ XXI này.

Giác ngộ tâm linh tức là hiểu quy luật trước sau, đúng sai, phải trái. Giác ngộ tâm linh là thay đổi để tiến hóa, không nên giữ những quan điểm bảo thủ lạc hậu của cá nhân hay tập thể, những phương tiện cũ không còn phù hợp với thời đại mới – con người mới. Hoặc nếu con người không chủ sử được mình, bị dục vọng lôi cuốn nên có lối sống sai lầm, bảo thủ sẽ không có được sự giác ngộ tâm linh. Để giải quyết vấn đề này, trước nhất mỗi người trong chúng ta phải tự giác ngộ cho chính mình thì mới thay đổi được người khác.

*“(...) Bởi vì con người muốn sống theo ý muốn*

*của mình. Cái sống hư vị đó phần đông toàn là sống trong tham vọng thỏa mãn cá nhân, mà con người cho rằng cái gì sống có lợi cho mình là vinh là thiện, là phải là tốt. Một lối sống bảo thủ cá nhân như thế là do tánh ích kỷ, lòng cao vọng, ý so sánh mà ra; nên mới có sự chênh lệch cán cân giữa đời sống con người với con người.*

*(...) Muốn tìm cái sống thật của con người, con người phải lấy bản giá trị sai lầm của thế hệ này, thời đại trước, phối kiểm điều nghiên để sửa đổi lại cho điều hòa thích ứng. Nếu có thể đập tan thì cũng nên cương quyết đập tan cái sống sai lầm, đừng để sanh sản thứ vi trùng ung độc mà có hại cho đại thể, cho xã hội.*

*Vậy phải làm cách nào để ngăn chặn, để tiêu diệt loại vi trùng đó?*

*Tất nhiên là phải cải tạo con người, hay nói một cách khác, là cách mạng bản thân, thì mới mong xây dựng một xã hội đạo đức ngày mai đó vậy.”<sup>4</sup>*

Như vậy, con người trước tiên phải tu sửa bản thân, phải tập sống theo Đạo làm Người, con người phải thành thật với mình, mạnh dạn khắc phục những lỗi lầm sai trái, phải tiến lên lên chỗ chu toàn Đạo làm Người. Nghĩa là, làm và sống cái con người đáng gọi là con người giá trị, hay con người đạo đức.

Được như thế, “[Đời] sống của con người là một giá trị, khi con người biết sống trong giá trị con người”<sup>5</sup>

#### **5. TẠM KẾT**

Con người là một linh hồn thiêng liêng tự do, được ẩn dưới lớp áo của phàm nhân, con người có thể tự tạo một nhà tù hay địa ngục để tự giam mình hay con người có thể tự tạo cho mình một thiên đàng và chấp cánh cho mình có thể ung dung tự do bay lượn khắp cõi Tam thiên thế giới. Con người chỉ cần nhận định được chân lý này

4. Đức Quang Giác Ngươn Tiên, Kinh Hồi Chuông Cứu Khổ – Q.1, Thanh An Tự, Tý thời, 27–9 Đinh Mùi (30–10–1967).

5. Đức Hạnh Chiếu Đạo Tiên, Giác Thế Hồi Minh – Q.1, Siêu Pháp Đài, Mùi thời, 13–8 Mậu Thân (04–10–1968).

(XEM TIẾP TRANG 104)



# GẶP GỠ GIAO LƯU VỚI NỮ TU KITÔ GIÁO

■ TU SINH NGÔ THỊ THẢO

Đáp lời mời của Trung tâm Mục vụ Đối thoại Liên tôn, sáng ngày 12-12-2012, nữ tu Tập đoàn Giáo sĩ thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã đến gặp gỡ và giao lưu với nữ tu sinh năm 3 lớp Thần học thuộc Học viện Phaolo Nguyễn Văn Bình.

Hướng dẫn đoàn là Giáo sĩ Hồng Mai – Trưởng Tập đoàn Giáo sĩ, Giáo sĩ Huệ Ý – Phó Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Giáo Sĩ Diệu Như và các nữ tu sĩ tu sinh khóa 1, 2, 3, và 4. Về phía Học viện Thần học, ngoài Sœur Kim Chi, chủ nhiệm lớp Thần học năm 3, còn có sự hiện diện của Linh mục Bảo Lộc – phụ trách môn Thần học tôn giáo, Sœur Michel – Giám đốc học viện và toàn thể tu sinh năm 3 lớp Thần học.

7 giờ 45 phút, các nữ tu sĩ, tu sinh của Tập đoàn Giáo sĩ đã tập hợp đông đủ ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý số 171B Cống Quỳnh, Q.1. Sau khi nghe Giáo sĩ Hồng Mai hướng dẫn vài điều, đoàn khởi hành vào lúc 8 giờ theo hướng trung tâm Sài Gòn để ra đường Tôn Đức Thắng. Trên xe, đạo tỷ Diệu Huyền bắt nhịp cho đoàn cùng hát bài “Thấp đước”. Tiếng hát vút cao giữa lòng thành phố và quyện vào âm thanh xe cộ. Sự ồn ào, náo nhiệt của Thành phố như đang thấp lên ngọn đuốc nhiệt huyết trong lòng mỗi người bởi vì “trong mỗi trái tim có ngọn lửa hồng” như lời mở đầu của bài hát.

Mười lăm phút sau, đoàn đã đến nơi. Ngay trước cổng Học viện, các sœur đã trang nghiêm chào đón, đoàn nữ tu Cao Đài cũng hàng ngũ chỉnh tề theo chân các giáo sĩ tiến vào. Cuộc gặp gỡ ban đầu khá ấn tượng. Bên cạnh sự tiếp

đón nồng hậu, trước mặt mọi người còn có bảng hiệu “Chào mừng Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý”. Trước tiên, đoàn nữ tu Cao Đài được Linh mục Bảo Lộc và các Sœur hướng dẫn tham quan thư viện, phòng vi tính.

Sau đó, phần chính của cuộc gặp gỡ giao lưu diễn ra tại phòng học lớp Thần học năm 3. Mở đầu chương trình là nghi thức cầu nguyện của 2 bên tôn giáo, giới thiệu thành phần tham dự. Kế đến, Sœur Kim Chi trình bày về “Nền tảng của đời sống Thánh hiến Công giáo, lời dạy của Chúa, ba lời khuyên phúc âm, lý tưởng sống theo Chúa, nền tảng Thánh kinh...” Theo lời trình bày của Sœur, người tu Thiên Chúa giáo khi Thánh hiến phải thực hiện ba điều sau đây: 1. là đời sống khiết tịnh, 2. là phải sống khó nghèo, 3. là đức vâng lời.

Kế đến, theo yêu cầu của các giáo sĩ, tu sĩ Tập đoàn Giáo sĩ, Sœur Michel – Giám đốc học viện – đã tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển, các giai đoạn khó khăn và chương trình đào tạo của Học viện Thần học. Các bài báo cáo được xen kẽ với các tiết mục văn nghệ, các bài đơn ca, hợp ca, vũ khúc, cổ nhạc cất lên trong tình chung hòa thân ái. Các Sœur dẫn chương trình rất duyên dáng, vui tươi và dí dỏm. Từng lời bài hát, giọng ca đều được các Sœur chuyển thành khẩu quyết nung nấu thêm nhiệt huyết trong lòng người tu sĩ. Khi khẩn nguyện đời sống thánh hiến cho Chúa là lúc “*Tôi sống không phải là tôi sống mà là Chúa sống trong tôi*” (trích lời của Sœur Mai Thành, dòng tu nhà thờ Đức Bà). Vậy khi chúng ta hiến dâng đời mình cho Thượng Đế cũng là

lúc Thượng Đế ngự trong tâm mình, hãy đón nhận tình thương của Thầy và ban phát tình thương ấy cho nhau và cho tha nhân.

Sau phần giải đáp những câu hỏi thắc mắc của Tu sĩ, Tu sinh Cao Đài, mọi người được hướng dẫn đến viếng mộ Đức cố Tổng giám mục Phao-lô Nguyễn Văn Bình tại thánh đường Đại chủng viện, trước ngôi mộ Ngài và trước tượng Chúa Giêsu, 2 bên tôn giáo cùng hợp xướng bài Kinh Hòa Bình. Lời ca cất lên “*Để con đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lạng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm...*” thật sâu lắng và cảm động. Nhờ ơn lành của Đức Chí Tôn và Đức Chúa mà giây phút này, trong lòng mọi người dường như không còn ranh giới giữa hai tôn giáo khác biệt mà chỉ có tình thương và sự hòa hợp.

Cuối cùng, cả đoàn vào thăm nhà truyền thống của Giáo phận, xem triển lãm mỹ thuật, những bức tranh rực rỡ mang nét văn hóa Công giáo. Chị em nữ tu Cao Đài được giới thiệu chân dung của Đức Giáo Hoàng và các vị Giám mục, Linh mục qua nhiều thời kỳ. Các Sœur tu sinh công giáo và nữ tu Cao Đài có cơ hội trao đổi nhiều hơn và chi tiết hơn về đời sống sinh hoạt của người tu. Những tâm tình thật bình thường nhưng đã thể hiện sự gắn gũi chân thành giữa những người thực hành đạo giáo và khai tâm cho mỗi bên nhận ra được chân giá trị của đời sống thánh hiến, sự tương đồng giữa các tôn giáo, hiểu biết nhau hơn để thông cảm cho nhau, cùng củng cố đức tin và chia sẻ niềm tin cho mọi người. Qua đó, các nữ tu sĩ tu sinh Cao Đài hiểu biết rõ hơn về đời sống thánh hiến, lý tưởng hiến dâng của người tu Công giáo và nhận ra mục đích chung của người hiến dâng trọn đời là nguyện đem tình yêu thương gieo rắc mọi nơi, toàn tâm toàn ý phụng vụ tha nhân, xây dựng xã hội đại đồng.

Bữa tiệc nào rồi cũng tàn, cuộc họp mặt nào rồi cũng đến hồi kết thúc, sau một vòng tham quan khắp nơi, hai bên chia tay nhau trong tình cảm lưu luyến. Xe lăn bánh rời khỏi Học viện lúc 11 giờ 30 phút. ■



Xuân đến lồng trong khắp mọi người,  
Sang hèn thanh trước cũng vui tươi,  
Lẽ đâu xuân chỉ xuân chùng ấy,  
Mà nợ tang bồng quên đấy thôi.

ĐỨC THÁNH TRẦN HƯNG ĐẠO, MINH LÝ THÁNH HỘI,  
03-01 CANH TUẤT (08-02-1970). ■

Là một trong tam tài định vị,  
Là muôn trong một lý nhất nguyên,  
Con ơi phú bẩm do Thiên,  
Máy linh Tạo Hóa ban truyền cho con.

Có vũ trụ sông non gồm đủ,

Có hình hài riêng thú kiến khôn,

Có xuân bắt diệt trường tồn,

Cho vào thế hạ chiêu hồn vạn sanh.

Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ,

Một ra đi một trở lại Thầy,

Dù cho nam bắc đông tây,

Cổ kim như vật do Thầy định phân

ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 30-12  
QUÝ SỬU (22-01-1974). ■

Xuân xuân đến muôn phần nô nức,

Xuân là chi vạn vật đón chờ,

Xuân về có rượu có thơ,

Có câu chúc tụng có giờ nghỉ ngơi.

Kìa hoa thảo thắm tươi khoe sắc,

Nợ cảnh đời nhiều mặt canh tân,

Phú bản tiện quý cũng Xuân,

Chờ Xuân trút hết nảo nằng Thu Đông.

Có phải Xuân thần thông diệu dụng,

Đủ uy quyền linh ứng vạn sinh,

Có Xuân, có cảnh, có tình,

Có tâm, có đạo, trường sinh bảo tồn.

Xuân là của Đức Chí Tôn,

Thường Xuân vui với tâm hồn thiên nhiên.

ĐỨC GIÁO TÔNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,  
29-12 MẬU NGỌ (27-01-1979). ■

# TÂM SỰ CÙNG CON

■ NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG

*Lời phát biểu của hiền huynh Nguyễn Ngọc Chương, thân phụ hiền đệ Nguyễn Ngọc Việt, trong buổi lễ Hiến dâng trọn đời của các em Tu sinh khóa 4 tại Bửu điện Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo, Ngọ thời ngày Rằm tháng 10 Nhâm Thìn (28-11-2012).* ■

**K**ính thưa Ban Thường vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý,

Kính thưa Tập Đoàn Giáo sĩ,

Kính thưa quý Đạo huynh, Đạo tỷ Giáo sĩ – Giảng viên thuộc Tập đoàn Giáo sĩ, cùng quý huynh tỷ phụ huynh, quý huynh tỷ đồng đạo,

Trong ngày lễ hiến dâng trang trọng hôm nay, lời đầu tiên của tôi là xin được tri ân quý Đạo Trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ đã hướng dẫn, giúp đỡ cho cháu Việt và những tu sinh cùng khóa trong suốt thời gian tu học qua. Và xin cho phép tôi được có đôi lời tâm sự cùng con trai.

Con trai yêu quý của ba!

Ngày này, hai năm trước khi nghe con dè dặt hỏi: “Thưa ba cho con đi tu.”

Cảm giác của ba lúc ấy sao nghe mừng lo lẫn lộn. Mừng vì con đã biết chọn lựa cho mình hướng đi đúng, lo vì biết rằng cuộc sống hiến dâng không phải dễ.

Đúng ra, ba có quyền trả lời “không”, vì con là lẽ sống duy nhất của ba. Nhưng con cái là hồng ân Thầy Mẹ đã ban tặng. Thầy ban con cho ba, nay Thầy gọi con theo Ngài, ba không được từ chối. Ba phải học gương các Đấng Tiên bối khi xưa sẵn sàng thưa: “Xin vâng” trong bất kỳ hoàn cảnh nào, và bởi ba biết con có đủ quyết tâm để chọn cho mình một con đường. Điều quan trọng là khi xác định cho mình một hướng đi đúng thì hãy luôn hướng về điểm đích. Con đường con chọn đòi hỏi nơi con sự quyết tâm, kiên trì và bền bỉ cao độ, nhưng đã có hướng rồi thì con cứ vững lòng bước tới, từng bước làm cho cuộc sống của mình nhẹ nhàng, lạc quan; nếu có vấp ngã con cũng chớ

vội buông xuôi mà hãy lấy đó làm nền tảng vững chắc cho từng bước trưởng thành, tiếp tục sống với hoài bão, với ước mơ, với hy vọng... bởi hạnh phúc chỉ thuộc về những ai biết cách biến ước mơ thành sự thật. Hãy vượt lên chính mình và phải biết tự đứng lên sau mỗi lần vấp ngã. Hãy tự rèn luyện nhằm trang bị cho mình có đủ nghị lực và bản lĩnh để luôn đứng vững trước mọi thử thách của cuộc sống phàm hạnh. Hãy cùng bạn đồng tu luôn phấn đấu và phấn đấu nỗ lực để tạo thế vững chắc cho từng bước đi con nhé! Ba rất kỳ vọng ở con và tin tưởng rằng con trai của ba sẽ làm được điều đó và luôn nhớ rằng ở bên con còn có một người bạn luôn đồng hành cùng con trên khắp mọi nẻo đường vì lý tưởng phụng sự nhơn sanh.

Ba rất yên tâm được gửi gắm con vào tu học nơi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Ba cũng mong con hãy bắt đầu áp dụng những gì đã được hướng dẫn nơi tập thể Đạo vào đời sống của mình. Cuộc sống phàm hạnh cho mình nhiều cơ hội, mong con biết trân quý những cơ hội của mình và đừng bỏ qua rất uống.

Con gắng vững tâm và thẳng tiến nghe con! Biết bao người đang dõi theo bước chân kỳ vọng ở con. ■



# Trưởng thành TRONG ĐỨC TIN

## ■ TRẦN VĂN QUYẾN

*Đây là lời phát biểu của Tu sinh Trần Văn Quyến trong buổi lễ Hiến dâng trọn đời của các em Tu sinh khóa 4 tại Bưu điện Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo, Ngọ thời ngày Rằm tháng 10 Nhâm Thìn (28-11-2012). ■*

**K**ính thưa quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ, Đạo đệ tên: Trần Văn Quyến. Quê quán Hưng Yên.

Con được sinh ra trong một gia đình không có Đạo, nhà rất nghèo khó. Khi con vừa lọt lòng mẹ đã không có mặt cha và sớm mất đi tình thương của mẹ. Tuổi thơ của con đã chịu quá nhiều cơ cực. Con thậm nghĩ số phận của con do Ông Trời định đoạt nên con cố nhẫn nhục làm việc để những người nuôi con được vui lòng.

Thật Trời không phụ người ngay, cuộc đời con như được bù đắp theo luật công bằng. Như có một bàn tay phù phép nào đó đã chỉ đường cho con, từ miền Bắc xa xôi, con đã trôi dạt vào Nam mà nhất là được vào một cơ quan Đạo.

Con như người chết khát gặp được dòng nước ngọt. Ngày hôm nay con thật sự hạnh phúc vì xung quanh con có một đại gia đình, con được yêu thương, được dạy dỗ dặt dìu... Khi vào Cơ Quan học Đạo, con được sự hướng dẫn dìu dắt tận tình của Quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ, của Tập Đoàn Giáo Sĩ, nhờ đó con có nhiều niềm tin hơn nữa vào các Đấng Thiêng Liêng. Khi có niềm tin trong cuộc sống, con đã vững vàng hơn, có khả năng đối mặt và vượt qua những khó khăn, thử thách.

Chính từ lúc đến với Cơ Quan, từ lúc hiểu Đạo, niềm tin của con ngày một lớn hơn và con đã quyết định HIẾN DÂNG cuộc đời mình cho Đạo.

Kính thưa quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ,

Hôm nay Đạo đệ được vinh dự thay mặt cho các bạn Tu sinh hiến dâng khóa 4 có đôi lời phát biểu:

Chúng Đạo đệ, Đạo muội kể từ ngày đăng ký vào học lớp Tu Sĩ cho đến nay đã tròn một năm. Chúng Đạo đệ, Đạo muội đã trưởng thành trong đức tin.

Chúng Đạo đệ, Đạo muội nguyện hiến dâng sở năng sở hữu của mình cho Đạo.

Chúng Đạo đệ, Đạo muội quyết tâm công quả, học giáo lý, rèn luyện đạo đức để trở thành một người Tu Sĩ gương mẫu trong Đạo.

Vẫn biết trên con đường tu học còn nhiều khó khăn thử thách, chúng Đạo đệ, Đạo muội rất cần sự giúp đỡ, dìu dắt của quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ và sự động viên từ phía gia đình để chúng Đạo đệ, Đạo muội vững vàng học tập và rèn luyện thành một người Tu Sĩ để phụng sự nhân sanh.

Cuối cùng, chúng Đạo đệ, Đạo muội xin cảm ơn quý Đạo trưởng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và Tập Đoàn Giáo Sĩ đã tổ chức buổi lễ Hiến dâng để Đạo đệ cảm nhận được giây phút thiêng liêng này.

Một lần nữa vì tình thương, xin quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ hãy tạo điều kiện giúp đỡ để chúng đệ muội vững tâm đi hết con đường mình đã chọn.

Xin trân trọng kính chào. ■

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, NGÀY 28-11-2012. RẪM THÁNG 10 NĂM NHÂM THÌN.

■ MINH TRUNG

# TỰ CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG hay là những suy niệm về lời nguyện hứa hiến dâng

**T**rong không khí thiêng liêng mùa Khai Minh Đại Đạo và truyền thống Hiến dâng trọn đời của Giáo sĩ, Tu sĩ, lật lại những trang cũ cuộc đời để nhớ lại lời nguyện hứa năm xưa:

*“Toàn tâm, toàn ý tu học để phụng sự tha nhân. Dù cuộc đời có trải qua những bước thăng trầm, vẫn chỉ là những bước con tự nguyện theo chân Thầy. Dù trong âm thầm thanh tịnh của giờ công phu hay giữa những ồn ào náo nhiệt của thời đại thông tin, vẫn chỉ là những bước con tự nguyện theo chân Thầy. Dù có vinh quang khi là một nhà truyền giáo được mọi người khen ngợi hay phải chịu nỗi cô độc trên giường bệnh, vẫn chỉ là những bước con tự nguyện tiếp nối chư Tiên Khai theo chân Thầy...”*

*“Điều quan trọng trong đời sống hiến dâng không phải là đi đâu và làm gì, mà là đi với ai!”. Chúng con nguyện theo Thầy, vì dù làm gì và ở đâu, con biết chắc rằng cũng là đi trên con đường sự thật và là đường dẫn đến tình thương và sự sống... Nguyện như thế, vì chúng con biết con đường mà mình chọn là con đường phải đi tới và đi mãi. Dù con đường có êm xuôi hay chông gai nhưng mỗi*

*người hiến dâng đều phải ý thức là mình không đi một mình, có nhiều anh chị em đi cùng mình, hơn nữa Đức Cao Triều luôn kề vai sát cánh và quan trọng nhất là có Thầy cùng đi!*

*Chúng con nguyện làm công cụ của Thầy. Thầy hiện diện nơi đâu chúng sanh cần và chúng con sẽ phải đến đó. Cầu xin Thầy giữ gìn chúng con gắn bó mãi với đạo lý và để chúng con thực hiện như ý Thầy muốn.*

*Thành tín nguyện hứa.”*

Bước theo ơn gọi, đi vào con đường “hiến dâng thiên mạng” là chúng con đã tự chọn gia nghiệp cho mình là Đại Đạo, xin chọn người yêu của mình là Thượng Đế, vui sống đời khiết tịnh, mang mặc vào mình bộ quần áo thanh bần, và tự chọn cái nghề phục vụ nhân sanh.

Gia nghiệp Đại Đạo có được ở chỗ dù là đi học hay đi làm, dù là học gì hay làm gì, thì cái mục đích cuối cùng vẫn là để Khai Minh Đại Đạo.

Chọn Thượng Đế vì Ngài là Người yêu suốt đời, suốt kiếp, suốt không-thời gian; một Người yêu chỉ biết sẻ chia yêu thương mà không hề

ghen tị yêu thương; một Người mà khi ta gặp thuận lợi, vui vẻ thì bước sau lưng ta, khi ta gặp khó khăn, buồn bã thì công ta trên lưng; một Người mà suốt một đời đáp ứng mà chưa đòi một yêu cầu; một Người yêu lý tưởng và duy chỉ có một mình Người.

Có được một người yêu như thế là có được một chỗ dựa vững chắc để vui sống đời khiết tịnh; điều hòa âm dương trong chính cơ thể mình bằng phương pháp công phu để khiết tịnh, giữ gìn bản thân mình bằng giới luật để tiết dục nhằm có mối quan hệ với cuộc đời một cách tự do, tự nhiên và tự tại nhất có thể cũng như tăng khả năng liên hệ nhiều nhất có thể với người yêu Thượng Đế; vui sống khiết tịnh không phải là kiềm nén tính dục, mà là sự điều hòa tính dục một cách lành mạnh, tự do, tự nhiên và tự tại.

Để cũng tự do, tự nhiên và tự tại sống khi mang mặc bộ quần áo thanh bản; thanh bản không phải là không có của: đó là khổn khổ, thiếu thốn, thanh bản trước tiên là tập trung của cho đúng, một cốc cà phê, một tách trà, một ly nước sâm! nhưng cũng là một cốc mỡ hôi, một tách nước mắt, một ly máu đổi lấy nó, một làn khói hương! nhưng cũng là một hơi thở hỗn hển của người lao động vô danh; thanh bản kế đến là làm việc để hiểu nỗi mệt nhọc lao động hằng ngày; thanh bản là có cũng không ham, mà thiếu cũng không cầu; thanh bản là dám xin, dám nhận và cũng dám cho, hằng khắc ghi cuộc sống của ta nhờ từ nhiều người mà có được để không ngạo mạn với bất kỳ ai và suốt đời nhớ ơn vì tự biết mình là kẻ nghèo khó.

Ý thức thanh bản ấy sẽ giúp ích cho ta trong việc theo đuổi cái nghề phục vụ nhân sanh, làm dâu thiên hạ suốt đời và suốt kiếp vì nhân; và chỉ khi phục vụ ta mới hiểu rõ thân phận nghèo khó của mình, sống không đòi hỏi, giữ và yêu được Người yêu của mình và làm giàu gia nghiệp Đại Đạo.

Dù là ai, ở đâu và làm gì mà chọn và sống như thế thì nhất định sẽ gặp nhau trên con đường “hiển dăng thiên mạng”.■



# THÁNH GIÁO

Non linh, đất thánh, trời xuân,  
Đường trần bao dấu chơn quân lạc loài.  
Lộc Trời đã giữ trong tay,  
Đạo Trời vun quén ngày ngày cho xinh.  
Vui say non nước hữu tình,  
Đơn phòng bạn lũ vãn trình vào ra.  
Ngoài ta nào có cái ta,  
Vẽ chi thế sự trần la buộc ràng.  
Bến đời thuyền khách dọc ngang,  
Biển trần sóng gió phủ phàng ngược xuôi.  
Trí nhơn biết đạo biết mùi,  
Há hoài công của như người phàm phu.  
ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, MINH ĐỨC TU VIỆN,  
25-01 GIÁP DẦN (16-02-1974).■

■  
Vạn vật mong chờ một Chúa Xuân,  
Đem về muôn vẻ đẹp màu Xuân,  
Hồng lô tuyết điểm hoa treo ngọc,  
Thượng uyển hương nồng hạc múa Xuân.  
ĐỨC ĐIÊU TRÌ KIM MẪU, THÁNH THẤT TÂN ĐỊNH,  
06-01 BÍNH NGỌ (26-01-1966).■

■  
Trái qua những tiết Đông Thiên,  
Ngày Xuân sắp đến chân liền bước sang,  
Những thoi trắng đỏ xanh vàng,  
Điểm tô thêm nét trùng hoan cõi trần.  
ĐỨC CHÍ TÔN, NAM THÀNH THÁNH THẤT, 01-01  
CANH TUẤT (06-02-1970).■

■  
Ánh xuân quang trập trùng bủa khắp,  
Hương xuân hòa vạn vật thẩm tươi,  
Hoa xuân vẫn nở nụ cười,  
Thêm Xuân rộn rã bước người Thiên ân.  
Xuân là để canh tân thế đạo,  
Xuân là mầm sáng tạo tương lai,  
Thâu, tàng, sanh, trưởng ngày ngày,  
Phục nguyên đức cả an bài vạn sanh.  
ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ  
THÔNG GIÁO LÝ, 15-01 NHÂM TUẤT (08-02-1982).■

# ĐÔI ĐIỀU VỀ BUỔI HỘI HỌC “THANH THIẾU NIÊN ĐẠI ĐẠO LÝ TƯỞNG VÀ HÀNH ĐỘNG”

■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM

**H**ội học là học tập thể, chúng ta cùng thực hành nguyên tắc “kiến hòa đồng giải”: Một vấn đề được nhìn từ nhiều góc độ, giúp tập thể hiểu rõ hơn, hiểu sâu hơn, hiểu nhau hơn để cùng thực hành, cùng tiến bộ.

## 1. THÁNH GIÁO ĐỂ DẪN

Đây là Thánh giáo đầu tiên mà Đức Cao Triều Phát tiên bối thọ Thiên lệnh của Đức Chí Tôn từ Bắc về Nam để dìu dắt các thế hệ tiếp nối. Đức Chí Tôn dạy:

“Các con nam nữ lưỡng phái cố gắng hành đạo lập công. Thấy đã truyền lệnh cho Cao Triều Phát lai đàn hầu dạy Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý, để cho các con được thông cảm tình đồng đạo, và Cao Triều Phát lập công tiến vị theo sự khẩn cầu của Tiên Bối Đại Đạo đang ở bên cạnh của Thầy. Các con cần vui vẻ để đón tiếp Cao Triều Phát trước giờ giao thừa nghinh xuân...”<sup>1</sup>

Ngày hội học hôm nay là lễ phẩm trân trọng dâng lên các Đức Tiên Bối nói chung và Đức Cao Triều Phát nói riêng, do chúng ta một phần nào thực hiện được mong ước của các Ngài. “Ngày mà các em Thanh Thiếu Niên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xây lưng đầu cột nhau mà tiếp thụ sinh lực tình thương từ Thượng Đế, cùng trần tình cho nhau, thông cảm nhau qua một tập san chung, qua những công tác chung, là ngày ấy ánh sáng đạo mới thực sự khơi màu trong xã hội nhân sinh. Tiên Huynh mong mỗi ngày ấy.

Hỡi các em Thanh Thiếu Niên Đại Đạo! Hỡi các em tuổi trẻ có tinh thần sáng tạo! Các em chắc cũng mang hoài bão ấy... Hãy tìm ra mình trong Thượng Đế, để cùng nhận diện nhau, bắt tay nhau trên cùng lẽ sống, mang an bình đến xã hội nhân sinh. Thật cao cả thay, mong mỗi thay!”<sup>2</sup>

## 2. VỀ LƯỢC SỬ ĐỨC

### CAO TRIỀU PHÁT TIÊN BỐI

– Em thứ chín của Ngài là Đức Cửu Nương Cao Thoại Kiết (Đức Nữ Phật cầm ngọc tiêu đi hộ giá Đức Vô Cực Từ Tôn). Một phần Ngài hiện ở Bạc Liêu.

– Hiền tỷ Cao Bạch Liên là ái nữ của Ngài, kế thừa đạo nghiệp phụ thân và được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo ban ân là “Hướng dẫn tinh thần cho Tập Đoàn Giáo Sĩ” Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

– Đức Cao Triều Phát lai cơ tại Hội Thánh Minh Chơn Đạo với đạo quả Thái Chương Kim Tiên.

## 3. TRONG BÀI “ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT VÀ SỬ MẠNG HƯỚNG DẪN THẾ HỆ TIẾP NỐI”

Chúng ta tâm niệm một câu để triển khai trọn đời là: “Giáo lý Đạo quá giản lược chưa thỏa mãn sự tìm hiểu của các giới, nhưng phần phô diễn phát huy không phải là việc của các Đấng hay chúng Tiên Huynh mà chỉ

1. Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

2. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Tân Hợi (02–12–1971).

*có thể là của các em với sự soi dẫn của Thiên liêng.”<sup>3</sup>*

Đức Cao Triều Phát kêu gọi sự dẫn thân của chúng ta rồi chú Tiên Khai Đại Đạo sẽ phù hộ trong đó có Ngài: “*Các em cần phải nâng cao tầm mức giáo lý cho có triết học, khoa học, văn học và để tăng thêm tính chất hấp dẫn và phổ biến.*”<sup>4</sup>

#### **4. TRIỂN KHAI CHỦ ĐỀ 1: “THANH THIẾU NIÊN KHÔNG SỐNG CÁI SỐNG CỦA RIÊNG MÌNH, KHÔNG LÀM CÁI LÀM CỦA RIÊNG MÌNH MÀ PHẢI LÀM VÀ PHẢI SỐNG CHO ĐẠI CHÚNG.”<sup>5</sup>**

▪ Hiền hữu Thư Bảo (Minh Lý Thánh Hội) đã triển khai cụ thể: “Làm và sống cho đại chúng bắt đầu từ hiếu đạo.” Đại chúng đi từ cha mẹ (hiếu), anh chị em (đễ), họ hàng, dân tộc (trung), nhân loại... Hiếu đứng đầu muôn hạnh. Hiếu là một chìa khóa thiên đường, Đức Chí Tôn dạy: “*Các con xem trên Thiên đình có vị Phật, Tiên nào bất trung, bất hiếu không?*”<sup>6</sup>

▪ Hiền hữu Trúc An (Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): “Muốn sống cho đại chúng thì phải hy sinh (thụ hưởng, quyền rũ hấp dẫn, dục vọng đam mê, tư kỷ, tư

lợi...” “*Hòa vào đại dương giọt nước sẽ tồn tại.*”<sup>7</sup> Hy sinh để sống cho đại chúng giúp chúng ta ra khỏi vòng luân hồi sanh tử để cùng Trời Đất sống mãi muôn đời.

▪ Hiền hữu Phạm Thế Vinh (Thanh Tịnh Đàn) ghi lại 2 điển hình tuân hành lời dạy của Đức Cao Triều Phát để sống cho đại chúng.

– Tổ Từ Thiện Hồng Lạc: nấu cơm chay tặng bệnh nhân ở các bệnh viện Châu Thành, bệnh viện lao (Tiền Giang)... mỗi lần hết tiền là có mệnh thường quân đến ủng hộ. Sống cho đại chúng là trở nên con ngoan của Đức Chí Tôn nên được những người con ngoan khác hỗ trợ tinh thần lẫn vật chất để tiếp tục sống cho đại chúng không bao giờ gián đoạn.

– Một hiền hữu (ẩn danh) hiến dâng thời gian, công sức để hướng dẫn lễ nghi đạo đức cho các em chung quanh thánh sở trong tinh thần lành mạnh hóa, cảm tình hóa, điển hình hóa, tập thể hóa từ cá nhân đến cộng đồng.

#### **5. TRIỂN KHAI CHỦ ĐỀ 2: “TU KHÔNG PHẢI CHÁN ĐỜI ẮN DẬY, TU BẮT BUỘC PHẢI MẠNH DẠN ĐI VÀO ĐỜI.”<sup>8</sup>**

▪ Đại diện Tu Tập Sinh Hội Thánh Truyền Giáo tại Tp. Hồ

Chí Minh tham luận “*Những chuẩn bị cần thiết để mạnh dạn đi vào đời.*” Nhắc lại lời Ôn Trên dạy phải lo công quả, công phu: “*Công quả không làm thì phúc đức đâu thấy, phúc đức không có thì tai họa đến thân, nghiệp chướng kéo lôi vào vòng đen tối. Công phu lơ là thì trí tuệ đâu được, trí tuệ không có thì vô minh phiền não dẫn dắt đời con.*” Hiền dâng trọn đời là lập nguyện tu giải thoát, có giải thoát được mình thì mới có thể độ được người.

Sống cho đại chúng là lái xe dẫn đường, nếu hôn trầm thì có thể gây tai nạn không những hại cho cá nhân mà còn cho tập thể. Hành giả phải ít nhất cúng tịnh mỗi ngày một thời cho sáng suốt hành đạo.

▪ Hiền hữu Trần Phúc Thịnh (Thánh tịnh Ngọc Minh Đài): ắn dật hay vào đời. Tu thật hay tu ảo: “*đi cúng, đọc kinh, làm công quả mà không biết tu để chuyển hóa tốt ở thân khẩu ý thì đó chưa phải là người thật tu*”... Mạnh dạn đi vào đời thì phải đủ tâm, đủ tài “*phải biết lợi mới đủ sức cứu người chết trôi. Nếu không, người chết trôi lôi thêm người chết đuối. Trong lúc chưa đủ sức thì phải ráng làm công quả.*”

#### **6. TRIỂN KHAI CHỦ ĐỀ 3: “LIÊN KẾT TỰ KIỂM VÀ NHẬN PHÊ TRONG TINH THẦN HÀNH ĐỘNG DUY TIẾN.”<sup>9</sup>**

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

5. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

6. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

7. Ngạn ngữ Ấn Độ.

8. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

9. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).



▪ Hiền hữu Đặng thị Anh Thư (Huỳnh Quang Sắc). Tự soi gương chính mình. Nhận thấy tự kiểm khó lắm vì cái “tôi”. Khi tự thắng được cái “tôi” mới thật sự tiến bộ chứ không tự kiểm đóng kịch nữa.

▪ Hiền hữu Trần Sơn Hải (Huỳnh Quang Sắc). Không biết em có phải là lương y, bác sĩ không mà viết: “Người che giấu khuyết điểm của mình cũng giống như bệnh nhân không khai thật bệnh của mình, nên không ai cho toa đúng thuốc được, bệnh sẽ càng ngày càng nặng, đi đến chỗ nguy hiểm tánh mạng.”

Đức Cao Triều Phát dạy tự kiểm nhận phê chính là triển khai Tứ đại điều quy “*Chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ, lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.*”

▪ Hiền hữu Nguyễn Thị Kim Ngân (Ngọc Minh Đài).

– Thời đại vi tính, ứng dụng chương trình MS Excel, Note vào tự kiểm nhận phê.

– Theo ngài Tuân Tử, đối tượng phê chúng ta gồm: Thầy, bạn, kẻ thù. Kẻ thù mình chính là người không phê mình. Ông linh mục trong truyện kể điển hình đã khóc khi người chỉ trích ông chết, vì từ đây không còn người làm cho ông phải đấu tranh với chính mình nữa.

– Ôn Trên dạy chúng ta làm vô ngã kiểm vì có vô ngã mới cứu được mình, độ được người.

▪ Hiền hữu Nguyễn Mỹ Vân (Huỳnh Quang Sắc). Một hình tượng làm chúng ta suy nghĩ:

tự kiểm là cá, nhận phê là nước. Cá không thể nào lia nước, lia tập thể. Cá nhân xa tập thể thì tập thể khuy khuyết mà cá nhân khó làm được việc gì.

## **7. TRIỂN KHAI CHỦ ĐỀ 4: “TỰ THẮNG ĐỂ PHỤC VỤ”<sup>10</sup>**

▪ Hiền hữu Võ Phương Trúc (Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): “tự thắng là chiến thắng vinh quang nhứt.” Khi chúng ta hợp tác mà không chinh phục: mọi người đều được, không ai mất chi cả. Tự thắng mình là làm chủ nhân ông, phải siêng công phu mới chế ngự được lục dục thất tình. Nhu cầu hoàn thiện bản thân là cao nhất. Mỗi người đều là Tiên trong tiềm thể, khi tự thắng được mình là có cơ hội thành Chơn Tiên, Chơn Thánh, Chơn Thần.

▪ Hiền hữu Thái Kim Hoa (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): Đem Đạo phụng sự thiên hạ qua 3 hình thức: giúp cơm áo gạo tiền, giúp lời khuyên, hướng dẫn pháp tu. Chúng ta tùy thời mà giúp chứ không coi hình thức nào khinh trọng. Muốn thế phải lập chí thanh cao, tâm cho hùng tráng.

▪ Hiền hữu Diệu Thuận (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): Tự thắng, trước hết là thắng lòng ham muốn vật chất (vật dục) (nhà, cửa, lợi, danh) để chuyển giá trị vật chất thành giá trị tâm

linh (cẩn hạnh, cẩn ngôn, khiêm cung, từ tốn, bác ái, vị tha...). Đức Cao Triều Phát tiên bối dạy trước hết là tự thắng mặc cảm, rứt rề, cầu an của bản thân để vững tiến trên đường đời, đạo.

▪ Hiền hữu Nguyễn Thị Thanh Trúc (Ngọc Minh Đài): “Phục vụ cho thiên hạ bằng tự thắng” nhờ: ý thức được việc làm, động cơ của việc làm, kiên định đi cho đến nơi, đến chốn.

▪ Tập thể Thanh thiếu niên Thanh Tịnh Đoàn: chiến thắng tự thân là chiến thắng thập tam ma. Tự thắng để tự thân tiến bộ, tranh hơn thua với tha nhân chỉ làm mất thời gian và tâm sức vì “cao nhân tất hữu cao nhân trị”. Ôn Trên dạy: “*Tài ít đức nhiều còn hữu dụng. Tài suông thiếu đức họa nay mai.*” Chúng ta cố gắng tìm công quả để làm, không còn thời gian chết và luôn cầu nguyện Ôn Trên.

▪ Hiền hữu Hồ Thị Mộng Tuyền (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): Chúng ta thắng mình trong từng việc một cho đến ngày thắng hoàn toàn “nước chảy đá mòn, mưa dầm thấm lâu”. Thay một câu nói không hay cho tha nhân bằng một câu niệm Thầy bởi vì: mình ăn mình no, mình sửa mình tốt, mình tu mình đắc.

## **8. TRIỂN KHAI CHỦ ĐỀ 5: “PHỤC VỤ CHO THA NHÂN”**

▪ Hiền hữu Anh Đào (Thánh tịnh Thiên Trước): Hy sinh bản (XEM TIẾP TRANG 110)

10. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

# XUÂN VỀ NHỚ NGƯỜI ANH HÙNG ÁO VẢI **QUANG TRUNG**

**KỶ NIỆM 260 NĂM NGÀY SINH  
(1753–2013)**



## ■ **ÁU VIỆT ĐIỀU**

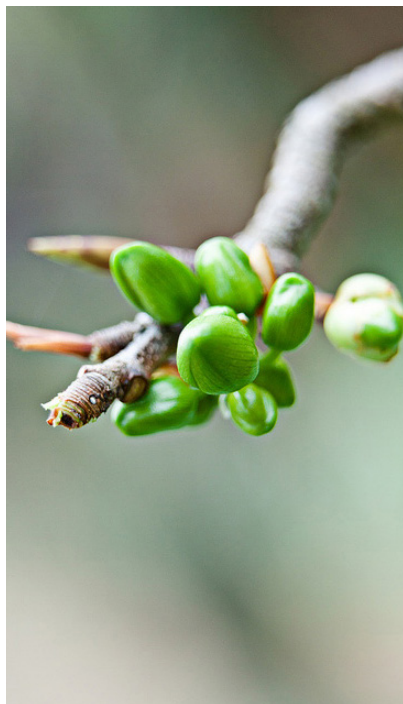
---

### **MỪNG 8 THÁNG GIÊNG NĂM KỶ DẬU (1789)**

Một ngày, sau lễ Khao Quân đại thắng. Thăng Long thành vẫn còn ăn tết muộn nhưng lớn như chưa bao giờ có, kể từ khi trở thành quốc đô của Đại Việt.

Hôm qua, ngày hạ nêu hằng năm, nêu cũ không hạ, mà còn thêm bao nhiêu nêu mới với ngọn cờ đào múa cùng gió đông.

Những nụ tấm xuân còn sót lại sau ngày lửa binh được nâng niu trên bàn thờ Phật. Bánh giò, bánh chưng – nấu thêm lần nữa



– còn ngút khói dâng trên bàn thờ cửu huyền thất tổ.

Các... tùng ... các các ... tùng, tiếng trống của đội lân đồng nhi làm rộn rã lòng người, làm trẻ lại ông già bà cả.

Đêm nay, trăng thượng huyền lung linh với vạn vì sao. Trời, đất, người bước vào vạn hội mới.

Phổ xá còn vương vải quần áo, vật dụng, quân trang, bằng sắc của lính Thanh vất bừa dọc đường, để kịp xuống cầu phao Phú Lương theo chủ tướng. Theo lệnh Tôn Sĩ Nghị, đội cận vệ chặt cầu phao khi ngựa vừa lên bờ bắc, nên hầu hết số quân Thanh đã vĩnh viễn tắm dưới dòng Nhị Hà.

Tại điện Kính Thiên, nơi đặt đại bản doanh, vua Quang Trung chấm dứt phiên họp của Bộ tham mưu kéo dài từ trưa đến chiều để giải quyết các việc khẩn sau ngày nhập thành.

Các tướng lĩnh các tư kỳ phận, chỉ còn các vị: Trung Thư Lệnh Trần Văn Kỳ, Thị Lang Ngô Thì Nhậm, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, Đô Đốc Bùi Thị Xuân, Đô Đốc Đặng Tiến Đông, Tham Quân Tịnh Quang ... ngồi lại với vua.

Tịnh Quang là giáo thọ, trưởng tràng của sư cụ chùa Hà Trung ở Phú Xuân, nhập ngũ theo lệnh động viên từ chuyển ra Bắc Thành lần đầu. Sau việc quân, mỗi tối khi rảnh, thấy vẫn niệm Phật, tụng kinh và giữ trường trai. Là chỗ bạn bè, sư cụ gợi thầy cho quan Trung Thư Lệnh. Nhà vua gợi ý với quan Trung Thư chuyển thầy sang vương phủ. Vua cử làm Tham Quân, vừa đảm trách mật phòng, vừa chăm sóc Niệm Phật đường trong vương phủ do Ngọc Hân Công chúa mới hoàn thành. Những lúc căng thẳng việc quân, nhà vua mời thầy vào trà đàm và luôn cả ngâm các bài kệ của Chư Tổ để vua tịnh tâm.

Khói trầm từ lò hương thơm toả, nhà vua nhấp một ngụm trà, Tham Quân Tịnh Quang vừa châm trà cho các tướng, vừa đọc nhỏ nhưng vẫn rót không sót một chữ vào tai vua bài Chiếu lên ngôi và xuất quân.

“... Lời nói lớn lao của ngôi Hoàng Cực là lời giáo huấn phải thi hành<sup>1</sup>. Nhân, nghĩa, trung, chính là đầu mối lớn của

1. Kinh Thư, thiên Hồng phạm, trích lại Nguyễn Mộng Giác “Sông Côn mùa lũ Q.3”, Hà Nội: NXB Văn Học, 2007, tr.371.

đạo làm người. Nay trẫm cùng dân đổi mới, theo mưu mô sáng suốt của tiên Thánh để trị và dạy thiên hạ!

Trời vì hạ dân đặt ra vua, đặt ra thầy, cốt là để giúp Trời, yên võ bốn<sup>2</sup> phương. Trẫm nay có thiên hạ sẽ diu dắt dân vào Đạo lớn, đưa dân lên cõi đài xuân...”<sup>3</sup>

– “Diu dắt dân vào Đạo lớn, đưa dân lên cõi đài xuân”, Nhà vua nhắm lại.

– Nay chủ tướng, trên nhờ có Trời, dưới nhờ có dân, chúng ta trong thời gian chớp nhoáng đã quét sạch 50 vạn quân thù ra khỏi ải Bắc. Mai là vía Trời... vua ngập ngừng.

Ngô Thị Lang vội tiếp lời: “Tâu Vương thượng, từ lâu rồi đàn xã tắc cỏ mọc chen kín, rêu phong dấu phủ, vua thì hư vị, chúa thì lộng quyền. “Năm vua Lê Hiển Tông đang cư tang, ... chúa Trịnh Thịnh Vương tự vào nhiếp tế, năm ấy thóc lúa mất mùa, giặc cướp tứ tung, thiên hạ ta thán đổ cho lỗi tại chúa Trịnh vào nhiếp tế.

Tế Trời “Cứ lệ thì trước vị Thượng Đế, Địa Kỳ bày lễ chay; tam tài và hoa quả chuối tiêu. Còn đôi bên tả hữu hành lang thì cứ thứ tự giảm bớt dần, đồ lễ không có ngọc liệu, sát sinh

2. Thư, thiên Thái thế, Mai Quốc Liên dịch. Thơ văn Ngô Thì Nhậm Q.2, tr.108, trích lại Nguyễn Mộng Giác “Sông Côn mùa lũ Q.3”, Hà Nội: NXB Văn Học, 2007, tr.372.

3. Chiếu “Lên ngôi và xuất quân” vào 25-11 Mậu thân (1788) tại Phú Xuân.

gì cả.”<sup>4</sup> Chùa Sùng Phúc cách đây không xa, tiện cho Vương thượng dâng hương.”

Đặng Đô đốc thưa:

– Khoảng cách từ đây đến chùa Sùng Phúc là đường tiến công mũi thứ năm của quân ta mà Vương thượng giao hạ thần phụ trách trong chiến dịch giải phóng Bắc thành. Từ Chương Đức, tượng binh và kỵ binh tiến theo hướng Sơn Tây, rẽ sang làng Nhân Mục, rồi tập kích đồn Khương Thượng. Giải quyết xong mở đột phá khẩu vào cửa Tây, tiến công đại bản doanh Tôn Sĩ Nghị ở Tây Long. Chùa Sùng Phúc thuộc làng Khương Thượng. Đội tượng quân đang hạ trại nghỉ ngơi chung quanh hồ trước chùa. Ngày mai, hạ thần xin đưa Vương thượng hành quân...

Bùi Đô đốc gất:

– Ngày mai Vương thượng hành hương ...

### **MỪNG 9 THÁNG GIÊNG NĂM KỶ DẬU (1789)**

Vua Quang Trung và đoàn tùy tùng khởi hành lên chùa Sùng Phúc từ sáng sớm.

Đi ngang một hồ<sup>5</sup> nước lớn, bên trái đường cái quan, cả trăm thớt voi đang kỳ cọ tắm lẫn nhau. Vua ra hiệu, cả đoàn ghìm cương.

4. Phạm Đình Hồ “Vũ trung tùy bút” (bản dịch Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến), NXB Trẻ, NXB Hồng Bàng, 2012, tr.46.

5. Hồ này nay vẫn còn. Hồ mang tên Hồ Tượng, kể từ năm Kỷ Dậu (1789).

– Bùi Đô đốc cho ta thăm con Mịch.

Mịch, voi đưa vua hành quân, khi tấn công Ngọc Hồi bị trúng miếng thần công của giặc.

– Tò, tò, tò ... te, te, te... tò, tò, tò ...

Tiếng còi trên môi nữ tướng phát ra lệnh tập hợp đội tượng quân. Con Mịch, đầu đàn vươn vòi lên trời: hù... ù... hù điều khiển. Nó bước đến trước mặt Xuân, theo sau tám thớt tượng thuộc đội Tiên Phong.

– Tò... te...te... te...

Cả đội dàn một hàng dọc nhìn trước, thẳng.

– Tò... tò...tò ... tò ...

Đồng loạt chín cái vòi hướng lên trời hụ chào:

– ù... ù ... ù ...

Bùi Thị Xuân hướng về nhà vua:

– Xin Chúa công duyệt hàng quân.

Nhà vua, theo sau là các tướng lĩnh nghiêm ngựa lần lượt bước qua chín thớt voi. Đi ngang Mịch, nhà vua đưa tay, Mịch đưa vòi quấn quít chủ tướng. Vua xuống ngựa vượt cổ Mịch, nơi vết thương bắt đầu kéo da non.

– Mịch, người đã cùng ta vận lý hành quân từ Phú Xuân vượt đèo Ngang, rồi Linh Giang, qua sông Mã, lên Ba Dội, băng khói lửa Hà Hồi, Ngọc Hồi, vào Bắc thành đúng mừng năm tháng giêng. Nay ta thăng hai cấp cho người giữa mặt trận, từ Tượng tam phẩm lên Tượng nhất phẩm và toàn

thể sĩ tốt của người đều được thăng một cấp.

Vua phát tay ra hiệu, Bùi Đô đốc hiểu ý, thêm một hồi còi cho đội tượng quân tan hàng.

■

Trước tam quan chùa Sùng Phúc, vua và đoàn tùy tùng cúi đầu nhìn những đồng gạch vụn ngổn ngang, cây cối trong vườn xiêu vẹo, chánh điện đã tróc mái, chơ vơ bốn trụ cột, các tượng thờ, hoặc bị rớt, hoặc dịch chỗ, một điệu chim hót gọi đám con lạc bầy trong mấy ngày qua.

– Tự đây mà tăng đâu? Vua lên tiếng.

Đội cận vệ qua cổng chùa vào tìm sư trụ trì mà không thấy. Một bô lão hồi cư được mời vào gặp vua.

– Tàu Vương thượng, sư trụ trì không chịu cho giặc mượn chùa làm chỗ đóng quân nên đã hy thân. Một phút lặng yên.

Theo lệnh vua, Tịnh Tham quân thiết bàn Thiên giữa sân chùa, Bùi đô đốc xếp đặt hoa quả đèn hương. Nhà vua tam quỳ cửu khấu dâng hương lên Thiên thượng cầu cho quốc thái dân an, thiên hạ thái bình. Sau khi các tướng lần lượt lễ bái, nhà vua hướng về Tịnh Tham Quân:

– Tăng đây, tìm đầu nữa, đến phiên nhà thầy đó.

Tịnh Tham quân cởi chiến bào, màu lam pháp phục lộ ra. Thấy mở hành trang lấy ra một cái chuông nhỏ, một cái mõ nhỏ. Cốc ... cốc ... cốc sư tụng ba biến cứu khổ chơn kinh ...

“ngũ bá A La Hán cứu hộ chư liệt sĩ, chư chúng sanh đắc siêu sinh tịnh độ6...”. Không đủ thời gian, Sư kết thúc bằng chú Vãng sanh để cầu chư chơn linh theo tràng phan bảo cái về cõi Cực Lạc tu tiếp với Đức A Di Đà “*Nam mô A Di Đà bà dạ, đa tha dà đa dạ7...*”

– Hôm nay nhà thầy đọc kinh chi khác ở vương phủ.

– Trong vương phủ, thần đọc kinh Cầu an, giữa chiến địa thần đọc kinh Cầu siêu, cầu cho chơn hồn liệt sĩ của ta, lẫn quân lính của Thanh, nạn nhân của vua quan Trung quốc được siêu sinh tịnh độ.

Nhà vua ra sau chùa, nhìn về ngọn đồi Loa Sơn, thấp thoáng trong bóng cây, lũng lảng một xác người.

– Hoà bình rồi sau còn người tự vẫn thế?

Đặng Đô đốc thưa:

– Tàu vương thượng, đó là Thái thú Điền Châu Sầm Nghi Đống thủ nghĩa, đêm mừng bốn, vì biết bốn phía chung quanh đồn Khương Thượng, một con kiến cũng không lọt nổi vòng vây của quân ta.

– Đặng Đô đốc, ông đã giúp hẳn “thành mất thì tướng chết”, vậy cho quân giúp hẳn một năm mồ và ít nén hương để ngậm cười nơi chín suối. Còn bao nhiêu xác Thanh quân còn lại, ông nhờ Bùi Đô đốc điều động đội tượng quân cày

đất làm mồ tập thể. Đội tượng quân phải đào 12 mồ to, cái cao cái thấp như một dãy núi nhỏ, mới tống táng hết lính Thanh, trở thành tập thể gò Đống Đa<sup>8</sup> từ đó.

■  
Dưới cội bồ đề chùa Sùng Phúc, nhà vua và đoàn tùy tùng dùng cơm trưa đã chiến, cơm nắm với lương khô.

– Nay chư tướng, chúng ta đã lấy lại thiên hạ nhưng việc tái thiết hậu chiến thực không đơn giản. Làm sao dựng lại người, dựng lại nước. Trong khi chờ Đạo lớn ra đời, ta thấy Nho học chỉ đi theo con đường khoa cử là phần hạ, mà quên phần thượng cho nên tệ mua bằng, mua chức phổ biến.<sup>9</sup> Đào tạo người như vậy, trên không đủ sức phò vua, dưới không đủ sức dạy dân, không thực hiện được đạo trị thế. Quan Trung Thư mời ngài La Sơn Phu Tử giúp ta cho thi lại hết sinh đồ, chỉ truyền lộ những ai đạt ưu, còn bao nhiêu phải về học lại. Quan Trung thư thấy thế nào?

– Vương thượng đi guốc trong bụng chúng thần, đó là cái gương tự xử của Lý Trần Quán vì theo lối học đó “thầy

không dạy được trò, sợ giặc hơn sợ chúa” trong chuyện ra Bắc lần đầu của chúng ta.

– Nhơn đạo, Phật đạo, đạo nào cũng giải khổ cho con người. Ta có thể đem lại cơm no, áo ấm cho dân, đem lại quốc quyền cho nước. Nhưng còn cái khổ của thân ta, cái khổ của nhà ta, còn nhiều cái khổ nữa mà ta đâu cứu được cho ta, cho dân, đó là cái lo gan ruột của ta, trong lời hứa đưa dân lên cõi đài xuân. Tham quân Tịnh Quang nghĩ thế nào?

– Muôn tâu, Vương thượng đã chỉ đạo qua lời than thở trước tam quan vừa rồi “Tự đây mà tăng đâu?” Cứu người có ba cách: 1. Tài thí: là giúp cơm, áo, thuốc men...; 2. Pháp thí: qua lời khuyên, chỉ dẫn...; 3. Vô úy thí: đem lại sự bình an, không còn lo sợ chi nữa cho dân chúng, chỉ có hàng chơn tu tịnh khiết mới thực hiện được. Có được tăng thì giải quyết được cái lo của Vương thượng.

– Thế thì ta<sup>10</sup> nhờ sự phụng của nhà thầy tổ chức kiểm tăng và ta sẽ cho xây dựng Phật trường

6. Kinh Quan Âm Cứu Khổ.

7. Chú Vãng Sanh.

8. Đời Pháp, cho quy tập lại thành một gò duy nhất.

9. “Kiên quyết thải hồi những chức tước và học vị do mua bán mà có. Tất cả sinh đồ đều phải thi lại, ai làm bài đoạt loại ưu mới cho đỗ, còn thì bắt về học lại”. Nguyễn Khắc Thuần, “Đại cương lịch sử cổ trung đại Việt Nam”, NXB Giáo Dục Việt Nam, 2010, tr.302.

10. “Vua Quang Trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng Thần Thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ, mỗi huyện một cái chùa thật to, rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng nhân có học thức, có đạo đức ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn.” (Trần Trọng Kim, “Việt Nam sử lược”, Nxb Văn Học, 2011, tr.345.)

đồ tại các đại trấn để giáo dục  
đào tạo một thế hệ nhà tu mới.

Mặt trời đã nghiêng bóng,  
Lốc... cốc... cốc ... nhịp ngựa  
của nhà vua và đoàn tùy tùng  
gõ đều trên đường về. Boong  
... boong ... boong ... tiếng đại  
hồng chung công phu chiều từ  
xa vẳng lại, hoà bình về rồi trên  
đất nước thân yêu. Tham quân  
Tịnh Quang ngâm:

*“Nguyên Tây ai ở người nào  
biết,*

*Mỗi chiều chuông nổi đuổi  
hoàng hôn”<sup>11</sup>*

### **RỒI NĂM MƯƠI NĂM SAU...<sup>12</sup>**

Mùa xuân, một nhóm  
giám sinh chuẩn bị thi Hương  
trường Hà Nội văn cảnh chùa  
Bộc<sup>13</sup>. Người thì thư giãn,

11. H.T Thích Thanh Từ, “Thiền sư  
Việt Nam”, Nxb Tôn giáo, 2010, tr.457.

12. Hình tượng Vua Quang Trung  
(nguồn: Wikipedia).

13. Sùng Phúc Từ chuyển thành  
Thiên Phúc Tự từ khi vua Quang  
Trung dâng hương. Dân gian lại gọi  
là chùa Bộc vì chung quanh chùa  
đầy xác giặc Thanh trong trận chiến  
thắng Đống Đa năm Kỷ Dậu (1789).



người thì xin quẻ để biết tiên  
trình, người thì...

Này là Tam Thế Phật: Đức A  
Di Đà, Đức Đại Thế Chí, Đức  
Quán Thế Âm.

Này là Đức U Minh Giáo  
Chủ, Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Này là Đức Tiêu Diện Đại Sĩ  
cai quản các âm binh.

Này là Đức Ông ...

Cao Bá Quát thấy hơi lạ nên  
ngắm nghĩa kỹ hơn. Phía trên  
Đức Ông là bức hoành phi với  
đại tự “Uy Phong Lẫm Liệt”.  
Ông ngồi trên bệ sơn son, dáng  
điệu thung dung, một chân  
trong hài, một chân để ngoài  
tự nhiên, mặc hoàng bào thêu  
rồng, lưng thắt đai nạm ngọc.  
Hai tượng cận thần hầu tả hữu.

Quát bước ra sau lưng để  
xem, nhìn kỹ, phía bên trên  
đỉnh đầu, có một chữ “Tâm”,  
lấy tay quạt bụi cho rõ, dòng  
chữ “Bính Ngọ niên tạo Quang  
Trung tượng” (1846).

Sư ông trụ trì, ngoài 80 mà  
còn quắc thước, thấy Quát  
dừng lâu, xem kỹ, thì ngoéo tay  
dắt vào hậu liêu.

– Tôi thấy ở các chùa thờ  
Đức Ông là Đức Quan Thánh  
với đại đao, hai bên là các vị  
Quan Bình, Châu Xương, chùa  
này hơi khác.

– Nhà thầy thật có mắt tinh  
đời. Tôi là Nguyễn Kiên chủ  
quản đội tượng quân. Sau  
ngày Vương thượng về thần,  
rồi kế tiếp đổi triều. Tôi  
xuống tóc về đây nương nhờ  
cõi Phật. Nhân dịp trùng tu,  
chùa chưa có tượng Đức Ông

nên tôi đã tạc tượng Vương  
thượng và hai cận thần. Hai  
trụ cột còn thiếu câu đối cho  
tương xứng, xin nhà thầy  
dụng tâm cử bút.

Quát thắp 3 nén hương, lạy  
năm lạy rồi xin mượn bút mực.

Quát chấm mực, thoát cái  
đã xong, trao lại cho sư cụ.  
Nguyễn Kiên gật gù:

*“Động lý vô trần, đại địa sơn  
hà lưu đóng vũ,*

*Quang Trung hoá Phật,  
tiểu thiên thế giới chuyển  
phong vân.”<sup>14</sup>*

Nghĩa đen:

*“Trong động này không còn  
mây bụi nhơ, nước non rộng lớn  
còn lại toà lâu đài,*

*Ánh sáng thành Phật, thế  
giới nhỏ này nổi gió mây.”*

Nghĩa bóng:

*“Trong động này (khu vực  
này) không còn một mây bụi  
nhơ nào (vì đã quét sạch quân  
xâm lược), non sông rộng lớn  
này còn để lại một toà lâu đài,*

*Vua Quang Trung thành  
Phật (về cõi vĩnh hằng), tiểu  
thiên thế giới gió mây đều cảm  
động mà chuyển vận.”*

– Xúc động lắm, nhà thầy có  
thể cho biết tính danh.

– Tôi là một hàn sĩ viếng  
chùa, được sư cụ cho viết mấy  
chữ thật là phước lắm rồi.

Ngoài sân, một chiếc lá bồ  
đề vờn bay trong nắng xuân... ■

14. Phan Duy Kha, “Từ điện Kính  
Thiên triều Lê đến tổng hành dinh  
thời đại Hồ Chí Minh”, nxb Dân  
Trí + Trung tâm văn hoá Trùng An,  
2010, tr.140.

# TỰ ĐỨC THÁNH CHẾ TỰ HỌC GIẢI NGHĨA CA

■ MINH TRUNG



TRANG SÁCH “TỰ ĐỨC THÁNH CHẾ TỰ HỌC GIẢI NGHĨA CA”.

Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa/Nghĩa Ca” 嗣德聖製字學解義歌 (Tự học giải nghĩa ca 字學解義歌), bộ tự

điển Hán – Nôm lục bát do vua Tự Đức Triều Nguyễn 阮朝嗣德帝 biên trú, nhằm thiết lập một bộ sách tra cứu Hán – Việt quan phương cơ chuẩn, dân chúng hóa học vấn, lưu truyền Hán học trong dân gian. Việc kiểm duyệt chỉnh lý bộ sách và ấn khắc do Hoàng Hữu Xứng 黃有秤, Ngô Huệ Đạt 吳惠達 tại Ban Tu thư tiến hành sau khi vua Tự Đức băng hà.

Là một vị vua sùng thượng văn hóa, tại vị thời vua Tự Đức rất chăm lo công cuộc chữ nghĩa, ngoài “Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca”, còn biên trú bộ Luận Ngữ Thích Ngãi Ca 論語釋義歌 rất có giá trị. Bản cáo “Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca” hoàn thành khi thực dân Pháp xâm lược, kịp đến năm thứ tám Thành Thái 成泰八年 (1896), triều đình nhà Nguyễn sắc lệnh Ban Tu thư Quốc sử quán chỉnh lý, kéo dài việc ban hành ấn khắc vào năm Thành Thái thứ mười 成泰十年 (1898).

Bản ấn khắc “Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca” được sắp xếp theo cách thức:

- Mỗi trang chia thành năm hàng (Trang đầu chỉ có ba hàng).
- Cỡ chữ gồm bốn loại Đại (Lớn), Trung 中 (Vừa), Tiểu

小 (Nhỏ) và Tế 細 (Cực nhỏ), trong đó cỡ vừa là chữ Nôm, các cỡ còn lại là chữ Hán.

- Diễn ca bằng thể thơ lục bát chữ Nôm (Câu sáu: Bằng bằng trắc trắc bằng bằng 平平仄仄平平; Câu tám: Bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc bằng 平平仄仄平平仄平).

- Trình bày lần lượt từ chữ Hán, chữ Nôm giải nghĩa, nếu có thêm chú âm so sánh chữ Hán mới, dùng chữ cỡ cực nhỏ chua bên cạnh. Dưới mỗi câu tám, dùng chữ Hán cỡ nhỏ chú nghĩa cho những chữ Hán mới.

Bộ sách được chia thành 13 quyển nhỏ nói về 7 loại:

1. QUYỂN MỘT: Kham Dư loại thượng.
2. QUYỂN HAI: Kham Dư loại hạ.
  - ➔ Nói về đạo trời đất.
3. QUYỂN BA: Nhân Sự loại thượng.
4. QUYỂN BỐN: Nhân Sự loại trung.
5. QUYỂN NĂM: Nhân Sự loại hạ.
  - ➔ Nói về con người.
6. QUYỂN SÁU: Chính Hóa loại thượng.
7. QUYỂN BẢY: Chính Hóa loại hạ.
  - ➔ Nói về chính trị, giáo hóa.

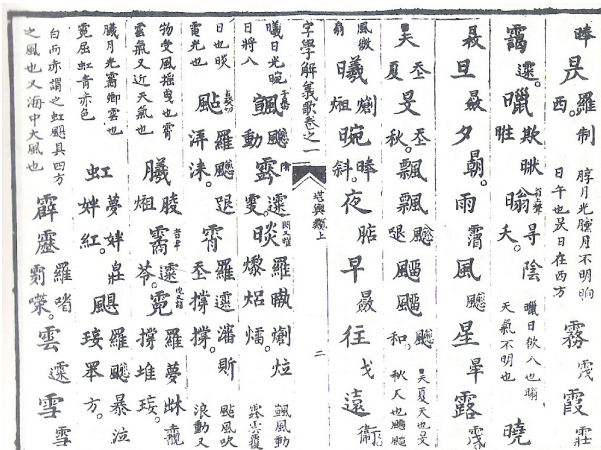
- 8. QUYỂN TÁM: Khí Dụng loại thượng.
- 9. QUYỂN CHÍN: Khí Dụng loại hạ.
- ➡ Nói về vật dụng.
- 10. QUYỂN MƯỜI: Thảo Mộc loại thượng.
- 11. QUYỂN MƯỜI MỘT: Thảo Mộc loại hạ.
- ➡ Nói về cỏ cây.
- 12. QUYỂN MƯỜI HAI: Cầm Thú loại; nói về súc vật, chim muông.
- 13. QUYỂN MƯỜI BA: Trùng Ngư loại; nói về côn trùng, cua cá.

Tất cả các chủ đề được sắp xếp, chú giảng kỹ lưỡng, trên từ việc phong thủy, chính trị, nhân tình, dưới bàn đến cả đồ dùng, chim thú, cây cỏ.

Học giả cận đại Trần Kinh Hòa 陳荆和 nhận định bộ sách này là tiêu biểu cho thể loại tự điển Hán - Việt tiêu chuẩn quan phương cuối triều Nguyễn theo ngữ âm đương thời, có thể coi là bộ tục tự tiêu chuẩn 標準俗字 của giới thượng lưu thế kỷ XIX, là một mẫu mực trong diễn tiến thống nhất hóa tự hình chữ Nôm.

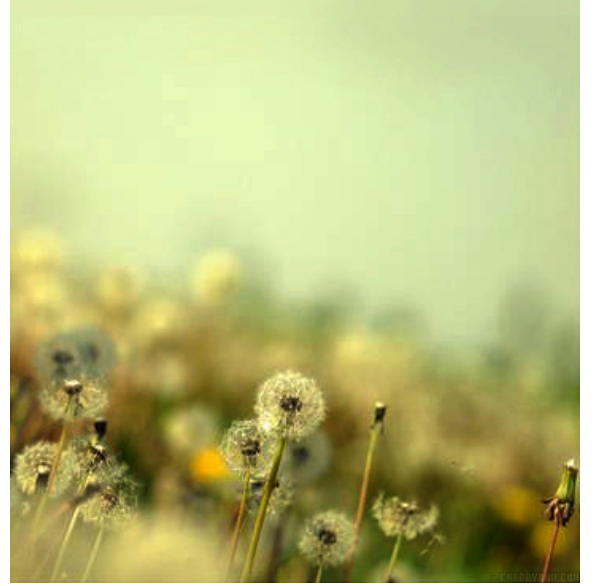
Bộ sách đã được học giả Trần Kinh Hòa dịch sang Việt ngữ, đính chính những chỗ sai lầm, kèm theo phụ lục Âm Chú Hiệu Kham Ký 音註校勘記 và hình ảnh bản khắc, được NXB Hương Cảng Trung Văn Đại Học 香港中文大學 ấn hành năm 1971.

Tại Việt Nam, “Tự Đúc Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca” được NXB Thuận Hóa tái bản 500 cuốn vào quý I năm 2005, do Trương Đình Tín và Lê Quý Ngưu phiên âm, dưới hình thức chế bản rõ ràng, dày 914 trang, là một tài liệu quý cho những người quan tâm nghiên cứu. ■



# GIAO CẢM

■ TU SINH NGÔ THỊ THẢO



*Thân tặng các bạn tu sĩ 3 nhân kỷ niệm 2 năm hiến dâng.*

Mỗi năm kỷ niệm lễ Khai minh  
Là ngày sinh nhật lớp chúng mình  
Thấm thoát đã tròn hai năm chẵn  
Hỏi ai, ai có trọn lòng tin?

Trót đã mang vào kiếp nhân sinh  
Toàn tâm thệ nguyện hiến dâng mình  
Cho Đạo, cho Thầy cho tất cả  
Chung tay xây đắp mỗi Đạo huỳnh.

Trót đã dẫn thân cuộc viễn chinh  
Đường xa vạn dặm bước đàng trình  
Chông gai thử thách đàng chờ đón  
Hỏi ai, ai có nghĩ chút tình?

Vạn loài chìm ngập cõi vô minh  
Sống sao ta chỉ nghĩ riêng mình?  
Trời còn thương xót lâm trần thế  
Giáng đàn mở Đạo độ sinh linh.

Chúng ta hàng tu sĩ tu sinh  
Trọng trách hai vai gắng giữ gìn  
Công quả, công phu luôn ghi nhớ  
Đừng quên xây đắp cả công trình. ■





TRANG THƠ

# MỘT CHUYẾN THĂM ĐẤT BẮC

## ■ THIÊN CHÍ

Thăm đất Bắc, Thăng Long trời vào Xuân Quý Tỵ,  
 Sương giáng mờ, gió nhẹ lạnh cảm cảm.  
 Kia cô hàng quây gánh bước nhanh nhanh,  
 Cho tôi hỏi đường ra hồ Hoàn Kiếm.  
 Đầy Tháp Rùa đứng im hơi lặng tiếng,  
 Bóng nghiêng nghiêng không xao động tấm  
 gương trong.  
 Cầu Thê Húc, cánh tay vươn tới đảo Ngọc Sơn,  
 Để nối liền ngày nay và quá khứ;  
 Cho Bút Tháp Đài Nghiên viết nên giòng lịch sử,  
 Vua Lý xưa từng ban chiếu dời đô.  
 Đất Thăng Long tiền định bởi Thiên thơ,  
 Hội chánh khí trời Nam giữ cõi bờ Đại Việt;  
 Non sông này kể từ thời Âu Lạc,  
 Thành Cổ Loa di tích chống xâm lăng.  
 Mối tình si đã đánh mất Nỏ thần...  
 Đèn Mỵ Châu tuy chưa tàn hương khói,  
 Giếng Trọng Thủy vẫn cô đơn niềm tiếc nuối...

Kia Côn Sơn dựng bia văn thờ Nguyễn Trãi,  
 Đại Cáo Bình Ngô uy hùng còn vọng lại.  
 Kiếp Bạc đền ghi mãi chiến công xưa;  
 Hưng Đạo Vương truyền hịch phát cao cờ.  
 Hồn Tổ quốc làng làng theo tiếng trống;  
 Để ngày nay đem vinh quang cho nòi giống,  
 Vượt gian lao chiến thắng hưởng thanh bình,  
 Ai có về nghe quan họ Bắc Ninh,  
 Qua Hà Nội, xem chèo làn điệu cổ;  
 Giọng ca trù, đàn đáy theo phách gõ,  
 Rồi lên thuyền dạo thắng cảnh Hồ Tây;

Chùa Trấn Quốc, tháp cao đến từng mây,  
 Và nhanh bước, dâng hương chùa Quán Sứ,  
 Kéo không kịp đến Phủ Dầy châu Thánh Mẫu  
 Còn nhiều nơi chùa miếu hội tâm linh;  
 Quốc học xưa trong Văn Miếu đất thần kinh,  
 Bia tiến sĩ hàng hàng minh triết Việt.

Ôi! Đất Bắc với non xanh, nước biếc,  
 Cội nguồn này truyền thụ khắp non sông.  
 Nền văn hiến đã trải mấy ngàn năm,  
 Niềm tự hào hiệp cùng lòng yêu nước;  
 Thế hệ sau kế thừa cha ông trước,  
 Bảo vệ cho Tổ quốc mãi trường tồn;  
 Ôn Tổ tiên con cháu để nào quên,  
 Nguyễn gìn giữ lưu truyền cho muôn thuở...

(NHÂN CHUYẾN ĐI CHÚC XUÂN TẠI HÀ NỘI VỚI ĐOÀN  
 CÁC HỘI THÁNH CAO ĐÀI).■



NHÀ VĂN BIA ĐỀN THỜ KHAI QUỐC CÔNG THẦN NHÀ HẬU  
 LÊ NGUYỄN TRÃI (1380-19/9/1442) TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG,  
 MIỀN BẮC.

# XUÂN BÌNH AN

## ■ NGUYỄN PHONG HIẾU

Mỗi Xuân đến mọi người đều nồng nhiệt  
 Cầu nước non đặng khương thời bình an  
 Cầu muôn dân trăm họ được bảo toàn  
 Cho cuộc sống đặng tràn như ý nguyện.■

# NĂM TY TẢN MẠN VỀ RẮN

■ VIỆT THU TỔNG HỢP



**R**ắn được xếp thứ sáu trong 12 con giáp tuổi phương Đông. Đối với con người thì rắn là con vật vừa có hại, vừa có lợi (rắn bắt chuột bảo vệ mùa màng, rắn làm thuốc chữa bệnh), nhưng không thân cận gần gũi với loài người, trái lại do rắn có nọc độc gây nên cái chết cho con người nên rắn luôn là đối tượng đem lại sự sợ hãi cho con người, nên được người thần thánh hoá.

Rắn có đủ các màu sắc, kích cỡ, có thể sống được ở hầu hết các môi trường tự nhiên. Từ trên núi cao đến biển sâu, từ sa mạc đến rừng rậm, trên cây hay dưới đất, không có chân nhưng khả năng di chuyển rất nhanh mà không gây ra tiếng động. Rắn có thể di chuyển nhiều tư thế (bò ngang, thẳng, nửa dưới đất nửa thẳng đứng...).

Đối với người Việt Nam, rắn là biểu trưng

của sự gian xảo, hiểm ác, cho nên người ta có câu thành ngữ “khẩu Phật tâm xà” để ám chỉ người đạo đức giả, lời nói thì nhân nghĩa mà trong lòng sâu độc, tính toán hại người,

## RẮN TRONG CÁC NỀN VĂN HOÁ

Rắn xuất hiện trong nhiều nền văn hoá tín ngưỡng với những ý nghĩa khác nhau.

Trong văn hóa dân gian Việt Nam, tục thờ rắn là một trong những tín ngưỡng nguyên thủy của người Việt cổ. Xuất phát từ môi trường tự nhiên gắn với điều kiện sông nước, đầm lầy, hình tượng rắn đã được đồng hóa với nước, thủy thần không chỉ phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ mà còn có ở miền Trung, Tây Nguyên và cả miền Tây Nam Bộ. Người Mường ở Thanh Hóa cũng có tục thờ rắn. Ngôi đền thờ thần rắn được biết đến hiện nay ở thôn Lương Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.

Ở châu Úc, các thổ dân tôn sùng rắn vì rắn tượng trưng cho tính âm, nguồn nước, có liên hệ mật thiết với nông nghiệp.

Ở Ai Cập, rắn là biểu tượng của thánh thần, sự thông thái và khả năng tiên tri về tương lai. Rắn được coi là thần hộ mệnh cho các bậc vua chúa nên vương miện của các pha-ra-ông thường chạm trổ hình rắn.

Ở châu Âu, tục thờ rắn phổ biến quanh lưu vực những con sông ở Hy Lạp. Ở đây, rắn không chỉ tượng trưng cho sự khôn ngoan mà còn là biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực về khả năng sinh sản.

Đối với người Hindu, rắn được coi như thần thánh. Trong lễ hội, người ta chia gạo cho rắn

với hy vọng tai ương sẽ qua đi và những điều tốt đẹp sẽ tới. Tín ngưỡng này còn được thể hiện trong điêu khắc, với hình ảnh các vị thần cầm rắn trên tay hay để rắn quấn ngang mình. Trên các mái, vách của các ngôi đền, hang động cổ, người ta cũng tìm thấy những hình ảnh rắn được chạm khắc.

Ở Ấn Độ, rắn được xem như là một biểu tượng của sự bất tử. Tín ngưỡng thờ rắn đã ăn sâu trong đời sống văn hóa của cư dân nhiều vùng lãnh thổ của đất nước này

Tại Trung Quốc, tín ngưỡng thờ rắn được biết đến khá sớm và còn lưu lại trên các vách đá, chẳng hạn như tranh thần Phục Hy đầu người đuôi rắn, thần Nữ Oa đầu người mình rắn... “Các đền miếu thờ rắn ở Trung Quốc từ miền bắc tới miền nam nhiều vô kể. Đặc biệt là ở các tỉnh Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông thuộc miền duyên hải Hoa Đông và vùng Lĩnh Nam Trung Quốc

Ở Đông Nam Á, tục thờ rắn cũng rất phổ biến. Trong tín ngưỡng dân gian của người Campuchia, thần rắn Naga- là một con rắn chín đầu có một vai trò rất quan trọng có năng lực che chở, phò hộ độ trì cho người dân Khmer diệt trừ ma quỷ.



THẦN RẮN NAGA.

### BIỂU TƯỢNG RẮN TRONG Y HỌC

Theo truyền thuyết cổ Hy Lạp, con trai của thần Apollo được xem là ông tổ của ngành y dược. Một ngày nọ, Esculape trên đường đi thăm bạn

gặp một con rắn, ông đã đưa cây gậy ra và con rắn liền bám lấy rồi bò lên quấn quanh cây gậy. Esculape thấy vậy nên cầm cây gậy đập xuống đất để giết chết con rắn. Sau đó, ông lại thấy một con rắn khác bò tới, miệng ngậm một loại thảo dược để cứu con rắn đã chết. Từ đó ông để tâm tìm kiếm các loại cây cỏ trong núi để chữa bệnh cho con người. Esculape được xem như thần bảo hộ của các thầy thuốc.



TƯỢNG THẦN ESCULAPE

Để khắc họa thần Esculape, người ta thường để Thần cầm một chiếc gậy làm bằng gỗ cây nguyệt quế và một con rắn quấn chung quanh. Con rắn này có tên là Elaphe longissima, một loài rắn lành có màu sắc đẹp, sống phổ biến ở châu Âu. Cũng theo truyền thuyết, loài rắn đã được đưa đến La Mã để cứu nguy cho người dân bị nạn dịch hạch đang hoành hành khủng khiếp lúc bấy giờ. Có người còn cho rằng, những con rắn của thần Esculape đã chữa bệnh cho người bằng cách liếm các vết thương của người bệnh trong lúc họ đang ngủ.

Dựa vào truyền thuyết trên, ngành y học đã dùng biểu tượng con rắn thành quấn quanh cây gậy phép của Esculape. Con rắn quấn quanh cây gậy tượng trưng cho sự khôn ngoan, khả năng chữa trị bệnh và kéo dài tuổi thọ. Trong biểu

tượng của ngành dược học cũng sử dụng con rắn này nhưng nó quấn quanh một cái ly có chân cao. Chiếc ly tượng trưng cho chén thuốc của Nữ thần sức khỏe Hygia, bên trong có chứa đựng chất dịch được chiết xuất từ các loại cây cỏ. Con rắn tượng trưng cho sức khỏe và sự trẻ trung.

Ngoài ra Biểu tượng con rắn nhả nọc trên cái chén cổ của ngành dược cũng là để ám chỉ việc phải đề cao cảnh giác với các loại dược phẩm chứa độc tính trong đó có các loại thuốc được xếp vào nhóm thuốc độc bảng A. Biểu tượng của ngành dược học nhanh chóng đã được quốc tế công nhận giống như biểu tượng con rắn và cây gậy của ngành y học.

## HÌNH TƯỢNG RẮN TRONG MỘT SỐ TÔN GIÁO

Rắn được đề cập nhiều lần trong Kinh Thánh Thiên Chúa giáo. Sự có mặt của con rắn là nguyên nhân của những biến cố ghi trong Kinh Thánh. Con rắn là hiện thân của Ma quỷ, luôn luôn gây rối, quấy động, biết bao tang tóc đổ vỡ đều do “con rắn” gây ra. Đầu tiên, việc con rắn xúi bả Eva ăn trái cấm trong vườn Địa Đàng (Eden) và cho chồng là Adam cùng ăn. Trái cấm ấy là trái của của “cây sự biết tốt xấu” mà Yavê Thiên Chúa đã truyền dạy Adam khi giao Adam công tác giữ vườn “*Mọi cây trong vườn, người đều được ăn. Nhưng cây “sự biết tốt xấu” người không được ăn, vì chừng ngày nào người ăn nó, tất người sẽ chết.*” (KN:2,16).

Khi chưa ăn trái “cây sự biết tốt xấu”, Adam và Eva sống hạnh phúc trong vườn Địa Đàng chung với muôn thú như là anh em, bởi vì lúc này, con người còn trong thời kỳ “Tâm Hu” của thế giới Nhất nguyên. Sau khi ăn trái cấm, bắt đầu biết hổ thẹn, tức là bắt đầu giai đoạn Nhị nguyên hoá, tâm thức con người đã có đủ thất tình lục dục nên đã bắt đầu bước vào thế giới của sự khổ đau, tức là đã đánh mất sự sống thiêng liêng trong mối dây liên lạc với Thiên Chúa, nghĩa là “chết” trong ý nghĩa Yavê Thiên Chúa phán dạy Adam.

Ngoài ra, câu chuyện con rắn đồng được Ngài

chú ý đến đặc biệt. Trong cuộc đàm đạo với người biệt phái tên là Nicôđê mô giữa đêm lên lút đến gặp Ngài, Chúa Giêsu đã nhắc đến biểu tượng con rắn đồng được Moisê cho sử dụng để chữa trị dân Israel. Trên đường về đất hứa dân chúng đã phàn nàn trách móc Moisê, Thiên Chúa đã trừng phạt cảnh cáo họ khi cho rắn từ trong sa mạc bò ra cắn chết và làm bị thương nhiều người. Moisê ra lệnh cho đúc một con rắn đồng treo lên cây cao để tất cả những ai bị rắn cắn nhìn vào con rắn đồng đều được chữa lành hàm chứa ý nghĩa lấy độc trị độc (nọc độc của rắn được dùng để pha với huyết thanh để chữa trị những người bị rắn cắn). Chúa mượn câu chuyện này để nói về thập giá của Ngài, Ngài sẽ chịu treo trên thập giá như con rắn đồng. Thập giá ấy sẽ là nguồn cứu thoát cho toàn thể nhân loại.

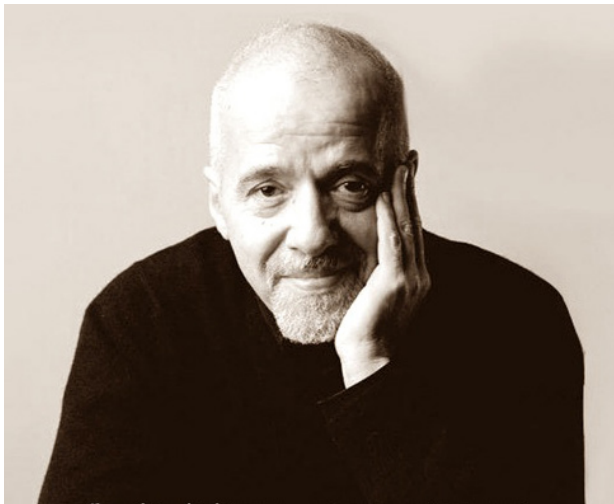
Còn trong Phật giáo, tương truyền rằng, khi Phật đang thiền định dưới cội bồ đề thì mưa to gió lớn nổi lên, nước dâng lên sắp ngập cả chỗ Phật ngồi. Khi ấy có một con rắn hiện ra lấy thân mình cuốn tròn lại làm bảo toà cho đức Phật ngồi nhập định khỏi bị ngập nước, và vươn cao 7 cái đầu phình to ra tạo thành cái tán che mưa cho đức Phật khỏi sự tấn công của ma vương mưu phá... Câu chuyện ẩn dụ ý nghĩ con rắn vốn ác (vì có nọc độc) nhưng bằng đức tính từ bi cao quý, Phật đã cảm hóa được rắn độc và thân rắn đã phát nguyện từng phục, theo hầu đức Phật khi mưa to gió lớn...

Đặc biệt ở các ngôi chùa Phật giáo Nam Tông Khơme đều có biểu tượng con rắn nhiều đầu được coi là linh vật được trang trí ở các góc mái, lan can, cột cờ... Về hình thể, con rắn được tạo hình tượng gần giống như con rắn hổ mang với cái mang phình ra rất to. Trong cái mang này có nhiều đầu rắn, 9 hoặc 7 hoặc 5, nhưng thường là 7 đầu.

Tại Toà Thánh Tây Ninh của đạo Cao Đài, có tượng Đức Hộ Pháp đứng trên ngai Thất Đầu xà (rắn 7 đầu), thân mình rắn quấn vào cả 3 cái đôn, đuôi rắn quấn tròn vào đôn tượng Thượng sanh ở bên trái, thân rắn quấn vào đôn tượng Thượng (XEM TIẾP TRANG 102)

# SƯU TẦM CHUYỆN KỂ

■ CHÍ NHƯ & PHONG HIẾU S.T.

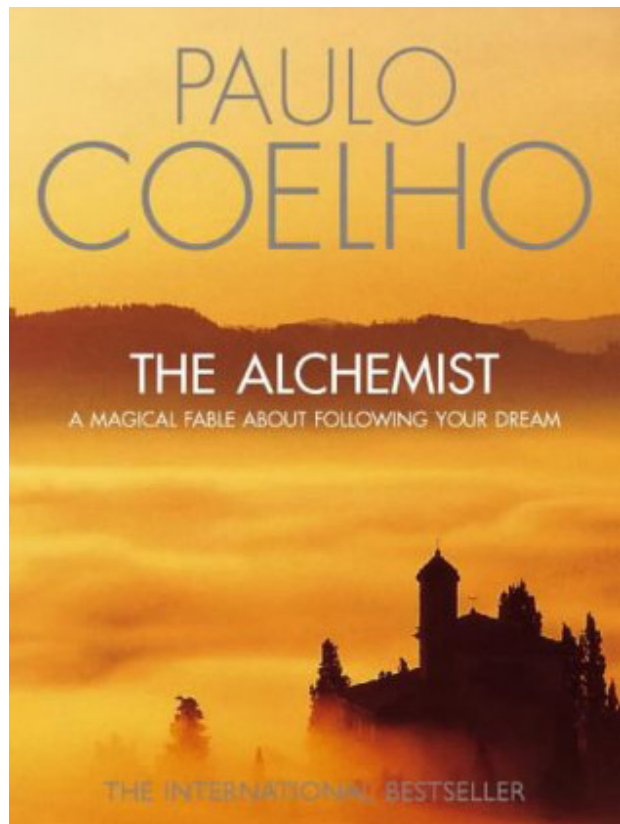


Paulo Coelho (24-8-1947, Rio de Janeiro, Brazil) là nhà văn Brazil nổi tiếng với cách dùng biểu tượng phong phú trong việc mô tả những hành trình thường có động lực tâm linh của các nhân vật. Năm 1988, ông xuất bản *O alquimista* (Nhà giả kim), cuốn này trở thành tác phẩm Brazil bán chạy nhất mọi thời đại (được dịch sang 63 ngôn ngữ, bán được 65 triệu bản trên toàn cầu tính đến năm 2006). Ông chia sẻ rất nhiều truyện cực ngắn trên trang blog của mình <http://paulocoelhoblog.com/>. Đó là những truyện ý nhị, gợi mở nhiều suy nghĩ, nhất là về sự vô minh của con người. Dưới đây là một số trong những truyện đó.

## HAI GIỌT DẦU

Một thương gia gửi con trai cầu học bí quyết hạnh phúc ở bậc minh triết nhất trong các hiền nhân. Chàng trai vượt sa mạc trong bốn mươi ngày mới tới được lâu đài tráng lệ trên đỉnh núi, nơi cư ngụ của vị đại minh triết. Nhưng thay vì gặp được hiền giả, cậu ta lại thấy một nơi náo nhiệt: các thương nhân ra vào, người ta tán gẫu ở mọi góc nhà, một ban nhạc nho nhỏ chơi những điệu ngọt ngào và có một cái bàn đầy cao lương mỹ vị.

Nhà hiền triết nói chuyện với mọi người, và chàng trai phải đợi hai giờ mới đến lượt mình.



Hiền giả kiên nhẫn lắng nghe lý do đưa cậu trai tới đây, nhưng ông bảo cậu rằng lúc này ông chưa rảnh để nói với cậu về bí quyết hạnh phúc. Ông đề nghị cậu dạo quanh lâu đài và hai giờ sau trở lại.

– Tuy nhiên, tôi muốn xin cậu giúp cho một việc – ông ta nói, đưa cho chàng trai một cái muỗng và nhỏ hai giọt dầu vào đó – Khi đi loanh quanh, hãy mang theo cái muỗng này và đừng để đổ mất dầu.

Chàng trai bắt đầu lên gác xuống lầu trong lâu đài, mắt luôn dán vào cái muỗng. Hết hai giờ, cậu trở lại gặp nhà hiền triết.

– Thế – nhà hiền triết hỏi – Cậu có ngắm những tấm thảm Ba Tư treo trong phòng ăn không? Cậu có thấy khu vườn mà các sư phụ làm vườn phải mất mười năm mới dựng xong không? Cậu có xem những bản da dê tuyệt đẹp trong thư viện của tôi không?

Bối rối, chàng trai thú thật là mình chẳng xem được gì cả. Ưu tư duy nhất của cậu là dùng đánh đổ hai giọt dầu mà hiền nhân đã giao cho cậu.

– Thế thì hãy trở lại và ngắm những kỳ quan trong thế giới của tôi – hiền giả nói – Cậu không thể tin một người mà cậu chưa biết rõ ngôi nhà của người ấy.

Bây giờ thoải mái hơn, chàng trai cầm cái muỗng đi thong dong khắp lâu đài, lần này cậu chú ý vào mọi nghệ thuật phẩm trên tường và trần nhà. Cậu ngắm các khu vườn, núi non quanh lâu đài, vẻ thanh tú của những đóa hoa và phong cách thẩm mỹ trong việc trưng bày các nghệ thuật phẩm. Trở lại với hiền giả, cậu tường thuật tỉ mỉ những điều trông thấy.

– Nhưng hai giọt dầu tôi giao cho cậu đâu? – hiền giả hỏi.

Nhìn xuống cái muỗng, chàng trai nhận ra mình đã đánh đổ sạch.

– Thế đấy, đó là lời khuyên duy nhất của tôi cho cậu – vị minh triết nhất trong các hiền giả nói – bí quyết hạnh phúc nằm trong việc ngắm nhìn mọi kỳ quan của thế giới này và không bao giờ quên hai giọt dầu trong muỗng”.■

## ĐI TÌM CHÂN LÝ

Quý vương đang nói chuyện với lũ bạn thì thấy một người nọ đi trên đường. Chúng nhìn ông ta đi qua và thấy ông cúi nhặt cái gì đó trên đường.

– Ông ta tìm được cái gì vậy? – Một đứa trong đám bạn hỏi.

– Một mẫu chân lý – Quý vương đáp.

Đám bạn có vẻ lo lắng. Một mẫu chân lý có thể cứu rỗi linh hồn người đó. Và địa ngục giảm đi một linh hồn. Nhưng Quý vương bình thản, lơ đãng ngắm cảnh.

– Mà không lo lắng sao? – một đứa bạn hỏi – Ông ta tìm được một mẫu chân lý rồi đó!

– Tao không lo – Quý vương đáp.

– Với mẫu chân lý đó ông ta sẽ làm gì mà biết không?

Quý vương đáp:

– Giống như mọi khi, ông ta sẽ lập một tôn giáo mới. Và sẽ khiến thêm nhiều người rời xa chân lý.■

## THAY ĐỔI THÁI ĐỘ

Trong một năm, con hãy tặng một đồng xu cho kẻ nào xúc phạm hay làm phật lòng con – Đại sư dạy một thanh niên muốn thuyết phục người khác đi theo con đường tâm linh.

Trong 12 tháng kể đó, theo đúng lời giáo huấn, cậu trai tặng đồng xu cho bất cứ ai xúc phạm hay làm phật lòng cậu. Hết năm đó, cậu trở lại gặp thầy để xem thầy sẽ dạy bảo gì thêm.

– Xuống chợ mua cho ta ít thức ăn – Đại sư bảo.

Ngay khi cậu cáo lui, Đại sư thay quần áo, giả làm ăn mày và đi tắt ra cổng thiền viện. Khi cậu trai đi qua, ông bắt đầu thóa mạ cậu.

– Hay quá! – cậu trai nói – Cả năm ta đã phải cho tiền những người xúc phạm ta, và từ nay ta có thể bị xúc phạm miễn phí, khỏi trả gì hết!”.

Nghe vậy, Đại sư cởi bỏ lớp cải trang và nói:

– Kẻ nào không động lòng vì những xúc phạm là kẻ đang trên con đường tới minh triết.■

## THỜI BUỔI KHÓ KHĂN

Một người bán cam dọc một con đường. Ông ta thất học và chẳng bao giờ đọc báo. Ông đặt vài bảng quảng cáo cam dọc con đường và suốt ngày ca tụng độ ngon ngọt của mặt hàng này.

Người ta mua cam nhiều và ông khá giả lên. Có tiền, ông mở thêm nhiều điểm bán hàng và bán được nhiều hơn. Công việc đang khấm khá thì đứa con trai – vốn đi học ở thành phố – về thăm nhà và hỏi:

– Ba à, ba không biết thế giới đang gặp suy thoái và kinh tế nước mình đang trong tình trạng tồi tệ sao?

Lo lắng vì điều này, ông giảm bớt điểm bán hàng và bắt đầu bán cam chất lượng kém vì giá rẻ hơn. Doanh số của ông sút giảm mau lẹ. Ông trầm nghĩ: “Con mình đúng quá. Thời buổi này thiệt là khó khăn”.■



## BỐN NGỌN NẾN

**T**rong phòng tối, có bốn ngọn nến đang cháy. Xung quanh thật yên tĩnh, đến mức người ta có thể nghe thấy tiếng thì thầm của chúng.

Ngọn nến thứ nhất nói: Tôi là hiện thân của HÒA BÌNH. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.

Ngọn nến thứ hai lên tiếng: Còn tôi là hiện thân của LÒNG TRUNG THÀNH. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi.

Đến lượt mình, ngọn nến thứ ba nói: Tôi là hiện thân của TÌNH YÊU. Tôi mới thực sự quan trọng. Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu?

Đột nhiên, cánh cửa chợt mở tung, một cậu bé chạy vào phòng. Một cơn gió ùa theo làm tắt cả ba ngọn nến. “Tại sao cả ba ngọn nến lại tắt?” cậu bé sững sốt nói. Rồi cậu bé òa lên khóc.

Lúc này, ngọn nến thứ tư mới lên tiếng: Đừng lo lắng, cậu bé. Khi tôi vẫn còn cháy thì vẫn có thể thắp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì: Tôi chính là NIỀM HY VỌNG.

Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của NIỀM HY VỌNG!

Từ đó ta hiểu được giá trị đích thực của NIỀM HY VỌNG!

Ngọn lửa của Hy vọng sẽ luôn đi cùng các bạn suốt cuộc đời. Khi giữ được Hy vọng, chúng ta có thể thắp sáng lại ngọn lửa của Hòa Bình, Lòng Trung Thành và Tình Yêu! (KHUYẾT DANH) ■

# NĂM TY...

(TIẾP THEO TRANG 99)

phẩm ở bên phải, tượng trưng cho Thất tình của con người, tạo thành một hệ bệ đỡ và lưng tựa sau lưng tượng Hộ pháp.

Tượng Hộ pháp đứng trên ngai Thất Đầu Xà ngụ ý hướng dẫn tín đồ luyện tập tư tưởng của mình. Chân Hộ pháp đứng bên trên 4 đầu rắn có chữ Nộ (hòn giận), Ai (buồn), Ố (oán ghét), Dục (ham muốn) tượng trưng cho 4 tính xấu cần chế ngự, và lưng tựa vào 3 đầu rắn hướng lên tức 3 tính tốt cần nuôi dưỡng là: Hỉ (vui mừng), Ái (thương xót), Lạc (vui vẻ).

## RẮN TRONG VĂN HỌC

Trong văn học, rắn cũng là một đề tài phong phú. Lê Quý Đôn nhà bác học Việt Nam thế kỷ 18 có làm bài thơ tạ lỗi với cha vì tội cúng (rắn) đầu biếng học mà trong đó mỗi câu thơ có tên một loài rắn.

Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà  
Rắn đầu biếng học, chẳng ai tha  
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,  
Nay thét mai gầm rát cổ cha.  
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,  
Lăn lừng cam chịu vết roi tra.  
Từ nay Trâu Lỗ chăm nghề học.  
Kèo hồ mang danh tiếng thế gia.

Đặc điểm của bài thơ này là: nếu ta bỏ hai chữ ở đầu mỗi câu, ta sẽ được một bài Ngũ ngôn bát cú:

Liu điu vẫn giống nhà  
Biếng học, chẳng ai tha  
Hổ lửa đau lòng mẹ,  
Mai gầm rát cổ cha.  
Chỉ quen tuồng nói dối,  
Cam chịu vết roi tra.  
Trâu Lỗ chăm nghề học  
Mang danh tiếng thế gia. ■



■ V.T. S.T. (TRÍCH EVA)

# QUẢ ỔI

## thật sự là một kho chất dinh dưỡng

**H**àm lượng chất chống oxy hóa dồi dào đã mang lại cho quả ổi danh hiệu “siêu thực phẩm”. Hãy khám phá những lợi ích mà loại quả bình dị này mang lại cho sức khỏe của con người

### GIẢM NGUY CƠ UNG THƯ

Ít ai biết được rằng lượng vitamin C hiện diện trong ổi cao gấp bốn lần so với cam. Vitamin C, như chúng ta đã biết, là một chất chống oxy hóa hiệu nghiệm, giúp bảo vệ các tế bào không bị hư hại bởi các gốc tự do. Lượng chất chống oxy hóa trong cơ thể quá cao không chỉ gây tổn hại cho các màng tế bào mà còn góp phần làm phát triển bệnh tim cũng như ung thư.

### GIẢM NGUY CƠ TIỂU ĐƯỜNG

Bạn đang tìm kiếm một loại trái cây cung cấp nhiều chất xơ? Ổi thật sự là một lựa chọn không tồi. Hiện nay, chất xơ là một trong những chất dinh dưỡng được quan tâm nhiều nhất vì chúng được đánh giá là có khả năng ngăn ngừa được nhiều căn bệnh bao gồm cả tiểu đường bằng cách làm chậm quá trình hấp thụ đường của cơ thể, nhờ đó mà chúng rất có ích cho những bệnh nhân đang phải chịu đựng căn bệnh này. Một chế độ ăn uống giàu chất xơ còn có liên quan đến khả năng làm giảm nguy cơ phát triển của bệnh tiểu đường típ 2.

### TĂNG CƯỜNG THỊ LỰC

Ổi là nguồn cung cấp vitamin A khá tốt.



Loại vitamin này được công nhận là dưỡng chất có khả năng bảo vệ và cải thiện thị lực tốt nhất.

### **KÍCH THÍCH KHẢ NĂNG SINH SẢN**

Chỉ cần nhâm nhi vài quả ổi nhỏ, cơ thể bạn đã được cung cấp nhiều folate, chất dinh dưỡng có tác dụng kích thích khả năng sinh sản của con người.

### **ĐIỀU CHỈNH HUYẾT ÁP**

Ổi chứa nhiều kali. Kali hoạt động như một nhân tố quan trọng trong việc điều chỉnh mức huyết áp bằng cách hủy bỏ vai trò của natri, vốn là nguyên nhân gây ra sự mất cân bằng và ổn định của mức huyết áp.

### **GIÚP TUYẾN GIÁP KHỎE**

Ổi không chứa i-ốt nhưng chúng lại có khá nhiều đồng.

Khoáng chất này có vai trò trong quá trình trao đổi chất diễn ra ở tuyến giáp, đặc biệt là sự sản xuất và hấp thu hormone.

### **GIÚP CƠ THỂ SỬ DỤNG NHỮNG DƯỠNG CHẤT THEN CHỐT**

Mangan là một trong những chất dinh dưỡng chủ yếu của cơ thể, đóng vai trò là một cơ quan hoạt hóa enzyme, bao gồm các enzyme chịu trách nhiệm sử dụng một số dưỡng chất then chốt như biotin, thiamin và axit ascorbic. Ổi chính là loại trái cây chứa nhiều mangan.

### **THU GIẢN THẦN KINH VÀ CƠ BẮP**

Khi cơ thể không thể tự tổng hợp được magiê thì việc tìm kiếm những thực phẩm giàu magiê để bổ sung khoáng chất thiết yếu này theo nhu cầu của cơ thể là điều rất cần thiết.

Vì ổi chứa magiê nên việc bạn nhâm nhi vài quả ổi chính là cách để làm cho hệ thần kinh và các cơ được thư giãn.

### **GIÚP NÃO LUÔN KHỎE**

Các vitamin nhóm B đóng vai trò thiết yếu trong chức năng hoạt động của não. Ổi lại giàu vitamin B<sub>3</sub> và B<sub>6</sub>. Vitamin B<sub>3</sub>, hay còn gọi là niacin, có tác dụng kích thích chức năng của não và đẩy mạnh sự lưu thông của máu. Trong khi đó, vitamin B<sub>6</sub> (pyridoxine), là một chất dinh dưỡng quan trọng đối với sự hoạt động của não và hệ thần kinh.

### **ĐẸP DA**

Ăn ổi thường xuyên chính là một thói quen tốt, giúp bổ sung thêm vitamin E cho da. Nhờ khả năng chống oxy hóa, vitamin E sẽ duy trì sự khỏe mạnh cho da.■

---

# **KỶ NGUYÊN TÂM LINH THỜI ĐẠI MỚI**

(TIẾP THEO TRANG 79)

và tự biết mình bằng cách thoát ly mọi cái gì không phải là chân ngã mình, chỉ có thể con người thật sự được giải thoát.

Để giúp con người nhận thức được chân lý trên, trong kỷ nguyên tâm linh thời đại mới này, Cao Đài phải là một tôn giáo cấp tiến, một thực thể cứu độ vượt lên trên khỏi tầm mức tôn giáo để phổ độ cả nhân loại. Người Cao Đài phải sáng tạo, phải tiến bộ kịp với thời đại để đáp ứng sự tiến hóa của nhân sanh. Phải nhận định được tính cấp tiến mới hiểu được sứ mạng Cao Đài trong khúc quanh lịch sử thời đại mới của nhân loại, đó là phải thực hiện yêu cầu hiện đại trong việc phổ truyền giáo lý Đại Đạo, phổ độ nhơn sanh; góp phần giải phóng nhân loại ra khỏi nô lệ của thần quyền tôn giáo, khỏi sự mê lầm chấp ngã, mang lại đời sống an lạc, tự chủ tự do cho nhân loại. Đó mới là thúc đẩy được sức tiến hóa của nhân loại, chính là thực hiện được sứ mạng kỳ ba – là thực tiễn cứu cánh vạn khổ chúng sanh.■

## ĐỌC BÁO

Tác giả nhìn lại những thay đổi trong văn hóa đọc trong lịch sử, từ thời kỳ sơ khởi của sách đến nay, qua đó chỉ ra bản chất tiến trình dịch chuyển của ba loại tư duy.

### **SỰ CHUYỂN DỊCH TƯ DUY VÀ VĂN HÓA ĐỌC TRONG LỊCH SỬ**

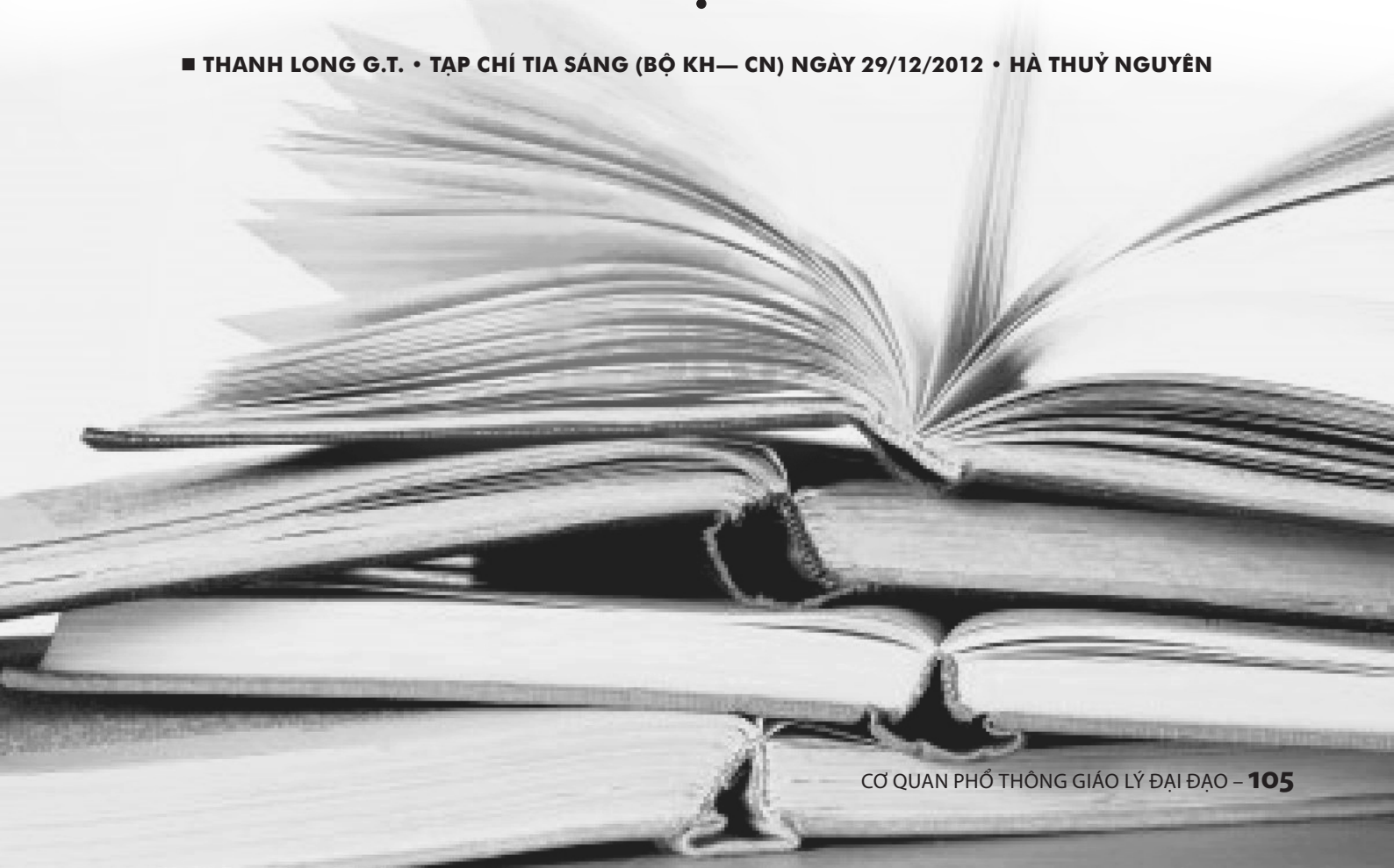
Văn hóa đọc sách Việt Nam trong lịch sử chủ yếu chịu ảnh hưởng lớn của 2 nền văn minh: Văn minh Trung Hoa và văn minh phương Tây. Kể từ khi chế độ khoa cử ở Việt Nam bị dẹp bỏ, ảnh hưởng của văn

minh Trung Hoa đối với văn hóa đọc sách ở Việt Nam cũng phai nhạt dần. Giới trí thức bắt đầu quen với sách đọc từ phương Tây, hoặc là được viết theo cách hành văn phương Tây. Xu thế ấy vẫn được duy trì cho đến tận ngày nay. Do đó, khi bàn về văn hóa đọc ở Việt Nam hiện nay, tức là chúng ta đang bàn đến văn hóa đọc chịu ảnh hưởng từ phương Tây. Vậy thì trước tiên chúng ta cần tìm hiểu xem tiến trình thay đổi tư duy của nền văn minh này như thế nào.

Mặc dù những di chỉ chữ viết đầu tiên được tìm thấy có niên đại cách đây 75.000 năm, nhưng vai trò của chữ viết rất hạn chế. Giống như tất cả các nền văn hóa khác, người Châu Âu cổ đại bắt đầu truyền đạt mọi tư tưởng, kinh nghiệm, nghệ thuật của mình thông qua hình thức truyền khẩu, nhạc điệu, vũ đạo, hoặc hình vẽ chứ không thông qua chữ viết. Chữ viết chỉ thực sự hữu ích khi các vấn đề về thương mại, quản lý hộ tịch trở nên quan trọng ở một xã hội văn

# CHUYỂN DỊCH VĂN HÓA ĐỌC TẤT YẾU CỦA LỊCH SỬ

■ THANH LONG G.T. • TẠP CHÍ TIA SÁNG (BỘ KH— CN) NGÀY 29/12/2012 • HÀ THUY NGUYÊN



minh hơn, và những cuốn sách ra đời ban đầu là nhằm mục đích lưu trữ những thông tin thực tế đó. Cũng với mục đích này, văn minh Hy Lạp – La Mã (Hy-La) với dân số đông nhất và cũng là trung tâm giao thương của khu vực Địa Trung Hải, đã giản lược và phát minh ra bảng chữ alphabet có tính chất tượng thanh mà chúng ta đang sử dụng hiện nay vào khoảng 1000–400 TCN.

Phải tới gian đoạn tiếp theo chữ viết mới được dùng để ghi chép những tri thức của con người về khoa học, tư tưởng, văn chương và nghệ thuật. Văn bản thơ ca được tìm thấy đầu tiên là hai tác phẩm sử thi “Illiad” và “Odyssey” của Homer vào khoảng 850 TCN. Các văn bản sớm nhất lưu trữ các nội dung tôn giáo của người Do Thái cũng đầu đó trong khoảng 1000–600 TCN. Khi nền văn minh Hy-La suy tàn, nhà thờ Công giáo trở thành nơi đặc quyền lưu trữ thông tin thuộc về các tu viện với nhiệm vụ chính là sao chép Kinh Thánh (Cựu ước và Tân ước).

Tuy nhiên, ít người biết rằng những văn bản thời kỳ đầu đó vô cùng khó đọc bởi giữa các từ không hề có khoảng cách, dấu chấm–phẩy để ngắt câu. Khó khăn này cùng với những khó khăn khác như sự khan hiếm về vật liệu dùng làm văn bản, hay sự hạn chế về trình độ dân trí của đa số người đọc, đã không cho phép người viết sử dụng những diễn dịch và lập luận dài dòng.

Họ buộc phải sử dụng các loại hình tượng để mô tả ngắn gọn nhất những gì mình được truyền đạt. Có lẽ đây là lý do quan trọng khiến các tác phẩm thời kỳ Hy-La cho đến Kinh Thánh đều được viết dưới dạng thơ ca và sử dụng rất nhiều dạng biểu tượng. Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho việc đọc loại sách này, cách viết tạo nhịp điệu đã trở thành một quy ước. Để đọc và hiểu được ít nhiều các tác phẩm này, người đọc sách thời ấy buộc phải rèn luyện kỹ năng giải mã các biểu tượng và khiến cho dạng tư duy hình tượng phát triển mạnh.

Dấu cách được phát minh vào thế kỷ thứ VII bởi một tu sĩ Ai Len đã làm thay đổi cách đọc sách của người xưa. Trước đây với các văn bản cổ, họ buộc phải đọc diễn xướng thì nay họ đã đọc sách trong im lặng, đòi hỏi một sự tập trung cao hơn. Đến thế kỷ XIII, sách đã được chia chương, chia đoạn; dấu chấm–phẩy đều được ra đời trong thời kỳ này. Những quyển sách của thế kỷ XIV đã có kết cấu gần giống với hiện đại. Những phát minh này cho phép người viết tha hồ diễn dịch và thể hiện cấu trúc ngôn ngữ của mình. Để nắm bắt những dạng thông tin này đầy đủ, người đọc cần có một tư duy liên mạch logic. Cách đọc sách này được duy trì cho đến nửa cuối của thế kỷ XX.

Cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, sự phát triển của báo chí truyền thông và đặc biệt là

internet đã phá vỡ tư duy đọc sách kiểu truyền thống. Để tiếp nhận được tối đa lượng thông tin đồ sộ của xã hội hiện đại, chúng ta phải hạn chế đọc theo lối tư duy hình tượng hay diễn dịch liên mạch. Từng cá nhân buộc phải rèn luyện kỹ năng lướt nhanh và sẵn sàng cởi mở tiếp nhận nhiều dạng thông tin khác nhau, trong khoảng thời gian ngắn phải tìm cách nắm bắt nội dung của cùng một lúc nhiều cửa sổ trên màn hình. Thói quen này đã hình thành một văn hóa đọc mới, với tư duy chấp nối.

### **CON NGƯỜI CẦN PHÁT TRIỂN HÀI HÒA CẢ BA TƯ DUY**

Sự xuất hiện của một tư duy mới không nhất thiết đòi hỏi sự biến mất của tư duy trước đó. Trên thực tế, cả ba hình thức tư duy ít nhiều song song tồn tại trong suốt tiến trình lịch sử văn hóa đọc của con người, tuy nhiên tùy theo từng điều kiện mà dòng chảy chính của văn hóa đọc sẽ có các hình thái khác nhau.

Trong một xã hội văn minh thực sự thì cả ba kỹ năng trên đều cần được phát triển một cách đồng đều. Tư duy hình tượng giúp chúng ta có các khả năng liên tưởng, tưởng tượng, đánh thức những xúc cảm làm phong phú thêm đời sống tinh thần; tư duy liên mạch logic giúp chúng ta có khả năng logic chính xác, nhìn được cấu trúc và tổng thể của các vấn đề;

tư duy chấp nối giúp chúng ta khả năng nhanh chóng nắm bắt và cởi mở thu lượm nhiều loại thông tin khác nhau.

Nếu thiếu tư duy thứ nhất, con người sẽ héo mòn đi những xúc cảm quý giá, điều làm nên cá tính, bản sắc, nội tâm, những giá trị nhân văn trong mỗi người. Thiếu đi tư duy thứ hai, người ta sẽ không thể tập trung giải quyết một cách bài bản, có hệ thống tất cả những vấn đề mà cuộc sống mang lại. Thiếu đi tư duy thứ ba, con người và xã hội sẽ thiếu linh hoạt, trì trệ và tụt hậu.

### THỰC TRẠNG VĂN HÓA ĐỌC Ở VIỆT NAM

Trong quá khứ, văn hóa Việt Nam chủ yếu phát triển tư duy hình tượng hơn là tư duy diễn dịch liên mạch. Biểu hiện cụ thể nhất của sự phát triển tư duy hình tượng đó là những tác phẩm thi ca nở rộ và nổi trội hơn rất nhiều so với truyện ngắn và đặc biệt là tiểu thuyết. Bên cạnh đó, Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của

Nho giáo Trung Hoa – nền văn hóa của chữ tượng hình. Trong nhiều thế kỷ, lối hành văn của cha ông ta đa phần là thơ từ và các bài văn biền ngẫu. Tuy nhiên, ở Trung Hoa vẫn phát triển tư duy liên mạch logic mà biểu hiện là các tác phẩm tiểu thuyết Minh Thanh đã đạt tới đỉnh cao. Trong khi đó ở Việt Nam, tác phẩm tiểu thuyết lớn nhất thời Trung đại chỉ có “Hoàng Lê nhất thống chí” vẫn còn mang đậm màu sắc của chép sử, chủ yếu ở dạng liệt kê thông tin.

Do thiếu khả năng diễn dịch logic, nên môi trường thông tin ở Việt Nam bị rơi vào tình trạng hỗn loạn và thiếu tính học thuật. Đã từng có thời kỳ khi văn hóa Pháp vào Việt Nam, rất nhiều nhà nghiên cứu như Phạm Quỳnh, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo... đã cố gắng gây dựng nền học thuật ở Việt Nam. Tuy nhiên, công cuộc này bị gián đoạn trong suốt thời gian chiến tranh. Tới giai đoạn sau chiến tranh, Việt Nam lại phải đối diện với nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế

– xã hội, trong khi nguồn lực dành cho giáo dục và nghiên cứu học thuật còn hạn chế. Những điều kiện khách quan đó đã khiến văn hóa đọc của đại chúng ít nhiều bị giới hạn.

Giữa bối cảnh như vậy, khi làn sóng Internet cùng thói quen tư duy chấp nối của thế giới ồ ạt dội vào đã đem lại những tác động hỗn độn cả tốt lẫn xấu trong văn hóa đọc của người Việt. Người ta trở nên quen với cách đọc dễ dãi, hời hợt. Điều đáng lo ngại hơn nữa là hiện nay, thậm chí kiểu tư duy hình tượng cũng dần bị thui chột vì lối sống gấp gáp không cho phép chúng ta có thời gian tìm hiểu sâu, chiêm nghiệm và hưởng thụ vẻ đẹp của ngôn từ. Trong giới thanh niên không còn nhiều người yêu mến ca dao, dân ca, và càng bị hạn chế về tư duy logic liên mạch để tiếp cận những cuốn sách ra đời trong thời kỳ cận đại và hiện đại, vốn là những tinh hoa ẩn đằng sau hầu hết những thành tựu tiến bộ của những xã hội văn minh và phát triển. ■

---

# XUÂN THÁI HÒA

(TIẾP THEO TRANG 57)

bốn về nguyên, xây dựng xã hội Thánh đức tức là tìm lại sự thái hòa đó trong chính mình và toàn xã hội. Bốn chữ “bảo hợp thái hòa” ý nghĩa rất tinh tế và sâu sắc, là sự tương giao tương hợp hài hòa một cách mẫu nhiệm mà khó dùng ngôn từ nào để diễn đạt cho hết ý; chỉ có sự cảm nhận và trải nghiệm bản thân trong quá trình tu học và hành đạo cộng với sự ban ơn của Ông Trên mới có thể phần nào thấm nhập được. Nhưng, điều quan trọng có thể nhận biết: “bảo hợp thái hòa” là điều kiện tối cần trên mục đích Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát.

“*Thuởng Xuân phải biết ý Xuân.*” Mà muốn biết ý Xuân không phải dễ! Phải tu học thật nhiều với ý thức “tự cường bất tức” mới tìm được cho mình một mùa Xuân thái hòa, trường cửu. ■



# QUANH CHUYỆN “LÌ XÌ” NGÀY TẾT

## *bằng tiền và bằng chữ*

■ VĂN HẠNH TRÍCH BÁO THANH NIÊN SỐ 3326 • TÁC GIẢ: GIAO HƯƠNG

**N**ghe hai tiếng “lì xì” người ta liền tưởng tới bao giấy màu đỏ, nhỏ bằng phần tư trang giấy học trò, bên trong có xếp mấy tờ tiền mới. Vậy hai tiếng “lì xì” ở đâu ra? Nguồn gốc của nó thế nào? Chúng tôi lần la “tầm nguyên” qua các nhà nghiên cứu, hỏi trực tiếp bằng miệng có, giở sách vở các vị có, thấy giải thích hai chữ “lì xì” tựu trung là “tiền mừng tuổi”. Cuốn từ điển thời nay do Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học chẳng hạn, mục từ lì xì giải thích: “Lì xì là mừng tuổi (bằng tiền). Tiền lì xì cho các cháu ngày mừng một Tết”.

“Lì xì” bằng tiền không chỉ giới hạn trong mừng một Tết, mà “liễn tù tù” suốt ba ngày đầu năm, thậm chí kéo dài tận những ngày “mùng” cuối cùng của Tết như mùng 9, mùng 10. Theo một số vị mà chúng tôi hỏi chuyện, như cụ Nguyễn Quảng Tuân, Huỳnh Ngọc Trảng, Phạm Đan Quế, thì tục mừng tuổi vẫn cứ nên giữ. Nhà nghiên cứu Thông Hội bảo: “Đó là một phần đậm đà của phong vị Tết Việt Nam, đặc biệt đối với trẻ con, khiến trẻ nhớ tới Tết như một thời điểm mở đầu năm mới, đẹp như cổ tích”. Với nhạc sĩ

Nguyễn Văn Tý, tác giả Dư âm, cứ nên lì xì “miễn là đừng lì xì tiền đô cho trẻ, không đúng chỗ, mà tập hữ cho chúng ăn xài”. Vũ sư Hoài Nhơn (Trần Trinh Nhơn), con trai lớn của công tử Bạc Liêu (Trần Trinh Huy), thì kể rằng: “Ba tôi mất ngày 21 tháng chạp năm Quý Sửu 1973 ở Sài Gòn. Đầu năm đó, ăn cái Tết cuối cùng, ông còn lì xì tôi mặc dầu tôi đã 27 tuổi. Tôi vẫn không quên cái phong bì màu đỏ ấm áp, biểu lộ tình cảm của một người cha lúc nào cũng nhìn xuống con mình như thời còn nhỏ tại Bạc Liêu”.

Nhà nghiên cứu Cao Sơn giải thích:

- Li xì tiếng chữ là lợi thị, đọc theo âm Quảng Đông, Triều Châu thành “Lê - i - xì”, chỉ số tiền được cho, tặng trong các dịp đầu năm, khai trương và cả trong lễ thành hôn nữa, chú không bó hẹp trong dịp Tết Nguyên đán. Li xì nhằm cầu chúc người nhận gặp may mắn, phát đạt. Thường người Tàu bỏ tiền vào bao giấy màu đỏ. Người Việt Nam ta cũng làm tương tự, phổ biến ở miền Nam ngày Tết. Ở miền Trung thì ông bà cha mẹ, người tôn trưởng cho con cháu tiền mới vào dịp Tết gọi là “tiền mừng tuổi”.

Không chỉ người lớn mừng tuổi con cháu, mà hồi xưa, con cháu phải mừng tuổi ông bà trước. Qua giao thừa, tới sáng sớm mừng một, con cháu bảo nhau tới nhà thờ để chúc Tết và lạy mừng ông bà, cha mẹ. Không chỉ lạy suông, cũng không thể muốn lạy mấy lạy thì lạy, mà theo nhà văn Toan Ánh, chỉ lạy... hai lạy rưỡi. Lạy xong con cháu phải biết “thơm thảo” với đấng sinh thành bằng cách cung kính dâng lên những thứ bánh trái tươi ngon và một phong giấy hồng: Bên trong phong giấy trắng thơm này có đặt một món tiền, để lên khay tươm tất và hoan hỷ, xin các cụ nhận cho, đó là “tiền mở hàng”. Tiền này không nhằm để cất cho nặng hầu bao, mà ngụ ý cầu chúc các cụ quanh năm sung mãn, may mắn.

Tục mừng tuổi nay còn đó. Ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, cậu mợ li xì lớp cháu, con. Bằng hữu thân quyến tới nhà ai chúc Tết li xì trẻ con của nhà đó. Hoặc chủ nhà đón khách tới chúc Tết li xì trẻ em đi theo khách. Ý nghĩa chính không nằm ở “tiền” mà ở “tình”, tức ở lòng mong ước cầu chúc các cháu hay ăn chóng lớn, vui chơi, học hành tấn tới, còn phong bì nặng nhẹ nhiều ít (tiền) không phải là điều đáng để tâm lắm. Thậm chí không có một cắc bạc mà chỉ có... chữ. Chữ viết rõ to, đậm nét để “làm quà” mừng tuổi như chuyện dưới đây.

Xưa, có một nhà nọ, nghèo quá, sinh ba đứa con trai. Tết đến người cha không có tiền để li xì. Chiều ba mươi, ông nghĩ ra một cách, lấy giấy đỏ làm 3 cái phong bì, bề ngoài trông trắng thơm tươi tắn đỏ thắm như các phong li xì khác. Nhưng bên trong không bỏ tiền, mà thay bằng 3 miếng giấy được ông viết 3 chữ nắn nót: Phước - Lộc - Thọ. Qua sáng mừng một, người cha gọi 3 đứa con trai đến trước bàn thờ, xoa đầu chúng, tươi cười mừng tuổi chúng bằng 3 cái phong bì nhẹ hẫng, sau khi đã giải thích Phước là gì, Lộc là gì, Thọ là gì... Qua Tết, bước vào năm mới, chẳng ngờ nhà ông phát tài, tiền vô như triều cường. Thoắt cái, lại tới ba mươi tháng chạp. Ý chừng nhớ lại Tết xưa nghèo thiếu, đạm bạc, ông định bụng sẽ tái diễn cách “li xì” bằng

chữ để ba đứa “Phước Lộc Thọ” đừng bao giờ quên rằng, chúng đã được ăn no mặc ấm từ một quá khứ đói rách gần đây. Ai đời, khi nhận phong bì xong, ba đứa con bóc ra, mỗi đứa đều thấy vòn vẹn chữ Phước, còn hai chữ Lộc Thọ biến đâu mất. Người cha cũng ngạc nhiên không kém. Bốn cha con đang phân vân, bỗng một người từ đâu đến bảo: “Ta là phúc thần của đất này. Chữ Phước đó do ta ban cho. Chỉ cần có nó cũng gồm đủ cả ba: phước, lộc, thọ, vì có phước mới hưởng được lộc, mới thọ lâu. Vì thế chẳng cần phải cầu lộc, cầu thọ, chỉ một chữ phước để mừng tuổi đầu năm là đủ”. Nói rồi, biến mất. Nhìn lại phong li xì, cả bốn cha con sững sốt một lần nữa vì chữ phước cũng biến mất luôn, trên mặt giấy trống trơn, trắng toát. Bấy giờ vị thần thú hai hiện ra kể cho bốn cha con nghe một chuyện mừng tuổi xa xưa.

Đó là câu chuyện nổi tiếng khắp châu Á, loan truyền qua Tây Tạng và dãy Hy Mã Lạp Sơn, đến cả lưu vực sông Hoàng Hà, Dương Tử của Trung Quốc, du nhập vào Việt Nam từ lâu đời, về người cầu phước được phước, trở nên giàu có nhưng hết sức keo kiệt. Ông ta quên những điều tốt đẹp, những ban phát ngọt ngào, rộng lượng mà mình đã làm ở tiền kiếp, vì vậy một mực thâu góp vàng ngọc về riêng mình, trong kiếp này, bỏ vào chiếc hũ, đem chôn ở một vị trí bí mật trong nhà

không cho ai hay. Ngay cả con trai của ông cũng không được biết nơi cất giấu. Về già, ông ngã bệnh. Khi chết, linh hồn ông bị hũ vàng ám ảnh, đã quay lại nhà cũ, tìm cách chui vào xác chết cứng lạnh của mình, nhưng bất lực. Thấy vậy, một con chó gần nhà có linh tính đã nhường thể xác hèn mọn của mình cho kẻ giàu có kia trú vào, rồi bay lên không trung thoáng đãng. Còn ông nhà giàu thay thế làm chủ thể xác của con vật bốn chân, thỏa mãn được “sống” lại, đầu với tấm thân thuộc hàng súc sinh như chó. Con chó đó lạ thay suốt ngày không đi đâu cả, cứ nằm lì trước hiên. Mà chỉ nằm ở một nơi nhất định sát cửa ra vào. Hễ người con (bây giờ đã là chủ nhà) đi, một lát không lâu nó lại quay về chỗ cũ, cứ như rời chỗ ấy là nó rời sự sống của nó vậy. Các phước quả mà nó hưởng là hũ vàng ngọc, giờ đây trở thành điều vô phước cột chặt nó vào tham si. Ngày nọ, một đại sư ngang qua, nói với đứa con:

- Này anh kia, anh có biết con chó đó là ai không?
- Dạ thưa không.
- Ta nói cho biết, nó chính là cha của người.

Vì sao nó nằm lì suốt ngày đêm ở khoảnh đất sát cửa đó? Ấy là vì nó luyến tiếc của cải chôn dưới đất. Hãy đào lên.

Người con lấy làm lạ, cho đào thử chỗ con chó thường nằm, thì quả nhiên thấy hũ vàng bên dưới. Bị rúng động vì việc này, người con tỉnh ngộ, từ chối sở hữu số vàng, rời nhà theo vị đại sư lên núi, về sau trở thành một trong những vị tổ đầu tiên của lịch sử Thiền tông. Vị này tỉnh ngộ rằng: nếu làm phước, được phước mà thiếu huệ tức trí huệ sẽ trở nên nguy hiểm ngu si như con chó kia vậy. Được phước, thiếu huệ, thì như nằm trên đồng vàng, đồng ngọc mà vẫn khổ đau, thiếu thốn, phiền bức. Kể xong, vị thần bảo: “Đó là lý do vì sao ta phải xóa trắng chữ phước trong bao lì xì mừng tuổi của các người. Nó chỉ có ý nghĩa tốt đẹp nếu sinh đôi cùng huệ, bằng không chỉ là động lực cho những cuộc thăng trầm bất tận. Giờ đây người hãy nhìn xem.”

Bốn cha con thấy trên bao lì xì hiện lên hai chữ Phước huệ. Hai chữ này để mừng tuổi cho mọi tâm hồn đã đi qua mùa đông để mở đầu một năm mới thăng hoa.■

---

## ĐÔI ĐIỀU VỀ BUỔI HỘI HỌC

(TIẾP THEO TRANG 88)

thân để làm cho tha nhân là làm cho chính mình. Trong một tổ chức, Ôn Trên dạy: “Đức hy sinh của đứa lớn làm sáng đức hy sinh của đứa nhỏ.” Người lãnh đạo phải là người hy sinh nhiều nhất, đức hy sinh bao trùm hạ cấp. Sứ mạng càng lớn, trách nhiệm càng cao, hy sinh càng nhiều, việc gì cũng phải xung phong. Càng hy sinh nhiều, càng nhận được sự hộ phù của Ôn Trên.

▪ Hiền hữu Nguyễn Thanh Long (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): Lý tưởng thanh niên là hành được đạo Trời đất vào cho mọi người. Không ai có thể nhẫn tâm làm thui chột lý tưởng của tuổi trẻ như đem sâu vào vườn rau.

▪ Hiền đệ Võ Minh Trung (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý): Công cụ mới “Thông diễn học”, phương pháp luận chung của ngành khoa học tinh thần theo 4 nguyên tắc: tự chủ, chỉnh thể, hiện thực trong lý giải, hài hòa ý nghĩa của thông diễn. Tự thắng chính mình trước tứ khổ: sanh, lão, bệnh, tử. Chúng ta có kho báu “Thánh giáo” chờ thanh thiếu niên khai quật để đem lại ích lợi cho tự thân và đồng bào, đồng đạo.

Chúng ta chờ các buổi học hội tiếp theo trong thời gian tới để cùng học, cùng hiểu, cùng hợp tác, cùng tiến bộ.■

# ĐẠO VÀNG XUÂN ĐẾN MUÔN NƠI

## ■ CHÁNH TÂM

### LÝ CHIM XANH

Xuân nay chan rưới ân ban, tình người bao la.  
Chung tay xây đời phơi phới, tình xuân  
dạt dào.  
Tình xuân ơi thiết tha mặn nồng, trong tình  
nhơn sanh hiển dăng,  
Phụng thừa Thiên ý người ơi, Đạo vàng  
Thầy ban.

### VỌNG CỔ

1. Tuyết đông qua gió xuân nhè nhẹ, Mơn  
mởn cành mai chào đón Chúa ... Xuân ... về.  
Rạng rỡ vành môi xuân hé nở nụ hoa cười.  
Làn gió nhẹ đưa cánh mai vàng chớm nở, Báo  
hiệu xuân về cho vạn vật hưởng xuân. Xuân  
lòng ta hớn hờ đón tình xuân, Đạo Trời cứu  
thế truyền lưu muôn thuở. Long Hoa mở hội  
chọn hiền tài,  
Trời Nam thắm đượm gọi nhuần nhân thế.  
2. (bỏ 8 nhịp) Cha Trời mở đạo đất Nam  
Bang, Hạt giống bình an khắp thế gian,  
Long Hoa hội kỳ tam ân xá. Lập Thượng  
Nguơn thiên hạ thái bình,  
Đời đạo song tu xuân hưởng trọn hương  
nồng. Để dâng hiến tình xuân nhơn loại,  
Xuân đại đồng, xuân cho cả vạn linh. Gìn câu  
đạo hạnh tác phong,  
Lập đời thánh đức con Rồng cháu Tiên.  
Thuận hòa nhơn ái cần chuyên,  
Xuân về khai sáng mọi miền xuân tâm.

### LÝ MỸ HƯNG

Hồn xuân êm đềm lắng trong muôn người,  
Hương xuân thắm đượm thay bao lời thiết  
tha chân thành,

Tình xuân trải khắp thế gian đón mừng  
Chúa Xuân.

Tia nắng ban mai rưới chan bao tình thương,  
Sắc xuân đậm đà hương nồng tình xuân  
chan chứa,

Lắng trong tâm hồn nhơn loại đường về  
chốn xưa.

Thế nhân an bình đạo vàng Trời Cha ban rải,  
Giữ cho nguyên vẹn tác lòng phụng thừa  
thiên ân.

### VỌNG CỔ

5. Gióng trống thiêng gọi vạn linh tế tựu, Hội  
Long Vân bao chí sĩ ... đua ... tài.  
Áo trắng tung bay trên khắp nẻo đường dài.  
Đến dự thi trong kỳ nguơn hạ.  
Do Đức Cao Đài làm chủ khảo lần ba, Trẻ già  
khắp chốn gần xa,  
Tầm ra chân lý lên đường ứng thi, Giúp đời  
qua khỏi sầu bi,  
Trường thi công quả Đài Cao sáng ngời.  
6. (Bỏ 4 nhịp) Cao Đài quốc đạo hồn linh, Việt  
Nam thánh địa nhơn sanh hưởng phần.  
Độ đời bố đức thi ân, Hạ nguơn chuyển hóa  
Trời Cha lâm trần.  
Việt Nam ơi! Thiên quốc ơi! Nước non này!  
Mảnh hồn này ôi!  
Nhiều nỗi trầm luân trong bể khổ, nay vươn  
mình hướng tới những tầm cao.  
Đạo là cội phúc Trời trao, Tình thương ban  
rãi muôn dân thanh bình.  
Mỗi bàn tay nắm chặt lấy bàn tay, sẽ thấy ấm  
lòng khi đông qua xuân đến.  
Trời xuân chan rưới ân hồng, Tình xuân  
thắm đượm lời vàng Thầy trao. ■



# THEO·DÒNG



**09-10 NT (22-11-2012)** Thánh tịnh Bồ Đề (Lái Thiêu) thiết lễ kỷ niệm ngày thành lập lần thứ 83 (hình 1).

**10-10 NT (23-11-2012)** Thánh tịnh Long Thành (Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu, Hậu Giang) long trọng cử hành Lễ Kỷ niệm 70 năm thành lập trùng tụng lễ tri ân Tiên bối lần thứ 3 (hình 2).

**13-10 NT (21-11-2012)** Thánh thất Từ Vân tổ chức lễ kỷ niệm ngày quy thiên của Anh Lớn Đầu Sư Ngọc Quế Thanh và Tri ân chư Tiên Bối lúc 8g30. (hình 3).

**14-10 NT (26-11-2012)** Họ Đạo Liên Hoa Cửu Cung cử hành lễ kỷ niệm 83 năm thành lập và Lễ Khai Minh Đại Đạo lần thứ 87 tại Thánh sở (Thủ Đức) (hình 4).

**15-10 NT (28-11-2012)** Hội Thánh Ban Chính Đạo tổ chức Đại hội Nhân sinh lần IV bầu Ban Thường Trục nhiệm kỳ 2012-2017 tại Tòa Thánh An Hội Bến Tre (hình 5).

**23-10 NT (06-12-2012)** Phái đoàn Ngoại Giao Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đến Kiên Giang viếng liên đài đạo huynh Nguyễn Văn Hai, Thánh danh Phổ Hà, nguyên Chánh Hội trưởng Thánh thất Kiên Lương (Kiên Giang), liễu đạo ngày 22-10 Nhâm Thìn (05-11-2012), thọ 73 tuổi.

**03-11 NT (15-12-2012)** Phái đoàn Đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đến viếng linh cửu Lễ Sanh Thượng Tín Thanh, cựu Hội trưởng Thánh tịnh Đại Thành tại tư gia, đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, quận Gò Vấp.





5



6

**01-11 NT (13-12-2012)** Thánh thất Vĩnh Thanh Quang thiết lễ kỷ niệm ngày thành lập tại Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**12-11 NT (24-12-2012)** Thánh thất Bàu Sen (Q.5) tổ chức trang nghiêm Lễ Chúa Giáng sinh. Đặc biệt năm nay, Thánh sở mời Linh mục Bảo Lộc, Trưởng ban Mục vụ Đối thoại Liên tôn Tổng Giáo phận TP.HCM thuyết minh giáo lý.

**14-11 NT (26-12-2012)** Thánh tịnh Ngọc Sơn Quang (Vĩnh Long) tổ chức trang trọng lễ kỷ niệm 14 năm nhận bằng công nhận di tích lịch sử.

**15-11 NT (27-12-2012)** Lễ An vị Thánh tượng Thiên Nhân và tượng hình Tam giáo Đạo Tổ, Tam Trấn Oai Nghiêm tại Họ Đạo Minh Thiên Đàn (Hội Thánh Minh Chơn Đạo) ấp An Trạch

Đông, xã Vĩnh Trạch, Thành phố Bạc Liêu (hình 6, 7).

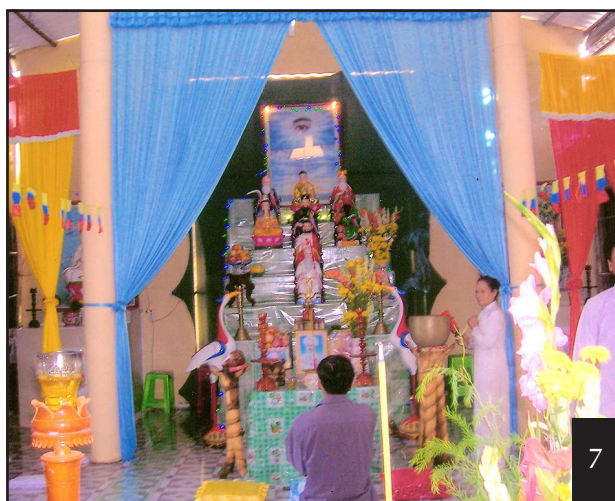
**19-11 NT (31-12-2012)** Lễ khánh thành ngôi Bửu điện Thánh thất Lê Minh Xuân.

**21-11 NT (02-01-2013)** Lễ khánh thành Thiên Phong Đường Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu, tỉnh Hậu Giang (hình 8).

**26-11 NT (07-01-2013)** Minh Lý Thánh Hội tổ chức lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo Khai năm thứ 90 tại Tam Tông Miếu (hình 9).

**02-12 NT (13-01-2013)** Lễ kỷ niệm Đệ Thập nhị chu niên ngày lạc thành ngôi Tam đài Thánh tịnh Đại Thành.

**03-12 NT (14-01-2013)** Phái đoàn Cơ Quan dự Lễ kỷ niệm ngày quy Thiên của Đức Như Ý Đạo



7



8



Thoàn Chơn Nhơn tại Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc – Long An).

**10-12 NT (21-01-2013)** Lễ kỷ niệm 51 năm thành lập Tam đài Thánh Tịnh Linh Tiêu Điện (Bến Tre).

#### TIN TỨC GIAO LƯU HỌC TẬP NỮ PHÁI

**18-10 NT (01-12-2012)** Tại Thánh tịnh Bồng Lai, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 25, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965 (hình 10).■

#### CHÚ THÍCH ẢNH

Hình 1: Cổng vào Thánh tịnh Bồng Lai.

Hình 2: Thánh tịnh đang được tái thiết.

Hình 3: Trình diễn Nhạc đạo trong buổi lễ.

Hình 4: Đạo huynh Chánh Hội trưởng đọc diễn văn khai mạc.

Hình 5: Tân Ban Thường trực Hội Thánh Ban Chính Đạo nhiệm kỳ IV 2012-2017.

Hình 6: Toàn bốn đạo đi vòng châu về Thánh địa để vào chánh điện hành lễ.

Hình 7: Thiên bàn Thánh thất Minh Thiên Đàn.

Hình 8: Tòa Thánh Long Châu.

Hình 9: Đạo trưởng Tường Định chào mừng quan khách.

Hình 10: Buổi học Thánh giáo tại Thánh tịnh Bồng Lai.■



(...)

Người biết Đạo mới biết vui xuân. Biết vui xuân là biết hòa mình cùng đại thể, cùng vạn vật. Ôi! Trong cõi vô thường vẫn có cái hằng thường. Khi cành mai trở nụ kết hoa ở cuối đông để đón tiết xuân sang khoe khoang màu sắc trong thời gian rất ngắn, cánh hoa sẽ tàn tạ lìa cành còn để lại cái bất diệt mai sau là xuân vĩnh cửu trong những hạt mai đang kết tụ thành hình trong tiết tam dương. Thảo mộc vẫn còn có cái xuân bất diệt mà so hàng trong vạn vật, phương chi con người, há lại không có mùa xuân bất diệt ấy sao? Đạo vô thường là vậy. Đạo hằng thường cũng thế. Tất cả đều trong lẽ Đạo. Khi trọn biết lẽ Đạo rồi, vô thường, hằng thường không còn ý nghĩa nữa mà chỉ còn cái bất biến vô sanh.

ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ, MINH LÝ THÁNH HỘI, 04-01 ẤT MÃO (14-02-1975).■

# SỐ HÓA KINH SÁCH CAO ĐÀI

## trong thư viện

# CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

### ■ GIÁO SĨ THIÊN TÍN

**Đ**ại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời đã gần 90 năm.

Số kinh do các Đấng Thiêng Liêng truyền dạy qua huyền cơ diệu bút được các Hội Thánh Cao Đài in ra rất nhiều, cũng như số sách được chư Tiên Khai Đại Đạo và các hàng tiên bối trong Đạo viết ra cũng không ít.

Theo thời gian, số kinh sách này sẽ bị hư mục, nếu ngay từ bây giờ chúng ta không tìm cách lưu trữ chúng. Vậy việc lưu trữ chúng sẽ được tiến hành như thế nào?

May mắn cho chúng ta, trong thời đại hiện tại, việc lưu trữ này rất dễ dàng qua vi tính, qua scanner, qua ghi âm, ghi hình... nói ngắn gọn là số hóa.

Tuy nói là dễ dàng mà thực sự không như chúng ta nghĩ. Bởi vì nếu thiếu con người và phương tiện để thực hiện thì việc ấy sẽ khó mà thành hiện thực.

Phương tiện để thực hiện thì với sự giúp đỡ của Ban Thường Vụ Cơ Quan và một số đạo tâm nhiệt tình, việc này coi như không khó, chúng ta dễ dàng vượt qua.

Vấn đề còn lại là con người. Con người đối với Cơ Quan cũng không thiếu, nếu không nói là dư thừa là khác.

Tại sao tôi lại đề cập đến con người, bởi vì Cơ Quan thừa người nhưng lại thiếu những người thực sự làm việc.

Bởi việc này tôi đã có kinh nghiệm nhiều rồi! Tôi cũng hợp tác với một số em (có trên 10 em) để tiến hành việc lưu trữ này, nhưng số còn lại hợp tác với tôi chỉ còn lại một, hai em mà thôi.

Bởi một điều dễ hiểu, việc làm này mau nhàm chán, hầu như không có gì mới, chỉ lặp đi lặp lại một hai việc mà thôi. Thí dụ như quét Scanner kinh sách cũ, hay đánh máy để lưu trữ...

Ai sẽ là người nhiệt tâm làm việc, xin hãy xung phong, tôi chỉ cần 3 hay 4 người, mỗi ngày bỏ ra 3 hay 4 giờ làm trong vòng 3 hay 4 năm.

Sau khi suy nghĩ kỹ hãy đăng ký với Giáo sĩ Thiên Tín.

Thời gian bắt đầu làm việc từ niên trình mới Quý Tỵ (2013).■

